

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI

TIỂU BỘ 1 & 3

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	75
1 Kanhadinna – Tiểu III, 162.....	80
2 KankhaRevata – Tiểu III, 12	81
3 Kappa - Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801	82
4 Kappa – Tiểu III, 325	84
5 Kappata Kura – Tiểu III, 174	87
6 Kassapa - Trưởng lão Gayà Kassapa - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242	89
7 Kassapa - Trưởng lão Nadi Kassapa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240.....	91
8 Kassapa - Trưởng lão Uruvelà Kassapa - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254.....	93
9 Kassapa - Ác Tỳ kheo thời Đức Phật Kassapa - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200.....	96
10 Kassapa - Đức Phật Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104	98

11	Kassapa - Đức Phật Kassapa - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191	99
12	Kassapa – Tiểu III, 92.....	101
13	Kelakàni – Tiểu III, 379	103
14	Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65.....	109
15	Khadira Vaniya – Tiểu III, 51	112
16	Khai triển thiên quán và chứng quả - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38	114
17	Khai triển thiên quán và chứng quả - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112.....	116
18	Khai triển thiên quán và chứng quả - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661	117
19	Kham nhần - Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....	123
20	Khandasumana – Tiểu III, 104	126
21	Khemà - Bạn của Khemà - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624	127
22	Khemà – Tiểu III, 613	129

- 23 Khen chê - Xưa vậy, nay cũng vậy - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 75.....132
- 24 Khen chê không động - Kinh Tuvataka Con
Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....135
- 25 Khen mình chê người - Kinh Kê Bần Tiện - Tiểu
I, 500 143
- 26 Khen mình chê người - Đội quân của ác ma -
Kinh Tinh Càn - Tiểu I, 600 150
- 27 Khi cần, không nỗ lực, Tuy trẻ mạnh, nhưng
lười - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....156
- 28 Khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ -
Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 160
- 29 Khi loài Người kiêu hãnh, Hãy hạ thấp ông
xuống - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87.....162
- 30 Khi mới thành Chánh giác - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 173 164
- 31 Khi ngài sanh ra, hương thơm toả khắp nhà -
Kinh Sugandha – Tiểu III, 33 167
- 32 Khi ngài sanh ra, đem hoan hỷ cho gia đình -
Kinh Nandiya – Tiểu III, 34 168

- 33 Khi ngài sanh, bông lài nở hoa - Kinh
Khandasumana – Tiểu III, 104 170
- 34 Khi người - Ai nhiều tuệ, không khinh miệt
người khác - Kinh Godatta – Tiểu III, 355...171
- 35 Khi nào chưa cắt tiết, Ái dục giữa gái trai - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 85.....175
- 36 Khi xúc chạm việc đời, Tâm không động, không
sầu - Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11 179
- 37 Khi đầu được cạo tóc thì chứng quả - Kinh
Suyàman – Tiểu III, 85 182
- 38 Khinh khi - Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 102.....183
- 39 Khinh miệt bà con, Cửa vào cửa bại vong - Kinh
Bại Vong - Tiểu I, 493.....188
- 40 Khitaka – Tiểu III, 111 195
- 41 Khitaka – Tiểu III, 170 196
- 42 Kho báu - Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24 198
- 43 Kho tàng - Bồ thí, trì giới, thiền định, trí tuệ -
Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24 202

44	Khujja Sobhita – Tiểu III, 196.....	206
45	Khuyên bà con từ bỏ ái - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262	208
46	Khuyên bạn trách ác, gần thiện - Kinh Vimala – Tiểu III, 209	211
47	Khuyên bạn tu - Kinh Gotama – Tiểu III, 331	213
48	Khuyên bạn tu - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328.....	216
49	Khuyên bạn tu không phóng dật - Kinh Mahā Kaccāyana – Tiểu III, 295	220
50	Khuyên bạn tu đời sau - Kinh Pārāpariya – Tiểu III, 429	223
51	Khuyên không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280	231
52	Khuyên lo tu học - Kinh Mahā Kassapa – Tiểu III, 466	233
53	Khác thay, duyên thế lợi, Khác thay, đường Niết Bàn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43.....	246

54	Khách lâu ngày ly hương, An toàn từ xa về - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73.....	250
55	Khái ái - 3 khát ái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362b	253
56	Khánh hỷ - Kinh Ananda – Tiểu III, 455	255
57	Khát ái - Hãy đào rãnh khát ái - Kinh Màlunkya-putta – Tiểu III, 262.....	267
58	Khát ái khôn nạn này, Thăm độc cả thế giới - Kinh Màlunkya-putta – Tiểu III, 262	270
59	Khát ái làm màn che - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....	273
60	Khéo nói - 4 chi phần - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605	275
61	Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328	278
62	Khéo tu tập - Với ai khéo tu tập, Niệm thở vào thở ra - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319 282	
63	Khí trời dễ chịu, Tâm được thiền định - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184.....	287

- 64 Khí trời dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 289
- 65 Khích lệ - Anh khích lệ em chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158.....291
- 66 Khích lệ - Cha khích lệ con tu tập và chứng quả - Kinh Con Trai Của Jambugàmika – Tiểu III, 37.....293
- 67 Khích lệ - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172.....295
- 68 Khích lệ - Mẹ khích lệ, con chứng quả - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92.....297
- 69 Khích lệ - Nhờ khích lệ và chứng quả - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24 299
- 70 Khích lệ - Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73 301
- 71 Khích lệ - Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171 303
- 72 Khích lệ - Được Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167....305
- 73 Khích lệ bạn đạo với bài kệ - Kinh Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22 307

- 74 Khòem lưng, nhưng có đại thần lực - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257.....308
- 75 Khó gặp bậc Thánh nhơn, Không phải đâu cũng có - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67 310
- 76 Khó làm là việc ác, Đối với kẻ làm lành - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225.....314
- 77 Khó nắm giữ, khinh động, Theo các dục quay cuồng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 316
- 78 Khó thay, sống xấu hổ, Thường thường cầu thanh tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78.....319
- 79 Khó thay, được làm người, Khó thay, được sống còn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67 324
- 80 Khó tìm ở đời - Thật khó tìm ở đời, Người biết then, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57 328
- 81 Khóc - Hạ sanh từ Phạm Thiên giới, không chịu nội xúc chạm của nữ nhân - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187 332
- 82 Khóc - Kinh Năm Trăm Patàcàrà – Tiểu III, 609 334
- 83 Khóc - Mẹ than khóc vì con chết - Kinh Uḍḍhāra – Tiểu III, 569 337

- 84 Khóc - Đây con người ta khóc, Là khóc cho người ấy - Kinh Sànu – Tiểu III, 53 340
- 85 Không - Do quán không, vô tướng, Ta đạt quả mong muốn - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567.....343
- 86 Không Phóng dật - Phẩm Không Phóng Dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36.....345
- 87 Không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229.....348
- 88 Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên đất - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38.....354
- 89 Không biết được sanh thú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289 357
- 90 Không bệnh, lợi tối thượng, Biết đủ, tiền tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....359
- 91 Không bờ này, bờ kia, Cả hai bờ không có - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....362
- 92 Không chuyên chế, đúng pháp, Công bằng, dắt dẫn người - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82.....371
- 93 Không chân, tưởng chân thật, Chân thật, thấy không chân - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32 375

- 94 Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444380
- 95 Không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187 392
- 96 Không còn tái sinh - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551.....394
- 97 Không có diệt và sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267.....397
- 98 Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 398
- 99 Không có sanh thú để chỉ bày - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289 401
- 100 Không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 265..403
- 101 Không công cao ngã mạn, Khi được người đánh lễ - Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579.....405
- 102 Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183.....411
- 103 Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67 413

- 104 Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh
lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94 417
- 105 Không hận, hết bốn phạm, Trì giới, không tham
ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 420
- 106 Không hộ trì các căn - Đau khổ về tâm tư - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323.....429
- 107 Không khinh điều mình được, Không ganh
người khác được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102
.....431
- 108 Không khí dễ chịu, thiền định, thiền quán, và
chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 .436
- 109 Không khí dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán,
chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III,
168.....438
- 110 Không khí dễ chịu, định tâm và chứng quả -
Kinh Vimala – Tiểu III, 60 440
- 111 Không khí vừa phải, Tâm được thiền định - Kinh
Cùlaka – Tiểu III, 184.....442
- 112 Không kính bạn đồng tu - Kinh Mahà Nàga –
Tiểu III, 259 444

113 Không liên hệ cả hai, Xuất gia và thế tục - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....	446
114 Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67	455
115 Không lỗi, lại thấy lỗi, Có lỗi, lại thấy không - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92.....	459
116 Không mắng, không gia hại, Chế ngự trong giới bốn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191	462
117 Không như lý tác ý, Ta chuyên trang sức ngoài - Kinh Nanda – Tiểu III, 148	464
118 Không nhờ ai nuôi dưỡng, Chỉ khát thực từng nhà - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471	466
119 Không nên nhìn lỗi người, Người làm hay không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40	481
120 Không nên nói - Nghe những lời thô ác, Tỷ-kheo hãy chịu đựng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193.....	485
121 Không nói lời độc, thô ác - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755	490

- 122 Không phóng dật - Khuyên bạn tu không phóng dật - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295.497
- 123 Không phóng dật - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 500
- 124 Không phóng dật - Kẻ trí không phóng dật, Như bảo vệ vật báu - Kinh Angulimālā – Tiểu III, 412 503
- 125 Không phóng dật - Là Pháp đem lại hai lợi ích - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 314.....513
- 126 Không phóng dật, đường sống, Phóng dật là đường chết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36 515
- 127 Không phải Alahán, tự nhận Alahán - Kinh Kẻ Bần Tiện - Tiểu I, 500 518
- 128 Không phải là Trưởng lão, Dầu cho có bạc đầu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82 525
- 129 Không phải nói lưu loát, Không phải sắc mặt đẹp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82 529
- 130 Không phải sống lỏa thể, Bện tóc, tro trét mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57 533
- 131 Không phải vì nói nhiều, Mới xưng danh bậc trí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82 537

- 132 Không phải vì nói nhiều, Mới xưng danh trì pháp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82 541
- 133 Không phần nộ, không hận, Không gian, không hai lười - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302 545
- 134 Không phỉ báng, phá hoại, Hộ trì giới căn bản - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....548
- 135 Không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266 552
- 136 Không sợ hãi cái chết - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 554
- 137 Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc Trí - Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11.....559
- 138 Không thể chứng ngộ - 2 pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330 562
- 139 Không tin, hiểu vô vi. Người cắt mọi hệ lụy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49.....564
- 140 Không tiết độ ăn uống - Đau khổ về thân thể - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323.....567
- 141 Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55 569

- 142 Không trí tuệ, không thiên, Không thiên, không trí tuệ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102.....572
- 143 Không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424 577
- 144 Không tâm phục vì ganh, mạn lừa dối - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254.....578
- 145 Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307 581
- 146 Không tìm được dấu vết - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259 585
- 147 Không tăng không giảm - Niết bàn giới - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208.....586
- 148 Không tụng làm nhóp kinh, Không đứng dậy, bản nhà - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 597
- 149 Không vui, giả dạng vui, Không ái, giả dạng ái - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141 602
- 150 Không vì mình, vì người. Không cầu được con cái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46 608

- 151 Không vì người khác nói, Con người thành ăn
trộm - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295
.....612
- 152 Không ác nào không làm - Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vọng ngữ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65
.....615
- 153 Không ác ý, nhẫn chịu, Phỉ báng, đánh, phạt
hình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 618
- 154 Không đáng hổ, lại hổ. Việc đáng hổ, lại không
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 627
- 155 Không đáng sợ, lại sợ, Đáng sợ, lại thấy không
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 630
- 156 Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447 633
- 157 Không được Đức Phật chấp nhận là người tu -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439.....635
- 158 Không định tĩnh - Không được công nhận là đệ
tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu
I, 447 637
- 159 Không, vô tướng - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100
.....639

- 160 Không, vô tướng, giải thoát - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 49 640
- 161 Khăn lau chân - Đạo Sư thương xót ta, Cho ta
khăn lau chân - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III,
323.....643
- 162 Khả ái thay núi rừng, Chỗ người phạm không ưa
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49 646
- 163 Khả ái, khả ý - Góc của khổ đau - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 140 649
- 164 Khả ý - Khả ý, bất khả ý sanh khởi do duyên có
cảm xúc - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725.....651
- 165 Khất thực - Chân chánh khất thực - Kinh
Dhammika - Tiểu I, 585 658
- 166 Khất thực - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 169
.....669
- 167 Khất thực - Nhận ít, không tham đắm, Luôn luôn
giữ chánh niệm - Kinh Tissa – Tiểu III, 146 672
- 168 Khất thực - Với mắt cúi nhìn xuống, Chân đi
không lưu luyến - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng
- Tiểu I, 471 674
- 169 Khi - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 ...689

- 170 Khi - Như con khi đội lột, Với da con sư tử -
Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 692
- 171 Khi - Trong chồi nhỏ, năm cửa, Có con khi đi
vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131 705
- 172 Khi bị thiên - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh
Isidasi – Tiểu III, 703 707
- 173 Khốn nạn - Khát ái khốn nạn này, Thấm độc cả
thế giới - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262
.....720
- 174 Khổ - 2 pháp cần tùy quán để đoạn diệt khổ -
Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678 723
- 175 Khổ - 2 pháp đưa đến khổ hiện tại và khổ tương
lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323
.....742
- 176 Khổ - Ai có một trăm người thân yêu, người ấy
có trăm sự đau khổ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu
I, 286 744
- 177 Khổ - Ai không liễu tri Gièm pha, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302
.....747

- 178 Khổ - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301 749
- 179 Khổ - Ai không liễu tri Si, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300.....751
- 180 Khổ - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299 ..753
- 181 Khổ - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297 ..755
- 182 Khổ - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298 ..757
- 183 Khổ - Ai không liễu tri tất cả, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296 ..759
- 184 Khổ - Ai tham dục các dục, Là tham dục đau khổ - Kinh Eraka – Tiểu III, 100 761
- 185 Khổ - Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358.....763
- 186 Khổ - Chính là sự đau khổ, Nên có sợ hãi lớn - Kinh Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776 765

- 187 Khổ - Chúng sanh sống phóng dật, Bị phiền lụy trong sắc - Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pīṅgiya - Tiểu I, 811 768
- 188 Khổ - Con chết, quá đau khổ, bỏ nhà đi lang thang - Kinh Vāsītthi – Tiểu III, 611.....771
- 189 Khổ - Con đường không thể diệt khổ - Kinh Patācārā – Tiểu III, 598 774
- 190 Khổ - Cách quán để thấy khổ trong tái sanh - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 781
- 191 Khổ - Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267 784
- 192 Khổ - Cầu bất đắc khổ - Kinh Mũi Tên - Tiểu I, 650.....786
- 193 Khổ - Khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 791
- 194 Khổ - Khổ do chính tâm tạo - Kinh Tālaputta – Tiểu III, 479 793
- 195 Khổ - Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 813
- 196 Khổ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 816

- 197 Khổ - Làm sao hoàn toàn thoát khổ_ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510 822
- 198 Khổ - Nay sâu, đời sau sâu, Kẻ ác, hai đời sâu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32.....833
- 199 Khổ - Pháp thiết thực hiện tại, Ái diệt vượt đau khổ - Kinh Con Đường Đến Bờ Bên Kia - Tiểu I, 762 838
- 200 Khổ - Quán khổ - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716 897
- 201 Khổ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 916
- 202 Khổ - Trưởng lão Mālunkya-putta - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392.....918
- 203 Khổ - Tâm ai tu tập vậy, Từ đâu, khổ sẽ đến - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170 925
- 204 Khổ - Từ đâu đau khổ khởi lên nhiều loại như vậy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783.....927
- 205 Khổ - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục - Kinh Ratthapāla – Tiểu III, 385 932

- 206 Khổ - Xương của một người chồng chất như... -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315.....940
- 207 Khổ - Ái tác thành Khổ - Kinh Phật Thuyết Như
Vậy - Tiểu I, 303.....942
- 208 Khổ do khả ái buộc, Như dao bén dính mật -
Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375.....944
- 209 Khổ hạnh - Không phải sống lõa thể, Bện tóc,
tro trét mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57 949
- 210 Khổ hạnh - Tà khổ hạnh đứng chỉ một chân -
Kinh Jambuka – Tiểu III, 216.....953
- 211 Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh lạc -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....955
- 212 Khổ thay gần người ngu, Như thường sống kẻ
thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 958
- 213 Khởi xướng - 2 pháp cần tùy quán để đoạn diệt
khổ - Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678
.....961
- 214 Kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì
của thức - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269 980
- 215 Kimbila – Tiểu III, 147 982

216 Kimliba – Tiểu III, 123.....	983
217 Kinh Alavaka - Tiểu I, 520.....	985
218 Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....	991
219 Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493.....	997
220 Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24	1004
221 Kinh Chiếc Thuyền - Tiểu I, 565.....	1008
222 Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579	1011
223 Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14	1017
224 Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534	1024
225 Kinh Cháp trọng - Tiểu I, 751	1032
226 Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471	1037
227 Kinh Con Đường Đến Bờ Bên Kia - Tiểu I, 762	1051
228 Kinh Cunda - Tiểu I, 490.....	1110
229 Kinh Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776	1114

230 Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801.....	1117
231 Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802	1119
232 Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805.....	1121
233 Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806.....	1123
234 Kinh Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla - Tiểu I, 808.....	1126
235 Kinh Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja - Tiểu I, 809.....	1128
236 Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya - Tiểu I, 811	1130
237 Kinh Câu hỏi của thanh niên 2 Tissametteyya - Tiểu I, 779.....	1133
238 Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punna - Tiểu I, 780.....	1135
239 Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783.....	1139

240 Kinh Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789.....	1144
241 Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791.....	1148
242 Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794.....	1152
243 Kinh Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798.....	1156
244 Kinh Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya - Tiểu I, 800	1158
245 Kinh Dhammika - Tiểu I, 585	1160
246 Kinh Dhaniya - Tiểu I, 463.....	1171
247 Kinh Già - Tiểu I, 707	1179
248 Kinh Hai Pháp Tuỳ Quán - Tiểu I, 678	1183
249 Kinh Hàng Động tám kệ - Tiểu I, 696.....	1202
250 Kinh Hemavata - Tiểu I, 510.....	1205
251 Kinh Hành Chánh Pháp - Tiểu I, 554.....	1216
252 Kinh Hôi Thối - Tiểu I, 542.....	1219
253 Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605	1225

254 Kinh Kokàliya - Tiểu I, 654.....	1228
255 Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500.....	1240
256 Kinh Lòng Từ - Tiểu I, 28	1247
257 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 115.....	1250
258 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 116.....	1252
259 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 117.....	1254
260 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 118.....	1256
261 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 120.....	1258
262 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121.....	1260
263 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 122.....	1262
264 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 123.....	1263
265 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125.....	1265
266 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126.....	1266
267 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 131.....	1271
268 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132.....	1273
269 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 134.....	1275
270 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 135.....	1276

271 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 137	1278
272 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 138	1280
273 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140	1282
274 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141	1284
275 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 147	1290
276 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148	1291
277 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 151	1294
278 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152	1295
279 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157	1300
280 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163	1306
281 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 164	1307
282 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165	1308
283 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 166	1311
284 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 169	1314
285 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 171	1317
286 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 173	1319
287 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176	1322

288 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 183.....	1330
289 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184.....	1332
290 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186.....	1335
291 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189.....	1338
292 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191.....	1341
293 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192.....	1342
294 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193.....	1343
295 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198.....	1348
296 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199.....	1350
297 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200.....	1351
298 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202.....	1353
299 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203.....	1355
300 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 207.....	1360
301 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208.....	1362
302 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219.....	1373
303 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 224.....	1379
304 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225.....	1380

305 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 227	1382
306 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 228	1383
307 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229	1384
308 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234	1390
309 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 237	1394
310 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238	1395
311 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 243	1402
312 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 246	1406
313 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247	1408
314 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 248	1409
315 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250	1411
316 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 251	1412
317 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253	1414
318 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 254	1416
319 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 255	1417
320 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 256	1419
321 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257	1420

322 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 258.....	1422
323 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259.....	1423
324 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 260.....	1424
325 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261.....	1425
326 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263.....	1428
327 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 265.....	1430
328 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266.....	1431
329 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267.....	1433
330 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268.....	1434
331 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 276.....	1443
332 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 284.....	1452
333 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 286.....	1454
334 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288.....	1457
335 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289.....	1459
336 Kinh Màgandiya - Tiểu I, 717.....	1461
337 Kinh Màgha - Tiểu I, 621.....	1467
338 Kinh Mũi Tên - Tiểu I, 650.....	1478

339 Kinh Ngoài Bức Tường - Tiểu I, 21	1483
340 Kinh Những vấn đề nhỏ bé - Tiểu I, 731....	1486
341 Kinh Những vấn đề to lớn - Tiểu I, 737	1493
342 Kinh Nàlaka - Tiểu I, 666.....	1501
343 Kinh Pasùra - Tiểu I, 713.....	1514
344 Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556.....	1518
345 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291...	1528
346 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 292...	1529
347 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 293...	1530
348 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294...	1531
349 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 295...	1533
350 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296...	1535
351 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297...	1537
352 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298...	1539
353 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299...	1540
354 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300...	1541
355 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301...	1542

- 356 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302 b1543
- 357 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302...1545
- 358 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303...1546
- 359 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304...1548
- 360 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305...1550
- 361 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 306...1552
- 362 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 308...1554
- 363 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 309...1556
- 364 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311...1558
- 365 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312...1560
- 366 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 314...1563
- 367 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315...1565
- 368 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 317...1567
- 369 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 318...1568
- 370 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 319...1570
- 371 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323...1574
- 372 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 324...1576

- 373 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 326...1578
- 374 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 327...1580
- 375 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 328...1582
- 376 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 329...1584
- 377 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330...1586
- 378 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 331...1588
- 379 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 332...1590
- 380 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333...1592
- 381 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335...1594
- 382 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338...1597
- 383 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339...1599
- 384 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 340...1601
- 385 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341...1603
- 386 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 343...1605
- 387 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 344...1607
- 388 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 346...1610
- 389 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 347...1612

- 390 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 349...1614
- 391 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 350...1616
- 392 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352...1618
- 393 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355...1621
- 394 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 356...1622
- 395 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 357...1624
- 396 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358...1625
- 397 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 359...1627
- 398 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 360...1629
- 399 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 361...1631
- 400 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362...1633
- 401 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362b.1634
- 402 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363...1636
- 403 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 365...1638
- 404 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 366...1640
- 405 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 367...1642
- 406 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 368...1644

- 407 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 370...1646
- 408 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371...1648
- 409 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372...1650
- 410 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372b.1651
- 411 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 373...1652
- 412 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 374...1654
- 413 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 377...1656
- 414 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379...1658
- 415 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 380...1660
- 416 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 381...1662
- 417 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 383...1664
- 418 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 385...1667
- 419 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 388...1671
- 420 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390...1674
- 421 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 391...1675
- 422 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393...1678
- 423 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396...1681

- 424 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 397...1683
- 425 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 399...1686
- 426 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 401...1689
- 427 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 404...1692
- 428 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407...1695
- 429 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408...1697
- 430 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408b.1698
- 431 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410...1701
- 432 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 413...1704
- 433 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416...1707
- 434 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419...1710
- 435 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420...1712
- 436 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422...1714
- 437 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424...1717
- 438 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 425...1718
- 439 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426...1720
- 440 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428...1722

441	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 430...	1725
442	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431...	1727
443	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435...	1731
444	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 436...	1733
445	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438...	1735
446	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439...	1737
447	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 441...	1739
448	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443...	1743
449	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 444...	1745
450	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445...	1747
451	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447...	1749
452	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448...	1751
453	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449...	1753
454	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 451...	1756
455	Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453...	1759
456	Kinh Ràhula - Tiểu I, 571	1763
457	Kinh Rắn - Tiểu I, 457	1766

458 Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632	1772
459 Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607...	1791
460 Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755.....	1806
461 Kinh Sân Hận tám kệ - Tiểu I, 699.....	1813
462 Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551	1816
463 Kinh Thanh Tịnh tám kệ - Tiểu I, 702	1819
464 Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526	1822
465 Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568	1825
466 Kinh Tinh Càn - Tiểu I, 600	1828
467 Kinh Tissametteyya - Tiểu I, 710	1834
468 Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725.....	1837
469 Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I, 722	1844
470 Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....	1848
471 Kinh Tối Thắng tám kệ - Tiểu I, 705	1856
472 Kinh Từ Bi - Tiểu I, 506.....	1859
473 Kinh Vangìsa - Tiểu I, 573	1863

474 Kinh Xuất Gia - Tiểu I, 596.....	1870
475 Kinh Xấu Hổ - Tiểu I, 547.....	1875
476 Kinh hành - Với mắt cúi nhìn xuống, Chân không đi lang thang - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755.....	1877
477 Kinh trọng - Dầu đầu tọc đắp y, Mong muốn được kính trọng - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429.....	1884
478 Kinh về Dục - Tiểu I, 695.....	1892
479 Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11	1894
480 Kinh Điềm Lành Lớn - Tiểu I, 548	1897
481 Kinh Đứng Dậy - Tiểu I, 570	1900
482 Kinh Ân Sĩ - Tiểu I, 528	1902
483 Kisà Gotamì – Tiểu III, 639	1908
484 Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Sīla Vaniya – Tiểu III, 16.....	1914
485 Kiêu hãnh với sắc đẹp của mình - Kinh Sundarī Nandā – Tiểu III, 584	1915

- 486 Kiêu hãnh với sắc đẹp của mình - Kinh Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554 1918
- 487 Kiêu mạn - Ai phá hoại kiêu mạn, Không còn chút dư tàn - Kinh Rắn - Tiểu I, 457 1920
- 488 Kiêu mạn - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176 1926
- 489 Kiêu mạn - Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm ứ nhiễm trong hành - Kinh Setuccha – Tiểu III, 1101934
- 490 Kiêu mạn - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183 1935
- 491 Kiêu mạn - Kinh Harita – Tiểu III, 208.....1937
- 492 Kiêu mạn - Loài người ở đời này, Bị kiêu mạn khiếp phục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 246 1939
- 493 Kiêu mạn - Nhiếp phục kiêu mạn - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516 1941
- 494 Kiêu mạn - Tâm đi đến hỷ mạn, Như bị đâm giáo nhọn - Kinh Anupama – Tiểu III, 186.....1965
- 495 Kiêu mạn - Với ai, không nên kiêu - Kinh Jenta – Tiểu III, 270 1967

- 496 Kiêu mạn được đoạn tận, Không còn có lậu hoặc
- Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180.....1971
- 497 Kiếm - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa
cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48.....1973
- 498 Kiếm - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa
cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49
.....1974
- 499 Kiến - Người sống đời an tịnh, Kiến và Giới thế
nào_ - Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I,
722.....1975
- 500 Kiến thủ - Kiến thủ gây xung đột với nhau -
Kinh Màngandiya - Tiểu I, 717 1979
- 501 Kiếp - Câu chuyện ba một kiếp trước - Kinh
Sandhita – Tiểu III, 188.....1985
- 502 Kiết sử - Bạc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc
gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu
I, 471 1987
- 503 Kiết sử - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh
phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303
.....2001
- 504 Kiết sử - Hỷ là kiết sử - Kinh Câu hỏi của thanh
niên 14 Posàla - Tiểu I, 808.....2003

- 505 Kiết sử - Sám traọ cử nỗ vang, Mây kiết sử bao phủ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 2005
- 506 Kiết tập Kinh điển lần hai - Kinh Sambhùta – Tiểu III, 219 2011
- 507 Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196.....2013
- 508 Kiết tập kinh điển lần ba - Kinh Tekicchakàrì – Tiểu III, 256 2015
- 509 Kiêu Trần Như - Kinh Vappa – Tiểu III, 72 2018
- 510 Kokàliya - Địa ngục sen hồng - Kinh Kokàliya - Tiểu I, 654.....2020
- 511 Kondanna - Cháu trai của Trưởng lão Kondanna - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13.2032
- 512 Kondannà - Kinh Vappa – Tiểu III, 72 2034
- 513 KosalaVihàrim – Tiểu III, 69 2036
- 514 Kosiya – Tiểu III, 252.....2037
- 515 Kula – Tiểu III, 29 2039
- 516 Kulla – Tiểu III, 260 2041

517 Kumaputta Con Của Kunmà – Tiểu III, 46	2044
518 Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177.....	2046
519 Kunda Dhàna – Tiểu III, 25.....	2048
520 Kutivihàrim – Tiểu III, 65	2049
521 Kutivihàrim – Tiểu III, 67	2051
522 Kàludàyin – Tiểu III, 312	2053
523 Kàtiyàna – Tiểu III, 266	2058
524 Kê - Với hạnh không phóng dật, Ta phá vỡ luân hồi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187	2061
525 Kính lễ - Từ ai, biết Chánh pháp, Hãy kính lễ vị ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106	2063
526 Kính trọng lời dạy của Đức Phật - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744	2072
527 Kính trọng, cúng dường - Là mũi tên tể nhị - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466	2080
528 Kẻ làm nhà - Hỏi kẻ làm nhà kia! Người đã bị thấy rồi - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165	2093

- 529 Kẻ làm ô uế đạo - 4 hạng người tu - Kinh Cunda
- Tiểu I, 490 2095
- 530 Kẻ ngu si miệt thị, Giáo pháp bậc La Hán - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 63.....2099
- 531 Kẻ ngu sống như vậy, Sẽ đoạn khổ được sao_ -
Kinh Nita – Tiểu III, 94.....2102
- 532 Kẻ ngu, có ích gì, Bện tóc với da dê - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 106.....2104
- 533 Kẻ nhác lại liên tục, Đi đến chỗ thai tạng - Kinh
Belatthakàni – Tiểu III, 109.....2113
- 534 Kẻ thù - 3 nội uế, nội thù - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 410.....2115
- 535 Kẻ thù - Mong rằng kẻ thù ta, Được nghe lời
Chánh pháp - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412
.....2118
- 536 Kẻ thù - Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành kẻ
thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 2128
- 537 Kẻ thù hại kẻ thù, Oan gia hại oan gia - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 38.....2132
- 538 Kẻ trí bỏ pháp đen, Tu tập theo pháp trắng -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46.....2135

- 539 Kẻ tìm lạc được lạc, Nếu sở hành đúng đắn -
Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45 2139
- 540 Kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay - Kinh
Angulimàlà – Tiểu III, 412 2141
- 541 Kết bạn - Hãy thân cận Bạc nghe nhiều trì pháp
- Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471
.....2151
- 542 Kệ - Ai chuyên nhất xuất ly, Tâm tư hướng viên
ly - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347.....2166
- 543 Kệ - Ai hôn trầm ăn nhiều - Kinh Dàsaka – Tiểu
III, 27.....2171
- 544 Kệ - Ai làm hại với trượng, Kẻ tìm lạc cho mình
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 134 2173
- 545 Kệ - Ai nghĩ thân của tôi, Là phạm phu ngu muội
- Kinh Kappa – Tiểu III, 325 2174
- 546 Kệ - Ai nhiếp phục phần nộ, Đang được dây
khởi lên - Kinh Rắn - Tiểu I, 457 2177
- 547 Kệ - Ai nhiếp phục được ái, Khốn nạn, khó
chinh phục - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 262
.....2183

- 548 Kệ - Ai nói lời không thật, Phải đi đến địa ngục
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193 2186
- 549 Kệ - Ai sống không nhiệt nã, Khi chết không
sầu muộn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198
.....2191
- 550 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất
tử - Kinh Sonà – Tiểu III, 591 2193
- 551 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp
sanh diệt - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639
.....2196
- 552 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp
sanh diệt - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598 ...2202
- 553 Kệ - Ai tham đắm nữ sắc, Gặp nhiều loại đau
khổ - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375 2209
- 554 Kệ - Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358...2215
- 555 Kệ - Ai thật khó nhiếp phục, nay đã được nhiếp
phục - Kinh Dabba – Tiểu III, 14 2217
- 556 Kệ - Ai thật khó nhiếp phục, nay đã được nhiếp
phục - Kinh Vira – Tiểu III, 18.....2219

- 557 Kệ - Ai tránh né các dục, Như chân tránh đầu rắn - Kinh về Dục - Tiểu I, 695 2221
- 558 Kệ - Ai tránh né nữ sắc, Như chân tránh đầu rắn - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281 2223
- 559 Kệ - Ai tránh né thân này, Như tránh rắn dính phân - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 2226
- 560 Kệ - Ai trước sông phóng dật, Sau sông không phóng dật - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412 2229
- 561 Kệ - Ai tu tập chánh trực, Con đường Thánh tám ngành - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45 ..2239
- 562 Kệ - Ai tế tự Chánh pháp, Tế tự, không xan tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435 2241
- 563 Kệ - Ai từ bỏ hý luận, Thích đạo phi hý luận - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 2243
- 564 Kệ - Ai vượt khỏi bùn này, Đè bẹp gai của dục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152 2255
- 565 Kệ - Ai với thần túc thông, Dựng đứng Sarabhu - Kinh Gavampati – Tiểu III, 47 2261
- 566 Kệ - Ai với tâm thường hằng, Hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34.2263

- 567 Kệ - Ai xem lạc là khổ, Ai xem khổ như tên -
Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 2265
- 568 Kệ - Ai đoạn trừ được tham, Không tham việc
đáng tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu
I, 410 2277
- 569 Kệ - Ai đuổi đi thần chết, với đạo binh của nó -
Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16 2280
- 570 Kệ - Ai đã chứng đạt được, Lặn sâu vào bất tử -
Kinh Kelakani – Tiểu III, 379 2282
- 571 Kệ - Ai đã thắng gai dục, Vị ấy đứng bất động -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157 2288
- 572 Kệ - Ai đối đồng Phạm hạnh, Không có sự cung
kính - Kinh Mahà Nàga – Tiểu III, 259.....2294
- 573 Kệ - Ai ở trong chồi lá_ Một Tỷ-kheo ly tham -
Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65 2296
- 574 Kệ - Am thất Ta khéo lợp - Kinh Subhùti – Tiểu
III, 9.....2298
- 575 Kệ - An lạc thay là người Không có gì sở hữu -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 138 2300
- 576 Kệ - Biết Thân bị huỷ hoại, còn Thức bị lụn tàn
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390 2303

- 577 Kệ - Biết gìn giữ chánh niệm, Không mong đợi vật gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791 2305
- 578 Kệ - Biết vậy, giữ chánh niệm, Hiện tại đạt mát lạnh - Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801.....2309
- 579 Kệ - Biết vậy, giữ chánh niệm, Vượt chấp trước ở đời - Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798 2311
- 580 Kệ - Bị bệnh gió chi phổi, Ông sống trong rừng sâu - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 ...2313
- 581 Kệ - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221 2316
- 582 Kệ - Bị già được không già, Bị nung nấu được tịnh - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42 2318
- 583 Kệ - Bị khả ái, dễ thương, Trói buộc và chi phối - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140 2319
- 584 Kệ - Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110 2321
- 585 Kệ - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 2322

- 586 Kệ - Chớ có chỉ trích ai, Hãy tránh làm hại ai -
Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328
.....2326
- 587 Kệ - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi
người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu
III, 183 2330
- 588 Kệ - Chớ có để dòng nước, Do ý sanh cuốn ngài
- Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 2332
- 589 Kệ - Chớ có ưa chơi giỡn, Chớ đam mê ngủ nghỉ
- Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2338
- 590 Kệ - Chớ làm quá nhiều việc, Tránh quần chúng
đua tranh - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III,
295.....2341
- 591 Kệ - Chớ làm quá nhiều việc, Tránh quần chúng
đua tranh - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466
.....2344
- 592 Kệ - Chớ làm thân làm ái, Với một ai ở đời -
Kinh Lòi Cảm Hứng - Tiểu I, 286 2357
- 593 Kệ - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải đánh
- Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 2360
- 594 Kệ - Chớ để ngày trống rỗng, Hãy làm ít hoặc
nhiều - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 2362

- 595 Kệ - Con vật hai chân này, Bất tịnh và hôi thối -
Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281 2365
- 596 Kệ - Các hành không thực hữu, Ở đây, than khóc
gì - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 2368
- 597 Kệ - Có Tỳ kheo đi đến - Kinh Sīla Vaniya –
Tiểu III, 16 2374
- 598 Kệ - Có mắt, như kẻ mù, Có tai như kẻ điếc -
Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 2375
- 599 Kệ - Do hành thành bần tiện, Do hành thành
Phạm chí - Kinh Kê Bần Tiệ - Tiểu I, 500
.....2378
- 600 Kệ - Dầu nói ngàn câu kệ, Nhưng không chút lợi
ích - Kinh Bhadda Kundalakesa – Tiểu III, 593
.....2386
- 601 Kệ - Dầu ta có bị mù, Dầu mắt ta hư hoại - Kinh
CakkuPàla – Tiểu III, 102.....2392
- 602 Kệ - Dầu tiếng người hò hét, Tâm ta không dao
động - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60...2395
- 603 Kệ - Dầu đầu trọc đắp y, Mong muốn được kính
trọng - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429 2396

- 604 Kệ - Dễ làm là việc lành, Đối với kẻ làm lành -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225 2404
- 605 Kệ - Dục lạc gì ở đời, Kể cả thiên lạc này - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132 2406
- 606 Kệ - Giới là mẹ thiện pháp, Giới đứng đầu mọi
pháp - Kinh Silavat – Tiểu III, 339 2408
- 607 Kệ - Góm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi
tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215 2412
- 608 Kệ - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này -
Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 2414
- 609 Kệ - Hãy biết hạnh phúc mình, Quan sát lời nghe
giảng - Kinh Gotama – Tiểu III, 331 2417
- 610 Kệ - Hãy chế ngự tâm nguoi, Chớ để nó chạy
loạn - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479 2421
- 611 Kệ - Hãy cảm xúc con đường, Đưa đến cõi bất
tử - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184 2441
- 612 Kệ - Hãy gấp nắm với niệm, Như nắm con vật
ác - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277 2443
- 613 Kệ - Hãy hành lời Phật dạy, Chớ để Sát-na qua
- Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 2446

- 614 Kệ - Hãy làm ít hoặc nhiều, Chớ để ngày trống
rỗng- Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280.....2449
- 615 Kệ - Hãy như lý quán sát, Các uẩn là đau khổ -
Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....2452
- 616 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không
làm - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192 2472
- 617 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không
làm - Kinh Harita – Tiểu III, 208 2474
- 618 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không
làm - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232 2476
- 619 Kệ - Hãy nỗ lực thiền định, Hãy thiền tu, chiến
thắng - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2478
- 620 Kệ - Hãy phòng hộ tự ngã, Sát-na không bỏ qua
- Kinh Revata – Tiểu III, 352 2481
- 621 Kệ - Hãy sống gần bậc Thánh, Bậc viễn ly, tinh
cần - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142 2485
- 622 Kệ - Hãy sống riêng một mình, Như tê ngưu một
sừng - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I,
471.....2487
- 623 Kệ - Hãy thiện xảo con đường, An ổn các khổ
ách - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2501

- 624 Kệ - Hãy thân cận bạn lành - Kinh Punna
Mamtàniputta – Tiểu III, 13 2504
- 625 Kệ - Hãy thức dậy, ngồi lên, Chớ có ngủ quá
nhiều - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2506
- 626 Kệ - Hãy tu tập con đường, Để đạt được bất tử -
Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479 2509
- 627 Kệ - Hãy tản xuất Ác-ma, Ly tham mọi cảm thọ
- Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2529
- 628 Kệ - Hãy tự làm cho ông, Một hòn đảo an toàn -
Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2532
- 629 Kệ - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương
tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 2535
- 630 Kệ - Hãy đạt cho kỳ được, Sự thanh tịnh tôi
thượng - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 2543
- 631 Kệ - Hãy để cho Niết-bàn, Chìm sâu vào tâm
người - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124 2546
- 632 Kệ - Hỡi Sĩha, hãy sống, Không buông lung,
phóng dật - Kinh Sĩha – Tiểu III, 93 2548
- 633 Kệ - Hỡi kẻ làm nhà kia! Người đã bị thấy rồi -
Kinh Sivàka – Tiểu III, 165 2550

- 634 Kệ - Hỡi này các dục vọng, Ta quyết giết các
 người - Kinh Gotama – Tiểu III, 136 2552
- 635 Kệ - Khi loài Người kiêu hãnh, Hãy hạ thấp ông
 xuống - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87.....2554
- 636 Kệ - Khát ái khôn nạn này, Thâm độc cả thế giới
 - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 2556
- 637 Kệ - Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi
 mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 2559
- 638 Kệ - Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói,
 khéo chế ngự - Kinh Visākha Con Của Paṇḍita
 – Tiểu III, 183 2562
- 639 Kệ - Không mắng, không gia hại, Chế ngự trong
 giới bốn - Kinh Lōṇi Cāma Hūṇṇa - Tiểu I, 191
2564
- 640 Kệ - Không như lý tác ý, Ta chuyên trang sức
 ngoài - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 2566
- 641 Kệ - Không phần nộ, không hận, Không gian,
 không hai lưỡi - Kinh Sīrimitta – Tiểu III, 302
2568
- 642 Kệ - Không vui, giả dạng vui, Không ái, giả
 dạng ái - Kinh Lōṇi Cāma Hūṇṇa - Tiểu I, 141
2571

- 643 Kệ - Không vì người khác nói, Con người thành
ăn trộm - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295
.....2577
- 644 Kệ - Khổ do khả ái buộc, Như dao bén dính mật
- Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375 2580
- 645 Kệ - Kẻ ngu sống như vậy, Sẽ đoạn khổ được
sao_ - Kinh Nita – Tiểu III, 94 2586
- 646 Kệ - Kẻ nhắc lại liên tục, Đi đến chỗ thai tạng -
Kinh Belatthakàṇi – Tiểu III, 109.....2588
- 647 Kệ - Kẻ tìm lạc được lạc, Nếu sở hành đúng đắn
- Kinh Sàmannakàṇi – Tiểu III, 45.....2590
- 648 Kệ - Liễu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường
Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250
.....2592
- 649 Kệ - Luân hồi sanh tử tận, Thoát khỏi ma trói
buộc - Kinh Lòi Cảm Hứng - Tiểu I, 199...2595
- 650 Kệ - Lành thay điều được nghe, Lành thay hạnh
phúc sống - Kinh Kumaputta Con Của Kunmà –
Tiểu III, 46 2596
- 651 Kệ - Lời khuyên đến tốt lành - Kinh Pilinda
Vaccha – Tiểu III, 19 2598

- 652 Kệ - Mong rằng kẻ thù ta, Được nghe lời Chánh pháp - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412.....2600
- 653 Kệ - Mẹ cha gọi Phạm thiên, Bậc Đạo Sư thời trước - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 444 2610
- 654 Kệ - Mọi nghiệp ta đã làm, Dẫu ít hay là nhiều - Kinh Ugga – Tiểu III, 90 2612
- 655 Kệ - Mọi tham ta đã đoạn, Mọi sân được nhổ lên - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 2613
- 656 Kệ - Mọi từng thuộc là khổ, Mọi chủ quyền là lạc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 147 2615
- 657 Kệ - Một đêm, ta nhớ đến, Có đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154 2617
- 658 Kệ - Mục đích hạnh xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà - Kinh Surādha – Tiểu III, 135 .2619
- 659 Kệ - Nghe được lời khéo giảng, Bậc bà con mặt trời - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35 2620
- 660 Kệ - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443...2621
- 661 Kệ - Người khác tán thán nó, Kẻ tự ngã chưa định - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150 2623

- 662 Kệ - Người không biết chế ngự, Với lời đàm
 người khác - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193
2625
- 663 Kệ - Người sống một trăm năm, Không thấy
 pháp sanh diệt - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III,
 639.....2630
- 664 Kệ - Người sống một trăm năm, Không thấy
 pháp sanh diệt - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598
2636
- 665 Kệ - Người trói buộc vào người, Người bám víu
 vào người - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144
2643
- 666 Kệ - Người trị thủy dẫn nước - Kinh Kula – Tiểu
 III, 29.....2645
- 667 Kệ - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên năn
 tên - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412.....2647
- 668 Kệ - Người đắm say các dục, Tự lao mình xuống
 dòng - Kinh Khemà – Tiểu III, 613.....2657
- 669 Kệ - Như ao không gió thổi, Không dao động,
 tịnh chỉ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
 420.....2661

- 670 Kệ - Như bông hoa tươi đẹp, Có sắc nhưng không hương - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232 2663
- 671 Kệ - Như bông thổi trước gió, Thân ta nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111 2665
- 672 Kệ - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48 2666
- 673 Kệ - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49 2667
- 674 Kệ - Như bị lời trù yểm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123 2668
- 675 Kệ - Như chim trên hư không, Dấu chân thật khó tìm - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100 2670
- 676 Kệ - Như con heo to lớn, Đồ ăn thật đầy đủ - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109 2671
- 677 Kệ - Như con vật hiền thiện, Thuộc giống tốt, khéo luyện - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158 2673
- 678 Kệ - Như cởi thoát áo giáp - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229 2675

- 679 Kệ - Như dòng sông Hằng Hà, Nhập sâu vào
biển cả - Kinh Valliya Kanhamitta – Tiểu III,
155.....2681
- 680 Kệ - Như kẻ ngu, người câm, Hãy tỏ mình như
vậy - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu
III, 328 2683
- 681 Kệ - Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm
- Kinh Somamitta – Tiểu III, 142 2687
- 682 Kệ - Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm
- Kinh Vimala – Tiểu III, 209.....2689
- 683 Kệ - Như loại cây san hô, Tước bỏ mọi lá cây -
Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471
.....2691
- 684 Kệ - Như mái nhà vụng lợp, Mưa dễ thấm ướt
vào - Kinh Ràdha – Tiểu III, 134 2705
- 685 Kệ - Như một hòn đá tảng, Không bị gió lay
động - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347.2707
- 686 Kệ - Như ngôi thành biên địa, Được bảo vệ trong
ngoài - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 2712
- 687 Kệ - Như người chỉ của chôn, Cũng vậy, người
thấy lỗi - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444.....2724

- 688 Kệ - Như người có mắt nhìn, Cố gắng tránh lời
lỗm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203 2736
- 689 Kệ - Như người không mang giày, Đi trên chỗ
có gai, Luôn luôn giữ chánh niệm - Kinh
Pàràpariya – Tiểu III, 429.....2741
- 690 Kệ - Như người mạnh đẻo gỗ, Dùng nê đánh
bật nê - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375 .2749
- 691 Kệ - Như ngọn núi bằng đá, Không động, khéo
an trú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163 .2755
- 692 Kệ - Như núi đá không động, Đứng vững khéo
an trú - Kinh Revata – Tiểu III, 352 2756
- 693 Kệ - Như nước ủa tràn vào, Chiếc thuyền bị vỡ
nát - Kinh về Dục - Tiểu I, 695 2760
- 694 Kệ - Như sen sanh trong nước, Lớn lên được
tăng trưởng - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365.2762
- 695 Kệ - Như thoát ngôi nhà cháy, Trong chết không
sầu muộn - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370
.....2767
- 696 Kệ - Như thành trì biên địa, Phòng hộ cả trong
ngoài - Kinh Revata – Tiểu III, 352 2773

- 697 Kệ - Như tia lửa cháy sáng, Phát từ búa sắt đập
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289 2777
- 698 Kệ - Nhận ít, không tham đắm, Luôn luôn giữ
chánh niệm - Kinh Tissa – Tiểu III, 146 2779
- 699 Kệ - Những ai khéo tinh cần, Thường tu tập
niệm thân - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347
.....2781
- 700 Kệ - Những ai ở đời này, Đoạn tận khắp tất cả -
Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I,
794.....2786
- 701 Kệ - Nay khi, hãy dừng lại! Chớ có chạy như
vây - Kinh Valliya – Tiểu III, 131 2790
- 702 Kệ - Nay tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như
trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....2792
- 703 Kệ - Nay tâm, hãy đẩy ta, Nhảy vào lời Phật dạy
- Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479 2812
- 704 Kệ - Nay tâm, ta gọi ngươi, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc
- Kinh Anupama – Tiểu III, 186 2832
- 705 Kệ - Năm uẩn được liễu tri - Kinh Nhàlaka Muni
– Tiểu III, 275 2834

- 706 Kệ - Năm uẩn được liễu tri, Đứng lại, gốc bị cắt
- Kinh Sonà – Tiểu III, 591.....2837
- 707 Kệ - Năm uẩn được rõ biết, Tồn tại sẽ cắt đứt -
Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98.....2840
- 708 Kệ - Năm uẩn được rõ biết, Đứng với rễ chặt đứt
- Kinh Isidatta – Tiểu III, 125.....2842
- 709 Kệ - Nếu con không ưa khổ, Dầu bất cứ chỗ nào
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 207 2844
- 710 Kệ - Nếu có thể bước theo, Nhưng nhiều dục bực
phiền - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420
.....2846
- 711 Kệ - Nếu có độc ác gì, Kẻ thù hại người thù -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184.....2848
- 712 Kệ - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiện
- Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III,
328.....2851
- 713 Kệ - Quá khứ ta không có, Tương lai, hiện tại
không - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 2855
- 714 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh
Bhagu – Tiểu III, 212 2861

- 715 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Candana – Tiểu III, 222.....2863
- 716 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211 2865
- 717 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230.....2867
- 718 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284.....2870
- 719 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý, khởi tư duy - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264.....2873
- 720 Kệ - Sanh của ta đã tận, Chiến thắng dạy, làm xong - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135 2875
- 721 Kệ - Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172 2876
- 722 Kệ - Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tủy, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207 2878
- 723 Kệ - Ta không có sợ chết , Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30.....2880
- 724 Kệ - Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172.....2881

- 725 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360 2883
- 726 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352.....2889
- 727 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335 2893
- 728 Kệ - Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhô tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152.....2897
- 729 Kệ - Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89 2899
- 730 Kệ - Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260.....2900
- 731 Kệ - Ta sẽ chế ngự người, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246 2903
- 732 Kệ - Ta sẽ không nằm xuống, Với đầu bị bẻ nát - Kinh Mahākāla – Tiểu III, 145.....2906
- 733 Kệ - Ta sống không mong chờ, Đời này hay đời sau - Kinh Punnamāsa – Tiểu III, 20.....2908
- 734 Kệ - Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167.....2910

- 735 Kệ - Tham sanh ra bất hạnh, Tham làm tâm dao động - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410 2912
- 736 Kệ - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viên ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95.....2915
- 737 Kệ - Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu thịt - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 2916
- 738 Kệ - Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108.2919
- 739 Kệ - Thân bị hoại, tướng diệt, Mọi thọ được nguôi lạnh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288 2920
- 740 Kệ - Thân con được tràn ngập, Vội hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275.2922
- 741 Kệ - Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111.....2925
- 742 Kệ - Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157 2926
- 743 Kệ - Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156 ...2928

- 744 Kệ - Thấy nguy hại ở đời, Biết pháp không sanh
y Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219.....2930
- 745 Kệ - Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá
hủy - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96 2936
- 746 Kệ - Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng
luyến ái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106 2937
- 747 Kệ - Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng
- Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 2939
- 748 Kệ - Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona
Potiriya-putta – Tiểu III, 171 2946
- 749 Kệ - Thầy hãy làm tự ngã, Được thẩm nhuận
hương thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38.2948
- 750 Kệ - Trong ai không mạn trá, Không mạn, tham
đoạn tận - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165
.....2950
- 751 Kệ - Trong chồi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào
- Kinh Valli-ya – Tiểu III, 131.....2953
- 752 Kệ - Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi
ta - Kinh Utti-ya – Tiểu III, 39.....2955
- 753 Kệ - Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi lằng đốt
cắn - Kinh Gahva-ratī-ya – Tiểu III, 41 2957

- 754 Kệ - Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều
cõi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187.....2959
- 755 Kệ - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời
trước - Kinh Sunita – Tiểu III, 342.....2961
- 756 Kệ - Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn
toàn - Kinh Lòi Cầm Hứng - Tiểu I, 253 ...2965
- 757 Kệ - Trí tuệ lực, giới hạnh - Kinh Mahà
Gavaccha – Tiểu III, 22 2967
- 758 Kệ - Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người
khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137 2968
- 759 Kệ - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này
chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88
.....2970
- 760 Kệ - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân
- Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 2972
- 761 Kệ - Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích
tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94 2975
- 762 Kệ - Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc
điệu - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234....2977

- 763 Kệ - Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất -
Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu
III, 62.....2980
- 764 Kệ - Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186 2983
- 765 Kệ - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao
động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170.....2986
- 766 Kệ - Tâm còn bị đắm say, Con cái và súc vật -
Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 2988
- 767 Kệ - Tâm ta đi cùng khắp, Tất cả mọi phương
trời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200.....2994
- 768 Kệ - Tâm tăng thượng ân sĩ, Không phóng dật,
tu tập - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192 .2996
- 769 Kệ - Tâm định hướng tà vạy, Còn làm ác hơn
nữa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184 2998
- 770 Kệ - Tưởng ta bay tràn khắp, Tưởng dung hòa
viễn ly - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335.....3001
- 771 Kệ - Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay
đồi cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 3005
- 772 Kệ - Tất cả hữu tình nào, Sẽ có mặt ở đời - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202 3017

- 773 Kệ - Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita –
Tiểu III, 11 3019
- 774 Kệ - Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ một cục lửa
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419 3021
- 775 Kệ - Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây
khói - Kinh Revata – Tiểu III, 352 3023
- 776 Kệ - Từ bỏ sáu xúc xú, Căn môn khéo chế ngự -
Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121.....3027
- 777 Kệ - Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà
- Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59.....3028
- 778 Kệ - Từ đâu phần nộ khởi, Với người không
phần nộ - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277
.....3029
- 779 Kệ - Tỳ kheo nhiều hân hoan, Trong pháp Phật
tuyên bố - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22
.....3032
- 780 Kệ - Tỳ-kheo tâm an tịnh, Chặt đứt dây sanh tử
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199 3033
- 781 Kệ - Việc làm lằng xằng này, Có nghĩa gì cho
ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124 3034

- 782 Kệ - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại
dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165 3036
- 783 Kệ - Vượt khỏi các bùn nhơ, Từ vực thăm trở
về - Kinh Devasabha – Tiểu III, 97 3038
- 784 Kệ - Vị trọc đầu, đáp y, Được nhiều kẻ thù oán
- Kinh Tissa – Tiểu III, 146 3039
- 785 Kệ - Vị đã thấy, thấy được, Người thấy, người
không thấy - Kinh Vappa – Tiểu III, 72 3041
- 786 Kệ - Với ai bị chửi mắng, Lên tiếng chửi mắng
lại - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277 3043
- 787 Kệ - Với ai các hý luận, Không còn có an trú -
Kinh Lohi Canda – Tiểu I, 259 3046
- 788 Kệ - Với ai khéo tu tập, Niệm thở vào thở ra -
Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319 3047
- 789 Kệ - Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ ăn -
Kinh Vijaya – Tiểu III, 100 3052
- 790 Kệ - Với ai những công việc, Cần phải làm từ
trước - Kinh Bakkula – Tiểu III, 192 3053
- 791 Kệ - Với ai, những công việc, Cần phải làm từ
trước - Kinh Harita – Tiểu III, 208 3055

- 792 Kệ - Với ai, trong nội tâm, Không có lòng phần
nộ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148 3057
- 793 Kệ - Với ai, tâm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247 3060
- 794 Kệ - Với tai nghe tất cả, Với mắt thấy tất cả -
Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 3061
- 795 Kệ - Xuất gia mùa mưa qua, Thấy pháp tánh các
pháp - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33 3064
- 796 Kệ - Đây là voi với voi, Với voi có ngà lớn -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189 3065
- 797 Kệ - Đêm ngày chạy, trôi qua, Mạng sống bị tổn
giảm - Kinh Herannakàṇi – Tiểu III, 141 ...3068
- 798 Kệ - Đạt tịch tịnh, chỉ tức, Đọc chú, không công
cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 3070
- 799 Kệ - Đánh lễ bậc Thượng sanh, Đánh lễ bậc
Thượng nhân - Kinh Sunīta – Tiểu III, 3423082
- 800 Kệ - Đất, nước mưa ướt thấm, Gió thổi mát
không gian - Kinh Vimala – Tiểu III, 60....3086
- 801 Kệ - Đầy nhiều loại uế vật, Chỗ chứa toàn phần
uế - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 3088

- 802 Kệ - Đời bị chết áp đảo, Bị giải tỏa, bao vây -
Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 3091
- 803 Kệ - Đời bị si trói buộc, Được thấy bị tái sinh -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263.....3093
- 804 Kệ - Đối với ta, sợ hãi_ Không làm ta sợ hãi -
Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31.....3095
- 805 Kệ - Ở đây chỉ cảm thọ, Thọ lãnh từ nghiệp ấy -
Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 3096
- 806 Kịch sĩ - Chết sanh về đâu_ - Kinh Tàlaputta –
Tiểu III, 479 3098
- 807 Kỹ nữ - Do nghiệp lực, sau làm kỹ nữ - Kinh
Ambapàlì – Tiểu III, 655 3118
- 808 Kỹ nữ - Khẩu nghiệp đời trước, nay làm kỹ nữ -
Kinh Addhakasi – Tiểu III, 557.....3125
- 809 Kỹ nữ - Kinh Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ –
Tiểu III, 580 3127
- 810 Kỹ nữ - Đem hết tài sản cho một kỹ nữ - Kinh
Gotama – Tiểu III, 136 3129
- 811 Kỹ nữ dụ dỗ - Kinh Sundara Samudda – Tiểu
III, 284 3131

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tới đa bầy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Kanhadinna – Tiểu III, 162

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuận thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.*

2 KankhaRevata – Tiểu III, 12

KankhaRevata – Tiểu III, 12 (3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Ngài chứng quả A-la-hán nhờ **hành thiền**, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là **hành thiền đệ nhất**.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lẫn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

*3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ,
Cho những ai đi đến.*

3 Kappa - Kinh Câu hỏi của thanh niên

10 Kappa - Tiểu I, 801

Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa – *Tiểu I*, 801

Kappa:

1092. Tôn giả Káp-pa nói:
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.*

Thế Tôn:

1093. Thế Tôn nói Kap-pa,
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.*

1094. *Hòn đảo vô song này,*
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.

1095. *Biết vậy, giữ chánh niệm,*
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.

4 Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,*

*Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

*570. Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

*571. Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đấy, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

*572. Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bộc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

*573. Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

*574. Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

575. *Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

576. *Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

5 Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,

*Thật là quá nặng nề,
Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.*

*200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.*

Bị đức Phật quở trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

6 Kassapa - Trưởng lão Gayà Kassapa - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,*

Ta như lý quán sát.

347. *Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

7 Kassapa - Trưởng lão Nadi Kassapa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240

NadiKassapa – *Tiểu III*, 240 (203)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là **anh của Kassapa**. Ngài thiên hỷ đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một **ẩn sĩ**.

Với **ba trăm đồ chúng**, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiền), và do vậy ngài được biết và được gọi là **Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa)**. Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết **kinh Lửa Bốc Cháy**, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tư trên thiên chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhô lên các sai lầm:

339. **Thật lợi ích cho ta,
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng,
Đoạn tận các tà kiến.**

340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên **lửa thiêng**,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,
Ta thật mù, phàm phu.

341. **Lạng thang rùng tà kiến,**
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy.

342. Ta đoạn tận **tà kiến**,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đánh lễ,
Bạc Như Lai Điều Ngự.

343. **Mọi si mê, ta đoạn,**
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

8 Kassapa - Trưởng lão Uruvelà Kassapa - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – *Tiểu III*, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả** trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên **Kassapa**, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến **năm trăm, ba trăm và hai trăm** thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là **Uruvelà Kassapa** vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bò-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con **rắn**, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng **kinh Adittapariyàya**

cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng té tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,*

Thiên nhân ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.

380. Do *đích* gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi *kiết sử* tận diệt.

9 Kassapa - Ác Tỳ kheo thời Đức Phật Kassapa - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200

Yasoja – *Tiểu III*, 200 (178)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở Sàvatthi, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja.

Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông Aciravati, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua Pasenadi và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá.

Đức Phật dạy, **tiền thân con cá là một ác Tỳ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp**, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục. Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về **kinh Kapila**. Nghe xong, Yasoja cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo.

Họ đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông Vaggumudà,

Yasoja như con người thuần thực, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. *Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

Yasoja được tán thán như vậy, đề cao **hạnh cô độc** và dạy như sau:

243. *Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.*

244. *Sống một, như Phạm thiên,
Sống hai, như chư Thiên,
Sống ba, như làng mạc,
Nhiều hơn, như ở chợ.*

10 Kassapa - Đức Phật Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

11 Kassapa - Đức Phật Kassapa - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là Paccaya.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bổng Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

12 Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuần thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.*

Ngài suy nghĩ: *"Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền"*.

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

13 Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng tâm không an tịnh.*

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,
Bị **hăng say** chi phối,

*Khiến tánh tình phần nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.*

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lương y** nào,
Không dao, không vết thương,

Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy **man trá, tật đổ,**
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?

762. *Tôn giả **hãy làm đê,**
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. *Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư,**
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ,**
Chờ y chỉ cho người.*

764. *Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp,**
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!*

765. *Leo lên lầu **Niệm xứ,**
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến,**
Trước đây, ta tự hào.*

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. *Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.*

14 Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bổ thí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vong ngữ,

Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

15 Khadira Vaniya – Tiểu III, 51

Khadira Vaniya – Tiểu III, 51 (42)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) tại làng Nàlaka, con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình, nhưng khi nghe Sàriputta xuất gia, ngài bắt chước Sàriputta, đến các Tỷ-kheo xin được thọ giới, tự xưng là em trai của Sàriputta.

Khi ngài chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến Sàvatthi (Xá-vệ) để đánh lễ Thế Tôn, và ở lại một vài ngày tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên). Rồi Thế Tôn, ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, xác nhận ngài là Tỷ-kheo **ở rừng đệ nhất**.

Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, **đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị Càlà, Upacàlà, Sisùpacàlà, cũng tên là Càlà, Upacàlà và Sisùpacàlà cho chúng xuất gia**.

Một hôm ngài bị ốm và Sàriputta đi đến thăm, Revata muốn dạy cho ba người cháu chớ có phóng dật, nên khi thấy Sàriputta từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

42. Hỡi này cháu Càlà,
Này Upacàlà,
Sisùpacàlà,
Hãy sống, trú chánh niệm,
Vị đang đến các con,
Như vị bắt chẻ tóc.

16 Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị cơn **rắn** đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán**. **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài**, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

17 Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

18 Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661

Rohinì – *Tiểu III*, 661 (67)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu).**

Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả **Dự lưu**. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng **khai triển thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phu thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

*271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.*

272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?

273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?

274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ,
Tuệ giới hạnh tinh cần.

275. Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.

276. Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.

277. Thân nghiệp họ trong sạch,

Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cầu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.

284. Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.

285. Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.

286. Hỡi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.

287. Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,

*Té đàn thiết lập đây,
Đối với tôi rất lớn.*

*288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.*

*289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.*

*290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt **Ba minh**,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.*

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin
xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng

quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng
để tỏ lộ sung sướng của mình.

19 Kham nhẫn - Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

20 Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chứng được *sáu thăng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

21 Khemà - Bạn của Khemà - Kinh Vijjayà – Tiểu III, 624

Vijjayà – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp**.

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỳ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tành.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan tành.

22 Khemà – Tiểu III, 613

Khemà – *Tiểu III*, 613 (52)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemà. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giã tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng.

Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khemà thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kế không màng.
(Pháp cú, 347)*

Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng **thiền quán đệ nhất**.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, **Ác ma** hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,
Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Hãy vui hưởng, Khemà.*

Nàng trả lời:

140. *Với thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhỏ lên.*

141. *Dục ví như gươm giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa là.*

142. *Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khởi si ám tan lành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị hại, Ma vương.*

143. *Người đánh lễ vàng sao!
Người thờ lửa rừng sâu,
Người không biết như thật,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.*

144. *Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo Sư dạy.*

23 Khen chê - Xưa vậy, nay cũng vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I, 75*

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chận được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bạc hiền không hại ai,

Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ.**

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,**
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.

24 Khen chê không động - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.***

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
**Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.***

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?*

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.***

*Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thấu được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,*

Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** nghỉ có chừng mực,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. Tỷ-kheo không run sợ,
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,

*Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Ty-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.

930. Ty-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,

Chớ có khinh người khác,

Về vấn đề sinh mạng,

Về vấn đề trí tuệ,

Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,

Nhiều ngôn từ lời lẽ,

Của các vị Sa-môn,

Hay những kẻ phàm phu,

Chớ có phản ứng họ,

Với những lời thô ác,

Bậc hiền lành an tịnh,

Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,

Pháp này là như vậy,

Tỷ-kheo hãy học tập,

Sáng suốt và chánh niệm,

Rõ biết sự mát lạnh,

Được gọi bậc "an tịnh",

Chớ có sống phóng dật,

Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,

Không ai chiến thắng nổi

Tự mình thấy được pháp,

Không nghe theo tin đồn,

Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

25 Khen mình chê người - Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvāja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvāja. Bà-la-môn Aggibhàradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - *Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvāja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kẻ bàn tiện hay các pháp tạo thành kẻ bàn tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.
- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvāja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phần nộ, hiểm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. *Ai vay nợ của người,*

Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,

Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy**,
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,
Được biết là bần tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và **xan tham**,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,
Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Mátanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Mátanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,
Quyến thuộc với **bà chú**,
Họ vẫn thường được thấy,*

Làm các điều ác nghiệp,

141. *Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

142. *Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành** thành bần tiện,
Do **hành** thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

26 Khen mình chê người - Đội quân của ác ma - Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600

Kinh Tinh Cần – *Tiểu I, 600* (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tình tẩn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tẩn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tẩn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tẩn?

434. **Dầu máu có khô cạn,**

Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất**.
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.

437. Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.

438. **Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình**,
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,

Đây là quân đội Ngươi,

Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
*Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,**

Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.

449. Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.

27 Khi cần, không nỗ lực, Tuy trẻ mạnh, nhưng lười - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Vớ Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Vớ trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

28 Khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (*hộ trì nhờ hòa khí*).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "*Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề **cảm thọ**. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ*".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

29 Khi loài Người kiêu hãnh, Hãy hạ thấp ông xuống - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,*

*Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

30 Khi mới thành Chánh giác - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 173

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 173* (Ud 32)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới thành Chánh giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt nã bởi nhiều loại nhiệt nã, bởi **tham**, bởi **sân**, bởi **si**.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời này bị thiêu đốt,
Chi phần bởi cảm xúc,
Tự mình nói rõ lên,
Chứng bệnh của chính mình,
Bởi vì nó nghĩ đến,
Do đó bị đời khác,
Bị đời khác vì hữu,
Bị lệ thuộc vì hữu,
Đời này hữu chi phối,*

Lại hoan hỷ với hữu,
Khi nào có hoan hỷ,
Ở đây có sợ hãi,
Với ai có sợ hãi,
Đây tức là đau khổ,
Chính do đoạn diệt hữu,
Phạm hạnh này được sống.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu. Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu.

Những Sa môn hay những Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự xuất ly khỏi hữu là do phi hữu, tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng chúng không nương tựa nơi hữu.

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả sanh y, khổ không có hiện hữu.

11. *Hãy xem đời rộng này,
Bị vô minh chi phối,
Các sanh loại được sanh,
Ưa thích được sanh khởi,
Không thoát được sanh hữu.*

*Với ai đốt sanh hữu,
Tất cả mọi thời, xứ,
Tất cả sanh hữu này,
Vô thường, khổ, biến hoại,*

*Như vậy, thấy như thật,
Vội chơn chánh trí tuệ,
Hữu ái được đoạn tận,
Phi hữu ái hoan hỷ,
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Ly tham, diệt, hoàn toàn,
Như vậy là Niết Bàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Không chấp thủ tái sanh,
Nhiếp phục được ma vương,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Vượt qua mọi sanh hữu.*

31 Khi ngài sanh ra, hương thơm toả khắp nhà - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm toả khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

32 Khi ngài sanh ra, đem hoan hỷ cho gia đình - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

33 Khi ngài sanh, bông lài nở hoa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

34 Khi người - Ai nhiều tuệ, không khinh miệt người khác - Kinh Godatta – Tiểu III, 355

Godatta – *Tiểu III*, 355 (245)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán.

Một hôm, một con **bò** ngã quy xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng.

Con bò tức giận vì **sự tàn bạo** của ngài nói lên giọng người: "*Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quy xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!*".

Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?". Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huấn luyện tốt đẹp,
Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. *Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.*

661. *Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được lạc,
Gặp khổ lại chán chường,
Kẻ ngu bị nã hại,*

*Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

663. Những ai giữa khổ lạc,
Người dật không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan, chán chường.

664. Đối với *được* hay *mất*,
Vớ danh, vớ không danh,
Đối với *chê* hay *khen*,
Vớ khổ hay vớ lạc.

665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Nhu giọt nước trên sen,
Bạc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.

666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng không được,
Hơn được không đúng pháp.

667. Người có danh, ít trí,
Người có trí, không danh,
Không danh, nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.

668. Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí **chê** bai,
Hơn được người ngu **khen**.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viển ly sanh,
Khổ do viển ly sanh,
Hơn **lạc do dục** sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm **đúng** pháp, có **chết**,
Hơn **sống, làm phi pháp**.

671. Ai đoạn dục, phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu,
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu **Giác chi,**
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

35 Khi nào chưa cắt tiết, Ái dục giữa gái trai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Vớ trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

36 Khi xúc chạm việc đời, Tâm không động, không sầu - Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11

Kinh Điềm Lành – Tiểu I, 11 (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

1. Nhiều Thiên tử và người,^[L]^[SEP]
Suy nghĩ đến điềm lành,^[L]^[SEP]
Mong ước và đợi chờ,^[L]^[SEP]
Một nếp sống an toàn,^[L]^[SEP]
Xin Ngài hãy nói lên,^[L]^[SEP]
Về điềm lành tôi thương.

Đức Phật:

2. Không thân cận kẻ ngu,^[L]^[SEP]
Nhưng gần gũi bậc Trí,^[L]^[SEP]
Đánh lễ người đáng lễ,^[L]^[SEP]

Là điềm lành tối thượng.

3. Ở trú xứ thích hợp,^{[L][SEP]}
Công đức trước đã làm,^{[L][SEP]}
Chân chánh hướng tự tâm,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

4. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,^{[L][SEP]}
Khéo huấn luyện học tập,^{[L][SEP]}
Nói những lời khéo nói,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

5. Hiếu dưỡng mẹ và cha,^{[L][SEP]}
Nuôi nấng vợ và con,^{[L][SEP]}
Làm nghề không rắc rối,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

6. Bố thí, hành, đúng pháp,^{[L][SEP]}
Săn sóc các bà con,^{[L][SEP]}
Làm nghiệp không lỗi lầm,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

7. Chấm dứt, từ bỏ ác,^{[L][SEP]}
Chế ngự đam mê rượu,^{[L][SEP]}
Trong Pháp, không phóng dật,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

8. Kính lễ và hạ mình,^{[L][SEP]}
Biết đủ và biết ơn,^{[L][SEP]}
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

9. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,^{[L][SEP]}
Yết kiến các Sa-môn,^{[L][SEP]}
Đúng thời, đàm luận Pháp,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

10. Khắc khổ và Phạm hạnh,^{[L][SEP]}
Thấy được lý Thánh đế,^{[L][SEP]}
Giác ngộ quả: "Niết Bàn",^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

11. Khi xúc chạm việc đời,^{[L][SEP]}
Tâm không động, không sầu,^{[L][SEP]}
Không uế nhiễm, an ổn,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

12. Làm sự việc như vậy,^{[L][SEP]}
Không chỗ nào thất bại,^{[L][SEP]}
Khắp nơi được an toàn,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

37 Khi đầu được cạo tóc thì chứng quả - Kinh Suyàman – Tiểu III, 85

Suyàman – Tiểu III, 85 (74)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàli, con của một Bà-la-môn. Ngài lớn lên, thiện xảo ba tập Vệ-đà, không ưa thích đời sống gia đình, vui thích thiền định. Ngài gặp Thế Tôn ở Sàli, khởi lòng tin xuất gia, **chứng quả A-la-hán, khi đầu được cạo tóc.**

Rồi ngài nói lên sự từ bỏ các triền cái và chánh trí của mình, với bài kệ như sau:

74. Với **dục** tham, **sân** hận,
Với thùy miên **hôn** trầm,
Với **trạo** hối, **nghi** ngờ,
Vị Tỷ-kheo hoàn toàn,
Không còn năm triền cái,
Năm triền cái đoạn tận.

38 Khinh khi - Không khinh điều mình được, Không ganh người khác được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chúng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

39 **Khinh miệt bà con, Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493**

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lòng gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

40 Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

41 Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, **xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,*

*Đứng vững, không dao động,
Đôi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đôi vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

42 Kho báu - Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24

Kinh **Bảo Tàng** – Tiểu I, 24 (Nidhikanda Sutta)

1. Một người cất kho báu,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,^{[L][SEP]}
Nó ích lợi cho ta".
2. Nếu bị vua kết án,^{[L][SEP]}
Hoặc trả các nợ nần,^{[L][SEP]}
Hoặc bị cướp giam cầm,^{[L][SEP]}
Và đòi tiền chuộc mạng,^{[L][SEP]}
Khi mất mùa, tai nạn,^{[L][SEP]}
Vớ mục đích như vậy,^{[L][SEP]}
Ở trên cõi đời này,^{[L][SEP]}
Sẽ đến giành kho báu.
3. Dầu nó không bao giờ,^{[L][SEP]}
Được cất kỹ như vậy,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Vẫn không đủ hoàn toàn,^{[L][SEP]}
Giúp ích người mọi lúc.
4. Kho báu bị dời chỗ,^{[L][SEP]}
Hoặc người quên dấu vết,^{[L][SEP]}
Hoặc rắn thần lấy đi,^{[L][SEP]}
Hoặc thần linh tâu tán,
5. Hoặc đám người thừa kế,^{[L][SEP]}

Kẻ ấy không chấp nhận,
Di chuyển kho báu đi,
Khi kẻ ấy không thấy,
Và khi phước đức tận,
Tất cả đều tiêu tan.

6. Những khi người nam, nữ,
Có **bồ thí, trì giới**
Hoặc **thiền định, trí tuệ**
Kho báu khéo để dành.

7. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,
Một cá nhân, lũ khách,
Hoặc người mẹ, người cha,
Hoặc là người anh nữa.

8. Kho này khéo để dành,
Đi theo người, không mất,
Giữa mọi vật phải rời,
Người cùng đi với nó.

9. Không ai khác chia phần,
Không cướp nào lấy được,
VẬY NHỮNG KẺ TÌNH CẦN,
Hãy làm việc phước đức,
Kho báu ấy theo người,
Sẽ không bao giờ mất.

10. **Đây là một kho báu,**
Có thể làm thỏa mãn,

Mọi ước vọng Thiên, nhân,

Dù họ mong muốn gì,

Đều đạt được tất cả,

Nhờ **công đức phước nghiệp**.

11. Vẻ đẹp của màu da,

Vẻ đẹp của âm thanh,

Vẻ đẹp của dáng hình,

Vẻ đẹp của toàn thân,

Địa vị thật cao sang,

Cùng với đoàn hầu cận,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

12. Ngôi đế vương một cõi,

Cực lạc Chuyên luân vương,

Và ngự trên Thiên đường,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

13. Vẻ tối thắng của người,

Mọi hoan lạc cõi trời,

Hay tịch diệt tối thắng,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

14. Đạt tối thắng bằng hữu,

Chuyên tu tập chánh chân,

Đạt minh trí giải thoát,

Tất cả đều đạt được.

Nhờ phước nghiệp công đức.

15. **Tứ vô ngại giải đạo**,

Tám cấp độ giải thoát,

Viên mãn trí Thanh văn,

Cả hai cách giác ngộ:

Độc giác, Chánh Đẳng giác,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao,

Do công đức thù thắng,

Vì thế kẻ tinh cần,

Và những người có trí,

Đã tạo nên kho tàng,

Công đức nhờ phước nghiệp.

43 Kho tàng - Bồ thí, trì giới, thiền định, trí tuệ - Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24

Kinh Bảo Tàng – Tiểu I, 24 (Nidhikanda Sutta)

10. Một người cất kho báu,

Ở tận dưới giếng sâu,

Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,

Nó ích lợi cho ta".

11. Nếu bị vua kết án,

Hoặc trả các nợ nần,

Hoặc bị cướp giam cầm,

Và đòi tiền chuộc mạng,

Khi mất mùa, tai nạn,

Với mục đích như vậy,

Ở trên cõi đời này,

Sẽ đến giành kho báu.

12. Dầu nó không bao giờ,

Được cất kỹ như vậy,

Ở tận dưới giếng sâu,

Vẫn không đủ hoàn toàn,

Giúp ích người mọi lúc.

13. Kho báu bị dời chỗ,

Hoặc người quên dấu vết,

Hoặc rắn thần lấy đi,

Hoặc thần linh tâu tán,

14. Hoặc đám người thừa kế,^[SEP]
Kẻ ấy không chấp nhận,^[SEP]
Di chuyển kho báu đi,^[SEP]
Khi kẻ ấy không thấy,^[SEP]
Và khi phước đức tận,^[SEP]
Tất cả đều tiêu tan.
15. Những khi người nam, nữ,^[SEP]
Có **bố thí, trì giới**,^[SEP]
Hoặc **thiền định, trí tuệ**,^[SEP]
Kho báu khéo để dành.
16. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,^[SEP]
Một cá nhân, lũ khách,^[SEP]
Hoặc người mẹ, người cha,^[SEP]
Hoặc là người anh nữa.
17. Kho này khéo để dành,^[SEP]
Đi theo người, không mất,^[SEP]
Giữa mọi vật phải rời,^[SEP]
Người cùng đi với nó.
18. Không ai khác chia phần,^[SEP]
Không cướp nào lấy được,^[SEP]
Vậy những kẻ tinh cần,^[SEP]
Hãy làm việc phước đức,^[SEP]
Kho báu ấy theo người,^[SEP]
Sẽ không bao giờ mất.
10. **Đây là một kho báu**,^[SEP]

Có thể làm thỏa mãn,
Mọi ước vọng Thiên, nhân,
Dù họ mong muốn gì,
Đều đạt được tất cả,
Nhờ **công đức phước nghiệp**.

11. Vẻ đẹp của màu da,
Vẻ đẹp của âm thanh,
Vẻ đẹp của dáng hình,
Vẻ đẹp của toàn thân,
Địa vị thật cao sang,
Cùng với đoàn hầu cận,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
12. Ngồi đế vương một cõi,
Cực lạc Chuyên luân vương,
Và ngự trên Thiên đường,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
13. Vẻ tối thắng của người,
Mọi hoan lạc cõi trời,
Hay tịch diệt tối thắng,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
14. Đạt tối thắng bằng hữu,
Chuyên tu tập chánh chân,
Đạt minh trí giải thoát,

Tất cả đều đạt được.
Nhờ phước nghiệp công đức.

15. **Tứ vô ngại giải đạo**
Tám cấp độ giải thoát
Viên mãn trí Thanh văn
Cả hai cách giác ngộ:
Độc giác, Chánh Đẳng giác
Tất cả đều đạt được
Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao
Do công đức thù thắng
Vì thế kẻ tinh cần
Và những người có trí
Đã tạo nên kho tàng
Công đức nhờ phước nghiệp.

44 Khujja Sobhita – Tiểu III, 196

Khujja Sobhita – Tiểu III, 196 (175)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng).

Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bổn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các **thiên nhân** cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

*233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Tên là Sobhita,*

Có tật, bị còm lưng.

Rồi vị **thiên nhân** tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

*234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

*235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

45 Khuyên bà con từ bỏ ái - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

46 **Khuyên bạn trách ác, gần thiện - Kinh Vimala – Tiểu III, 209**

Vimala – Tiểu III, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

47 **Khuyên bạn tu - Kinh Gotama – Tiểu III, 331**

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

48 **Khuyên bạn tu - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328**

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III, 328 (238)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena (anh của Sàriputta)**. Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xứ viễn ly, không ổn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Ty-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư.***

578. *Từ những đồng rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. ***Với tâm tư hạ mình,**
Tiếp tục đi từng nhà,
Ty-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. ***Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.***

581. ***Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,
Tại gia và xuất gia.***

582. ***Như kẻ ngu, người câm,***

*Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

*383. Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

*584. Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh **chỉ**,
Đúng thời tu thiền **quán**.*

*585. Đủ tinh tấn **nhẫn** nại,
Luôn chuyên chú bốn phạm,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí **tin** tưởng tiến.*

*586. Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

49 **Khuyên bạn tu không phóng dật - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295**

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy, và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

50 Khuyên bạn tu đời sau - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,
Khi bậc Tối thượng nhân,*

*Bạc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại dược phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.

926. Sống khiêm tốn giản dị,

Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vớỉ cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiện, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,

Do nhân muốn đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. **Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.**

936. **Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.**

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
**Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.**

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. **Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,**

*Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,
Họ tự mình nuôi sống,*

Với quyền lợi kẻ khác.

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chứng,**

Con đường đạo bất tử.

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

51 **Khuyên không nên phóng dật - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280**

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bổn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,
Đâu có phát lộ tội,*

Như vậy, mưa không nặng.

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

52 Khuyên lo tu học - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chẵn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.

1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và
thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiện tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

53 **Khác thay, duyên thế lợi, Khác thay, đường Niết Bàn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43**

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay, duyên thế lợi,
Khác thay, đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

54 Khách lâu ngày ly hương, An toàn từ xa về - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.
Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyến** sinh sầu ưu,

Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả
Tâm thoát ly ác dục,

Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.

55 Khái ái - 3 khát ái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 362b (Tik. I, 9) (It. 50)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba khát ái** này. Thế nào là ba? **Dục** ái, **hữu** ái, **phi hữu** ái. Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

*Trói buộc bởi ái triền,
Tâm ưa hữu, phi hữu,
Bị ma triền trói buộc,
Chúng sanh ấy không được,
An ổn khỏi ách nạn.
Chúng sanh đi luân chuyển,
Đến sanh rồi đến chết.*

*Những ai đoạn được ái,
Ly ái hữu, phi hữu,
Họ đến bờ bên kia,
Trong thế giới hiện tại,
Họ đã chứng đạt được,*

Các lậu hoặc đoạn tận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

56 Khánh hỷ - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói **ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình**, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. **Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm *thị giả* đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một *thị giả thường trực*, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.**

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

*1022. **Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,***

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo nắm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có **tuệ**, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng
nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiên,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bạc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1043. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1044. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1045. *Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

1046. *Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

1047. *Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

57 Khát ái - Hãy đào rễ khát ái - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng,**
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

58 Khát ái khôn nạn này, Thăm độc cả thế giới - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262

Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sāvattthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Mālunkhyā, nên ngài được gọi là **Mālunkya-putta (con bà Mālunkhyā)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,

*Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.*

*400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sâu muợn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.*

*401. **Ai nhiếp phục được ái,
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sâu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.***

*402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.*

*403. **Hãy hành lời Phật dạy,***

*Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sâu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,*

404. *Phóng dật như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.*

59 Khát ái làm màn che - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

60 Khéo nói - 4 chi phần - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605

Kinh Khéo Thuyết – *Tiểu I*, 605 (Sn 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana... Thế Tôn nói như sau:

- Thành tựu **bốn chi phần**, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- **Chỉ nói** *lời khéo nói*, không nói lời vụng nói;
- Chỉ nói *lời đúng pháp*, không nói lời phi pháp;
- Chỉ nói *lời khả ái*, không nói lời phi khả ái;
- Chỉ nói *lời đúng sự thật*, không nói lời không đúng sự thật.

Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, lời nói là được khéo nói không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

450. *Bậc Thiện nhân nói lên,*

*Lời khéo nói tối thượng,
Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái,
Không nói phi khả ái,
Thứ tư, nói chân thật,
Không nói không chân thật.*

Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.

- Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vangisa!

Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

Vangisa:

**451. *Hãy nói lên lời nói,
Không thiêu đốt tự ngã,
Không làm hại người khác,
Lời nói ấy khéo nói.***

**452. *Hãy nói lời khả ái,
Nói lời khiến hoan hỷ,
Không mang theo ác hại,
Khiến người khác ưa thích.***

453. Chân thật, **lời bất tử**,
Đây thường pháp là vậy,
Họ nói, **bậc Thiện nhân**,
An trú trên chân thật,
Trên mục đích, trên pháp.

454. **Lời gì đức Phật nói,**
An ổn, đạt Niết-bàn,
Đoạn tận các khổ đau,
Đấy lời nói tối thượng.

61 Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

62 Khéo tu tập - Với ai khéo tu tập, Niệm thở vào thở ra - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia

cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. **Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tôi thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt!** Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, **với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới** và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina

vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vì diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. *Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.*

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mất,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.

556. *Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

63 **Khí trời dễ chịu, Tâm được thiên định** **- Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184**

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiên định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

64 Khí trời dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

65 Khích lệ - Anh khích lệ em chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III*, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campa trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lũ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cỡi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em *Nandaka*, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thừa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một **đề tài thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quỵ xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ **chánh kiến**,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

66 Khích lệ - Cha khích lệ con tu tập và chứng quả - Kinh Con Trai Của Jambugàmika – Tiểu III, 37

Con Trai Của Jambugàmika – *Tiểu III, 37 (28)*

Ngài sanh ở Campà, con một cư sĩ tên Jambugàmika, và được gọi với tên cha.

Khi học tập hạnh Sa-di, ngài ở Sàketa, tại rừng Anjana, cha ngài sợ ngài không bền chí xuất gia, nên gửi ngài bài kệ để tìm hiểu ngài:

*28. Con có được thỏa mãn,
Với y phục mang mặc?
Con có được hoan hỷ,
Với trang sức điểm tô?
Và mùi hương thơm này,
Do giới con tỏa ra,
Chớ không do người khác
Tạo mùi thơm như vậy!*

Khi ngài đọc bài kệ này, ngài nghĩ rằng phụ thân ngài nghi ngờ ngài còn đang bị thế tục chi phối, và ngài cũng chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Do vậy, ngài cảm thấy xúc động, liền phát tâm tinh tấn tu hành và

không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**. Với bài kệ của người cha làm đề tài thiền quán, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Và vừa đề nói lên chánh trí, vừa tán thán người cha, ngài nói lên bài kệ.

67 Khích lệ - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – Tiểu III, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

195. *Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,*

*Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

68 Khích lệ - Mẹ khích lệ, con chứng quả - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuần thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,*

Sầu muộn bị va chạm.

Ngài suy nghĩ: *"Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền"*.

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

69 Khích lệ - Nhờ khích lệ và chứng quả - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24

Sīvaka – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sīvaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sīvaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sīvaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

70 Khích lệ - Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "**Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng**".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

71 Khích lệ - Thầy chó có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thầy chó có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

72 Khích lệ - Được Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dẫu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?*

Đầu họ có tuyên bố:
"Các dục là vô thường!"
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

73 Khích lệ bạn đạo với bài kệ - Kinh Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22

Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22 (12)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của Sammiddhi, một Bà-la-môn ở làng Nàlaka, Magadha.

Ngài xuất gia vì Sàriputta đã xuất gia, và ngài biết Sàriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

*12. Trí tuệ lực, giới hạnh,
Định, thiền lạc, chánh niệm,
Chỉ ăn những món ăn,
Đem lại quả tốt đẹp,
Ở đây, tham viễn ly,
Chờ đợi giờ mạng chung.*

74 Khòem lưng, nhưng có đại thần lực - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 257 (Ud 76)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvṭṭhi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Lakumthakabhaddiya** đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, **xấu xí, khó nhìn, khòem lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ**, thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thấy chăng Thầy Tỷ-kheo này từ đằng xa đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòem lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Tỷ-kheo ấy, nay các Tỷ-kheo, **có đại thần lực, có đại uy lực**, thiên chúng không dễ gì chúng được, thiên chúng ấy trước đây Tỷ-kheo ấy không thực hành tốt đẹp. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, **vì ấy**

ngay trong hiện tại tại tự mình với thắng trí chúng ngộ
chúng đạt và an trú.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*5. Bộ phận không khuyết thiếu,
Có tán trắng che trên,
Chỉ có một bánh xe,
Chiếc xe được di chuyển.*

*Hãy thấy vị ấy đến,
Không phiền muộn khó khăn,
Dòng nước đã cắt đứt,
Vị ấy không trói buộc.*

75 **Khó gặp bậc Thánh nhơn, Không phải đâu cũng có - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67**

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

76 Khó làm là việc ác, Đồi với kẻ làm lành - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 225 (Ud 59)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực. **Devadatta thấy Tôn giả Ananda** đi khát thực ở Ràjagaha, sau khi thấy, đi đến Tôn giả Ananda và nói với Tôn giả Ananda.

- Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ananda, ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các tăng sự, khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Ananda, sau khi đi khát thực ở Ràjagaha, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát, vào Ràjagaha để khát thực. Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy con đi khát thực ở Ràjagaha, thấy vậy liền đi đến con và nói: "Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ananda.. khác với chúng Tỷ-kheo!". Hôm nay, bạch

Thế Tôn, Devadatta sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các tăng sự.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

8. *Dễ làm là việc lành,*

Đối với kẻ làm lành;

Khó làm là việc ác,

Đối với kẻ làm lành.

Dễ làm là việc ác,

Đối với kẻ làm ác;

Khó làm là việc ác,

Đối với các bậc Thánh.

77 **Khó nắm giữ, khinh động, Theo các dục quay cuồng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38**

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

78 Khó thay, sống xấu hổ, Thường thường cầu thanh tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. **Khó thay, sống xấu hổ,**
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

79 Khó thay, được làm người, Khó thay, được sống còn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I, 67*

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

80 **Khó tìm ở đời - Thật khó tìm ở đời, Người biết then, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57**

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I*, 57

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. **Chúng sanh cầu an lạc,**
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chẵn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ,
Cũng vậy, **già** và **chết**,
Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm,
Do tự nghiệp, người ngu,
Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lừa thê
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. *Như ngựa hiền chạm roi,
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với **tín, giới, tình tấn**,
Thiền **định** cùng **trạch pháp**.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.*

145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

81 Khóc - Hạ sanh từ Phạm Thiên giới, không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,

Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

82 Khóc - Kinh Năm Trăm Patàcàrà – Tiểu III, 609

Năm Trăm Patàcàrà – *Tiểu III*, 609 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong những gia đình khá giả, tại nhiều chỗ khác nhau, lấy chồng, có con, sống lo việc bếp núc trong gia đình. Họ đều chịu sự đau khổ khi **con của họ bị chết**.

Rồi họ đi tìm đến Patàcàrà, đánh lễ nàng, ngồi xuống một bên nàng và nói cho nàng biết nỗi đau khổ của họ. Patàcàrà, làm cho họ vơi bớt sự đau khổ, nói lên những bài kệ như sau:

*137. Ông không biết con đường,
Nó đến hay nó đi,
Từ đâu con trai đến,
Ông lại khóc: "Con tôi".*

*138. Ông đâu biết con đường,
Nó đến hay nó đi,
Ông khóc nó làm gì?
Pháp hữu tình là vậy.*

129. Không có ai yêu cầu,

*Từ chỗ kia, nó đến,
Không có ai cho phép,
Từ chỗ này, nó đi,
Từ đâu, nó đến đây!
Được sống bấy nhiêu ngày.*

*130. Từ chỗ này nó đến,
Từ chỗ kia, nó đi,
Nó đến một con đường!
Nó đi một con đường,
Mệnh chung, hình sắc người,
Luân hồi, nó sẽ đi!
Đến vậy, đi như kia,
Ở đây, khóc than gì?*

Sau khi nghe nàng giảng, họ đều cảm thấy dao động và xin xuất gia, dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà. Sau khi tinh cần **triển khai thiền quán**, chúng đạt được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng của mình, các vị ấy lập lại bài kệ giáo hóa của Patàcàrà và cộng thêm những bài kệ của chính mình như sau:

*131. Cây tên, khó thấy được,
Từ tim ta, nhớ lên:
Nàng diệt sâu vì con,*

Sầu ấy ám ảnh ta.

132. *Nay cây tên được nhỏ,
Không dục cầu, tịch tịnh,
Ta quy y ản sĩ,
Phật, Pháp và chúng Tăng.*

Về sau Tỷ-kheo-ni này rất giỏi về lời dạy của Patàcàrà, nên chúng được gọi là: **tùy thuộc của Patàcàrà.**

83 Khóc - Mẹ than khóc vì con chết - Kinh Ubirì – Tiểu III, 569

Ubirì – *Tiểu III*, 569 (33)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là Jivà.

Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivà bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc.

Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông Aciravàti và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- *Tại sao nàng khóc?*

Nàng đáp:

- *Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.*

Thế Tôn nói:

- *Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!*

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, **Thế Tôn nói lên bài kệ:**

51. *Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
*Trong bãi đốt thân này,
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà,
Nàng khóc Jivà nào?**

Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy. Nhờ **thiền quán** tác động, những lời dạy tốt đẹp của bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt được, nàng nói lên nửa bài kệ sau:

52. *Mũi tên khó nhìn thấy,
Đâm dính nơi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhổ lên khỏi tâm ta,
Sâu muợn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.*

*53. Nay mũi tên được nhỏ,
Mọi ham muốn lắng dịu,
Ta đi đến quy y,
Bậc Mâu-ni ẩn sĩ,
Quy y Ba ngôi báu,
Phật, Pháp và chúng Tăng.*

84 Khóc - Nay con người ta khóc, Là khóc cho người ấy - Kinh Sànu – Tiểu III, 53

Sànu – Tiểu III, 53 (44)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên **bảy tuổi**, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc.

Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, **mẹ** ngài là một **nữ Dạ-xoa**. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sâu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,*

Dầu có đứng lên chạy.

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thừa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thừa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thừa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: **"Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục"**, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,*

*Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn **sống** cũng như **chết**,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu
muộn, và tinh tấn **phát triển thiền quán**, không bao
lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài
chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những
bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

85 Không - Do quán không, vô tướng, Ta đạt quả mong muốn - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567

Một Uttarà Khác – *Tiểu III* 567 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng xuất gia, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. *Bảy pháp Giác chi* này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.

46. *Do quán không, vô tướng,*
Ta đạt quả mong muốn,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.

47. *Trong an lạc Niết-bàn,*

Mọi dục được đoạn diệt,
*Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

86 Không Phóng dật - Phẩm Không Phóng Dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí đẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tinh cần** giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thieu kiết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

87 Không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tu tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở

lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Nay Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai

mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay

đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời **đại địa** chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bạc ản sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,*

*Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,
Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đồ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.*

88 Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên đất - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vẫy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trời buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

89 Không biết được sanh thú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú không biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh** giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ **không** có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

90 Không bệnh, lợi tôi thượng, Biết đủ, tiền tôi thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,

Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,

Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,

Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

91 Không bờ này, bờ kia, Cả hai bờ không có - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

92 Không chuyên chế, đúng pháp, Công bằng, dắt dẫn người - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

93 Không chân, tưởng chân thật, Chân thật, thấy không chân - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo".
2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình".
3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi"
**Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.**
4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,

Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vội hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "N^{hư} ng^{ôi} nh^à v^{ụng} l^ộp,
M^{ưa} li^{ền} x^{âm} nh^{ập} v^{ào}.
C^{ũng} v^{ậy} t^{âm} kh^{ông} t^u,
Th^{am} d^{ục} li^{ền} x^{âm} nh^{ập}."

14. "N^{hư} ng^{ôi} nh^à kh^{éo} l^ộp,

Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,
Kẻ ác, hai đòi sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,
Làm phước, hai đòi vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,
Kẻ ác, hai đòi than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,
Làm phước, hai đòiướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,

Không phần Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

94 Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rājagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

95 Không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

96 Không còn tái sinh - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551

Kinh Sùciloma – Tiểu I, 551 (Sn 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Gayà, ở Tamkitamanca tại trú xứ của Dạ-xoa Sùciloma. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara, Dạ-xoa Sùciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Sùciloma: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa Sùciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến cọ xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa Sùciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?
- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, **nhưng xúc chạm với Ông là ác.**
- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.
- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên,

trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa Sùciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. *Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?*

Không ưa thích, ưa thích?

Sợ hãi từ đâu sanh?

Từ đâu được sanh khởi,

Các suy tầm của ý?

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. *Từ những nguyên nhân này,*

Tham, sân *được khởi lên,*

Không ưa thích, ưa thích,

Sợ hãi *từ đây sanh,*

Từ đây được sanh khởi,

Các suy tầm của ý,

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay.

272. **Sự hiện hữu của ngã,**
Chính do **thân ái** sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triển phược các **đục,**
Thật rộng lớn vô cùng,
Như cây Màluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.

273. Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết,
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khó vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.

97 Không có diệt và sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 267 (Ud 83)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoai liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

- **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động.**

Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.

Không có dao động thì có khinh an.

Có khinh an thì không có thiên về.

Không có thiên về thì không có đến và đi.

Không có đến và đi thì không có diệt và sanh.

Không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

98 Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

99 Không có sanh thú để chỉ bày - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú không biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh** giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ **không** có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

100 Không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 265

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 265 (Ud 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

- Nay các Tỷ-kheo, *có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng, mặt trời. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.*

101 Không công cao ngã mạn, Khi được người đánh lễ - Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579

Kinh Chánh xuất gia – Tiểu I, 579 (Sn 63)

Người hỏi:

359. *Tôi hỏi bậc ẩn sĩ,
Có trí tuệ rộng lớn,
Đã vượt qua bờ kia,
Tịch tịnh, tự an trú.
Làm sao một Tỷ-kheo,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Lại có thể chơn chánh,
Du hành ở trên đời?*

Thế Tôn:

360. *Ai nhờ lên điềm lành,
Như vậy, Thế Tôn đáp,
Các sao băng mộng寐,
Và các tướng lành dữ,
Vị ấy đoạn trừ được,
Các lỗi lầm điềm lành;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,*

Du hành ở trên đời.

361. *Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
Đối với các dục vọng,*

*Tại thiên giới, nhân giới,
Vượt hữu, chứng tri pháp;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

362. Tỷ kheo *bỏ hai lười,
Bỏ phần nộ, xan tham,
Với tùy thuộc chống đối,
Đoạn tận thật hoàn toàn,*

*Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

363. *Sau khi đã từ bỏ,
Cả ái và phi ái,
Không chấp thủ một ai,
Không y chỉ chỗ nào,
Giải thoát được hoàn toàn,
Các kiết sử trối buộc,*

*Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

364. *Ai không tìm lỗi cây,
Đối với các sanh y,*

Có thể nhiếp phục tham,
Đối với các chấp thủ,
Vị ấy không y chỉ,
Không để ai dắt dẫn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

365. Với **lời** và với ý,
Và với cả nghiệp làm,
Không chống đối một ai,
Chơn chánh biết diệu pháp,
Thường cố gắng hướng đến,
Đường Niết bàn tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

366. Tỷ-kheo không tự cao,
Khi người đánh lể mình,
Dầu có bị nhiếc mắng,
Không khởi tâm tức tối,
Được đồ ăn của người,
Không có sự tham đắm,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

367. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
Tham dục và sanh hữu,

Từ bỏ, không làm hại,
Không trói buộc một ai,
Vị ấy vượt nghi hoặc,
Đã rút ra mũi tên,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

368. Tỷ-kheo sau khi biết,
Điều thích đáng cho mình,
Không làm hại một ai,
Có mặt ở trên đời,
Sau khi đã biết pháp,
Như thật, như thế nào,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

369. Với ai, **các tùy miên,**
Không còn có tồn tại,
Và **cội gốc bất thiện,**
Được nhổ lên tận trờ,
Vị ấy không tham dục,
Không có hy cầu gì.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

370. **Ai đoạn tận lậu hoặc,**
Đoạn trừ cả kiêu mạn,

Mọi con đường tham **dục**,
Được chế ngự nhiếp phục,
Được nhiếp phục tịch tịnh,
Tự ngã được an lập,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

371. Có lòng tin, nghe pháp,
Thấy được **quyết định tánh**,
Bậc hiền không phe phái,
Giữa rất nhiều phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tham, sân và hận thù,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

372. Thanh tịnh và chiến thắng,
Kéo lên màn che kín,
Tự tại trong các pháp,
Đến bờ kia, bất động,
Đoạn diệt các sở hành,
Thiện xảo trong chánh trí,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

373. Trong những thời quá khứ,
Trong những thời vị lai,

*Vượt qua các chủ thuyết,
Trí tuệ thật thanh tịnh,
Với tất cả mọi xứ,
Được hoàn toàn giải thoát.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

374. *Rõ biết được Pháp cú,
Chứng tri được Chánh pháp,
Thấy được sự mở rộng,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đối tất cả sanh y,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

Người hỏi:

375. *Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Thực sự là như vậy,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã an trú như vậy,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tất cả các kiết sử,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

102 Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là con trai một công chúa con vua, về sau ngài được biết là con trai của *Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

103 Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

104 Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

105 Không hận, hết bồn phận, Trì giới, không tham ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I, 106*

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên sông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

106 Không hộ trì các căn - Đau khổ về tâm tư - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,*

Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

107 Không khinh điều mình được, Không ganh người khác được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bộc lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

108 Không khí dễ chịu, thiên định, thiên quán, và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiên định, thiên quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

109 Không khí dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

110 Không khí dễ chịu, định tâm và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – *Tiểu III, 60* (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

111 Không khí vừa phải, Tâm được thiên định - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiên định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mở đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

112 Không kính bạn đồng tu - Kinh Mahà Nàga – Tiểu III, 259

Mahà Nàga – Tiểu III, 259 (212)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại Sàketa, con trai một Bà-la-môn tên Madhu Vàsettha và được đặt tên là *Mahà-Nàga*.

Ngài thấy thần thông do *Trưởng lão Gavampati* thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng Anjana, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả A-la-hán nhờ vị này giáo huấn.

Ngay khi ngài an trú trong an lạc giải thoát, Trưởng lão Mahà-Nàga **thấy sáu Tỷ-kheo** thường hay không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, và ngài giáo huấn họ với những bài kệ như sau, những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài:

387. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng thói giảm diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

388. *Ai đối đồng Phạm hạnh,*

Không có sự cung kính,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.

389. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng xa rời Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

390. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Không thối giảm diệu pháp,
Như cá được nước nhiều.

391. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Lớn mạnh trong diệu pháp,
Như giống tốt trong ruộng.

392. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Họ đến gần Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

113 Không liên hệ cả hai, Xuất gia và thế tục - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đả trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

114 Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

115 Không lỗi, lại thấy lỗi, Có lỗi, lại thấy không - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vũng nấp,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng dăng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng dăng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thùỵ,
Trong ngoài đều phòng hộ,

Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng **sợ**, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

116 Không mắng, không gia hại, Chế ngự trong giới bốn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 191 (Ud 42)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, sống ở rừng, đi khát thực, mặc y lượm từ đồng rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần tinh tấn, nói hạnh đầu đà, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*6. Không mắng, không gia hại,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống,
Nằm ngồi chỉ một mình,
Chú tâm vào tăng thượng,*

Chính lời chư Phật dạy.

117 Không như lý tác ý, Ta chuyên trang sức ngoài - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **đục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

118 Không nhờ ai nuôi dưỡng, Chỉ khát thực từng nhà - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo **thân ái,**
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

119 Không nên nhìn lỗi người, Người làm hay không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
**Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."**

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."*

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Như từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

120 Không nên nói - Nghe những lời thô ác, Tỷ-kheo hãy chịu đựng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.
- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mộ của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thừa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.
- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?
- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.
- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mộ tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: *"Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong*

những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

8. *Ai nói lời không thật,*

*Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói
Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ ly, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau*

một tuần sẽ biến mất". Bạch Thê Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thê Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Người không biết chế ngự,
Với lời đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,
Khi tham gia chiến trận.

Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiểm hận.*

121 Không nói lời độc, thô ác - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755

Kinh Sàriputta – *Tiểu I, 755* (Xá-lợi-phát)

Sàriputta:

955. *Trước con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi Đâu-suất đến,
Xá-lợi-phát nói vậy.*

956. *Bậc có mắt xuất hiện,
Đời này và thiên giới,
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc.*

957. *Bậc Giác ngộ, độc lập,
Như thật, không man trá,
Ngài đến ở đời này,
Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trói buộc,
Con đến với câu hỏi.*

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,
Sống an tọa, trống không,
Tại gốc cây, nghỉ ngơi địa,
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,
Có bao nhiêu sợ hãi,
Khiến Tỷ kheo không run,
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,
Tỷ Kheo cần chinh phục,
Trong **hướng đi bất tử**,
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử,
Của vị ấy là gì?
Có bao nhiêu giới cấm, (???giới hạnh)
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Tẩy sạch các cấu uế,
Trên tự ngã của mình,
Như thợ lọc vàng bạc?

Thế Tôn:

963. Này Sàriputta,
Thế Tôn bèn trả lời:
Với người **biết nhàm chán**,
Có gì là khoan khoái!
Khi sử dụng sàng tọa,
Tại chỗ tịnh trống không,
Với ai muốn giác ngộ,
Sống đúng với tùy pháp,
Ta sẽ nói người ấy,
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,
Chánh niệm sống biên địa,
Không có sợ năm điều,
Đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, mối bay,
Cùng các loài bò sát,
Xúc chạm của loài người,
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,
Tri kiến của người khác,
Khi đã được thấy biết,
Nhiều sợ hãi của chúng,
Bạc tìm đến chí thiện,

Thấy được các nguy hiểm,
Cần phải lo khắc phục,
Tất cả nguy hiểm khác.

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
Khi cảm xúc đối khổ,
Vội lạnh và cực nóng,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Bị chúng cảm xúc nhiều,
Kẻ không bỏ nhà cửa,
Cần tinh tấn cần mãi,
Lòng hết sức kiên trì.

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Chớ nói lời nói láo,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Khi rõ biết tâm tư,
Trong tình trạng dao động,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
Phân hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,
Bởi phần nô, quá mạn,
Hãy đào chúng tận gốc,
Và an trú như vậy,
Đối những gì khả ái,

Hay đối không khả ái,
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,
Hoan hỷ trong chí thiện,
Hãy chận đứng loại bỏ,
Nguy hiểm ách nạn ấy,
Hãy khắc phục bất lạc,
Đối trú xứ vắng lặng,
Hãy khắc phục bốn pháp,
Khiến sáu muợn khóc than.

970. Ta sẽ **ăn** những gì,
Và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta **ngủ**,
Nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy,
Vì ấy có thể than,
Bậc hữu học, không nhà,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.

971. Với đồ ăn, vải mặc,
Đúng thời, thâm hoạch được,
Cần ước lượng vừa đủ,
Với mục đích thỏa mãn,
Chế ngự đối với chúng,

Sống nhiếp phục trong lòng,
Dầu phần uất, không nói,
Những lời độc thô ác.

972. *Với mắt cúi nhìn xuống,*
Chân không đi lang thang,
Chú tâm vào thiền định,
Với rất nhiều tĩnh giác,
Cố gắng tu tập xả,
Tư ngã khéo định tĩnh,
Hãy cắt đứt trừ khử,
Các nghi ngờ hối tiếc.

973. *Bị buộc tội bằng lời,*
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,
Phá hoại sự cứng rắn,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Nói lên những lời nói,
Hiền thiện và đúng thời,
Không để tâm suy tư,
Các chủ thuyết người khác.

974. Lại nữa, ***năm loại vua,***
Hiện có ở trên đời,
Hãy học nhiếp phục chúng.
Luôn luôn giữ chánh niệm.
Đối với ***sắc và tiếng,***

Đối với **vị** và **hương**,
Cùng đối các cảm **xúc**,
Hãy chế ngự tham ái.

975. **Hãy chế ngự ước muốn,**
Đối với những pháp ấy,
Vì Tỷ kheo chánh niệm,
Tâm tư khéo giải thoát,
Rồi đúng thời vị ấy,
Chơn chánh suy tư pháp,
Với **chuyên tâm nhất trí,**
Hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy.

122 Không phóng dật - Khuyên bạn tu không phóng dật - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

123 Không phóng dật - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

124 Không phóng dật - Kể trí không phóng dật, Như bảo vệ vật báu - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thôi cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gậy trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.

869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.

870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi
nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. Làm xong nhiều nghiệp vậy,
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

125 Không phóng dật - Là Pháp đem lại hai lợi ích - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 314

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 314 (Ek III,3) (It. 16)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại hai lợi ích, an trú ngay hiện tại và lợi ích cho tương lai. Thế nào là một pháp? **Không phóng dật trong các thiện pháp.***

Này các Tỷ-kheo, đây là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại được hai lợi ích, an trú ngay trong hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế Tôn đã nói lên lợi ích này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bậc Hiền trí tán thán,
Không phóng dật hành thiện,
Bậc Hiền không phóng dật,
Đem lại hai lợi ích,
**Lợi ích ngay đời này,
Và lợi ích tương lai***

*Bạc trí do thắng trí,
Chứng đắc được lợi ích,
Nên được gọi bạc trí.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

126 Không phóng dật, đường sống, Phóng dật là đường chết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết."

Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí dẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tỉnh cần** giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thiêu kết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

127 Không phải Alahán, tự nhận Alahán - Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvàja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvàja. Bà-la-môn Aggibhàradvàja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - *Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvàja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kẻ bàn tiện hay các pháp tạo thành kẻ bàn tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.
- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvāja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phần nộ, hiểm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. *Ai vay nợ của người,*

Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,

Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy**,
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,
Được biết là bần tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và **xan tham**,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,
Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Mátanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Mátanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,
Quyến thuộc với **bà chú**,
Họ vẫn thường được thấy,*

Làm các điều ác nghiệp,

141. *Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

142. *Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành** thành bần tiện,
Do **hành** thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

128 Không phải là Trưởng lão, Dầu cho có bạc đầu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,
Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu.**"

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ưế,
Mới xứng danh **Trưởng Lão.**

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Dầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. **Ai lắng dịu hoàn toàn,**

Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.
Không hại mọi hữu tình,

Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tư tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

129 Không phải nói lưu loát, Không phải sắc mặt đẹp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

130 Không phải sống lơ thê, Bện tóc, tro trét mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I*, 57

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,

Nói ác, bị nói lại,

Khổ thay lời phản nộ,

Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,

Như chiếc chuông bị bể.

Người đã chứng Niết Bàn

Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chăn bò,

Lùa bò ra bãi cỏ,

Cũng vậy, **già** và **chết**,

Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,

Không ý thức việc làm,

Do tự nghiệp, người ngu,

Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,

Làm ác người không ác.

Trong mười loại khổ đau,

Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,

Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,

Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lỏa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. **Thật khó tìm ở đời,**

Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. **Như ngựa hiền chạm roi,**
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.

145. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

131 Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh bậc trí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

132 Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh trì pháp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khát sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

133 Không phần nô, không hận, Không gian, không hai lưỡi - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302

Sirimitta – Tiểu III, 302 (230)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là *Sirimitta*.

Mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đối với bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bốn Pàtimokkha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau:

**502. Không phần nô, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.**

503. Không phần nô, không hận,

*Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thường hộ căn**,
Đời sau không ưu sầu.*

*504. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **giữ thiện giới**,
Đời sau, không ưu sầu.*

*505. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thiện bằng hữu**,
Đời sau không ưu sầu.*

*506. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thiện trí tuệ**,
Đời sau, không ưu sầu.*

Sau khi thuyết giảng về phần nộ, hận... ngài nói đến **con đường siêu thoát**, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

*507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nếp giới hạnh,*

*Được thiện nhân tán thán,
Được bậc Thánh tùy hỷ.*

*508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.*

*509. Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt tủy lời Phật.*

134 Không phỉ báng, phá hoại, Hộ trì giới căn bản - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

135 Không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 266 (Ud 82)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*- Nay các Tỷ-kheo, **có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi.***

Nay các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

*Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, **có** cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, **nên có** trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.*

136 Không sợ hãi cái chết - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

705. *Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. *Nhưng ngài không khiếp sợ,*

*Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?*

Adhimutta trả lời:

*707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.*

*708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.*

*709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.*

*710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.*

711. Bờ kia đến, không thủ,

Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
*Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.*

713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?**

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,**

Không sợ hãi, thưa ngài.

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sâu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.

137 Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc Trí - Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11

Kinh Điềm Lành – Tiểu I, 11 (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

10. Nhiều Thiên tử và người,^[SEP]
Suy nghĩ đến điềm lành,^[SEP]
Mong ước và đợi chờ,^[SEP]
Một nếp sống an toàn,^[SEP]
Xin Ngài hãy nói lên,^[SEP]
Về điềm lành tôi thương.

Đức Phật:

11. Không thân cận kẻ ngu,^[SEP]
Nhưng gần gũi bậc Trí,^[SEP]
Đánh lễ người đáng lễ,^[SEP]

Là điềm lành tối thượng.

12. Ở trú xứ thích hợp,^{[L][SEP]}
Công đức trước đã làm,^{[L][SEP]}
Chân chánh hướng tự tâm,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

13. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,^{[L][SEP]}
Khéo huấn luyện học tập,^{[L][SEP]}
Nói những lời khéo nói,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

14. Hiếu dưỡng mẹ và cha,^{[L][SEP]}
Nuôi nấng vợ và con,^{[L][SEP]}
Làm nghề không rắc rối,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

15. Bố thí, hành, đúng pháp,^{[L][SEP]}
Săn sóc các bà con,^{[L][SEP]}
Làm nghiệp không lỗi lầm,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

16. Chấm dứt, từ bỏ ác,^{[L][SEP]}
Chế ngự đam mê rượu,^{[L][SEP]}
Trong Pháp, không phóng dật,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

17. Kính lễ và hạ mình,^{[L][SEP]}
Biết đủ và biết ơn,^{[L][SEP]}
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,^{[L][SEP]}
Là điềm lành tối thượng.

18. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,^[SEP]
Yết kiến các Sa-môn,^[SEP]
Đúng thời, đàm luận Pháp,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

10. Khắc khổ và Phạm hạnh,^[SEP]
Thấy được lý Thánh đế,^[SEP]
Giác ngộ quả: "Niết Bàn",^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

11. Khi xúc chạm việc đời,^[SEP]
Tâm không động, không sầu,^[SEP]
Không uế nhiễm, an ổn,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

12. Làm sự việc như vậy,^[SEP]
Không chỗ nào thất bại,^[SEP]
Khắp nơi được an toàn,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

138 Không thể chứng ngộ - 2 pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 330 (Duk.
I,7) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi, có thể chứng được giác ngộ, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người không có nhiệt tình,
Không có biết sợ hãi,
Biếng nhác, không tinh cần,
Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,
Không có lòng tôn kính,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Không có thể đạt tới,
Tối thượng Chánh-Đẳng-Giác.*

*Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh, tu thiền định,
Nhiệt tình, biết sợ hãi,
Và không có phóng dật,
Sau khi chặt đứt được
Kiết sử sanh và già,
Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

139 Không tin, hiểu vô vi. Người cắt mọi hệ lụy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

140 Không tiết độ ăn uống - Đau khổ về thân thể - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,*

Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

141 Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55

Phẩm Ác – *Tiểu I*, 55

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn **tâm** làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều **ác**,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều **thiện**,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muối.
Khi thiện được chín muối,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,

Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được **quả ác nghiệp**.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay **thần chết**.

142 Không trí tuệ, không thiên, Không thiên, không trí tuệ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiên định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ khéo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

143 Không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 424 (Tik.
V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tán rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự* sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

*Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả bảy loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.*

144 Không tâm phục vì ganh, mạn lừa dối - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả** trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên *Kassapa*, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là *Uruvelà Kassapa* vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con *rắn*, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng *kinh Adittapariyàya* cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng tế tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhãn ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.*

*380. Do đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi kiết sử tận diệt.*

145 Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: "Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ".

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với **tuệ**, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập *con đường*,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp *con đường* chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngôi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngôi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngồi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tâm tứ** chế ngự,
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được **hỷ lạc**,
Không uế chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

146 Không tìm được dấu vết - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 259 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tướng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Với ai các **hý luận**,
Không còn có an trú,
Thoát ly được liên hệ,
Thoát ly được **ảo tướng**,
Chư Thiên và thế giới,
Không thể nào rõ biết,
Sở hành vị ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi **tham ái**.*

147 Không tăng không giảm - Niết bàn giới - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp

qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Upasatha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Upasatha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, nay các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Upasatha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Nay các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông

Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vi là **vi mãn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì

rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là **trú xứ các loài sinh vật lớn**. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.**

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lồi như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lồi**. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lồi. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhứt**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập

*tức bị quăng trên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn giai cấp này**: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, **sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích***

tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đáy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc,

vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. **Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và*

Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

148 Không tụng làm nhóp kinh, Không đứng dậy, bần nhà - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uest, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu uest, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

149 Không vui, giả dạng vui, Không ái, giả dạng ái - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 141 (Ud 15)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kundiyàya, trong rừng Kunditthàna. Lúc bấy giờ, Suppavàsa, con gái của vua xứ Koliya có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm:

- *"Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này.*
- *Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Chúng hành trì để đoạn tận đau khổ này.*
- *Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt".*

Rồi Suppavàsa, con vua Koliya gọi người chồng của mình:

- Này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú

và thưa: "- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa con gái vua Koliya cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú". Rồi hãy nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn ... Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Mong rằng Suppavàsa, con gái vua Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn. Với lời nói này của Thế Tôn, Suppavàsa, con gái Koliya, được an lạc không bệnh, để đứa con trai không bệnh.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng

về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavàsa, con gái vua Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh, thấy vậy liền suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavàsa con gái vua Koliya này, với lời nói của Thế Tôn được an lạc, không bệnh, sanh con trai không bệnh!". Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, bảo người chồng mình:

- Hãy đi, này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "*Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavàsa với chúng Tỷ-kheo*".

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: Suppavàsa, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo..."

Lúc bấy giờ một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị cầm đầu, ngày mai dùng cơm, người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả Moggallàna. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- *Này Moggallàna, hãy đến người cư sĩ, sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: "Này Hiền giả, Suppavàsa con của vua Koliya.. có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc.. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Hãy để cho Suppavàsa tổ chức bảy ngày cơm trước. Sau sẽ đến lượt người hộ trì cho người".*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Mahà Moggallàna vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến người cư sĩ ấy, sau khi đến nói với người cư sĩ:

- Này Hiền giả, Suppavàsa... Hãy để cho Suppavàsa con của Koliya tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên Ông.

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về **tài sản**, về **thọ mạng**, về **lòng tin**, hãy để cho Suppavàsa, con gái của vua Koliya, tổ chức trước, rồi sau đến phiên con.

- Nay Hiền giả, về hai pháp ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm!

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày con trước. Rồi sẽ đến phiên con.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và khiến cho đứa trẻ đánh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sàriputta nói với đứa trẻ:

- *Này Con, Con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?*

- Thừa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? **Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!**

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, nghĩ rằng: "Con ta đang nói chuyện với vị tướng quân về Pháp, hoan hỷ, tín thọ, với tâm hỷ lạc."

Rồi Thế Tôn nói với Suppavàsa, con gái vua Koliya:

- *Này Suppavàsa. Con có muốn một người con trai khác như vậy không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

8. *Không vui, giả dạng vui,
Không ái, giả dạng ái,
Khổ đau, giả dạng lạc,
Nhiếp phục kẻ phóng dật.*

150 Không vì mình, vì người. Không cầu được con cái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46

Phẩm Hiền Trí – *Tiểu I*, 46

76. Nếu thấy bậc Hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.

79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,

Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.

84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.

Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uest từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập **giác chi**,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.

Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.

151 Không vì người khác nói, Con người thành ăn trộm - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Nhu mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.

499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,

Với vua hỏi về con mộng:

500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,

501. **Có mắt, như kẻ mù,**
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.

152 Không ác nào không làm - Ai vi phạm một pháp, Ai nói lời vọng ngữ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hanh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,

Ai nói lời vọng ngũ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

153 Không ác ý, nhẫn chịu, Phỉ báng, đánh, phạt hình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên sông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

154 Không đáng hổ, lại hổ. Việc đáng hổ, lại không - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng đảng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng đảng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thùỵ,
Trong ngoài đều phòng hộ,

Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

155 Không đáng sợ, lại sợ, Đáng sợ, lại thấy không - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, dọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị dọa địa ngục.

312. Sống phóng đảng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng đảng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,

Trong ngoài đều phòng hộ,
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng **sợ**, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

156 Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9)
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo
ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào,
vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo,
các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này
các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng
trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo,
không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không
ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-
kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các
Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng
thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

157 Không được Đức Phật chấp nhận là người tu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 439 (Cat. 4)
(It. 104)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "Đây là **Khổ**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ tập**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ diệt**", không như thật quán tri: "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**". Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, **không được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại **cũng không tự mình** với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật quán tri: "Đây là Khổ", như thật quán tri: "Đây là Khổ tập", như thật quán tri: "Đây là Khổ diệt", như thật quán tri: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-

môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, **tự mình với thẳng trí chứng ngộ**, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những ai không quán tri,
Khổ và khổ hiện hữu,
Ở đây, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Và không biết đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Những vị ấy không có,
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào quán tri,
Khổ và khổ tập khởi,
Ở đây, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Rõ biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Tâm giải thoát thành tựu,
Và cả **tuệ giải thoát**,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

158 Không định tĩnh - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9) It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo, không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

159 Không, vô tướng - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.*

160 Không, vô tướng, giải thoát - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

161 Khăn lau chân - Đạo Sư thương xót ta, Cho ta khăn lau chân - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

162 Khả ái thay núi rừng, Chỗ người phàm không ưa - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nào.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,

Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,

Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

163 Khả ái, khả ý - Gốc của khổ đau - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 140* (Ud 14)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthaphindika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mệnh chung. Rồi nhiều nam cư sĩ, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên.

- *Này các Cư sĩ, sao các Ông, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, lại đến đây, trong lúc quá sớm như vậy?*

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mệnh chung. Do vậy chúng con với áo ướt đầm, với tóc ướt đầm đã đến đây trong lúc quá sớm!*

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng*** này:

***7. Bị khả ái, dễ thương,
Trối buộc và chi phối,***

*Rất nhiều chư Thiên chúng,
Và nhiều hạng con người,
Đau khổ và héo mòn,
Bị thần chết nhiếp phục.*

*Ngày đêm không phóng dật,
Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị ấy đào gốc khổ,
Mỗi nhử của ác ma,
Thật khó vượt qua được.*

164 Khả ý - Khả ý, bất khả ý sanh khởi do duyên có cảm xúc - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725

Kinh Tranh luận – Tiểu I, 725

Người hỏi:

862. *Từ đâu được khởi lên,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Từ đâu chúng sanh nhiều,
Mong Ngài hãy nói lên?*

Thế Tôn:

863. *Từ **ái** sanh khởi nhiều,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Các tranh luận, đấu tranh,*

Đều liên hệ **xan tham**,
Những lời nói hai lưỡi,
Khởi lên từ tranh luận.

Người hỏi:

864. *Do những nhân duyên nào,*
Khả ái sanh ở đời?
Hay những tham lam nào,
Được lưu hành ở đời?
Ước vọng và thành đạt,
Là do nhân duyên nào?
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai?

Thế Tôn:

865. Do **ước muốn** là nhân,
Khả ái sanh ở đời,
Hay với những tham lam,
Được lưu hành ở đời,
Ước vọng và thành đạt,
Do ước muốn làm nhân,
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai.

Người hỏi:

866. Ước muốn sanh ở đời
Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định,
Do nhân nào được sanh?
Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Hoặc là những pháp nào,
Được Sa-môn nói đến?

Thế Tôn:

867. **Khả ý, bất khả ý,**
Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng,
Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc,
Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được,
Những quyết định ở đời.

868. Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành,
Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập,
Trên con đường chánh trí,

Sau khi biết các pháp,
Do Sa-môn thuyết giảng.

Người hỏi:

869. Khả ý, bất khả ý,
Là do nhân duyên nào,
Do cái gì không có,
Họ không có hiện hữu.
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con,
Nguyên nhân gì chúng sanh?

Thế Tôn:

870. Do nhân duyên **cảm xúc**,
Khả ý, bất khả ý,
Nếu không có cảm xúc,
Họ cũng không hiện hữu,
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Ta nói cho Ông rõ,
Nguyên nhân này, chúng sanh.

Người hỏi:

871. Còn cảm xúc ở đời,
Do nhân gì sanh khởi,
Hay các loại chấp thủ,
Do từ đâu sanh nhiều,
Do cái gì không có,
Ngã sở hữu không có,
Cái gì không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc?

Thế Tôn:

872. Do duyên **danh** và **sắc**,
Nên có các cảm xúc,
Do nhân các **ước muốn**,
Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có,
Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc.

Người hỏi:

873. Sở hành như thế nào,
Sắc pháp không hiện hữu?
An lạc và khổ đau,
Thế nào không có mặt?
Hãy nói lên cho con,

*Không có như thế nào,
Chúng con muốn được biết,
Tâm ý con nói vậy.*

Thế Tôn:

874. ***Không có tướng các tướng,
Không có tướng vô tướng,
Phi tướng cũng không có,
Vô hữu tướng cũng không.***
*Do sở hành như vậy,
Sắc pháp không hiện hữu,
**Do nhân duyên các tướng,
Hý luận** được hình thành.*

Người hỏi:

875. *Ngài đã nói chúng con,
Những điều chúng con hỏi,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Mong Ngài trả lời cho,
Bậc Hiền trí nói rằng,
Như thế này tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa
Hay là chúng muốn nói,
Có điều gì khác nữa?*

Thế Tôn:

876. Bạc Hiền trí nói rằng,
N hư thế là tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa,
N hư có người nói rằng,
Chính là sự hoại diệt,
Lại một số thiện nhân,
Nói rằng: "Không dư y".

877. Biết được những pháp ấy,
Đều nương tựa y chỉ,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Suy tư trên y chỉ,
Biết được, nên giải thoát,
Không đi đến tranh luận,
Bạc Hiền không tìm đến,
Cả hữu và phi hữu.

165 Khất thực - Chân chánh khất thực - Kinh Dhammika - Tiểu I, 585

Kinh Dhammika – *Tiểu I*, 585 (Sn 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nam cư sĩ Dhammika đi đến Thế Tôn **với năm trăm nam cư sĩ**, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Dhammika nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Dhammika:

376. *Kính thưa Gotama,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con xin kính hỏi Ngài,
Vấn đề đặc biệt này:*

***Với vị đệ tử Ngài,
Làm thế nào là thiện?
Nếu là vị xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Hay là vị có nhà,
Sống đời nam cư sĩ?***

377. Ngài rõ biết đường đi,

Cùng mục đích tối hậu,
Của Thế Tôn đời này,
Và thế giới chư Thiên.
Không ai so sánh Ngài,
Bậc thấy nghĩa thù diệu,
Chính Ngài được tôn xưng,
Là đức Phật thù thắng.

378. Ngài biết tất cả trí,
Ngài trình bày Chánh pháp,
Vì lòng thương, từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Ngài mở rộng bức màn,
Bậc có mắt mọi nơi,
Không cầu uế, thanh tịnh,
Ngài chói toàn thế giới.

379. Vị vua loài Nàgà,
Tên **Eràvano**,
Đã đến gần bên Ngài,
Được nghe: Ngài chiến thắng.
Vị ấy tìm đến Ngài,
Để nghe lời khuyên nhủ,
Sau khi nghe, thích thú,
Nói lên lời: Lành thay!

380. Vua **Vessavana**,

*Kuvera đến Ngài,
Tìm hiểu hỏi han Ngài,
Về vấn đề diệu pháp,
Được hỏi, ôi bậc trí,
Hãy nói lên cho vua!
Sau khi nghe, vị ấy,
Cũng thích thú, ưa thích.*

*381. Các bậc ngoại đạo này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Các tà mạng ngoại đạo,
Hay các Ni-kiến Tử,
Tất cả không vượt qua,
Hơn thắng trí của Ngài,
Như người đang đứng lại,
Không thắng kẻ đi mau.*

*382. Các Bà-la-môn này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Có những bậc Phạm-chí,
Đã đến tuổi trưởng thượng,
Tất cả đều trời buộc,
Bởi tư tưởng của Ngài,
Kể cả những hạng người,
Tự phụ nói khoe khoang.*

383. Pháp này là tế nhị,

*Đem lại nguồn an lạc,
Đã được bậc Thế Tôn,
Khéo nói, khéo thuyết giảng,
Tất cả mọi hạng người,
Đều thích thú ưa nghe,
Được hỏi, hãy nói lên,
Ôi đức Phật tối thượng.*

384. Các vị Tỷ-kheo này,
Đang ngồi đây tất cả,
Kể cả nam cư sĩ,
Tất cả đều chờ nghe,
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Vô úế Giác ngộ,
Như chư Thiên nghe lời,
Vàśava khéo nói!

Thế Tôn:

385. Tỷ-kheo, hãy nghe Ta,
Ta khiến các Thầy nghe,
Pháp đoạn trừ điều ác,
Tất cả hãy trợ trì,
Với ai thấy ý nghĩa,
Nghĩ ngợi có suy tư,
**Hãy sống theo chánh hạnh,
Thích hợp với xuất gia.**

386. Tỷ-kheo chớ ra ngoài,
Trong thời gian phi thời,
Hãy vào làng khát thực,
Đúng thời, thì hãy đi,
Ai đi đứng phi thời,
Bị bấy sập trói buộc.
Do vậy các đức Phật,
Không có đi phi thời.

387. Các sắc và các tiếng,
Các vị, hương và xúc,
Chính những loại pháp ấy,
Làm mê hoặc chúng sanh.
Hãy nhiếp phục, lòng dục,
Đối với các pháp ấy,
Hãy vào cho đúng thời,
Để dùng buổi ăn sáng.

388. Tỷ-kheo được đúng thời,
Các đồ ăn khát thực,
Hãy đi về một mình,
Ngồi tại chỗ an tịnh,
Suy tư hướng nội tâm,
Ý không chạy ra ngoài,
Làm cho thoát ra khỏi,
Mọi chấp thủ tự ngã.

389. Nếu vị ấy có nói,
Vội một vị đệ tử,
Hay nói với một vị,
Một Tỷ-kheo nào khác,
Hãy nói cho vị ấy,
Sự thù diệu Chánh pháp,
Không có nói hai lời,
Không bài xích một ai.

390. Nhưng có những hạng người,
Dùng khẩu chiến bằng lời,
Những hạng người tuệ nhỏ,
Chúng ta không tán thán,
Triền phược trói buộc họ,
Từ chỗ này chỗ kia,
Ở đây họ dẫn tâm,
Đưa **tâm đi quá xa**.

391. Đồ khát thực, tình xá,
Cùng sàng tọa trú xứ,
Nước để trừ bụi nhớp,
Y áo Tăng-già-lê,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc đệ tử thắng tuệ,
Quán sát, hãy dùng chúng.

392. Do vậy đồ khát thực,
Sàng tọa và trú xứ,
Nước để trừ bụi nhóp,
Y áo Tăng-già-lê,
Đối với những pháp ấy,
Đừng để cho dính nhiễm.
Tỷ-kheo **như giọt nước,**
Không dính trên lá sen.

393. Trách nhiệm của gia chủ,
Ta cũng nói các Ông,
Làm theo đúng như vậy,
Đệ tử là tốt lành.
Pháp Tỷ-kheo toàn diện,
Khó thành tựu đầy đủ,
Vì là người gia chủ,
Phải làm nhiều việc đời.

394. **Chớ giết loài hữu tình,**
Chớ bảo người giết hại,
Hay chấp nhận kẻ khác,
Giết hại các người khác,
Đối với mọi sanh loại,
Từ bỏ các hình phạt,
Đối với kẻ mạnh bạo,
Như đối kẻ run sợ.

385. Rồi hãy quyết từ bỏ,
Lấy của không được cho,
Đệ tử khéo sáng suốt,
Vật gì, vật của ai,
Chớ khiến người khác lấy,
Chớ chấp nhận lấy trộm.
Hãy từ bỏ, chấm dứt,
Mọi của cải không cho.

396. Hãy từ bỏ, tránh xa,
Đời sống **phi** Phạm hạnh,
Như bậc trí tránh né,
Lửa cháy hồ than hừng.
Nếu tự mình bất lực,
Không thể sống Phạm hạnh,
Thời chớ có xâm phạm,
Vợ của các người khác.

397. Khi đi đến hội chúng,
Hay đi đến đoàn chúng,
Hay một mình một người,
Chớ nói lời **nói láo,**
Chớ khiến người nói láo,
Chớ chấp nhận nói láo,
Tất cả điều không thật,
Hãy tránh xa từ bỏ.

398. Chớ sống theo nếp sống,
Uống **rượu** và say rượu,
Vội vì là cư sĩ,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ khiến người uống rượu,
Chớ chấp thuận uống rượu,
Sau khi biết uống rượu,
Cuối đường là điên cuồng.

399. Chỉ kẻ ngu say rượu,
Mới làm các điều ác,
Và khiến các người khác,
Sống buông lung phóng dật,
Hãy từ bỏ, tránh xa,
Xử phi công đức này,
Khiến điên cuồng si mê,
Làm kẻ ngu thỏa thích.

400. *Chớ có giết hữu tình,
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói láo không thật,
Chớ uống rượu say mê,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Không hành trì dâm dục,
Không có ăn ban đêm,
Không ăn lúc phi thời.*

401. *Chớ mang các vòng hoa,
Chớ dùng các nước thơm,
Hãy nằm trên mặt đất,
Trên thảm chiếu trải dài,
Tám hạnh này được gọi
Là **hạnh ngày trai giới**.
Do đức Phật giảng dạy,
Để chấm dứt khổ đau.*

402. *Từ nay ngày trai giới,
Chia nửa tháng hai phần,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Hay **ngày tám** mỗi tháng,
Với tâm ý hoan hỷ,
Thực hành thân thông pháp,
Gồm có đủ tám phần,
Khéo đầy đủ vẹn toàn.*

403. *Do vậy, vào buổi sáng,
Thực hành ngày trai giới,
Bậc có trí sáng suốt,
Với tâm tư tín thành,
Với tâm ý tùy hỷ,
Cúng dường Tỷ-kheo Tăng,
Với món ăn đồ uống,
Hợp với khả năng mình.*

404. *Hãy nuôi dưỡng mẹ cha,
Hợp pháp và đúng pháp,
Và cũng đúng với pháp,
Hãy làm nghề buôn bán,
Người gia chủ như vậy,
Sở hành không phóng dật,
Được sanh làm Thiên nhân,
Tên là: "Tự chói sáng".*

166 Khất thực - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 169

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 169* (Ud 30)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây kareri và câu chuyện sau đây được khởi lên: "*Tỷ-kheo đi khất thực, thừa các Hiền giả, thỉnh thoảng **mắt** được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng **tai** được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng **mũi** được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng **lưỡi** được nếm khả ái, thỉnh thoảng **thân** được cảm giác xúc khả ái. Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo khất thực **được cung kính**, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi đi khất thực.*

Vậy này chư Hiền, chúng ta hãy là người đi khất thực, thỉnh thoảng, mắt chúng ta được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai chúng ta được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi chúng ta được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi chúng ta được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân chúng ta được cảm giác xúc khả ái.

Chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta sẽ đi khát thực."

Câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được nói xong, thì Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên định đứng dậy, đi đến rạp tròn có cây kareri, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, này các Thầy ngồi ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các Thầy chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi hội họp tại rạp tròn có cây kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Tỷ-kheo đi khát thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái... chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, khi chúng ta sẽ đi khát thực". Bạch Thế Tôn đây là câu chuyện giữa chúng con chưa được nói xong thì Thế Tôn đến.

- Nay các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các Thầy nói lên câu chuyện như vậy. Khi các Thầy ngồi hội họp với nhau, này các Tỷ-kheo, có hai công việc cần phải làm: **Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh!**

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

*8. Vị Tỷ-kheo khát thực,
Tự sống không nhờ người,
Chư Thiên thương vị ấy,
Nhưng nếu Tỷ-kheo ấy,
Y tựa vào danh vọng,
Chư Thiên không có thương.*

167 Khất thực - Nhận ít, không tham đắm, Luôn luôn giữ chánh niệm - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.

154. *Biết nguy hiểm như vậy,
Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
**Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.***

168 Khất thực - Với mắt cúi nhìn xuống, Chân đi không lưu luyến - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

65. *Không tham đắm các vị,*

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

169 Khỉ - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262

Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sāvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Mālunkya, nên ngài được gọi là **Mālunkya-putta (con bà Mālunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

170 Khỉ - Như con khỉ đội lốt, Với da con sư tử - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa dòng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

*Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.*

*1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.*

*1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.*

*1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.*

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiện tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

171 **Khỉ - Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131**

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,*

*Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

172 Khỉ bị thiền - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **ng nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn năng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. *Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.*

434. ***Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.***

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.***

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.*

437. *Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,*

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lý đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dầu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dầu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

173 Khôn nạn - Khát ái khôn nạn này, Thấm độc cả thế giới - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. *Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,*

*Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.*

*400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sâu muợn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.*

*401. **Ai nhiếp phục được ái,
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sâu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.***

*402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.*

*403. **Hãy hành lời Phật dạy,***

*Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sâu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,*

404. *Phóng dật như bụi bặm,
Bụi nơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.*

174 Khổ - 2 pháp cần tùy quán để đoạn diệt khổ - Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678

Kinh Hai Pháp Tùy Quán – *Tiểu I*, 678

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Đông Viên, tại lầu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ, nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy?

Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "**Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp**". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?".

- "Đây là **khổ**, đây là **khổ tập**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "Đây là **khổ diệt**, đây là **con đường đưa đến khổ diệt**", đây là tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được **chánh trí** ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả **Bất hoàn**.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai **không** tuệ tri **khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. **Không** có **tâm giải thoát**,
Không có **tuệ giải thoát**,
Vị ấy không có thể,
Đoạn tận sanh và già.

726. **Những ai tuệ tri khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,

Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết **con đường**,
Đưa đến khổ an tịnh.

727. **Đây đủ tâm giải thoát,**
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể,
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "*Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?*"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **sanh y****", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong,
bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. *Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,
Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh,
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ,
Nói tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tùy quán được hiện hữu,
Của sanh và của khổ.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa
như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp
theo một pháp môn khác không?"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như
thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên
vô minh**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn,
khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ
hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

729. *Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do **vô minh**.*

730. *Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, **minh** đạt được,
Không còn phải tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành**", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

731. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,
Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.*

732. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tướng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.*

733. *Bậc Hiền trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *thực***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.
Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả do duyên thức,
Với thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.

735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: ...

- "***Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **xúc*****", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

736. *Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.*

737. *Những ai liễu tri xúc,
Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. *Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.*

739. *Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,
Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **ái***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham ái** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chán tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

740. *Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.*

741. *Do biết nguy hiểm này,
Chính ái tác thành khổ,*

*Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:....

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thủ***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham thủ** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.*

*743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **khởi xướng***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt ly tham khởi xướng không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.*

745. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.*

746. *Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức ăn***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **thức ăn** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.*

748. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liễu tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.*

749. *Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **dao động***", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **dao động** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.*

751. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khắp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Ai có nương tựa, thì bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Ai không có nương tựa, không bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. *Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.*

753. *Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại này,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Các pháp **vô sắc** an tịnh hơn các **sắc pháp***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Sự **đoạn diệt**, an tịnh hơn các pháp vô sắc*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. *Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.*

755. *Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh*

khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là hư vọng*", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Ngươi suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là chân thật*", đây là pháp tùy quán thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. Hãy xem thế giới này,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này,
Là chân thật không nguy.

757. Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ.

758. Niết-bàn không hư nguy,
Bậc Thánh chân thật biết,

*Hộ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là khổ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.*

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là lạc**", đây là pháp tùy quán thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.*

760. Thế giới với chư Thiên,
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

761. *Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.*

762. *Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.*

763. *Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dẫu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.*

764. Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Roi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.

765. Ai ngoài các bậc Thánh,
Xứng đáng **đạo chánh giác**.
Do chánh trí đạo ấy,
Chúng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

175 Khổ - 2 pháp đưa đến khổ hiện tại và khổ tương lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,*

Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

176 **Khổ - Ai có một trăm người thân yêu, người ấy có trăm sự đau khổ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 286**

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 286 (Ud 91)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visàkhà mẹ của Migàra khả ái và dễ thương bị mệnh chung. Và Visàkhà mẹ của Migàra, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, thật sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- *Này Visàkhà, Bà từ đâu đến, với áo ướt đầm, với tóc đầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?*

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

- *Này Visàkhà, Bà có muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và là cháu của Bà không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và cháu của con.

- *Nhưng này Visàkhà, có bao nhiêu người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày?*

- Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy.. sáu... năm... bốn... ba.. hai. Bạch Thế Tôn có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sàvatthi không có thoát được số người bị chết!

- *Bà nghĩ thế nào, này Visàkhà? Như vậy Bà có khi nào được khỏi vãi bị ướt, hay tóc khỏi bị ướt không?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn! **Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!**

- Này Visàkhà, ***những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có trăm sự đau khổ!*** Những ai có *chín* mười người thân yêu, những người ấy có chín mười sự đau khổ! Những ai có tám mười người thân yêu, những người ấy có tám mười sự đau khổ! Những ai có bảy mươi.. có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi.. có hai mươi... có mười.. có chín... có tám... có bảy.. có sáu.. có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. ***Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.***

8. Sầu, tham và đau khổ,

*Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,
Không thân ái, chúng không.*

*Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái.*

*Do vậy ai tha thiết,
Được không sâu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.*

177 Khổ - Ai không liễu tri Gièm pha, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 3)
(It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Gièm pha**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Gièm pha, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với gièm pha gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ, gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

178 Khổ - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 301 (Ek II, 2) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phần nộ phần uất,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ phần nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

179 Khổ - Ai không liễu tri Si, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 300 (Ek II, 1)
(It. 6)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Si**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ **khổ đau**.*

Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri Si, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si, bị si mê,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ không bao giờ,
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

180 Khổ - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 299 (Ek I, 10)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Sân**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri **Sân**, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

181 Khổ - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 297 (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Mạn**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Mạn**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,
Nên đi đến tái sanh.*

*Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,*

*Họ vượt qua nhiếp phục,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

182 Khổ - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 298 (Ek I, 9)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Tham**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

183 Khổ - Ai không liễu tri tất cả, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 296 (Ek I, 7) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thấy tri, không liễu tri **tất cả**, ở đây tâm không ly tham, từ bỏ, không thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thấy tri, liễu tri **tất cả**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai hiểu, rõ biết được,
Tất cả là tất cả,
Đối với tất cả chỗ,
Không có sự tham đắm,
Vị như vậy chắc chắn,
Liễu tri được tất cả,
Và có thể vượt qua,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

184 Khổ - Ai tham dục các dục, Là tham dục đau khổ - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, **nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.**

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài **rất hối hận sở hành của mình** khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Khổ thay là các **dục**!
Hỡi này Ê-ra-ka,
Không lạc là các **dục**!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
*Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.*
Hỡi này Ê-ra-ka!
*Hãy biết là như vậy.**

185 Khổ - Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 358 (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo,

- **Lạc thọ** cần phải được xem như là **khổ**.
- **Khổ thọ** cần phải được xem như là **mũi tên**.
- **Bất khổ bất lạc thọ** cần phải được xem như là **vô thường**.

Vì rằng này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là **bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái**, đã giải tỏa kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bậc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trói buộc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

186 Khổ - Chính là sự đau khổ, Nên có sợ hãi lớn - Kinh Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776

Câu hỏi của thanh niên 1 – Ajita – *Tiểu I*, 776

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:

*Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng?
Hãy nói lên cái gì,
Làm ứ nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?*

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:

*Đời bị **vô minh** che,
Do **xan tham, phóng dật**,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do **mong cầu**,
Nên đời bị ứ nhiễm,
Chính là sự **đau khổ**,
Nên có sợ hãi lớn.*

Ajita:

1034. Tôn giả A-ji-ta:

*Mọi nơi dòng nước chảy,
Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?*

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:
Hỡi này A-ji-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do **Trí tuệ**,
Đóng lại các dòng nước.

Ajita:

1036. Tôn giả A-ji-ta:
Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với đanh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,
Hỡi này A-ji-ta,

Ta sẽ đáp cho Ông,
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt **Thức**,
Danh sắc được đoạn diệt.

Ajita:

1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phạm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thận trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!

Thế Tôn:

1039. **Chớ tham đắm các dục,**
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.

187 Khổ - Chúng sanh sống phóng dật, Bị phiền lụy trong sắc - Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya - Tiểu I, 811

Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya – *Tiểu I*, 811

Pingiya:

1120. Tôn giả Pin-gi-ya:

Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy được sự tác hại,
Trong các loại sắc pháp,
Chúng sanh sống phóng dật,
Bị phiền lụy trong sắc,

Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật,
Hãy từ bỏ sắc pháp
Chớ đi đến tái sanh.

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,
Cộng thêm trên và dưới,
Như vậy có mười phương,
Và trong thế giới này,
Không có sự việc gì,
Mà Ngài không được thấy,
Không nghe, không nghĩ đến,
Và không được thức tri,
Hãy nói đến Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp này,
Con ngay tại đời này,
Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục
Do vậy, Pin-gi-ya,

Ông chớ có phóng dật
Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.

188 Khổ - Con chết, quá đau khổ, bỏ nhà đi lang thang - Kinh Vàsitthi – Tiểu III, 611

Vàsitthi – *Tiểu III*, 611 (51)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở Vesàli. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng.**

Khi có được đứa con, mới tập chạy, **nó chết đi** và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, **nàng bỏ trốn** và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến Mithilà.

Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhờ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh. Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vắn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bốn phận của mình, nàng an trú vào **thiền quán**, và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. Ta sầu muộn vì con,
Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lõa thể, tóc rối ren,
Đời sống vậy, ta sống.

134. Lang thang đường, đống rác,
Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống,
Kham khổ, chịu đói khát.

135. Rồi ta thấy Thiện Thệ,
Đến thành Mi-thi-la,
Điều ngự kẻ chưa điều,
Bậc Giác Ngộ, vô úy.

136. Lấy lui tâm bình tĩnh,
Ta đánh lễ đến gần.
Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.

137. Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo Sư,
Ta chứng đạo an ổn.

138. Mọi sầu muộn chặt đứt,

*Đoạn tận, được chấm dứt,
Ta liễu tri nền gốc,
Từ đây sâu muện sanh.*

189 Khổ - Con đường không thể diệt khổ - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khổ nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi

bò ra căn chông nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bỗng đưa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rấn căn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng"*.

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

*một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không
thấy được sự thật ấy":*

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

190 Khổ - Cách quán để thấy khổ trong tái sinh - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

191 Khổ - Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 267 (Ud 83)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

- **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động.**

Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.

Không có dao động thì có khinh an.

Có khinh an thì không có thiên về.

Không có thiên về thì không có đến và đi.

Không có đến và đi thì không có diệt và sanh.

Không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

192 Khổ - Cầu bất đắc khổ - Kinh Mũi Tên - Tiểu I, 650

Kinh Mũi Tên – *Tiểu I*, 650

574. *Sinh mạng của loài Người,
Ở đời không ai biết,
Không tướng, nhiều phiền toái,
Nhỏ nhoi, liên hệ **khổ**.*

575. ***Không có sự gắng nào,
Khiến sống thoát khỏi chết,
Sau khi già là chết,
Pháp hữu tình là vậy.***

576. *Như các trái chín muồi,
Có sợ bị rơi sớm,
Cũng vậy, người được sanh,
Thường có sợ bị chết.*

577. *Như người thợ làm ghè,
Làm chén bát đất sét,
Cuối cùng, bể tất cả,
Mạng sống người là vậy.*

578. *Trẻ tuổi và lớn tuổi,*

*Người ngu và kẻ trí,
Tất cả đi đến chết,
Cuối cùng rồi cũng chết.*

*579. Những ai chết chi phối,
Đi qua đến đời sau,
Cha không cứu được con,
Hay bà con cứu nhau.*

*580. Hãy xem, các bà con,
Đứng nhìn và than khóc,
Tùng người, đi đến chết,
Như bò mang đi giết.*

*581. Như vậy, thế giới này,
Bị già chết chi phối,
Do vậy, bậc nhiều trí,
Biết đời, nên không sầu.*

*582. Ai không biết con đường,
Đường đến và đường đi,
Do không thấy hai ngã,
Than khóc, không lợi ích.*

*583. Nếu thật sự than khóc,
Đem lại lợi ích gì,
Kẻ ngu tự hại mình,*

Người có mắt sẽ làm.

584. *Không với sâu, nước mắt,
Khiến nội tâm an tịnh,
Khổ càng tăng trưởng thêm,
Thân càng bị gia hại.*

585. *Ôm yếu, sắc da tái,
Tự mình hại chính mình,
Kẻ chết không được hộ,
Than khóc thật vô ích.*

586. *Chúng sanh không bỏ sâu,
Càng gặp nhiều đau khổ,
Càng rên khóc kẻ chết,
Càng bị sau chi phối.*

587. *Hãy xem các người khác,
Đi theo hạnh nghiệp mình,
Roi vào giới thân chết,
Hữu tình đầy hoảng sợ.*

588. *Loài Người còn mong ước,
Thế này hay thế khác,
Nhưng sự việc xảy ra,
Hoàn toàn thật sai khác,
Như vậy tánh không có,*

Xem định tánh của đời.

589. *Nếu loài Người sống được,
Sống hơn một trăm năm,
Rồi không có bà con,
Ở đây, bỏ mạng sống.*

590. *Do vậy, sau khi nghe,
Bạc La-hán thuyết giảng,
Hãy nhiếp phục than van,
Khi thấy kẻ bị chết,
Hãy suy nghĩ như sau,
Ta không còn vị ấy.*

591. *Như nhà lửa bị cháy,
Nhờ nước, lửa dập tắt,
Cũng vậy, bậc Hiền trí,
Có tuệ trí, thiện xảo,
Mau chóng nhiếp phục sâu,
Như bông gió thổi bay.*

592. *Ai tự tìm hạnh phúc,
Hãy tự mình rút tên,
Mũi tên là than khóc,
Tham cầu tư ưu sâu.*

593. *Ai đã rút mũi tên,*

*Không nương tựa nhờ cậy,
Tâm vị ấy đạt được,
Sự an lành an tịnh,
Vượt khỏi mọi ưu sầu,
Tâm không sầu, tịch tịnh.*

193 Khổ - Khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

194 Khổ - Khổ do chính tâm tạo - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân, si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cần nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

195 Khổ - Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,

Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,

Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,

Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

196 Khổ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giấy leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vớ tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,

Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thả bị sa lưới,
Do vậy vị Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Lìa rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,

Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** là, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,
Hiểu thứ lớp trước sau,

Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

197 **Khổ - Làm sao hoàn toàn thoát khổ** - **Kinh Hemavata - Tiểu I, 510**

Kinh Hemavata – Tiểu I, 510 (Sn 27)

Sàtàngira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàngira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàgira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàgira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiên định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtägira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtägira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tướng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

198 **Khổ - Nay sâu, đời sau sâu, Kẻ ác, hai đời sâu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32**

Phẩm Song Yêu – *Tiểu I, 32*

1. "**Ý** dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ **não** bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo".

2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình".

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi"
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi,"

Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vớ hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "Nhu ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập."

14. "Nhu ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào.

Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,
Kẻ ác, hai đòi sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,
Làm phước, hai đòi vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,
Kẻ ác, hai đòi than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,
Làm phước, hai đòiướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,
Không phân Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

199 Khổ - Pháp thiết thực hiện tại, Ái diệt vượt đau khổ - Kinh Con Đường Đến Bờ Bên Kia - Tiểu I, 762

Con Đường Đến Bờ Bên Kia – *Tiểu I, 762*

Bài kệ mở đầu – *Tiểu I, 762*

976. Từ thành phố đẹp đẽ,
Của các Kô-xa-la,
Có vị Bà-la-môn,
Thông đạt các chú thuật,
Hướng tâm vô sở hữu,
Hướng phía Nam bước tới.

977. Trong nước Át-xa-ka,
Gần xứ A-la-ka,
Vị ấy sống trên bờ,
Sông Gô-đa-và-rà,
Nuôi sống bằng trái cây,
Bằng đồ ăn lượm vặt.

978. Gần chỗ vị ấy ở,
Có làng đất rộng rãi,
Với tài sản trâu thạp,
Tổ chức tế đàn lớn.

979. Đại tể đàn lễ xong,
Vị ấy trở về am,
Trong khi bước vào am,
Một Phạm-chí khác đến.

980. *Chân sừng húp, run rẩy,*
Đầy bùn, đầu lấm bụi,
Người ấy bước đến gần,
Và xin năm trăm tiền.

981. Sau khi thấy vị ấy,
Ba-va-ri mời ngồi,
Hỏi thăm, thiện, an lạc,
Rồi nói lời như sau:

Bàvarim:

982. *Những gì tôi cho được,*
Tôi đã cho tất cả,
Phạm chí hãy tin tôi,
Tôi không có năm trăm.

Phạm-chí:

983. Nếu điều ta xin Ông,
Tôn giả không đáp ứng,
Sau bảy ngày, đầu Ông,
Sẽ bị vỡ, bảy mảnh!

984. Sau khi làm chú thuật,
Kẻ man trá tuyên bố,
Những lời nói đáng sợ,
Nghe những lời nói ấy,
Phạm-chí Ba-va-ri,
Cảm thấy lòng đau khổ.

985. Gầy ốm, không uống ăn,
Bị tên sâu muợn đâm,
Vớ tâm tư như vậy,
Ý khó vui trong thiền.

986. Thấy lo sợ buồn khổ,
Một Thiên nhân đi đến,
Muốn bạn được hạnh phúc,
Nói với Ba-va-ri.

Thiên nhân:

987. Kẻ man trá muốn tiền,
Không rõ biết về dầu,
Về dầu, đánh bể dầu,
Trí ấy nó không có.

Bàvarim:

988. Nay bạn, nếu bạn biết,
Hãy nói câu hỏi tôi,

Về đầu, đánh bể đầu,
Chúng tôi nghe lời người.

Thiên nhân:

989. Tôi không biết việc này,
Trí này, tôi không có,
Về đầu, đánh bể đầu,
Bạc chiến thắng thấy được.

Bàvarim:

990. Vậy ai có thể biết,
Trên quả đất tròn này,
Về đầu, đánh bể đầu,
Thiên nhân, nói tôi biết.

Thiên nhân:

991. Từ thành **Ka-pi-la**,
Bạc lãnh đạo thế giới,
Xuất hiện ra ở đời,
Là con cháu, hậu duệ,
Của vua Ok-ka-ka
Thích tử, chiếu hào quang.

992. Vị ấy Chánh Đẳng Giác,
Hồi này Bà-la-môn,
Đã đi đến bờ kia,
Đối với tất cả pháp,

Đạt được cả sức mạnh,
Của tất cả thắng trí,
Bậc có mắt thấy được,
Trong tất cả các pháp.
Đạt được sự diệt tận,
Của tất cả các pháp,
Được giải thoát, diệt tận,
Đối với các sanh y.

993. Bậc Giác ngộ, Thế Tôn,
Bậc có mắt thuyết pháp,
Hãy đến hỏi vị ấy,
Vị ấy sẽ trả lời.

994. Nghe tiếng Chánh Đẳng Giác,
Ba-va-ri phấn khởi,
Sầu muộn được giảm bớt,
Được hoan hỷ rộng lớn.

995. Vị Ba-va-ri ấy,
Hoan hỷ và phấn khởi,
Cảm thấy lòng cảm động,
Hỏi vị thiên nhân ấy.

Bàvarim:

995b. Ở tại thôn làng nào,
Ở tại thị trấn nào,

Ở tại quốc độ nào,
Lãnh đạo thế giới trú?
Tại đây, tôi sẽ đi,
Đánh lễ bậc Giác ngộ,
Bậc Vô thượng loài Người.

Thiên nhân:

996. Ở tại Xa-vat-thi,
Trong thành Kô-xa-la,
Bậc chiến thắng an trú,
Với trí tuệ rộng lớn,
Với hiểu biết thù thắng,
Rộng rãi và cùng khắp.
Vị ấy là Thích tử,
Không gánh nặng vô lậu,
Bậc Nguru vương loài Người,
Biết rõ về đỉnh đầu,
Biết rõ đánh vỡ đầu.

997. Rồi vị Bà-la-môn,
Cho gọi các đệ tử,
Là những vị thông đạt,
Về **bùa chú kệ tụng.**

Bàvarim:

997b. Hãy đến, các thanh niên,
Ta sẽ nói, hãy nghe,

Những lời ta nói lên.

998. Vị ấy rất khó gặp,
Rất hiếm hiện ở đời,
Nay sanh ra ở đời,
Được danh bậc Chánh giác,
Hãy đi gấp Xá-vệ,
Thấy được bậc Vô thượng.

Các đệ tử:

999. Kính thưa Bà-la-môn,
Thế nào chúng con biết,
Sau khi thấy vị ấy,
Biết vị ấy là Phật,
Chúng con chưa được biết,
Hãy nói chúng con biết!

Bàvarim:

1000. Trong những kẻ bùa chú,
Được truyền lại đến nay,
Có nói đến tướng tốt,
Của một bậc Đại nhân,
Có nói **ba mươi hai**,
Trọn đủ, được liên tục.

1001. Ai có trên tay chân,
Đủ tướng đại nhân ấy,

*Chỉ có hai sanh thú,
Không có cái thứ ba.*

1002. *Nếu trú tại gia đình,
Chinh phục quả đất này,
Không dùng trượng, dùng kiếm,
Giáo hóa đúng Chánh pháp.*

1003. *Nếu vị ấy xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Rộng mở màn vô minh,
Vị ấy, được trở thành,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Bậc Ứng cúng, Vô thượng.*

1004. **Với tâm ý,** hãy hỏi,
*Sanh, tánh tướng của ta,
Kệ chú, đệ tử ta,
Về đầu, đánh bể đầu.*

1005. *Nếu vị ấy là Phật,
Thấy rõ, không che kín,
Với lời, vị ấy đáp,
Các câu hỏi bởi ý.*

1006. *Nghe lời Ba-va-ri,
Mười sáu người đệ tử,*

Tất cả là Phạm chí,
Tên là **A-ji-ta**,
Tis-xa-mê-tê-ya,
Pun-na-ka, **Mét-gu**,
Cùng với **Đo-ta-ka**,
Và **U-pa-xi-va**,
Nan-da, **Hê-ma-ka**,
Tô-đê-ya, **Kap-pa**,
Với **Ja-tu-kan-ni**,
Là bậc danh Hiền trí.

1008. Và **Bha-drà-vu-đa**,
Cùng với **U-da-ya**,
Phạm Chí **Po-xà-la**,
Và **Mo-gha-rà-jà**,
Là bậc có trí tuệ,
Cùng với **Pin-gi-ya**,
Là vị đại ân sĩ,
Tất cả những vị ấy.

1009. Mỗi người có đồ chúng,
Có danh xưng ở đời,
Tu thiện, ưa thiện định,
Bậc có trí sáng suốt,
Mang theo những dấu tích,
Đời sống trước của mình.

1010. *Đánh lễ Ba-va-ri,
Thân phía hữu hướng Ngài,
Tất cả đều bện tóc,
Mặc áo vải da thú,
Mặt hướng về phía Bắc,
Tất cả chúng ra đi.*

1011. *Trước hết, họ đi ngang,
Đến Pa-tít-thà-na,
Cửa xứ A-la-ka,
Rồi Ma-hi-xa-ti,
Tiếp đến Uj-jê-ni,
Và đến Gô-nad-đăng,
Tiếp đến Vê-đi-xăng,
Va-na-xa-ha-yăng.*

1012. *Đi đến Kô-xăm-bi,
Đi đến Xa-kê-ta,
Rồi đến Xa-vat-thi,
Là thành phố tối thượng,
Kế đến Xê-ta-vyam,
Ka-pi-la-vat-thu,
Rồi đến tòa lâu đài,
Tên Ku-xi-na-ra,
Rồi đi đến Pa-va,
Và thành phố Bhô-ga,
Tiếp đến Vê-xá-ly,*

Thành phố Ma-ga-đa,
Rời Pa-xe-na-ka,
Ngôi điện đẹp, khả ái.

1014. Như người khát, nước mát,
Như người buồn, lợi lớn,
Như nóng bức, bóng mát,
Họ gấp leo ngọn núi.

1015. Thế Tôn, trong lúc ấy,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo,
Ngài đang thuyết Chánh pháp,
Cho các vị Tỷ-kheo,
Giống như con sư tử,
Rống tiếng rống trong rừng.

1016. A-ja-ta thấy Phật,
Như mặt trời vàng chói,
Như mặt trăng ngày rằm,
Được tròn đầy viên mãn.

1017. Và thấy tay chân Ngài,
Đầy đủ các tướng tốt,
Hoan hỷ đứng một bên,
Hỏi câu hỏi tâm ý.

Ajita:

1018. Hãy nói về **thọ sanh**,
Nói **dòng họ**, các **tướng**,
Về tối **thượng** **kệ chú**,
Phạm chí **đọc** bao **nhiều**?

Thế Tôn:

1019. Tuổi **thọ** **trăm hai mươi**,
Dòng họ **Bà-va-ri**,
Trên **tay chân**, **ba tướng**,
Thông đạt **ba Vô-đà**.

1020. Về **tướng** và **truyền thuyết**,
Về **tự vưng**, **lễ nghi**,
Tụng đọc được **năm trăm**,
Đạt tối thượng **diệu pháp**.

Ajita:

1021. **Bậc Vô thượng**, **đoạn ái**,
Hãy nói lên **tường tận**
Các **tướng** **Ba-va-ri**,
Để chúng con không nghi.

Thế Tôn:

1022. Lưỡi che kín **mặt mày**,
Giữa **hàng mi**, **lông trắng**,
Có **da bọc âm tàng**,
Hãy biết vậy, thanh niên.

1023. Không nghe câu hỏi gì,
Chỉ nghe câu trả lời,
Quần chúng rất ngạc nhiên,
Chấp tay tư suy nghĩ.

Dân chúng:

1024. Thiên, Phạm thiên, Đế thích,
Hay Xu-jam-pa-ti
Ai, với ý hỏi Ngài,
Xin nói cho được biết?

Ajita:

1025. *Ba-va-ri tìm hỏi,*
Về đầu, đánh bể đầu,
Thế Tôn hãy trả lời,
Đoạn nghi hoặc chúng con?
Ôi, thưa bậc Tiên nhân!

Thế Tôn:

1026. **Vô minh là đỉnh đầu,**
Hãy hiểu biết như vậy,
Minh là đánh bể đầu,
*Liên hệ dục tình **tấn**,*
*Với lòng **tin**, chánh **niệm**,*
*Liên hệ với thiên **định**.*

1027. Với cảm thọ lớn mạnh,
Thanh niên tư chế ngự,
Đắp áo da một bên,
Với đầu, **đảnh lễ chân.**

Ajita:

1028. Phạm chí Ba-va-ri,
Cùng đệ tử, thừa Ngài,
Tâm phán khởi, đẹp ý,
Lễ chân, **bạc có mắt.**

Thế Tôn:

1029. Phạm chí Ba-va-ri,
Hãy sống được an lạc,
Cùng với các đệ tử!
Mong Ông sống an lạc,
Thọ mạng được lâu dài,
Hỡi này kẻ thanh niên.

1030. Ba-va-ri và Ông,
Có mọi nghi ngờ gì,
Cơ hội đến, hãy hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn.

1031. Được bậc Chánh Đăng Giác,
Cho cơ hội tốt đẹp,
A-ji-ta liền ngồi,

Chấp tay hỏi Như Lai,
Hỏi câu hỏi thứ nhất,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Kệ mở đầu đã xong.

Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita – Tiểu I, 776

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:

*Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng?
Hãy nói lên cái gì,
Làm uế nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?*

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:

*Đời bị **vô minh** che,
Do **xan tham**, **phóng dật**,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do **mong cầu**,
Nên đời bị uế nhiễm,
Chính là sự **đau khổ**,
Nên có sợ hãi lớn.*

Ajita:

1034. Tôn giả A-ji-ta:

*Mọi nơi dòng nước chảy,
Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?*

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:

*Hỡi này A-ji-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do **Trí tuệ**,
Đóng lại các dòng nước.*

Ajita:

1036. Tôn giả A-ji-ta:

*Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với danh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?*

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,
Hỏi này A-ji-ta,
Ta sẽ đáp cho Ông,
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt **Thức**,
Danh sắc được đoạn diệt.

Ajita:

1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phạm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thiện trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!

Thế Tôn:

1039. **Chớ tham đắm các dục,**
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.

Câu hỏi của thanh niên 2 Tissametteyya – Tiểu I, 779

Tissa:

1040. **Tissa Met-tey-ya:**

*Ai thỏa mãn ở đời,
Với ai không dao động,
Ai thắng trí hai biên,
Ở giữa, không dính lú,
Ai Ngài gọi đại nhân?
Ở đời, ai vượt khỏi,
Thêu dệt các ái nhiễm?*

Thế Tôn:

1041. *Thế Tôn liền đáp rằng:*

*Hỡi này Met-tey-ya,
Giữa **đục**, sống Phạm hạnh,
Không **ái**, luôn chánh niệm,
Tỷ-kheo lắng tính toán,
An tịnh, không dao động.*

1042. *Ai thắng trí hai biên,*

Chặng giữa, nhờ suy tư,
Không dính lú bị nhiễm,

*Ta gọi là đại nhân,
Vị ấy, ở đời này,
Vượt khỏi sự thù ghét,
Các ái nhiễm tham muốn.*

Câu hỏi của thanh niên 3 Punnaka – Tiểu I, 780

Punnaka:

1043. Tôn giả Pun-na-ka:

Với ai không dao động,

Thấy rõ được cội gốc,

Con đến với câu hỏi,

Liên hệ đến mục đích,

Bậc ẩn sĩ, loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Do họ y chỉ gì,

Tế đàn cho chư Thiên.

Đã tổ chức rộng lớn?

Con hỏi bậc Thế Tôn,

Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. Thế Tôn bèn đáp rằng:

Hỡi này Pun-na-ka,

Bậc ẩn sĩ loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hỡi này Pun-na-ka!

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:
Bậc ẩn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật,
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời.

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,

Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các đức,
Do duyên vì lợi dưỡng,
*Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưa thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.*

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thừa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
***Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,***

*An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,
Vị ấy vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.*

Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu – Tiểu I, 783

Mettagu:

1049. Tôn giả Mêt-ta-gu:

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,*

Từ đâu ở trong đời,

***Đau khổ** này khởi lên,*

Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. Thế Tôn trả lời rằng:

*Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,
Như Ta đã được biết,*

Chính do duyên **sanh** y,
Nên khổ được khởi lên,
Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. **Những ai vì vô minh,**
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.

Mettagu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muộn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. *Thế Tôn trả lời rằng:*

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

Pháp thiết thực hiện tại,

Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Mettagu:

1054. *Thưa bậc Đại ẩn sĩ,*

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. *Thế Tôn đáp lại rằng:*

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Phàm Ông rõ biết gì,

Trên, dưới, ngang, ở giữa,

Hãy từ bỏ hoan hỷ,

Hãy từ bỏ trú xứ,

Chớ để cho ý thức,

An trú trên sanh hữu.

1056. An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.

Mettagu:

1057. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.

1058. Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,

Mong Thế Tôn thường hằng,
Giáo hóa dạy dỗ con.

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến duc hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy, không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka – Tiểu I 789

Dhotaka:

1061. *Tôn giả Dhô-ta-ka:*
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.

Thế Tôn:
1062. *Thế Tôn đáp lại rằng:*
Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
***Tự** học tập Niết-bàn.*

Dhotaka:

1063. *Con thấy ở thế giới,*
Chư Thiên và loài Người,
Sở hành của Phạm chí,
Không một gì sở hữu.
Con đánh lễ chính Ngài,
Bậc có mắt cùng khắp,
Kính thưa bậc Thích tử,
Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.

Thế Tôn:

1064. *Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghỉ ngơi ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tối thượng tối thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.*

Dhotaka:

1065. *Hãy giáo hóa, từ mẫn,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viên ly vô thượng,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,
Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.*

Thế Tôn:

1066. *Thế Tôn liền nói rằng:
Hỡi này Dho-ta-ka,
Ta sẽ giảng cho Ông,
Pháp tịch tịnh hiện tại,
Không do xưa truyền lại,*

Sau khi biết pháp này,
Hãy sống, giữa chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,
Pháp bậc Đại sĩ giảng,
Pháp tịch tịnh vô thượng;
Sau khi biết pháp này,
Con sẽ sống chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:
Hỡi này Dho-ta-ka,
Phàm Ông rõ biết gì,
Cao, thấp, ngang, chằng giữa,
Sau khi được rõ biết,
Tham ái này ở đời,
Chớ tạo nên khát ái
Với hữu và phi hữu.

Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva – Tiểu I 791

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:
Kính thưa bậc Thích tử,
Một mình, không y chỉ,
Con không thể vượt khỏi,
Dòng nước lớn mạnh này,
Kính thưa bậc Biến nhãn,
Hãy nói cho sở duyên,
Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:
Này U-pa-si-va,
Biết gìn giữ chánh niệm,
Không mong đợi vật gì,
Ông sẽ vượt bậc lưu,
Nương tựa: "không có gì",
Ngày đêm người nhận thấy,
Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:
Ai là người ly tham,
Đối với tất cả dục,
Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,
Tưởng giải thoát tối thượng,
Tại đây vị ấy trú,
Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,
Tưởng giải thoát tối thượng,
Tại đây, vị ấy trú,
Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,

An trú không đi tiếp,

Trong một số nhiều năm,

Ôi bậc có biến nhãn!

Nếu vị ấy tại đây,

Được mát lạnh giải thoát,

Với vị được như vậy,

Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi U-pa-si-va,

Cũng giống như ngọn lửa,

Bị sức gió mạnh thổi,

Đi đến chỗ tận cùng,

Không có thể ước lượng,

Cũng vậy, vị ẩn sĩ,

*Được giải thoát **danh thân,***

Đi đến chỗ tận cùng,

Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. *Vị đi đến tận cùng,*

Có phải không hiện hữu?

Hay vị ấy thường hằng,

Đạt được sự không bệnh?

Lành thay, bậc ẩn sĩ,

Hãy trả lời cho con,

Có vậy, con hiểu được,

Pháp như thật Ngài giảng.

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi U-pa-si-va,

Người đi đến tận cùng,

*Không thể còn ước lượng,
Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhỏ hẵn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhỏ lên sạch hết.*

Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda – Tiểu I 794

Nanda:

1077. Tôn giả Nan-da nói:

Quần chúng có nói rằng:

Có ẩn sĩ ở đời,

Ngài nghĩ như thế nào?

Chúng gọi là ẩn sĩ,

Vì có đầy đủ trí?

Hay vì đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. Các bậc thiện nói rằng:

Ở đời này Nan-da,

Không phải vì tri kiến,

Vì truyền thống, vì trí,

Được gọi là ẩn sĩ,

***Ta chỉ gọi ẩn sĩ,
Nhưng ai diệt quân lực,
Không phiền não, không cầu.***

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:

Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp?
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:

Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Vội sở hành như vậy,
*Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.*

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ẩn sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bực lưu,
Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa
Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Bị sanh già che lấp.

**Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bực lưu.**

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bực lưu.

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – Tiểu I 798

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
Những ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,
Được **nghe** và được **thấy**,
Được **cảm** tướng, nhận **thức**,
Tỷ sạch ước muốn tham,

Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya – Tiểu I 800

Todeyya:

1088. Tôn giả Tô-đê-ya:

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Giải thoát như thế nào?

Thế Tôn:

1089. Đây lời nói Thế Tôn:

Hỡi nầy Tô-đê-ya,

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Không có gì là khác.

Todeyya:

1090. Vị sống không ước vọng,

Hãy sống có ước vọng,

Vị ấy có trí tuệ,

Hãy tác thành trí tuệ,

Ôi kính bậc Biến nhãn,

Hãy trả lời con rõ,

Để con có thể biết,

Thế nào là ẩn sĩ,

Ôi kính bậc Thích tử.

Thế Tôn:

1091. Vị sống không ước vọng,

Không có ước vọng nào,

Vị ấy có trí tuệ,

Không tác thành trí tuệ,

Như vậy, Tô-đê-ya,

Hãy biết bậc ẩn sĩ,

Không có sở hữu gì,

Không tham dính dục hữu.

Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa – Tiểu I 801

Kappa:

1092. Tôn giả Káp-pa nói:
Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.

Thế Tôn:

1093. Thế Tôn nói Kap-pa,
Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.

1094. **Hòn đảo vô song này,**
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.

1095. **Biết vậy, giữ chánh niệm,**
Hiện tại đạt mát lạnh,

*Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.*

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – Tiểu I 802

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni nói:
Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bậc vô dục**,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.*

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,*

Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,
Hãy nhiếp phục lòng tham,
Đối với các dục vọng,
Hãy nhìn hạnh xuất ly,
Đưa đến sự an ổn,
Chớ chấp chước, từ bỏ
Sự vật gì ở đời.

1099. Những gì có trước Ông,

Hãy làm nó khô cạn,
Đừng có sự vật gì,
Ở phía đằng sau Ông,
Ở giữa, Ông không chấp,
Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,
Hoàn toàn không tham đắm,
Không có các lậu hoặc,
Chính do lậu hoặc này,
Bị thân chết chi phối.

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I* 805

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

Con có lời yêu cầu,

Bậc Thiện Tuệ nói lên,

Bậc bỏ nhà, đoạn ái,

Bất động, bỏ hỷ ái,

Giải thoát, vượt bực lưu,

Thời gian, không chi phối,

Nghe xong, bậc Long tượng,

Từ đây, họ ra đi.

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

Từ quốc độ tụ họp,

Họ ao ước khát vọng,

Được nghe lời của Ngài,

Ôi anh hùng chiến thắng,

Ngài hãy khéo trả lời,

Pháp Ngài dạy thế này,

Như vậy họ hiểu biết.

Thế Tôn:

1103. *Thế Tôn nói như sau:*

Này *Bha-đra-vu-đa!*

Hãy *nihiếp phục tất cả,*

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kẻ luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

Ác ma *theo người ấy.*

1104. ***Do vậy, bậc hiểu biết,***

Không có chấp thủ gì,

*Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,***

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – Tiểu I 806

Udaya:

1105. *Tôn giả U-da-ya:*

Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,

Hãy nói trí giải thoát
Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.

1107. Ta nói trí giải thoát,

Để phá hoại vô minh,

Thanh tịnh nhờ xả niệm,

Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trối buộc,

Cái gì, đòi vận hành?

Do đoạn được cái gì,

Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trối buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?

Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại thọ,
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla – Tiểu I 808

Posàla:

1112. Tôn giả Po-sa-la:

Vị nói về quá khứ,
Bất động nghị hoặc đoan,
Đã đến bờ bên kia,
Con đến với câu hỏi,
Hỏi về hết thấy pháp.

1113. Với ai, sắc tướng diệt,
Đoan tâm hết thấy thân,
Nhìn thấy nội và ngoại,
Thật sự không có gì,
Con hỏi bậc Thích-ca,
Thế nào người như vậy,
Có thể bị dắt dẫn?

Thế Tôn:

1114. Thế Tôn bèn đáp rằng:
Hỡi này Pô-sa-la,
Như Lai được thắng trí,
Tất cả nhờ thức trú,
Rõ biết vị an trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.

1115. Biết được sự tác thành,
Thuộc về vô sở hữu,
Biết **hỷ** là **kiết sử**,
Do thắng tri như vậy,
Tại đây, thấy như vậy,

*Đây là trí như thật,
Của vị Bà-la-môn,
Đã thành tựu Phạm hạnh.*

Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja – Tiểu I 809

Mogharàja:

1116. Mo-gha-rà-ja nói:
Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.

1117. Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lòng danh.

1118. Vị thầy được thù diêu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy?

Thế Tôn:

1119. Nay Mô-gha-ra-ja,
*Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhỏ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thần chết không thấy được.*

Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya – Tiểu I 811

Pingiya:

1120. Tôn giả Pin-gi-ya:
Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Pin-gi-ya,

Thấy được sự tác hại,

Trong các loại sắc pháp,

Chúng sanh sống phóng dật,

Bị phiền lụy trong sắc,

Do vậy, Pin-gi-ya,

Ông chớ có phóng dật,

Hãy từ bỏ sắc pháp

Chớ đi đến tái sanh.

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,

Cộng thêm trên và dưới,

Như vậy có mười phương,

Và trong thế giới này,

Không có sự việc gì,

Mà Ngài không được thấy,

Không nghe, không nghĩ đến,

Và không được thức tri,

Hãy nói đến Chánh pháp,

Nhờ rõ biết pháp này,

Con ngay tại đời này,

Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục
Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật
Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.

(XVIII) Kết luận

Thế Tôn nói như vậy. Trong khi ở tại Magadha, tại điện Phà-xa-na-ka, Thế Tôn được mười sáu Bà-la-môn đệ tử của Bàvari tìm đến, được hỏi nhiều câu hỏi và Ngài đã trả lời. Nêu từng câu hỏi một, sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thì có thể đi đến bờ bên kia của già chết. Những pháp này có thể đưa người qua bờ bên kia, cho nên pháp môn này cũng được gọi là Pàràyanam: "Con đường đưa đến bờ bên kia".

1124. Phạm chí Ajita,
Tissa-Met-tayya,
Phạm chí Pun-na-ka,
Cùng với Met-ta-gù,

Thanh niên Dhotaka,
Và Upasiva,
Nan-đa, He-ma-ka,
Cả hai vị thanh niên.

1125. To-dey-ya, Kap-pà,
Và Ja-tu-kha-ni,
Với Bhad-rà-vu-dha,
Phạm chí U-da-ya,
Phạm chí Po-sà-la,
Với Mo-gha-rà-ja,
Là bậc đại Hiền trí,
Cùng với bậc đại sĩ,
Tên là Pin-gi-ya.

1126. Những vị này đi đến,
Đức Phật, **bậc Tiên nhân,**
Bậc hạnh đức đầy đủ,
Những vị này đi đến,
Bậc giác ngộ tối thượng,
Hỏi câu hỏi tế nhị.

1127. Đức Phật đã như thật,
Trả lời các vị ấy,
Tùy theo các câu hỏi,
Và **bậc đại ẩn sĩ,**
Trả lời những câu hỏi,

*Khiến các Bà-la-môn,
Được hoan hỷ vui thích.*

1128. *Họ được vui, hoan hỷ,
Nhờ Phật, **bạc có mắt**,
Nhờ bà con mặt trời,
Họ hành trì Phạm hạnh,
Dưới chỉ đạo hướng dẫn,
Bạc trí tuệ tuyệt diệu.*

1129. *Theo từng câu hỏi một,
Tùy đức Phật thuyết giảng,
Ai như vậy hành trì,
Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia.*

1130. *Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia,
Tu tập **đạo vô thượng**,
Và chính con đường ấy,
Đưa đến bờ bên kia,
Do vậy được tên gọi,
Con đường đến bờ kia.*

Rồi Tôn giả Pingiya đi về Godhàvari và nói lại với Bà-la-môn Bàvari những điều đã xảy ra.

Pingiya:

1131. Tôn giả Pin-gi-ya:

Con sẽ đọc tụng lên

Con đường đến bờ kia,

Ngài được thấy thế nào,

Ngài nói lên thế ấy,

Bậc vô cầu, quảng trí,

Bậc lãnh đạo không dục,

Bậc Niết-bàn an tịnh,

Làm sao do nhân gì,

Ngài nói điều không thật.

1132. **Bậc đã đoạn trừ hết,**

Uế nhiễm và si mê,

Bậc đã diệt trừ sạch,

Kiêu mạn và gièm pha,

Con sẽ nói tán thán,

Âm thanh vi diệu ấy.

1133. **Bậc quét sạch u ám,**

Phật-đà, bậc Biển nhãn,

Đã đến tận cùng đời,

Đã vượt qua sanh hữu,

Bậc không có lậu hoặc,

Đoạn tận mọi đau khổ,

Vị được gọi sự thật,

Hỡi vị Bà-la-môn,

Con được hầu vị ấy.

1134. *Như chim bỏ rừng hoang,
Đến ở rừng nhiều trái,
Cũng vậy con từ bỏ,
Những bậc thầy nhỏ nhen,
Con đạt đến biển lớn,
Chẳng khác con thiên nga.*

1135. *Những ai trong đời khác,
Đã nói cho con nghe,
Lời dạy bậc Cù-đàm
Như vậy đã xảy ra,
Như vậy sẽ xảy đến,
Tất cả là tin đồn,
Chỉ làm tăng nghi ngờ.*

1136. *Chỉ một vị an trú,
Quét sạch các hấn ám,
Sanh trưởng gia đình quý,
Vị ấy chiếu hào quang,
Cù-đàm, **bậc quảng tuệ,**
Cù-đàm, **bậc quảng trí.***

1137. *Ai thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,*

Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.

Bàvari:

1138. Hỡi này Pin-gi-ya,
Sao Ông lại không thể,
Sống xa lánh vị ấy,
Chỉ trong một chốc lát,
Bạc Cù-đàm quảng tuệ,
Bạc Cù-đàm quảng trí,

1139. Vị thuyết pháp cho người,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.

Pingiya:

1140. Hỡi này Bà-la-môn,
Con không có thể được,
Sống xa lánh vị ấy
Chỉ trong một chốc lát,
Gotama quảng tuệ,
Gotama quảng trí.

1141. Vị thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,

*Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.*

1142. Chính con thấy vị ấy,
Với ý, với con mắt,
Ngày đêm không phóng dật,
*Kính thừa Bà-la-môn,
Con trải qua suốt đêm
Đảnh lễ, kính vị ấy,
Do vậy con nghĩ rằng,
Con không xa vị ấy.*

1143. Với **tín** và với **hỷ**,
Với **ý** luôn chánh **niệm**,
Không làm con xa rời,
Lời dạy Gotama!
Chính tại phương hướng nào,
Bậc quảng tuệ đi đến,
Chính ở phương hướng ấy,
Con được dắt dẫn đến.

1144. Với con tuổi đã già,
Yếu đuối, không sức mạnh,
Do vậy thân thể này,
Không đến được chỗ ấy,
Với tâm tư quyết chí,

*Con thường hằng đi đến.
Vì rằng thừa Phạm chí,
Ý con cột vị ấy.*

*1145. Nằm dài trong vũng bùn,
Vùng vầy, vật qua lại,
Con đã bơi qua lại,
Đảo này đến đảo khác,
Con đã thấy đức Phật,
Vượt bực lưu, vô lậu.*

Đến đây, khi chúng đang nói, đức Phật hiện ra và nói:

Thế Tôn:

*1146. Cũng như Vak-ka-li,
Nhờ tin, được giải thoát,
Với Bhad-rà-vu-dha,
A-la-vi, Cù-đàm,
**Cũng vậy, Ông đã được,
Giải thoát nhờ lòng tin.**
Hỡi này Pin-gi-ya,
Ông sẽ đi đến được,
Đến được bờ bên kia,
Của thế giới thần chết.*

Pingiya:

1147. Được nghe lời ẩn sĩ,
Con tăng trưởng tịnh tín,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Đã vén lên tấm màn,
Không cứng cỏi, biện tài.

1148. Thắng tri các chư Thiên,
Biết tất cả cao thấp,
Bậc Đạo Sư chấm dứt,
Tất cả các câu hỏi,
Với những ai tự nhận,
Còn có chỗ nghi ngờ.

1149. Không run rẩy, dao động,
Không ai có thể sánh,
Chắc chắn con sẽ đi,
Tại đây, con không nghi,
Như vậy, thọ trì Ta,
Như tâm người tín giải.

Phẩm **"Con đường đi đến bờ bên kia"** đã xong.

200 Khổ - Quán khổ - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏ phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Người,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.
Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vắn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví guơm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như guơm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nắm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Vội tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chấp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sâu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

201 Khổ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

202 Khổ - Trưởng lão Mālunkya-putta - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?"*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. **Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

203 Khổ - Tâm ai tu tập vậy, Từ đâu, khổ sẽ đến - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phần khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phần khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

*191. Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

204 Khổ - Từ đâu đau khổ khởi lên nhiều loại như vậy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

Mettagu:

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,*

Từ đâu ở trong đời,

Đau khổ này khởi lên,

Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

*Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,*

Như Ta đã được biết,

*Chính do duyên **sanh** y,*

Nên khổ được khởi lên,

Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. *Những ai vì vô minh,
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.*

Mettaḡu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muộn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

Pháp thiết thực hiện tại,

Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Mettaḡu:

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Phàm Ông rõ biết gì,

Trên, dưới, ngang, ở giữa,

Hãy từ bỏ hoan hỷ,

Hãy từ bỏ trú xứ,

Chớ để cho ý thức,

An trú trên sanh hữu.

1056. *An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.*

Mettaḡu:

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,
Mong Thế Tôn thường hằng,
Giáo hóa dạy dỗ con.*

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến đục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy, không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

205 Khổ - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

206 Khổ - Xương của một người chồng chất như... - Kinh Phật Thuyết Như Vây - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vây – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đôi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chồng chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ
Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tận chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tôi đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

207 Khổ - Ái tác thành Khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 303 (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là **Ái kiết sử**.*
- *Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.*

*Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,*

*Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

208 Khổ do khả ái buộc, Như dao bén dính mật - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** *Indriyabhàvanà*", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. Khi Tỷ-kheo tên là,
Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,

Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không **hộ trì**, làm **hại**,
Có **hộ trì**, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,

Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **huong**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,
Thành hộp đẹp tô màu.

737. Cay đắng như vị ngọt,
Khổ do khổ ái buộc,
Như dao bén dính mật,
Kẻ tham đâu có biết.

738. **Ai tham đắm nữ sắc,**
Nữ vị, nữ xúc chạm,
Ai mê say nữ hương,
Gặp nhiều loại đau khổ.

739. Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xứ,
Người có tình tấn lực,
Có thể ngăn chặn chúng.

740. Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó *ngĩ* việc ấy,
Không phải việc nên làm,
Vị ấy không phóng dật,
Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đấy thật lạc tối thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh đẽo gổ,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng cần đánh bật cần.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

209 Khổ hạnh - Không phải sống lơ thễ, Bện tóc, tro trét mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I*, 57

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. **Chúng sanh cầu an lạc,**
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chăn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ,
Cũng vậy, **già** và **chết**,
Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm,
Do tự nghiệp, người ngu,
Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lừa thê
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. *Như ngựa hiền chạm roi,
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với **tín, giới, tình tấn**,
Thiền **định** cùng **trạch pháp**.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.*

145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

210 Khổ hạnh - Tà khổ hạnh đứng chỉ một chân - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta **đứng chỉ một chân**,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. **Sở hành ta nhiều vậy,**
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy,
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

211 Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I, 71*

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

212 Khổ thay gần người ngu, Như thường sống kẻ thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn?
Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

213 Khởi xứ - 2 pháp cần tùy quán để đoạn diệt khổ - Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678

Kinh Hai Pháp Tùy Quán – *Tiểu I*, 678

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Đông Viên, tại lầu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ, nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy?

Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "**Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp**". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?".

- "Đây là **khổ**, đây là **khổ tập**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "Đây là **khổ diệt**, đây là **con đường đưa đến khổ diệt**", đây là tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được **chánh trí** ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả **Bất hoàn**.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai **không** tuệ tri **khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. **Không** có **tâm giải thoát**,
Không có **tuệ giải thoát**,
Vị ấy không có thể,
Đoạn tận sanh và già.

726. **Những ai tuệ tri khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,

Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết **con đường**,
Đưa đến khổ an tịnh.

727. **Đây đủ tâm giải thoát,**
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể,
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "*Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?*"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **sanh y****", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong,
bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. *Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,
Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh,
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ,
Nói tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tùy quán được hiện hữu,
Của sanh và của khổ.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa
như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp
theo một pháp môn khác không?"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như
thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên
vô minh**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn,
khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ
hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

729. *Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do **vô minh**.*

730. *Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, **minh** đạt được,
Không còn phải tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

731. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,
Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.*

732. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tướng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.*

733. *Bậc Hiền trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *thức***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai. Đây các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.
Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả do duyên thức,
Với thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.

735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: ...

- "***Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **xúc*****", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai. Đây các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

736. *Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.*

737. *Những ai liễu tri xúc,
Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. *Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.*

739. *Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,
Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **ái***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham ái** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chán tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

740. *Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.*

741. *Do biết nguy hiểm này,
Chính ái tác thành khổ,*

*Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:....

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thủ***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham thủ** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.*

*743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **khởi xướng***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt ly tham khởi xướng không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.*

745. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.*

746. *Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức ăn***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **thức ăn** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.*

748. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liều tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.*

749. *Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **dao động***", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **dao động** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.*

751. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khắp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Ai có nương tựa, thì bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Ai không có nương tựa, không bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. *Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.*

753. *Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại này,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Các pháp **vô sắc** an tịnh hơn các **sắc pháp***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Sự **đoạn diệt**, an tịnh hơn các pháp vô sắc*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. *Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.*

755. *Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh*

khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là hư vọng*", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Ngươi suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là chân thật*", đây là pháp tùy quán thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. Hãy xem thế giới này,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này,
Là chân thật không nguy.

757. Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ.

758. Niết-bàn không hư nguy,
Bậc Thánh chân thật biết,

*Hộ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- *"Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: **"Cái này là khổ"**, đây là pháp tùy quán thứ nhất.*

- *"Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: **"Cái này là lạc"**, đây là pháp tùy quán thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.*

760. Thế giới với chư Thiên,
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

761. *Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.*

762. *Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.*

763. Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dẫu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.

764. Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Rơi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.

765. Ai ngoài các bậc Thánh,
Xứng đáng **đạo chánh giác**.
Do chánh trí đạo ấy,
Chúng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

214 Kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – Tiểu III, 269 (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. *Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.*

418. *Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.*

419. ***Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cang đánh nát,***

Mọi chấp trì của thức.

420. *Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.*

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành**,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

215 Kimbila – Tiểu III, 147

Kimbila – *Tiểu III*, 147 (138)

Ngài gặp đức Phật, xúc động, xuất gia đã được nói trong chương một, với câu kệ: "Nhu bị cảm hóa bởi sức mạnh". Ở đây, vị Trưởng lão sống thân thiết với các bạn, các Tôn giả Anuruddha, Bhaddiya.

*155. Trong vườn trúc phía Đông,
Các Thích tử thân hữu,
Từ bỏ những tài sản,
Không phải là ít ỏi,
Vui thích với những gì,
Nhận được từ bình bát.*

*156. Siêng, tinh cần, tinh tấn,
Thường kiên trì hăng hái,
Ưu thích lạc pháp vị,
Từ bỏ lạc thế gian.*

216 Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – Tiểu III, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yểm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhân

mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

217 Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

Kinh Alavaka – *Tiểu I, 520* (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

218 Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama

nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **cơn mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi** cày,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày**, **gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,
Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,

*Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiển lành nhu thuận.*

79. Với tình cần tinh **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. *Cày bừa là như vậy,
Được quả là **bất tử**,
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ** được giải thoát.*

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- *Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!*

Thế Tôn:

81. *Ta **không** hưởng vật dụng,*

Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruồng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đồ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu,

do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvāja trở thành một vị A-la-hán.***

219 Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưu môn pháp, thành công,
Thù ghét pháp, bại vong.*

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. *Ai **mến kẻ bất thiện**,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. *Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ,*

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ ba về bại vong.*

Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. Ai với **mẹ** hay **cha**,
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu **không giúp đỡ**,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tư về bại vong.*

Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai **nói dối** lòng gặt,
Sa-môn, Bà-la-môn,

*Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

101. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

102. *Người giàu có tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

103. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. *Người **tự hào về sanh**,*

Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

106. *Người **đắm say nữ nhân**,
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

107. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
***Ghen* nàng không ngủ được,**
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, **ái** lớn,**
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.***

220 Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24

Kinh Bảo Tàng – Tiểu I, 24 (Nidhikanda Sutta)

19. Một người cất kho báu,

Ở tận dưới giếng sâu,

Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,

Nó ích lợi cho ta".

20. Nếu bị vua kết án,

Hoặc trả các nợ nần,

Hoặc bị cướp giam cầm,

Và đòi tiền chuộc mạng,

Khi mất mùa, tai nạn,

Với mục đích như vậy,

Ở trên cõi đời này,

Sẽ đến giành kho báu.

21. Dầu nó không bao giờ,

Được cất kỹ như vậy,

Ở tận dưới giếng sâu,

Vẫn không đủ hoàn toàn,

Giúp ích người mọi lúc.

22. Kho báu bị dời chỗ,

Hoặc người quên dấu vết,

Hoặc rắn thần lấy đi,

Hoặc thần linh tâu tán,

23. Hoặc đám người thừa kế,

Kẻ ấy không chấp nhận,^{[L][SEP]}
Di chuyển kho báu đi,^{[L][SEP]}
Khi kẻ ấy không thấy,^{[L][SEP]}
Và khi phước đức tận,^{[L][SEP]}
Tất cả đều tiêu tan.

24. Những khi người nam, nữ,^{[L][SEP]}
Có **bồ thí, trì giới**,^{[L][SEP]}
Hoặc **thiền định, trí tuệ**,^{[L][SEP]}
Kho báu khéo để dành.

25. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,^{[L][SEP]}
Một cá nhân, lũ khách,^{[L][SEP]}
Hoặc người mẹ, người cha,^{[L][SEP]}
Hoặc là người anh nữa.

26. Kho này khéo để dành,^{[L][SEP]}
Đi theo người, không mất,^{[L][SEP]}
Giữa mọi vật phải rời,^{[L][SEP]}
Người cùng đi với nó.

27. Không ai khác chia phần,^{[L][SEP]}
Không cướp nào lấy được,^{[L][SEP]}
Vây những kẻ tinh cần,^{[L][SEP]}
Hãy làm việc phước đức,^{[L][SEP]}
Kho báu ấy theo người,^{[L][SEP]}
Sẽ không bao giờ mất.

10. **Đây là một kho báu,**^{[L][SEP]}
Có thể làm thỏa mãn,^{[L][SEP]}

Mọi ước vọng Thiên, nhân,

Dù họ mong muốn gì,

Đều đạt được tất cả,

Nhờ **công đức phước nghiệp**.

11. Vẻ đẹp của màu da,

Vẻ đẹp của âm thanh,

Vẻ đẹp của dáng hình,

Vẻ đẹp của toàn thân,

Địa vị thật cao sang,

Cùng với đoàn hầu cận,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

12. Ngôi đế vương một cõi,

Cực lạc Chuyên luân vương,

Và ngự trên Thiên đường,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

13. Vẻ tối thắng của người,

Mọi hoan lạc cõi trời,

Hay tịch diệt tối thắng,

Tất cả đều đạt được,

Nhờ phước nghiệp công đức.

14. Đạt tối thắng bằng hữu,

Chuyên tu tập chánh chân,

Đạt minh trí giải thoát,

Tất cả đều đạt được.

Nhờ phước nghiệp công đức.

15. **Tứ vô ngại giải đạo**,
Tám cấp độ giải thoát,
Viên mãn trí Thanh văn,
Cả hai cách giác ngộ,
Độc giác, Chánh Đẳng giác,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao,
Do công đức thù thắng,
Vì thế kẻ tinh cần,
Và những người có trí,
Đã tạo nên kho tàng,
Công đức nhờ phước nghiệp.

221 Kinh Chiếu Thuyền - Tiểu I, 565

Kinh Pháp Balamôn – Tiểu I, 556 (Sn 50)

316. *Từ vị nào một người,
Rõ biết được Chánh pháp,
Hãy đánh lễ vị ấy,
Như chư Thiên, Indra,
Vị ấy được đánh lễ,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Nghe nhiều, học hỏi nhiều,
Thuyết trình chơn diệu pháp.*

317. *Vị sáng suốt chú tâm,
Suy tư và quán sát,
Thực hành pháp tùy pháp,
Trở thành vị hiểu biết,
Thông minh và thận trọng,
Không phóng dật, vị ấy,
Theo gương vị như vậy.*

318. **Ai phục vụ kẻ ngu,**
Ngu si, tâm bé nhỏ,
Mục đích chưa đạt được,
Lại ganh tị tật đố,
Chính ở đây Chánh pháp,

*Không phát triển tu tập,
Chưa vượt thoát nghi hoặc,
Người ấy bị tử vong.*

*319. Như người nhảy xuống sông,
Dòng sông nước ngập tràn,
Nước sông, nhóp đục ngẫu,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Người ấy bị lôi cuốn,
Theo dòng nước trôi đi,
Làm sao nó có thể,
Giúp người khác vượt dòng.*

*320. Cũng vậy, với người nào,
Pháp không được tu tập,
Không quán sát ý nghĩa,
Của những **vị nghe nhiều**,
Tự mình không rõ biết,
Nghi hoặc chưa vượt qua,
Làm sao nó có thể,
Giúp người khác thiền định.*

*321. Như người được leo lên,
Chiếc thuyền mạnh vững chắc,
Được trang bị đầy đủ,
Mái chèo và tay lái,
Người như vậy ở đây,*

*Giúp nhiều người ngược dòng,
Rõ biết những phương tiện,
Thiện xảo và sáng suốt.*

*322. Như vậy, bậc sáng suốt,
Luôn luôn tự tu tập,
Bậc nghe nhiều hiểu nhiều,
Không còn bị dao động,
Vị ấy giúp đỡ được,
Các người khác tu thiền,
Làm khởi lên nguyên nhân,
Tha thiết muốn nghe pháp.*

*323. Do vậy, hãy thân cận,
Bậc chân nhân hiền sĩ,
Bậc sáng suốt, có trí,
Bậc nghe nhiều học nhiều.
Sau khi biết mục đích,
Cố gắng khéo hành trì,
Rõ biết được Chánh pháp,
Vị ấy được an lạc.*

222 Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579

Kinh Chánh xuất gia – *Tiểu I, 579* (Sn 63)

Người hỏi:

359. *Tôi hỏi bậc ẩn sĩ,
Có trí tuệ rộng lớn,
Đã vượt qua bờ kia,
Tịch tịnh, tự an trú.
Làm sao một Tỷ-kheo,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Lại có thể chơn chánh,
Du hành ở trên đời?*

Thế Tôn:

360. *Ai nhờ lên điềm lành,
Như vậy, Thế Tôn đáp,
Các sao băng mộng寐,
Và các tướng lành dữ,
Vị ấy đoạn trừ được,
Các lỗi lầm điềm lành;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

361. *Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
Đối với các dục vọng,
Tại thiên giới, nhân giới,
Vượt hữu, chứng tri pháp;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

362. Tỷ kheo bỏ hai lưỡi,
Bỏ phần nộ, xan tham,
Với tùy thuộc chống đối,
Đoạn tận thật hoàn toàn,
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

363. Sau khi đã từ bỏ,
Cả ái và phi ái,
Không chấp thủ một ai,
Không y chỉ chỗ nào,
Giải thoát được hoàn toàn,
Các kiết sử trối buộc,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

364. Ai không tìm lỗi cây,
Đối với các sanh y,
Có thể nhiếp phục tham,
Đối với các chấp thủ,

Vị ấy không y chí,
Không để ai dắt dẫn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

365. Với lời và với ý,
Và với cả nghiệp làm,
Không chống đối một ai,
Chơn chánh biết diệu pháp,
Thường cố gắng hướng đến,
Đường Niết bàn tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

366. Tỷ-kheo không tự cao,
Khi người đánh lễ mình,
Dầu có bị nhiếc mắng,
Không khởi tâm tức tối,
Được đồ ăn của người,
Không có sự tham đắm,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

367. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
Tham dục và sanh hữu,
Từ bỏ, không làm hại,
Không trói buộc một ai,

Vị ấy vượt nghi hoặc,
Đã rút ra mũi tên,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

368. Tỷ-kheo sau khi biết,
Điều thích đáng cho mình,
Không làm hại một ai,
Có mặt ở trên đời,
Sau khi đã biết pháp,
Như thật, như thế nào,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

369. Với ai, **các tùy miên,**
Không còn có tồn tại,
Và **cội gốc bất thiện,**
Được nhổ lên tận trờ,
Vị ấy không tham dục,
Không có hy cầu gì.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

370. **Ai đoạn tận lậu hoặc,**
Đoạn trừ cả kiêu mạn,
Mọi con đường tham dục,
Được chế ngự nhiếp phục,

*Được nhiếp phục tịch tịnh,
Tự ngã được an lập,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

371. Có lòng tin, nghe pháp,
Thấy được **quyết định tánh**,
Bậc hiền không phe phái,
Giữa rất nhiều phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tham, sân và hận thù,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

372. Thanh tịnh và chiến thắng,
Kéo lên màn che kín,
Tự tại trong các pháp,
Đến bờ kia, bất động,
Đoạn diệt các sở hành,
Thiện xảo trong chánh trí,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

373. Trong những thời quá khứ,
Trong những thời vị lai,
Vượt qua các chủ thuyết,
Trí tuệ thật thanh tịnh,

*Với tất cả mọi xứ,
Được hoàn toàn giải thoát.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

374. *Rõ biết được Pháp cú,
Chứng tri được Chánh pháp,
Thấy được sự mở rộng,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đối tất cả sanh y,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

Người hỏi:

375. *Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Thực sự là như vậy,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã an trú như vậy,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tất cả các kiết sử,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

223 Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 14 (Ratana Sutta)

1. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.
2. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với tất cả mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.
3. *Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với Như Lai Thiện Thệ,
Như vậy, nơi Đức Phật,*

Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

4. **Đoạn diệt và ly tham**

Bất tử và thù diệu,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiên,
Không gì sánh bằng được,
Với Pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

5. Phật, Thế Tôn thù thắng

Nói lên lời tán thán,
Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiên vi diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

6. **Tám vị bốn đôi** này

Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ

Xứng đáng được cúng dường.

Bồ thí các vị ấy.

Được kết quả to lớn.

Như vậy, nơi Tăng chúng.

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này.

Được sống chơn hạnh phúc.

7. Các vị lòng ít dục.

Với ý thật kiên trì.

Khéo liên hệ mật thiết.

Lời dạy Gô-ta-ma!

Họ đạt được quả vị.

Họ **thể nhập bất tử**.

Họ chứng đắc dễ dàng.

Hưởng thọ sự tịch tịnh.

Như vậy, nơi Tăng chúng.

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này.

Được sống chơn hạnh phúc.

8. Như cây trụ cột đá.

Khéo y tựa lòng đất.

Dầu có gió bốn phương.

Cũng không thể dao động.

Ta nói bậc Chơn nhân.

Giống như thí dụ này.

Vị thể nhập với tuệ.

Thấy được những **Thánh đế**,
Như vậy, nơi **Tăng chúng**,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

9. *Những vị khéo giải thích,*
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.

Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không chế ngự,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. *Vị ấy nhờ đầy đủ,*
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không,
Đôi với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,

Sáu điều ác căn bản,
N như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,
Điều gì ác đi nữa,
Với thân hay với lời,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Việc ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
N như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng hạ nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết Bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng,
N như vậy, nơi Đức Phật,

Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,
Cho đem lại cao thượng,
Bậc Vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng,
Như vậy nơi đức Phật,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai,
Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết Bàn,
Ví như ngọn đèn này,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,

Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng, với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

224 Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 534 (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi **sanh linh**,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật **cúng dường**,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp họ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,

Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với **Như Lai, Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. **Đoạn diệt** và **ly tham**,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Với pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp **thiền định** trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,

Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. **Tám vị bốn đôi** này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Nhu vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Vội ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử**,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Nhu vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

229. Như cây cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dẫu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

230. Những vị khéo giải thích,
Những **sự thật Thánh đế,**
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,
Dẫu họ có hết sức,
Phóng dật không tư chế,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,

Với **chánh kiến** sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm,
Điều ác gì đi nữa,
Với **thân** hay với **lời**,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đây việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng.
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,
Cho, đem lại cao thượng,
Bậc vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng.
Như vậy, nơi đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai.
Các hột giống đoạn tận,

*Ước muốn không tăng trưởng,
Bạc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.

*Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

238. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

225 Kinh Cháp trọng - Tiểu I, 751

Kinh Cháp trọng – *Tiểu I*, 751

Thế Tôn:

935. *Từ người cầm các trọng,
Sợ hãi được sanh ra,
Hãy xem các loài người,
Trong khi đấu tranh nhau,
Ta sẽ nói sợ hãi,
Như Ta đã được biết.*

936. *Thấy loài người vùng vẫy,
Như cá trong nước cạn,
Thấy họ chống đối nhau,
Ta rơi vào sợ hãi.*

937. *Đời toàn không lỗi cây,
Mọi phương đều dao động,
Muốn cho mình **ngôi nhà**,
Ta không thấy nhà ở.*

938. *Cuối cùng là xung đột,
Thấy vậy Ta chán ngắt,
Đây Ta thấy mũi tên,*

Khó thấy, gắn vào tim.

939. Ai bị mũi tên đâm,
Chạy khắp mọi phương hướng,
Ai rút mũi tên ra,
Không chạy, liền ngồi xuống.

940. Ở đây sự học tập,
Đã được nói rõ lên,
Phàm triền phục ở đời,
Chớ liên hệ với chúng,
Đâm thẳng đục hoàn toàn,
Tự học tập Niết-bàn.

941. Chân thật không xông xáo,
Không man trá, hai lưỡi,
Không phần nộ, ản sĩ,
Vượt tham ác, xan tham.

942. Người nghĩ đến Niết-bàn,
Bỏ ngủ, nhác, thuy miên,
Không sống với phóng dật,
Không an trú quá mạn.

943. Không rơi vào nói láo,
Không tham ái các sắc,
Cần liễu tri **quá mạn,**

Sống từ bỏ **bạo ác**.

944. Không hoan hỷ việc cũ,
Không nhẫn chịu sự mới,
Trong tổn giảm không sâu,
Không liên hệ tham ái.

945. **Ái**, Ta gọi bực lưu,
Mong cầu gọi bọt nước,
Sở duyên gọi biến kế,
Bùn dục khó vượt qua.

946. Ấn sĩ không rời chân,
Phạm chí trú đất liền,
Vì từ bỏ tất cả,
Thật được gọi an tịnh.

947. Biết vậy, gọi người biết,
Biết rồi không y pháp,
Chơn chánh sống ở đời,
Không tham ái một ai.

948. **Ai ở đây vượt dục,**
Ái khó vượt ở đời,
Không sâu, không tham muốn,
Cắt dòng không trói buộc.

949. Trước Ông làm khô cạn,
Sau Ông không vất gì,
Ở giữa không nắm giữ,
Ông sẽ sống an tịnh.

950. Toàn diện đổi **danh sắc**,
Không gì nghĩ "của ta",
Không có gì không sâu,
Không có già ở đời.

951. Không nghĩ "đây của tôi",
Không nghĩ "đây của người",
Người không có tư ngã,
Không sâu vì không ngã.

952. Không tàn bạo, không tham,
Không dục, thường đồng đẳng,
Được hỏi Ta nói lên,
Lợi ích **bạc bất động**.

953. Bạc ly dục rõ biết,
Vị ấy không sở hành,
Thoát ly, không tinh cần,
Thấy an ổn khắp nơi.

954. Bạc ẩn sĩ không nói,
Bằng nhau, thua, hơn nhau,

An tĩnh, ly xan tham,
Không nhận, không bác bỏ.
Thế Tôn giảng như vậy.

226 Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo **thân ái,**
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,
Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre râm rập,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. ***Như nai trong núi rừng,***

Không gì bị trói buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. ***Giữa bạn bè thân hữu,***

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,

*Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,
Cũng như các gia chủ,*

Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

44. Tì bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

45. Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
**Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.**

46. Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,

Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.*
Nếu không gặp bạn này.
Những bác không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,
Tranh luận cãi vã nhau,*

Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,
Gió thổi, ánh mặt trời.

Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tự hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ thời giải thoát.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,
Đạt được quyết định tánh,

*Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

57. Với **bạn bè độc ác**,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,
Bạn người tâm rộng lớn,*

*Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,
Vị ngọt thật ít oi,*

*Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*62. **Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trời buộc,**
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*63. **Vội mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.**
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*64. **Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,
Như loại cây san hô,***

Loại bỏ các nhành lá.

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

65. ***Không tham đắm các vị,***

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

66. ***Từ bỏ năm triền cái;***

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

67. ***Hãy xoay lưng trở lại,***

Đối với **lạc** và **khổ**,

Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Dũng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,
Sống hạnh không phóng dật,

Không đàn động tâm ngọ,
Nghê nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bạc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,
Bi tâm, hạnh giải thoát,

Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham ái,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

227 Kinh Con Đường Đến Bờ Bên Kia - Tiểu I, 762

Con Đường Đến Bờ Bên Kia – *Tiểu I, 762*

Bài kệ mở đầu – *Tiểu I, 762*

976. Từ thành phố đẹp đẽ,
Của các Kô-xa-la,
Có vị Bà-la-môn,
Thông đạt các chú thuật,
Hướng tâm vô sở hữu,
Hướng phía Nam bước tới.

977. Trong nước Át-xa-ka,
Gần xứ A-la-ka,
Vị ấy sống trên bờ,
Sông Gô-đa-và-rà,
Nuôi sống bằng trái cây,
Bằng đồ ăn lượm vặt.

978. Gần chỗ vị ấy ở,
Có làng đất rộng rãi,
Với tài sản trâu thạp,
Tổ chức tế đàn lớn.

979. Đại tể đàn lễ xong,
Vị ấy trở về am,
Trong khi bước vào am,
Một Phạm-chí khác đến.

980. *Chân sừng húp, run rẩy,*
Đầy bùn, đầu lấm bụi,
Người ấy bước đến gần,
Và xin năm trăm tiền.

981. Sau khi thấy vị ấy,
Ba-va-ri mời ngồi,
Hỏi thăm, thiện, an lạc,
Rồi nói lời như sau:

Bàvarim:

982. *Những gì tôi cho được,*
Tôi đã cho tất cả,
Phạm chí hãy tin tôi,
Tôi không có năm trăm.

Phạm-chí:

983. Nếu điều ta xin Ông,
Tôn giả không đáp ứng,
Sau bảy ngày, đầu Ông,
Sẽ bị vỡ, bảy mảnh!

984. Sau khi làm chú thuật,
Kẻ man trá tuyên bố,
Những lời nói đáng sợ,
Nghe những lời nói ấy,
Phạm-chí Ba-va-ri,
Cảm thấy lòng đau khổ.

985. Gây óm, không uống ăn,
Bị tên sâu muợn đâm,
Vớ tâm tư như vậy,
Ý khó vui trong thiền.

986. Thấy lo sợ buồn khổ,
Một Thiên nhân đi đến,
Muốn bạn được hạnh phúc,
Nói với Ba-va-ri.

Thiên nhân:

987. Kẻ man trá muốn tiền,
Không rõ biết về đầu,
Về đầu, đánh bể đầu,
Trí ấy nó không có.

Bàvarim:

988. Này bạn, nếu bạn biết,
Hãy nói câu hỏi tôi,
Về đầu, đánh bể đầu,

Chúng tôi nghe lời người.

Thiên nhân:

989. Tôi không biết việc này,
Trí này, tôi không có,
Về đầu, đánh bể đầu,
Bạc chiến thắng thấy được.

Bàvarim:

990. Vậy ai có thể biết,
Trên quả đất tròn này,
Về đầu, đánh bể đầu,
Thiên nhân, nói tôi biết.

Thiên nhân:

991. Từ thành **Ka-pi-la**,
Bạc lãnh đạo thế giới,
Xuất hiện ra ở đời,
Là con cháu, hậu duệ,
Của **vua Ok-ka-ka**
Thích tử, chiếu hào quang.

992. Vị ấy Chánh Đẳng Giác,
Hồi này Bà-la-môn,
Đã đi đến bờ kia,
Đối với tất cả pháp,
Đạt được cả sức mạnh,

Của tất cả thắng trí,
Bậc có mắt thấy được,
Trong tất cả các pháp.
Đạt được sự diệt tận,
Của tất cả các pháp,
Được giải thoát, diệt tận,
Đối với các sanh y.

993. Bậc Giác ngộ, Thế Tôn,
Bậc có mắt thuyết pháp,
Hãy đến hỏi vị ấy,
Vị ấy sẽ trả lời.

994. Nghe tiếng Chánh Đẳng Giác,
Ba-va-ri phấn khởi,
Sâu muợn được giảm bớt,
Được hoan hỷ rộng lớn.

995. Vị Ba-va-ri ấy,
Hoan hỷ và phấn khởi,
Cảm thấy lòng cảm động,
Hỏi vị thiên nhân ấy.

Bàvarim:

995b. Ở tại thôn làng nào,
Ở tại thị trấn nào,
Ở tại quốc độ nào,

Lãnh đạo thế giới trú?
Tại đây, tôi sẽ đi,
Đánh lễ bậc Giác ngộ,
Bậc Vô thượng loài Người.

Thiên nhân:

996. Ở tại Xa-vat-thi,
Trong thành Kô-xa-la,
Bậc chiến thắng an trú,
Với trí tuệ rộng lớn,
Với hiểu biết thù thắng,
Rộng rãi và cùng khắp.
Vị ấy là Thích tử,
Không gánh nặng vô lậu,
Bậc Nguru vương loài Người,
Biết rõ về đỉnh đầu,
Biết rõ đánh võ đầu.

997. Rồi vị Bà-la-môn,
Cho gọi các đệ tử,
Là những vị thông đạt,
Về **bùa chú kệ tụng.**

Bàvarim:

997b. Hãy đến, các thanh niên,
Ta sẽ nói, hãy nghe,
Những lời ta nói lên.

998. Vị ấy rất khó gặp,
Rất hiếm hiện ở đời,
Nay sanh ra ở đời,
Được danh bậc Chánh giác,
Hãy đi gặp Xá-vệ,
Thấy được bậc Vô thượng.

Các đệ tử:

999. Kính thưa Bà-la-môn,
Thế nào chúng con biết,
Sau khi thấy vị ấy,
Biết vị ấy là Phât,
Chúng con chưa được biết,
Hãy nói chúng con biết!

Bàvarim:

1000. Trong những kệ bùa chú,
Được truyền lại đến nay,
Có nói đến tướng tốt,
Của một bậc Đại nhân,
Có nói **ba mươi hai**,
Trọn đủ, được liên tục.

1001. Ai có trên tay chân,
Đủ tướng đại nhân ấy,
Chỉ có hai sanh thú,

Không có cái thứ ba.

1002. *Nếu trú tại gia đình,
Chinh phục quả đất này,
Không dùng trượng, dùng kiếm,
Giáo hóa đúng Chánh pháp.*

1003. *Nếu vị ấy xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Rộng mở màn vô minh,
Vị ấy, được trở thành,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Bậc Ứng cúng, Vô thượng.*

1004. **Với tâm ý,** *hãy hỏi,
Sanh, tánh tướng của ta,
Kệ chú, đệ tử ta,
Về đầu, đánh bể đầu.*

1005. *Nếu vị ấy là Phật,
Thấy rõ, không che kín,
Với lời, vị ấy đáp,
Các câu hỏi bởi ý.*

1006. *Nghe lời Ba-va-ri,
Mười sáu người đệ tử,
Tất cả là Phạm chí,*

Tên là **A-ji-ta**,
Tis-xa-mê-tê-ya,
Pun-na-ka, **Mết-gu**,
Cùng với **Đo-ta-ka**,
Và **U-pa-xi-va**,
Nan-da, **Hê-ma-ka**,
Tô-đê-ya, **Kap-pa**,
Với **Ja-tu-kan-ni**,
Là bậc danh Hiền trí.

1008. Và **Bha-drà-vu-đa**,
Cùng với **U-da-ya**,
Phạm Chí **Po-xà-la**,
Và **Mo-gha-rà-jà**,
Là bậc có trí tuệ,
Cùng với **Pin-gi-ya**,
Là vị đại ẩn sĩ,
Tất cả những vị ấy.

1009. Mỗi người có đồ chúng,
Có danh xưng ở đời,
Tu thiện, ưa thiện định,
Bậc có trí sáng suốt,
Mang theo những dấu tích,
Đời sống trước của mình.

1010. Đánh lễ **Ba-va-ri**,

*Thân phía hữu hướng Ngài,
Tất cả đều bện tóc,
Mặc áo vải da thú,
Mặt hướng về phía Bắc,
Tất cả chúng ra đi.*

*1011. Trước hết, họ đi ngang,
Đến Pa-tít-thà-na,
Của xứ A-la-ka,
Rồi Ma-hi-xa-ti,
Tiếp đến Uj-jê-ni,
Và đến Gô-nad-đăng,
Tiếp đến Vê-đi-xăng,
Va-na-xa-ha-yăng.*

*1012. Đi đến Kô-xăm-bi,
Đi đến Xa-kê-ta,
Rồi đến Xa-vat-thì,
Là thành phố tối thượng,
Kế đến Xê-ta-vyam,
Ka-pi-la-vat-thu,
Rồi đến tòa lâu đài,
Tên Ku-xi-na-ra,
Rồi đi đến Pa-va,
Và thành phố Bhô-ga,
Tiếp đến Vê-xá-ly,
Thành phố Ma-ga-đa,*

*Ròi Pa-xe-na-ka,
Ngôi điện đẹp, khả ái.*

*1014. Như người khát, nước mát,
Như người buồn, lợi lớn,
Như nóng bức, bóng mát,
Họ gấp leo ngọn núi.*

*1015. Thế Tôn, trong lúc ấy,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo,
Ngài đang thuyết Chánh pháp,
Cho các vị Tỷ-kheo,
Giống như con sư tử,
Rống tiếng rống trong rừng.*

*1016. A-ja-ta thấy Phật,
Như mặt trời vàng chói,
Như mặt trăng ngày rằm,
Được tròn đầy viên mãn.*

*1017. Và thấy tay chân Ngài,
Đầy đủ các tướng tốt,
Hoan hỷ đứng một bên,
Hỏi câu hỏi tâm ý.*

Ajita:

1018. Hãy nói về thọ sanh,

Nói dòng họ, các tướng,
Về tối thượng kê chú,
Phạm chí đọc bao nhiêu?

Thế Tôn:

1019. Tuổi thọ trăm hai mươi,
Dòng họ **Bà-va-ri**,
Trên tay chân, ba tướng,
Thông đạt ba Vô-đà.

1020. Về tướng và truyền thuyết,
Về tự vưng, lễ nghi,
Tụng đọc được năm trăm,
Đạt tối thượng diệu pháp.

Ajita:

1021. Bạc Vô thượng, đoạn ái,
Hãy nói lên tường tận
Các tướng Ba-va-ri,
Để chúng con không nghi.

Thế Tôn:

1022. Lưỡi che kín mắt mày,
Giữa hàng mi, lông trắng,
Có da bọc âm tàng,
Hãy biết vậy, thanh niên.

1023. Không nghe câu hỏi gì,
Chỉ nghe câu trả lời,
Quần chúng rất ngạc nhiên,
Chấp tay tư suy nghĩ.

Dân chúng:

1024. Thiên, Phạm thiên, Đế thích,
Hay Xu-jam-pa-ti
Ai, với ý hỏi Ngài,
Xin nói cho được biết?

Ajita:

1025. *Ba-va-ri tìm hỏi,*
Về đầu, đánh bể đầu,
Thế Tôn hãy trả lời,
Đoạn nghi hoặc chúng con?
Ôi, thưa bậc Tiên nhân!

Thế Tôn:

1026. **Vô minh là đỉnh đầu,**
Hãy hiểu biết như vậy,
Minh là đánh bể đầu,
*Liên hệ dục tình **tấn**,*
*Với lòng **tin**, chánh **niệm**,*
*Liên hệ với thiên **định**.*

1027. Với cảm thọ lớn mạnh,

Thanh niên tự chế ngư,
Đắp áo da một bên,
Với đầu, **đảnh lễ chân.**

Ajita:

1028. Phạm chí Ba-va-ri,
Cùng đệ tử, thừa Ngài,
Tâm phán khởi, đẹp ý,
Lễ chân, **bạc có mắt.**

Thế Tôn:

1029. Phạm chí Ba-va-ri,
Hãy sống được an lạc,
Cùng với các đệ tử!
Mong Ông sống an lạc,
Thọ mạng được lâu dài,
Hồi này kẻ thanh niên.

1030. Ba-va-ri và Ông,
Có mọi nghi ngờ gì,
Cơ hội đến, hãy hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn.

1031. Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Cho cơ hội tốt đẹp,
A-ji-ta liền ngồi,
Chấp tay hỏi Như Lai,

Hỏi câu hỏi thứ nhất,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Kệ mở đầu đã xong.

Câu hỏi của thanh niên 1 – Ajita – Tiểu I, 776

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:

*Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng?
Hãy nói lên cái gì,
Làm uế nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?*

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:

*Đời bị **vô minh** che,
Do **xan tham**, **phóng dật**,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do **mong cầu**,
Nên đời bị uế nhiễm,
Chính là sự **đau khổ**,
Nên có sợ hãi lớn.*

Ajita:

1034. Tôn giả A-jì-ta:

*Mọi nơi dòng nước chảy,
Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?*

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:

*Hỡi này A-jì-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do **Trí tuệ**,
Đóng lại các dòng nước.*

Ajita:

1036. Tôn giả A-jì-ta:

*Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với danh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?*

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,

Hỡi này A-ji-ta,
Ta sẽ đáp cho Ông,
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt **Thức**,
Danh sắc được đoạn diệt.

Ajita:

1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phạm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thận trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!

Thế Tôn:

1039. **Chớ tham đắm các dục,**
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.

Câu hỏi của thanh niên 2 – Tissametteyya – Tiểu I, 779

Tissa:

1040. **Tissa Met-tey-ya:**

*Ai thỏa mãn ở đời,
Với ai không dao động,
Ai thắng trí hai biên,
Ở giữa, không dính lú,
Ai Ngài gọi đại nhân?
Ở đời, ai vượt khỏi,
Thêu dệt các ái nhiễm?*

Thế Tôn:

1041. **Thế Tôn liền đáp rằng:**

Hỡi này Met-tê-ya!

***Giữa dục, sống Phạm hạnh,
Không ái, luôn chánh niệm,
Tỷ-kheo lặng tính toán,
An tịnh, không dao động.***

1042. ***Ai thắng trí hai biên,***

***Chặng giữa, nhờ suy tư,
Không dính lú bị nhiễm,***

Ta gọi là đại nhân,

Vị ấy, ở đời này,

*Vượt khỏi sự thù ghét,
Các ái nhiễm tham muốn.*

Câu hỏi của thanh niên 3 – Punnaka – Tiểu I, 780

Punnaka:

1043. Tôn giả Pun-na-ka:

Với ai không dao động,

Thấy rõ được cội gốc,

Con đến với câu hỏi,

Liên hệ đến mục đích,

Bậc ẩn sĩ, loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Do họ y chỉ gì,

Tế đàn cho chư Thiên.

Đã tổ chức rộng lớn?

Con hỏi bậc Thế Tôn,

Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. Thế Tôn bèn đáp rằng:

Hỡi này Pun-na-ka!

Bậc ẩn sĩ loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Đã tổ chức rộng lớn,

*Tế đàn cho chư Thiên.
Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hồi này Pun-na-ka!*

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:
*Bạc ấn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật,
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời.*

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:
*Hồi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các dục,*

Do duyên vì lợi dưỡng,
Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưu thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,

*Vị ấy vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.*

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – Tiểu I, 783

Mettagu:

1049. Tôn giả Mêt-ta-gu:

Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,
Từ đâu ở trong đời,
Đau khổ này khởi lên,
Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỏi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,
Như Ta đã được biết,
Chính do duyên **sanh** y,

Nên khổ được khởi lên,
Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. **Những ai vì vô minh,**
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.

Mettagu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muôn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

Pháp thiết thực hiện tại,

Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Mettagu:

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Phàm Ông rõ biết gì,

Trên, dưới, ngang, ở giữa,

Hãy từ bỏ hoan hỷ,

Hãy từ bỏ trú xứ,

Chớ để cho ý thức,

An trú trên sanh hữu.

1056. *An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi **bỏ sở hành**,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với **sanh và già,**
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.*

Mettagu:

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,
Mong Thế Tôn thường hằng,*

Giáo hóa dạy dỗ con.

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến dục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. *Người ấy sau khi biết,*
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

Câu hỏi của thanh niên 5 –Dhotaka – *Tiểu I*, 789

Dhotaka:

1061. *Tôn giả Dhô-ta-ka:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.*

Thế Tôn:

*1062. Thế Tôn đáp lại rằng:
Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
Tự học tập Niết-bàn.*

Dhotaka:

*1063. Con thấy ở thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Sở hành của Phạm chí,
Không một gì sở hữu.
Con đánh lễ chính Ngài,
Bậc có mắt cùng khắp,
Kính thưa bậc Thích tử,
*Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.**

Thế Tôn:

1064. *Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghỉ ngơi ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tối thượng tối thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.*

Dhotaka:

1065. *Hãy giáo hóa, từ mẫn,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viễn ly vô thượng,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,
Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.*

Thế Tôn:

1066. *Thế Tôn liền nói rằng:
Hỡi này Dho-ta-ka,
Ta sẽ giảng cho Ông,
Pháp tịch tịnh hiện tại;
Không do xưa truyền lại,
Sau khi biết pháp này,*

*Hãy sống, giữa chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.*

Dhotaka:

1067. *Con cảm thấy hoan hỷ,
Pháp bậc Đại sĩ giảng,
Pháp tịch tịnh vô thượng;
Sau khi biết pháp này,
Con sẽ sống chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.*

Thế Tôn:

1068. *Thế Tôn lời đáp lại:
Hỡi này Dho-ta-ka,
**Phàm Ông rõ biết gì,
Cao, thấp, ngang, chặng giữa,
Sau khi được rõ biết,
Tham ái này ở đời,
Chớ tạo nên khát ái
Với hữu và phi hữu.***

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – Tiểu I, 791

Upasiva:

1069. *Tôn giả U-pa-si-va:*

*Kính thưa bậc Thích tử,
Một mình, không y chỉ,
Con không thể vượt khỏi,
Dòng nước lớn mạnh này,
Kính thưa bậc Biến nhân,
Hãy nói cho sở duyên,
Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.*

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:

Này U-pa-si-va,

***Biết gìn giữ chánh niệm,
Không mong đợi vật gì,
Ông sẽ vượt bậc lưu,
Nương tựa: "không có gì ",
Ngày đêm người nhận thấy,
Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.***

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

***Ai là người ly tham,
Đối với tất cả dục,
Y chỉ không có gì,
Từ bỏ mọi gì khác,***

*Được giải thoát hoàn toàn,
Trưởng giải thoát tối thượng,
Tại đây vị ấy trú,
Không tiếp tục đi tới.*

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Trưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,

An trú không đi tiếp,

Trong một số nhiều năm,

Ôi bậc có biến nhãn!

Nếu vị ấy tại đây,

Được mát lạnh giải thoát,

Với vị được như vậy,

Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi U-pa-si-va!

Cũng giống như ngọn lửa,

Bị sức gió mạnh thổi,

Đi đến chỗ tận cùng,

Không có thể ước lượng,

Cũng vậy, vị ẩn sĩ,

Được giải thoát danh thân,

Đi đến chỗ tận cùng,

Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. *Vị đi đến tận cùng,*

Có phải không hiện hữu?

Hay vị ấy thường hằng,

Đạt được sự không bệnh?

Lành thay, bậc ẩn sĩ,

Hãy trả lời cho con,

Có vậy, con hiểu được,

Pháp như thật Ngài giảng.

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi U-pa-si-va,

Người đi đến tận cùng,

Không thể còn ước lượng,

*Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhỗ hẳn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhỗ lên sạch hết.*

Câu hỏi của thanh niên 7 – Nanda – Tiểu I, 794

Nanda:

1077. Tôn giả Nan-da nói:
Quần chúng có nói rằng:
Có ẩn sĩ ở đời,
Ngài nghĩ như thế nào?
Chúng gọi là ẩn sĩ,
Vị có đầy đủ trí?
Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. Các bậc thiện nói rằng:
*Ở đời này Nan-da,
Không phải vì tri kiến,
Vì truyền thống, vì trí,
Được gọi là ẩn sĩ,
Ta chỉ gọi ẩn sĩ,*

**Những ai diệt quân lực,
Không phiền não, không cầu.**

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:

*Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm,
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.*

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!

*Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;*

*Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Vội sở hành như vậy,
Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.*

Nan-da:

*1081. Tôn giả Nan-đà thưa:
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ản sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bực lưu,
*Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.**

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đà

Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Bị sanh già che lấp.

**Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bực lưu.**

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bực lưu.

Câu hỏi của thanh niên 8 – Hemaka – Tiểu I, 798

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
Những ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,
Được nghe và được thấy,
Được cảm tưởng, nhận thức,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

Câu hỏi của thanh niên 9 – Todeyya – Tiểu I, 800

Todeyya:

1088. *Tôn giả Tô-đê-ya:
Ai sống không dục vọng,
Ai sống không có ái,
Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Giải thoát của vị ấy,
Giải thoát như thế nào?*

Thế Tôn:

1089. *Đây lời nói Thế Tôn:
Hỡi nầy Tô-đê-ya,
Ai sống không dục vọng,
Ai sống không có ái,
Ai vượt khỏi nghi hoặc,
*Giải thoát của vị ấy,
Không có gì là khác.**

Todeyya:

1090. *Vị sống không ước vọng,
Hay sống có ước vọng,
Vị ấy có trí tuệ,
Hay tác thành trí tuệ,
Ôi kính bậc Biến nhãn,
Hãy trả lời con rõ,
Để con có thể biết,
Thế nào là ẩn sĩ,
Ôi kính bậc Thích tử.*

Thế Tôn:

1091. ***Vị sống không ước vọng,
Không có ước vọng nào,
Vị ấy có trí tuệ,
Không tác thành trí tuệ,***
*Như vậy, Tô-đê-ya,
Hãy biết bậc ẩn sĩ,
Không có sở hữu gì,
Không tham dính dục hữu.*

Câu hỏi của thanh niên 10 – Kappa – Tiểu I, 801

Kappa:

1092. *Tôn giả Káp-pa nói:*

*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.*

Thế Tôn:

1093. *Thế Tôn nói Kap-pa,
Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.*

1094. *Hòn đảo vô song này,
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.*

1095. ***Biết vậy, giữ chánh niệm,**
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,*

Không tùy tùng theo ma.

Câu hỏi của thanh niên 11 – Jatukanni – Tiểu I, 802

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni nói:*
Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi bậc vô dục,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.

1097. *Chinh phục dục vọng xong,*
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,

*Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.*

Thế Tôn:

1098. *Thế Tôn nói như sau:*

Hỡi Ja-tu-kan-ni!

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng;

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn;

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. ***Những gì có trước Ông,***

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. *Hỡi này Bà-la-môn!*

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

Câu hỏi của thanh niên 12 – Bhadràvudha – Tiểu I, 805

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

*Con có lời yêu cầu,
Bậc Thiện Tuệ nói lên,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Giải thoát, vượt bực lưu,
Thời gian, không chi phối,
Nghe xong, bậc Long tượng,
Từ đây, họ ra đi.*

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

*Từ quốc độ tụ họp,
Họ ao ước khát vọng,
Được nghe lời của Ngài,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Ngài hãy khéo trả lời,
Pháp Ngài dạy thế này,
Như vậy họ hiểu biết.*

Thế Tôn:

1103. *Thế Tôn nói như sau:*

Này Bha-đra-vu-đa!

**Hãy nhiếp phục tất cả,
Mọi tham ái chấp thủ,
Trên, dưới cả bề ngang,
Và kể luôn chặng giữa,
Những ai có chấp thủ,
Sự gì ở trong đời,
Chính do sự việc ấy,
Ác ma theo người ấy.**

1104. **Do vậy, bậc hiểu biết,
Không có chấp thủ gì,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Trong tất cả thế giới,
Phàm có sở hữu gì,
Vị ấy không mong ước,
Nhìn xem quần chúng này,
Là chúng sanh chấp thủ,
Trong lãnh vực của Ma,
Bị tham dính chấp trước.**

Câu hỏi của thanh niên 13 – Udaya – Tiểu I, 806

Udaya:

1105. *Tôn giả U-da-ya:*

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi;
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,
Hãy nói trí giải thoát
Để phá hoại vô minh.*

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:
*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. ***Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.***

Udaya:

1108. *Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,*

Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trối buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là Niết-bàn.

Udaya:

1110. *Người sở hành chánh niệm,*
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. *Ai không có hoan hỷ,*
*Với nội và ngoại **thọ**,*
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

Câu hỏi của thanh niên 14 – Posàla – Tiểu I, 808

Posàla:

1112. *Tôn giả Po-sa-la:*
Vị nói về quá khứ,

Bất động nghi hoặc đoạn,
Đã đến bờ bên kia,
Con đến với câu hỏi,
Hỏi về hết thấy pháp.

1113. *Với ai, sắc tướng diệt,
Đoạn tận hết thấy thân,
Nhìn thấy nội và ngoại,
Thật sự không có gì,
Con hỏi bậc Thích-ca,
Thế nào người như vậy,
Có thể bị dắt dẫn?*

Thế Tôn:

1114. *Thế Tôn bèn đáp rằng:
Hỡi này Pô-sa-la,
**Như Lai được thắng trí,
Tất cả nhờ thức trú,
Rõ biết vị an trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.***

1115. *Biết được sự tác thành,
Thuộc về vô sở hữu,
Biết **hỷ** là kiết sử,
Do thắng tri như vậy,
Tại đây, thấy như vậy,
Đây là trí như thật,*

*Của vị Bà-la-môn,
Đã thành tựu Phạm hạnh.*

Câu hỏi của thanh niên 15 – Mogharàja – Tiểu I, 809

Mogharàja:

1116. *Mo-gha-rà-ja* nói:
*Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.*

1117. *Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lòng danh.*

1118. *Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
**Cần nhìn đời thế nào,
Để thân chết không thấy?***

Thế Tôn:

1119. *Này Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhổ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thần chết không thấy được.*

Câu hỏi của thanh niên 16 – Pingiya – Tiểu I, 811

Pingiya:

1120. *Tôn giả Pin-gi-ya:
Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.*

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Pin-gi-ya,

Thấy được sự tác hại,

Trong các loại sắc pháp,

Chúng sanh sống phóng dật,

Bị phiền lụy trong sắc,

Do vậy, Pin-gi-ya,

Ông chớ có phóng dật,

Hãy từ bỏ sắc pháp

Chớ đi đến tái sanh.

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,

Cộng thêm trên và dưới,

Như vậy có mười phương,

Và trong thế giới này,

Không có sự việc gì,

Mà Ngài không được thấy,

Không nghe, không nghĩ đến,

Và không được thức tri,

Hãy nói đến Chánh pháp,

Nhờ rõ biết pháp này,

Con ngay tại đời này,

Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục
Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật
Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.

(XVIII) Kết luận

Thế Tôn nói như vậy. Trong khi ở tại Magadha, tại điện Phà-xa-na-ka, Thế Tôn được mười sáu Bà-la-môn đệ tử của Bàvari tìm đến, được hỏi nhiều câu hỏi và Ngài đã trả lời. Nêu từng câu hỏi một, sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thì có thể đi đến bờ bên kia của già chết. Những pháp này có thể đưa người qua bờ bên kia, cho nên pháp môn này cũng được gọi là Pàràyanam: "Con đường đưa đến bờ bên kia".

1124. Phạm chí Ajita,
Tissa-Met-tayya,
Phạm chí Pun-na-ka,
Cùng với Met-ta-gù,
Thanh niên Dhotaka,
Và Upasiva,

*Nan-đa, He-ma-ka,
Cả hai vị thanh niên.*

*1125. To-dey-ya, Kap-pà,
Và Ja-tu-kha-ni,
Với Bhad-rà-vu-dha,
Phạm chí U-da-ya,
Phạm chí Po-sà-la,
Với Mo-gha-rà-ja,
Là bậc đại Hiền trí,
Cùng với bậc đại sĩ,
Tên là Pin-gi-ya.*

*1126. Những vị này đi đến,
Đức Phật, **bậc Tiên nhân,**
Bậc hạnh đức đầy đủ,
Những vị này đi đến,
Bậc giác ngộ tối thượng,
Hỏi câu hỏi tế nhị.*

*1127. Đức Phật đã như thật,
Trả lời các vị ấy,
Tùy theo các câu hỏi,
Và **bậc đại ẩn sĩ,**
Trả lời những câu hỏi,
Khiến các Bà-la-môn,
Được hoan hỷ vui thích.*

1128. Họ được vui, hoan hỷ,
Nhờ Phật, **bậc có mắt**,
Nhờ bà con mặt trời,
Họ hành trì Phạm hạnh,
Dưới chỉ đạo hướng dẫn,
Bậc trí tuệ tuyệt diệu.

1129. Theo từng câu hỏi một,
Tùy đức Phật thuyết giảng,
Ai như vậy hành trì,
Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia.

1130. Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia,
Tu tập **đạo vô thượng**,
Và chính con đường ấy,
Đưa đến bờ bên kia,
Do vậy được tên gọi,
Con đường đến bờ kia.

Rồi Tôn giả Pingiya đi về Godhàvari và nói lại với Bà-la-môn Bàvari những điều đã xảy ra.

Pingiya:

1131. Tôn giả Pin-gi-ya:

Con sẽ đọc tụng lên
Con đường đến bờ kia,
Ngài được thấy thế nào,
Ngài nói lên thế ấy,
Bậc vô cầu, quảng trí,
Bậc lãnh đạo không dục,
Bậc Niết-bàn an tịnh,
Làm sao do nhân gì,
Ngài nói điều không thật.

1132. **Bậc đã đoạn trừ hết,**
Uế nhiễm và si mê,
Bậc đã diệt trừ sạch,
Kiêu mạn và gièm pha,
Con sẽ nói tán thán,
Âm thanh vi diệu ấy.

1133. **Bậc quét sạch u ám,**
Phật-đà, bậc Biến nhãn,
Đã đến tận cùng đời,
Đã vượt qua sanh hữu,
Bậc không có lậu hoặc,
Đoạn tận mọi đau khổ,
Vị được gọi sự thật,
Hỡi vị Bà-la-môn,
Con được hầu vi ấy.

1134. *Như chim bỏ rừng hoang,
Đến ở rừng nhiều trái,
Cũng vậy con từ bỏ,
Những bậc thầy nhỏ nhen,
Con đạt đến biển lớn,
Chẳng khác con thiên nga.*

1135. *Những ai trong đời khác,
Đã nói cho con nghe,
Lời dạy bậc Cù-đàm
Như vậy đã xảy ra,
Như vậy sẽ xảy đến,
Tất cả là tin đồn,
Chỉ làm tăng nghi ngờ.*

1136. *Chỉ một vị an trú,
Quét sạch các hắc ám,
Sanh trưởng gia đình quý,
Vị ấy chiếu hào quang,
Cù-đàm, **bậc quảng tuệ,**
Cù-đàm, **bậc quảng trí.***

1137. *Ai thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.*

Bàvari:

1138. *Hồi này Pin-gi-ya,
Sao Ông lại không thể,
Sống xa lánh vị ấy,
Chỉ trong một chốc lát,
Bạc Cù-đàm quảng tuệ,
Bạc Cù-đàm quảng trí,*

1139. *Vị thuyết pháp cho người,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.*

Pingiya:

1140. *Hồi này Bà-la-môn,
Con không có thể được,
Sống xa lánh vị ấy
Chỉ trong một chốc lát,
Gotama quảng tuệ,
Gotama quảng trí.*

1141. *Vị thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,*

Vị ấy không ai sánh.

1142. Chính con thấy vị ấy,
Với ý, với con mắt,
Ngày đêm không phóng dật,
Kính thừa Bà-la-môn,
Con trải qua suốt đêm
Đảnh lễ, kính vị ấy,
Do vậy con nghĩ rằng,
Con không xa vị ấy.

1143. Với **tín** và với **hỷ**,
Với **ý** luôn chánh **niệm**,
Không làm con xa rời,
Lời dạy Gotama!
Chính tại phương hướng nào,
Bậc quảng tuệ đi đến,
Chính ở phương hướng ấy,
Con được dắt dẫn đến.

1144. Với con tuổi đã già,
Yếu đuối, không sức mạnh,
Do vậy thân thể này,
Không đến được chỗ ấy,
Với tâm tư quyết chí,
Con thường hằng đi đến.
Vì rằng thừa Phạm chí,

Ý con cột vị ấy.

1145. Nằm dài trong vũng bùn,
Vùng vầy, vật qua lại,
Con đã bơi qua lại,
Đảo này đến đảo khác,
Con đã thấy đức Phật,
Vượt bộc lưu, vô lậu.

Đến đây, khi chúng đang nói, đức Phật hiện ra và nói:

Thế Tôn:

1146. Cũng như Vak-ka-li,
Nhờ tin, được giải thoát,
Vói Bhad-rà-vu-dha,
A-la-vi, Cù-đàm,
**Cũng vậy, Ông đã được,
Giải thoát nhờ lòng tin.**
Hồi này Pin-gi-ya,
Ông sẽ đi đến được,
Đến được bờ bên kia,
Của thế giới thân chết.

Pingiya:

1147. Được nghe lời ẩn sĩ,
Con tăng trưởng tịnh tín,

Bạc Chánh đẳng Chánh giác,
Đã vén lên tấm màn,
Không cứng cỏi, biện tài.

1148. *Thắng tri các chư Thiên,
Biết tất cả cao thấp,
Bạc Đạo Sư chấm dứt,
Tất cả các câu hỏi,
Với những ai tự nhận,
Còn có chỗ nghi ngờ.*

1149. *Không run rẩy, dao động,
Không ai có thể sánh,
Chắc chắn con sẽ đi,
Tại đây, con không nghi,
Như vậy, thọ trì Ta,
Như tâm người tín giải.*

Phẩm **"Con đường đi đến bờ bên kia"** đã xong.

228 Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:
*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đáng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. *Chỉ có bốn Sa-môn,*
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,
Bậc sống trên con đường,

Kẻ làm ô uế đạo.

Cunda:

85. Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?

Thế Tôn:

86. Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưu thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.

87. Ai ở đời biết được,

Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhóp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,
Thánh đệ tử, nghe nhiều,

*Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

229 Kinh Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776

Câu hỏi của thanh niên 1 – Ajita – *Tiểu I*, 776

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:

*Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng?
Hãy nói lên cái gì,
Làm uế nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?*

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:

*Đời bị **vô minh** che,
Do **xan tham**, **phóng dật**,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do **mong cầu**,
Nên đời bị uế nhiễm,
Chính là sự **đau khổ**,
Nên có sợ hãi lớn.*

Ajita:

1034. Tôn giả A-ji-ta:

Mọi nơi dòng nước chảy,

*Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?*

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:
*Hỡi này A-ji-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do **Trí tuệ**,
Đóng lại các dòng nước.*

Ajita:

1036. Tôn giả A-ji-ta:
*Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với danh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?*

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,
*Hỡi này A-ji-ta,
Ta sẽ đáp cho Ông,*

*Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt **Thức**,
Danh sắc được đoạn diệt.*

Ajita:

*1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phàm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thận trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!*

Thế Tôn:

*1039. **Chớ tham đắm các dục,**
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.*

230 Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801

Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa – *Tiểu I*, 801

Kappa:

1092. Tôn giả Káp-pa nói:
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.*

Thế Tôn:

1093. Thế Tôn nói Kap-pa,
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.*

1094. *Hòn đảo vô song này,*
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.

1095. *Biết vậy, giữ chánh niệm,*
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.

231 Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I, 802*

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:

Được nghe bậc anh hùng,

Không tham đắm dục vọng,

Nên con đã đến đây,

*Để hỏi **bậc vô dục**,*

Đã thoát khỏi bộc lưu,

Bậc sanh với con mắt,

Hãy nói đường an tịnh,

Thế Tôn hãy như thật,

Nói cho con được biết.

1097. *Chinh phục dục vọng xong,*

Thế Tôn sống ở đời,

Như mặt trời chiếu sáng,

Cõi đất với hào quang,

Bậc trí tuệ rộng lớn,

Hãy nói pháp cho con,

Kẻ trí tuệ bé nhỏ,

Do rõ biết pháp này,

Ở đây, con đoạn được,

Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. **Những gì có trước Ông,**

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

232 Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I, 805*

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

*Con có lời yêu cầu,
Bậc Thiện Tuệ nói lên,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Giải thoát, vượt bực lưu,
Thời gian, không chi phối,
Nghe xong, bậc Long tượng,
Từ đây, họ ra đi.*

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

*Từ quốc độ tụ họp,
Họ ao ước khát vọng,
Được nghe lời của Ngài,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Ngài hãy khéo trả lời,
Pháp Ngài dạy thế này,
Như vậy họ hiểu biết.*

Thế Tôn:

1103. *Thế Tôn nói như sau:*

Này Bha-đra-vu-đa!

*Hãy **niếp phục tất cả,***

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kể luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

***Ác ma** theo người ấy.*

1104. ***Do vậy, bậc hiểu biết,***

Không có chấp thủ gì,

*Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,***

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

233 Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. *Ta nói trí giải thoát,*

Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trối buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trối buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ,**
Với nội và ngoại thọ,
Sở hành chánh niệm vậy,

Thức đạt được hoại diệt.

234 Kinh Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla - Tiểu I, 808

Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla – *Tiểu I, 808*

Posàla:

1112. *Tôn giả Po-sa-la:*

*Vị nói về quá khứ,
Bất động nghi hoặc đoạn,
Đã đến bờ bên kia,
Con đến với câu hỏi,
Hỏi về hết thấy pháp.*

1113. *Với ai, sắc tướng diệt,*

Đoan tâm hết thấy thân,

Nhìn thấy nội và ngoại,

Thật sự không có gì,

Con hỏi bậc Thích-ca,

Thế nào người như vậy,

Có thể bị dấy dần?

Thế Tôn:

1114. *Thế Tôn bèn đáp rằng:*

*Hỡi này Pô-sa-la,
Như Lai được thắng trí,
Tất cả nhờ thức trú,*

*Rõ biết vị an trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.*

1115. *Biết được sự tác thành,
Thuộc về vô sở hữu,
Biết **hỷ** là **kiết sử**,
Do thắng tri như vậy,
Tại đây, thấy như vậy,
Đây là trí như thật,
Của vị Bà-la-môn,
Đã thành tựu Phạm hạnh.*

235 Kinh Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja - Tiểu I, 809

Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja – *Tiểu I*, 809

Mogharàja:

1116. *Mo-gha-rà-ja* nói:

*Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.*

1117. *Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lừng danh.*

1118. *Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy?*

Thế Tôn:

1119. Nay Mô-gha-ra-ja,
*Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhỏ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thân chết không thấy được.*

236 Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pīngiya - Tiểu I, 811

Câu hỏi của thanh niên 16 Pīngiya – *Tiểu I*, 811

Pīngiya:

1120. Tôn giả Pin-gi-ya:

Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy được sự tác hại,
Trong các loại sắc pháp,
Chúng sanh sống phóng dật,
Bị phiền lụy trong sắc,
Do vậy, Pin-gi-ya,

**Ông chớ có phóng dật,
Hãy từ bỏ sắc pháp
Chớ đi đến tái sanh.**

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,
Cộng thêm trên và dưới,
Như vậy có mười phương,
Và trong thế giới này,
Không có sự việc gì,
Mà Ngài không được thấy,
Không nghe, không nghĩ đến,
Và không được thức tri,
Hãy nói đến Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp này,
Con ngay tại đời này,
Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục
Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật

***Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.***

237 Kinh Câu hỏi của thanh niên 2 Tissametteyya - Tiểu I, 779

Câu hỏi của thanh niên 2 – Tissametteyya – *Tiểu I*,
779

Tissa:

1040. **Tissa Met-tey-ya:**

*Ai thỏa mãn ở đời,
Với ai không dao động,
Ai thắng trí hai biên,
Ở giữa, không dính lú,
Ai Ngài gọi đại nhân?
Ở đời, ai vượt khỏi,
Thêu dệt các **ái nhiễm**?*

Thế Tôn:

1041. *Thế Tôn liền đáp rằng:*

*Hỡi này Met-tey-ya,
Giữa **đục**, sống Phạm hạnh,
Không **ái**, luôn chánh niệm,
Tỷ-kheo lặng tính toán,
An tịnh, không dao động.*

1042. *Ai thắng trí hai biên,*

Chặng giữa, nhờ suy tư,

Không dính líu bị nhiễm,
Ta gọi là đại nhân,
Vị ấy, ở đời này,
Vượt khỏi sự thù ghét,
Các **ái nhiễm** tham muốn.

238 Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punnaka - Tiểu I, 780

Câu hỏi của thanh niên 3 – Punnaka – *Tiểu I*, 780

Punnaka:

1043. *Tôn giả Pun-na-ka:*

Với ai không dao động,

Thấy rõ được cội gốc,

Con đến với câu hỏi,

Liên hệ đến mục đích,

Bạc ấn sĩ, loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Do họ y chỉ gì,

Tế đàn cho chư Thiên.

Đã tổ chức rộng lớn?

Con hỏi bậc Thế Tôn,

Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. *Thế Tôn bèn đáp rằng:*

Hỡi này Pun-na-ka,

Bạc ấn sĩ loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Đã tổ chức rộng lớn,

Tế đàn cho chư Thiên.

Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hồi này Pun-na-ka!

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:

Bạc ản sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.

Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật,
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài?

Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời.

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:

Hồi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các đức,
Do duyên vì lợi dưỡng,

*Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưa thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.*

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,
Vị ấy vượt già chết,

Ta nói lên như vậy.

239 Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

Mettagu:

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,*

Từ đâu ở trong đời,

Đau khổ này khởi lên,

Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

*Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,*

*Như Ta đã được biết,
Chính do duyên **sanh** y,*

Nên khổ được khởi lên,

Với nhiều loại như vậy,

Khác biệt ở trong đời.

1051. *Những ai vì vô minh,
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.*

Mettagu:

1052. *Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muộn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?*

Thế Tôn:

1053. *Thế Tôn trả lời rằng:*

Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ta sẽ nói cho Ông,
Pháp thiết thực hiện tại,
Không do trao truyền lại,
Sau khi biết pháp ấy,
Vị ấy sống chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Mettaḡu:

1054. *Thưa bậc Đại ẩn sĩ,*
Con hết sức hoan hỷ,
Chánh pháp vô thượng ấy,
Sau khi biết pháp ấy,
Sống gìn giữ chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. *Thế Tôn đáp lại rằng:*

Hỡi này Mêt-ta-gu,
Phàm Ông rõ biết gì,
Trên, dưới, ngang, ở giữa,
Hãy từ bỏ hoan hỷ,
Hãy từ bỏ trú xứ,
Chớ để cho ý thức,
An trú trên sanh hữu.

1056. *An trú vậy, chánh niệm,*

*Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.*

Mettaḡu:

*1057. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.*

*1058. Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,
Mong Thế Tôn thường hằng,
Giáo hóa dạy dỗ con.*

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến đục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy, không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

240 Kinh Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789

Câu hỏi của thanh niên 5 – Dhotaka – *Tiểu I*, 789

Dhotaka:

1061. Tôn giả *Dhō-ta-ka*:

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.*

Thế Tôn:

1062. Thế Tôn *đáp lại rằng*:

*Hỡi này *Dhō-ta-ka*,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
Tự học tập Niết-bàn.*

Dhotaka:

1063. Con thấy ở thế giới,
Chư Thiên và loài Người,

Sở hành của Phạm chí,
Không một gì sở hữu.
Con đánh lễ chính Ngài,
Bạc có mắt cùng khắp,
Kính thưa bậc Thích tử,
Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.

Thế Tôn:

1064. Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghi ngờ ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tối thượng tối thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Dhotaka:

1065. Hãy giáo hóa, từ mãi,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viển ly vô thương,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,
Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.

Thế Tôn:

1066. Thế Tôn liền nói rằng:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Ta sẽ giảng cho Ông,

Pháp tịch tịnh hiện tại,

Không do xưa truyền lại,

Sau khi biết pháp này,

Hãy sống, giữa chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,

Pháp bậc Đại sĩ giảng,

Pháp tịch tịnh vô thượng;

Sau khi biết pháp này,

Con sẽ sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Phàm Ông rõ biết gì,

Cao, thấp, ngang, chằng giữa,

Sau khi được rõ biết,

Tham ái này ở đời,

Chớ tạo nên khát ái

Với hữu và phi hữu.

241 Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – *Tiểu I*, 791

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:
*Kính thưa bậc Thích tử,
Một mình, không y chỉ,
Con không thể vượt khỏi,
Dòng nước lớn mạnh này,
Kính thưa bậc Biển nhãn,
Hãy nói cho sở duyên,
Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.*

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:
Này U-pa-si-va,
***Biết gìn giữ chánh niệm,
Không mong đợi vật gì,
Ông sẽ vượt bậc lưu,
Nương tựa: "không có gì",
Ngày đêm người nhận thấy,
Đoạn dục, ly nghi ngờ,***

Ái diệt là Niết-bàn.

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

Ai là người ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,

An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ồi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đây,
Được mát lạnh giải thoát,
Vội vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi U-pa-si-va,
Cũng giống như ngọn lửa,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
Cũng vậy, vị ẩn sĩ,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. *Vi đi đến tận cùng,*
Có phải không hiện hữu?
Hay vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh?
Lành thay, bậc ẩn sĩ,
Hãy trả lời cho con,

*Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.*

Thế Tôn:

1076. *Thế Tôn nói như sau:*

Hỡi U-pa-si-va,

Người đi đến tận cùng,

Không thể còn ước lượng,

Với gì, nói đến nó,

Không còn có cái ấy,

Khi tất cả các pháp,

Đã được nhổ hẳn lên,

Mọi con đường nói phô,

Được nhổ lên sạch hết.

242 Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794

Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda – *Tiểu I*, 794

Nanda:

1077. Tôn giả Nan-da nói:

Quần chúng có nói rằng:

Có ẩn sĩ ở đời,

Ngài nghĩ như thế nào?

Chúng gọi là ẩn sĩ,

Vị có đầy đủ trí?

Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. Các bậc thiện nói rằng:

Ở đời này Nan-da,

Không phải vì tri kiến,

Vì truyền thống, vì trí,

Được gọi là ẩn sĩ,

Ta chỉ gọi ẩn sĩ,

Những ai diệt quân lực,

Không phiền não, không cầu.

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đà thưa:

Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp?
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Với sở hành như vậy,
Ta nói chúng không vượt,

Khởi sanh và khởi già.

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:

Sa-môn, Phạm chí này,

Nói rằng sự thanh tịnh,

Là nhờ thấy, nhờ nghe;

Có người lại nói rằng:

Thanh tịnh do giới cấm;

Có người lại nói rằng:

Thanh tịnh do nhiều pháp.

Thưa ân sĩ, Ngài nói:

Chúng không vượt bậc lưu,

Vậy ai có thể được,

Giữa thế giới Trời, Người,

Có thể vượt qua được,

Sanh và già, thưa Ngài.

Con xin hỏi Thế Tôn,

Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa

Ta không nói tất cả,

Sa-môn, Bà-la-môn,

Bị sanh già che lấp.

Những ai ở đời này,

Đoạn tận khắp tất cả,

*Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liều tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bộc lưu.*

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liều tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bộc lưu.

243 Kinh Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – *Tiểu I, 798*

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
*Những ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.*

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,
Được nghe và được thấy,

*Được cảm tưởng, nhận thức,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.*

*1087. Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

244 Kinh Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya - Tiểu I, 800

Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya – *Tiểu I, 800*

Todeyya:

1088. Tôn giả Tô-đê-ya:

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Giải thoát như thế nào?

Thế Tôn:

1089. Đây lời nói Thế Tôn:

Hỡi nầy Tô-đê-ya,

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Không có gì là khác.

Todeyya:

1090. Vì sống không ước vọng,

Hay sống có ước vọng,

Vì ấy có trí tuệ,

Hay tác thành trí tuệ,
Ôi kính bậc Biến nhãn,
Hãy trả lời con rõ,
Để con có thể biết,
Thế nào là ân sĩ,
Ôi kính bậc Thích tử.

Thế Tôn:

1091. *Vị sống không ước vọng,*
Không có ước vọng nào,
Vị ấy có trí tuệ,
Không tác thành trí tuệ,
Như vậy, Tô-đê-ya,
Hãy biết bậc ân sĩ,
Không có sở hữu gì,
Không tham dính dục hữu.

245 Kinh Dhammika - Tiểu I, 585

Kinh Dhammika – *Tiểu I*, 585 (Sn 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nam cư sĩ Dhammika đi đến Thế Tôn với năm trăm nam cư sĩ, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Dhammika nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Dhammika:

376. *Kính thưa Gotama,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con xin kính hỏi Ngài,
Vấn đề đặc biệt này:*

*Với vị đệ tử Ngài,
Làm thế nào là thiện?
Nếu là vị xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Hay là vị có nhà,
Sống đời **nam cư sĩ**?*

377. *Ngài rõ biết đường đi,
Cùng mục đích tối hậu,*

*Của Thế Tôn đời này,
Và thế giới chư Thiên.
Không ai so sánh Ngài,
Bậc thấy nghĩa thù diệu,
Chính Ngài được tôn xưng,
Là đức Phật thù thắng.*

*378. Ngài biết tất cả trí,
Ngài trình bày Chánh pháp,
Vì lòng thương, từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Ngài mở rộng bức màn,
Bậc có mắt mọi nơi,
Không cầu uế, thanh tịnh,
Ngài chói toàn thế giới.*

*379. Vị vua loài Nàgà,
Tên **Eràvano**,
Đã đến gần bên Ngài,
Được nghe: Ngài chiến thắng.
Vị ấy tìm đến Ngài,
Để nghe lời khuyên nhủ,
Sau khi nghe, thích thú,
Nói lên lời: Lành thay!*

*380. Vua **Vessavana**,
Kuvera đến Ngài,*

*Tìm hiểu hỏi han Ngài,
Về vấn đề diệu pháp,
Được hỏi, ôi bậc trí,
Hãy nói lên cho vua!
Sau khi nghe, vị ấy,
Cũng thích thú, ưa thích.*

*381. Các bậc ngoại đạo này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Các tà mạng ngoại đạo,
Hay các Ni-kiền Tử,
Tất cả không vượt qua,
Hơn thắng trí của Ngài,
Như người đang đứng lại,
Không thắng kẻ đi mau.*

*382. Các Bà-la-môn này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Có những bậc Phạm-chí,
Đã đến tuổi trưởng thành,
Tất cả đều trối buộc,
Bởi tư tưởng của Ngài,
Kể cả những hạng người,
Tự phụ nói khoe khoang.*

*383. Pháp này là tế nhị,
Đem lại nguồn an lạc,*

*Đã được bậc Thế Tôn,
Khéo nói, khéo thuyết giảng,
Tất cả mọi hạng người,
Đều thích thú ưa nghe,
Được hỏi, hãy nói lên,
Ôi đức Phật tối thượng.*

*384. Các vị Tỷ-kheo này,
Đang ngồi đây tất cả,
Kể cả nam cư sĩ,
Tất cả đều chờ nghe,
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Vô uế Giác ngộ,
Như chư Thiên nghe lời,
Vàsava khéo nói!*

Thế Tôn:

*385. Tỷ-kheo, hãy nghe Ta,
Ta khiến các Thầy nghe,
Pháp đoạn trừ điều ác,
Tất cả hãy trợ trì,
Với ai thấy ý nghĩa,
Nghĩ ngợi có suy tư,
**Hãy sống theo chánh hạnh,
Thích hợp với xuất gia.***

386. Tỷ-kheo chớ ra ngoài,
Trong thời gian phi thời,
Hãy vào làng khát thực,
Đúng thời, thì hãy đi,
Ai đi đứng phi thời,
Bị bấy sập trối buộc.
Do vậy các đức Phật,
Không có đi phi thời.

387. Các sắc và các tiếng,
Các vị, hương và xúc,
Chính những loại pháp ấy,
Làm mê hoặc chúng sanh.
Hãy nhiếp phục, lòng dục,
Đối với các pháp ấy,
Hãy vào cho đúng thời,
Để dùng buổi ăn sáng.

388. Tỷ-kheo được đúng thời,
Các đồ ăn khát thực,
Hãy đi về một mình,
Ngồi tại chỗ an tịnh,
Suy tư hướng nội tâm,
Ý không chạy ra ngoài,
Làm cho thoát ra khỏi,
Mọi chấp thủ tự ngã.

389. Nếu vị ấy có nói,
Vớì một vị đệ tử,
Hay nói vớì một vị,
Một Tỷ-kheo nào khác,
Hãy nói cho vị ấy,
Sự thù diệu Chánh pháp,
Không có nói hai lưỡi,
Không bài xích một ai.

390. Nhưng có những hạng người,
Dùng khẩu chiến bằng lời,
Những hạng người tuệ nhỏ,
Chúng ta không tán thán,
Triền phược trói buộc họ,
Từ chỗ này chỗ kia,
Ở đây họ dẫn tâm,
Đưa **tâm đi quá xa**.

391. Đồ khát thực, tinh xá,
Cùng sàng tọa trú xứ,
Nước để trùi bụi nhóp,
Y áo Tăng-già-lê,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc đệ tử thắng tuệ,
Quán sát, hãy dùng chúng.

392. Do vậy đồ khát thực,
Sàng tọa và trú xứ,
Nước để trừ bụi nhớp,
Y áo Tăng-già-lê,
Đối với những pháp ấy,
Đừng để cho dính nhiễm.
Tỷ-kheo **như giọt nước,**
Không dính trên lá sen.

393. Trách nhiệm của gia chủ,
Ta cũng nói các Ông,
Làm theo đúng như vậy,
Đệ tử là tốt lành.
Pháp Tỷ-kheo toàn diện,
Khó thành tựu đầy đủ,
Vì là người gia chủ,
Phải làm nhiều việc đời.

394. **Chớ giết loài hữu tình,**
Chớ bảo người giết hại,
Hay chấp nhận kẻ khác,
Giết hại các người khác,
Đối với mọi sanh loại,
Từ bỏ các hình phạt,
Đối với kẻ mạnh bạo,
Như đối kẻ run sợ.

385. Rồi hãy quyết từ bỏ,
Lấy của không được cho,
Đệ tử khéo sáng suốt,
Vật gì, vật của ai,
Chớ khiến người khác lấy,
Chớ chấp nhận lấy trộm.
Hãy từ bỏ, chấm dứt,
Mọi của cải không cho.

396. Hãy từ bỏ, tránh xa,
Đời sống phi Phạm hạnh,
Như bậc trí tránh né,
Lửa cháy hồ than hừng.
Nếu tự mình bất lực,
Không thể sống Phạm hạnh,
Thời chớ có xâm phạm,
Vợ của các người khác.

397. Khi đi đến hội chúng,
Hay đi đến đoàn chúng,
Hay một mình một người,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ khiến người nói láo,
Chớ chấp nhận nói láo,
Tất cả điều không thật,
Hãy tránh xa từ bỏ.

398. Chớ sống theo nếp sống,
Uống **rượu** và say rượu,
Với vị là cư sĩ,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ khiến người uống rượu,
Chớ chấp thuận uống rượu,
Sau khi biết uống rượu,
Cuối đường là điên cuồng.

399. Chỉ kẻ ngu say rượu,
Mới làm các điều ác,
Và khiến các người khác,
Sống buông lung phóng dật,
Hãy từ bỏ, tránh xa,
Xử phi công đức này,
Khiến điên cuồng si mê,
Làm kẻ ngu thỏa thích.

400. **Chớ có giết hữu tình,**
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói láo không thật,
Chớ uống rượu say mê,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Không hành trì dâm dục,
Không có ăn ban đêm,
Không ăn lúc phi thời.

401. *Chớ mang các vòng hoa,
Chớ dùng các nước thơm,
Hãy nằm trên mặt đất,
Trên thảm chiếu trải dài,
Tám hạnh này được gọi
Là **hạnh ngày trai giới**.
Do đức Phật giảng dạy,
Để chấm dứt khổ đau.*

402. *Từ nay ngày trai giới,
Chia nửa tháng hai phần,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Hay **ngày tám** mỗi tháng,
Với tâm ý hoan hỷ,
Thực hành thân thông pháp,
Gồm có đủ tám phần,
Khéo đầy đủ vẹn toàn.*

403. *Do vậy, vào buổi sáng,
Thực hành ngày trai giới,
Bậc có trí sáng suốt,
Với tâm tư tín thành,
Với tâm ý tùy hỷ,
Cúng dường Tỷ-kheo Tăng,
Với món ăn đồ uống,
Hợp với khả năng mình.*

404. *Hãy nuôi dưỡng mẹ cha,
Hợp pháp và đúng pháp,
Và cũng đúng với pháp,
Hãy làm nghề buôn bán,
Người gia chủ như vậy,
Sở hành không phóng dật,
Được sanh làm Thiên nhân,
Tên là: "Tự chói sáng".*

246 Kinh Dhaniya - Tiểu I, 463

Kinh Dhaniya – *Tiểu I*, 463

Dhaniya:

18. *Cơm ta, nấu đã chín,
Sữa uống, ta vắt xong,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Trên bờ sông Mahì,
Ta chung sống đồng cư,
Chòi lá được khéo lợp,
Lửa đốt được cháy đỏ.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Thế Tôn:

19. *Ta đoạn được phần nộ,
Tâm hoang vu không còn,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Trên bờ sông Mahì,
Ta chỉ sống một đêm,
Chòi lá được rộng mở,*

*Lửa đốt được tịch tịnh.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Dhaniya:

*20. Ruồi lẩn và muỗi mòng,
Ở đây không tìm thấy,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Trên cánh đồng cỏ mọc,
Đàn bò đi ăn cỏ,
Dầu cơn mưa có đến,
Chúng có thể chịu đựng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Thế Tôn:

*21. Các bè đã được cột,
Khéo tác thành tốt đẹp,
Bạc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Ai qua được bờ kia,
Nhiếp phục dòng nước mạnh,
Lợi ích của **chiếc bè**,
Đâu còn thấy cần thiết.*

*Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Dhaniya:

*22. Vợ ta khéo nhu thuận,
Không có tham dục gì,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy.
Đã lâu ngày chung sống,
Vừa đẹp ý đẹp lòng,
Ta không nghe điều gì,
Thuộc ác hạnh về nàng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Thế Tôn:

*23. Tâm Ta khéo nhu thuận,
Được giải thoát, mở rộng,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Lâu ngày tu viên mãn,
Khéo nhiếp phục chế ngự,
Trong Ta các pháp ác,
Không còn được tìm thấy.
Nếu là ý người muốn,*

Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

24. *Vội lợi tức thân hoạch,
Ta tự nuôi sống ta,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy,
Con ta và cả ta,
Sống chung không bệnh hoạn,
Ta không nghe điều gì,
Thuộc ác hạnh về chúng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Thế Tôn:

25. *Ta không có làm mướn,
Cho một ai ở đời,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Vội điều được chứng đắc,
Ta du hành thế giới,
Về tiền công cần thiết,
Không thể có nơi Ta.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.*

Dhaniya:

26. Đây có các bò cái,
Đây có các bò con,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Đây có những bò mẹ,
Mang thai, nói giống dòng,
Đây có những bò đực,
Những con chúa đầu đàn.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

27. Đây không có bò cái,
Đây không có bò con,
Bạc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Đây không có bò mẹ,
Mang thai, nói giống dòng,
Đây không có bò đực,
Những con chúa đầu đàn.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

28. Cây cột được đóng sâu,
Không còn bị dao động,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Các dây bằng cây lau,
Được bện lại mới chắc,
Và các con bò con,
Không thể nào giật đứt.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

29. Giống như con bò đực,
Giật đứt các trói buộc,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Như voi làm đứt,
Các giây leo héo mục,
Ta không còn đi đến,
Chỗ thai tạng tái sanh.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

30. Rồi mưa lớn đổ xuống,

*Làm đầy tràn đất trũng,
Làm tràn ngập đất cao,
Nghe trời gầm, mưa, thét,
Mục đồng Dhaniya,
Nói lên lời như sau:*

Dhaniya:

*31. Lợi thay cho chúng ta,
Đâu phải là lợi nhỏ,
Chúng ta được chiêm ngưỡng,
Bậc Chánh Giác, Thế Tôn.
Ôi! Kính bậc Pháp nhãn,
Con xin quy y Ngài,
Kính bậc Đại ẩn sĩ,
Hãy là Thầy chúng con.*

*32. Vợ con và cả con,
Là những người nhu thuận,
Xin sống đời Phạm hạnh,
Dưới chân bậc Thiện Thệ.
Được đến bờ bên kia,
Vượt khỏi sanh già chết,
Chúng con sẽ trở thành,
Người đoạn tận đau khổ.*

Màra:

33. Ai có các con trai,
Hoan hỷ với con trai,
Đây là lời Ác ma,
Đã nói lên như vậy.
Người chủ các con bò,
Hoan hỷ với con bò.
Còn người thì hoan hỷ,
Đối với sự sanh y,
Ai không có sanh y,
Không thể có hoan hỷ.

Thế Tôn:

34. Ai có các con trai,
Sầu muộn với con trai,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Người chủ các con bò,
Sầu muộn với con bò,
Sầu muộn của con người,
Chính do sự sanh y,
Ai không có sanh y,
Không thể có sầu muộn.

247 Kinh Già - Tiểu I, 707

Kinh Già – Tiểu I, 707

804. *Sinh mạng này ngắn thay,
Trong trăm năm, rồi chết,
Nếu ai sống hơn nữa,
Rồi cũng chết vì già.*

805. *Loài Người sầu vì ngã,
Mọi chấp thủ vô thường,
Trống không là đời này,
Thấy vậy sống không nhà.*

806. *Vì loài Người nghĩ rằng,
Cái này là của tôi,
Cái ấy bị sự chết,
Làm hoại diệt hư tàn.
Biết vậy, bậc Hiền trí,
Không gọi, không hướng đến,
Cái này ngã của ta,
Cái này là của ta.*

807. *Như những gì hiện lên,
Trong giấc ngủ mộng寐,
Con người khi tỉnh dậy,*

Không còn thấy được gì.
Cũng vậy ở đời này,
Người được ưa, ái luyến,
Rồi sẽ chết mất đi,
Không ai còn thấy được.

808. Các loại hạng người ấy,
Được thấy và được nghe,
Nên họ được gọi tên,
Tên này hay tên khác.
Với người đã chết đi,
Chỉ được gọi tên không,
Vì chỉ có tên suông,
Sẽ được còn tồn tại.

809. Tham đắm cái của ta,
Họ không có từ bỏ,
Sầu khổ và than van,
Cùng xan tham keo kiệt.
Do vậy bậc ẩn sĩ,
Sau khi bỏ chấp thủ,
Đã sống một đời sống,
Thấy được sự an ổn.

810. Đối với vị Tỷ-kheo,
Sống thanh vắng một mình,
Sống tu tập tâm ý,

*Hướng đến **hạnh viễn ly**,
Nếp sống vậy được nói,
Hòa hợp với vị ấy,
Và không nêu tự ngã,
Trong hiện hữu của mình.*

*811. Vị ẩn sĩ không tựa,
Không y chỉ một ai,
Không làm thành thương yêu,
Không tác thành ghét bỏ.
Do vậy trong sầu than,
Trong xan tham keo kiệt,
Như nước trên lá cây,
Không dính ướt làm nhơ.*

*812. Giống như một giọt nước,
Không dính ướt hoa sen,
Như nước trên bông sen,
Không dính ướt làm nhơ.
Đối với vật thấy nghe,
Được cảm thọ tưởng đến,
Cũng vậy bậc ẩn sĩ,
Không dính ướt tham đắm.*

*813. Do vậy bậc tẩy sạch,
Không có suy tư đến,*

*Điều được thấy được nghe,
Được cảm thọ tưởng đến.
Vị ấy muốn thanh tịnh,
Không có dựa gì khác,
Vị ấy không tham đắm,
Cũng không có ly tham(???)*

248 Kinh Hai Pháp Tuỳ Quán - Tiểu I, 678

Kinh Hai Pháp Tuỳ Quán – *Tiểu I*, 678

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Đông Viên, tại lầu đài mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ, nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy?

Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "**Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp**". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?".

- "Đây là **khổ**, đây là **khổ tập**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "Đây là **khổ diệt**, đây là **con đường đưa đến khổ diệt**", đây là tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được **chánh trí** ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả **Bất hoàn**.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai **không** tuệ tri **khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. Không có **tâm giải thoát**,
Không có **tuệ giải thoát**,
Vị ấy không có thể,
Đoạn tận sanh và già.

726. **Những ai tuệ tri khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết **con đường**,
Đưa đến khổ an tịnh.

727. *Đầy đủ tâm giải thoát,
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể,
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "*Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?*"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **sanh y***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "***Do sự đoạn diệt, ly tham**, các **sanh y** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. *Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,*

*Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh,
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ,
Nối tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tùy quán được hiện hữu,
Của sanh và của khổ.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong,
bậc Đạo Sư lại nói thêm:

729. *Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do vô minh.*

730. *Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, **minh** đạt được,
Không còn phải tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa
như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên
các hành*", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn,
khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ
hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán
hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu
có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

731. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,*

*Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.*

*732. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tướng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.*

*733. Bạc Hiên trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức****", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,

*Tất cả do duyên thức,
Vời thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.*

*735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: ...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *xúc***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*736. Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.*

737. Những ai liễu tri xúc,

Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.

739. Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,
Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **ái***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham ái** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chán tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

740. *Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.*

741. *Do biết nguy hiểm này,
Chính ái tác thành khổ,
Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:....

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thủ***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham thủ* không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.

743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **khởi xướng***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt ly tham khởi xướng* không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.*

745. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.*

746. *Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức** **ăn***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **thức** **ăn** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.*

748. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liễu tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.*

749. *Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **dao động***", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham dao động* không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.

751. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Ai có nương tựa, thì bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Ai không có nương tựa, không bị dao động*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. *Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.*

753. *Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại này,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Các pháp **vô sắc** an tịnh hơn các **sắc pháp***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Sự **đoạn diệt**, an tịnh hơn các pháp vô sắc*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. *Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.*

755. *Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là hư vọng**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.*

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh*

khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là chân thật*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. *Hãy xem thế giới này,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này,
Là chân thật không nguy.*

757. *Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ.*

758. *Niết-bàn không hư nguy,
Bậc Thánh chân thật biết,
Họ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là khổ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là lạc**", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.

760. Thế giới với chư Thiên,
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

761. *Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.*

762. *Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.*

763. *Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dẫu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.*

764. *Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Rơi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.*

765. *Ai ngoài các bậc Thánh,*

*Xứng đáng **đạo chánh giác**.*

Do chánh trí đạo ấy,

Chứng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

249 Kinh Hang Động tám kệ - Tiểu I, 696

Kinh Hang Động tám kệ – *Tiểu I*, 696

772. Chúng sanh vào trong hang,
Chấp chặt bị bao trùm,
Người có thái độ vậy,
Chìm sâu trong si mê.
Hạnh viễn ly với nó,
Như vậy thật xa vời,
Các dục ở trong đời,
Không dễ gì đoạn tận.

773. **Dục cầu** làm nhân duyên,
Bị lạc hữu trói buộc,
Họ rất khó giải thoát,
Không thể có người khác,
Đến giải thoát cho mình,
Họ cầu việc đã qua,
Họ mong việc chưa lại;
Họ tham đắm các dục,
Những dục này hiện tại,
Và những dục quá khứ.

774. **Ai tham đắm các dục,**
Bị trói buộc si mê,

Họ xan tham keo kiệt,
An trú trên bất chánh,
Khi rơi vào đau khổ,
Họ sầu muộn than khóc,
Ở đây sau khi chết,
Tương lai sẽ thế nào?

775. Do vậy ở tại đây,
Con người cần học tập,
Những gì mình biết được,
Là bất chánh ở đời.
Do nhân duyên như vậy,
Mà sống không bất chánh,
Vì rằng bậc Thánh nói:
Ngắn thay, sanh mạng này.

776. Ta thấy ở trên đời,
Loài Người run, sợ hãi,
Đi đến khát ái này,
Trong những loại sanh hữu.
Phàm những người thấp kém,
Than van trước miệng chết,
Chưa viễn ly khát ái,
Đối với hữu, phi hữu.

777. Hãy nhìn những người ấy,
Run sợ trong tự ngã,

Như cá chỗ ít nước,
Trong dòng sông khô cạn,
Thấy được sự kiện này,
Hãy sống không của ta,
Không làm sự việc gì,
Khiến tham đắm các hữu.

778. Hãy nhiếp phục ước muốn,
Đối với hai cực đoan,
Nhờ liễu tri các **xúc**,
Không còn có tham đắm,
Cái gì tự ngã trách,
Cái ấy không có làm,
Bậc trí không bị nhóp,
Bởi những gì thấy nghe.

779. Do liễu tri các **tưởng**,
Vượt qua khỏi bực lưu,
Bậc Mâu-ni không nhiễm,
Đối với mọi chấp thủ,
Với mũi tên rút ra,
Sở hành không phóng dật,
Không cầu mong đời này,
Không mong ước đời sau.

250 Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – Tiểu I, 510 (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtågira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtågira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtågira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtågira,

Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đổi thiên định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,
Vị ấy nói những lời,

Sáng suốt, có nghĩa lý.

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các minh?

Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Sở hành thật thanh tịnh?
Có phải là vị ấy,
Các lậu hoặc đoạn tận?
Có phải là vị ấy,
Không còn có tái sanh?

Sàtàgira:

163. *Sự thật là vị ấy,
Đầy đủ với các minh,
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira
Sở hành thật thanh tịnh,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Thật sự đối vị ấy,
Không còn có tái sanh.*

Hemavata:

163. (a) Có phải vị ẩn sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn,
Có phải người tán thán,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,

Đầy đủ cả hạnh đức?

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo **hoàn mãn**.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ **trí đức**,
Đầy đủ cả **hạnh đức**.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,
Không tham đắm vật gì.*

*Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata.*

Do pháp nào có mặt,
Tác thành sự giao hợp?
Sự chấp thủ ở đời,
Là chấp thủ cái gì?
Do pháp nào có mặt,
Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,
Thế giới được sanh khởi,
Này Hemavata,
Thế Tôn nói như vậy.
Do **sáu pháp** có mặt,
Tác thành sự giao hợp,
Sự chấp thủ ở đời,
Là **chấp thủ sáu pháp**,
Do **sáu pháp** có mặt,
Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,
Đây thế giới bị hại?
Được hỏi, hãy nói lên,
Về con đường thoát đời.
Làm thế nào đau khổ,
Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng***,
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây.
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, *con đường thoát đời.*
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. *Đây, ai vượt bực lưu?*
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. *Ai luôn luôn đủ **giới**,*
*Có **tuệ**, khéo thiên **định**,*
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tưởng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,
Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Bậc đã vượt bậc lưu,

Bậc đã đoạn lậu hoặc.

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

251 Kinh Hành Chánh Pháp - Tiểu I, 554

Kinh Hành Chánh Pháp – Tiểu I, 554 (Sn 49)

274. *Pháp hạnh và Phạm hạnh,
Được gọi là **tối thượng hạnh**,
Nếu là người xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.*

275. *Nếu bản tánh lắm mồm,
Ưa làm hại như thú,
Đời sống ấy ác độc,
Làm **ngã** tăng bụi trần.*

276. *Tỷ-kheo ưa cãi nhau,
Bị vô minh che đậy,
Không biết pháp luật dạy,
Pháp do Phật tuyên thuyết.*

277. *Bị vô minh lãnh đạo,
Hại bậc tu tập ngã,
Không biết đường ô nhiễm,
Đưa đến cõi địa ngục.*

278. *Vị Tỷ-kheo như vậy,
Rơi vào chỗ đọa xứ,*

Đi đầu thai chỗ này,
Đến đầu thai chỗ khác,
Đi từ tối tăm này,
Đến chỗ tối tăm khác.
Vị ấy sau khi chết,
Roi vào chỗ khổ đau.

279. *Như hổ phân đầy tràn,
Sau nhiều năm chắt chứa,
Cũng vậy, kẻ uesthiễm,
Thật khó lòng gột sạch.*

280. *Hỡi này các Tỷ-kheo,
Hãy biết người như vậy,
Hệ lụy với gia đình,
Ác dục, ác tư duy,
Ác uy nghi cử chi,
Ác sở hành, hành xứ.*

281. *Tất cả đều đồng tình,
Tránh xa người như vậy,
Hãy thổi nó như bụi,
Hãy quăng nó như rác.*

282. *Hãy đuổi kẻ nói nhiều,
Kẻ **Sa-môn giả hiệu**,
Sau khi đuổi ác dục,*

Ác uy nghi hành xử.

283. *Hãy giữ mình trong sạch,
Chung sống kẻ trong sạch,
Sống thích đáng, chánh niệm,
Rồi hòa hợp, sáng suốt,
Hãy chấm dứt khổ đau.*

252 Kinh Hôi Thôi - Tiểu I, 542

Kinh Hôi Thôi – *Tiểu I, 542* (Amagandha) (Sn 42)

Bà-la-môn:

239. *Các bậc Thiện chơn chánh,
Ăn hạt giống cây thuốc,
Ăn đậu đũa, đậu rìng,
Ăn lá, ăn rễ cây,
Ăn trái các dây leo,
Nhận được thật đúng pháp.
Vị ấy không nói láo,
Vì các **đục** thúc đây.*

240. Ôi **ngài Kassapa**,
*Ai ăn các món ăn,
Do người khác bố thí,
Khéo làm, khéo chưng dọn,
Trong sạch và thù thắng;
Ăn lúa gạo thơm ngon.
Ai ăn uống như vậy
Là ăn thịt hôi thối.*

241. *Này bà con Phạm thiên,
Chính Ngài tuyên bố rằng:*

Ta không ăn đồ thối,
Để nuôi sống thân Ta.
Nhưng Ngài ăn món ăn
Bằng lúa gạo thơm ngon,
Ăn thịt các loài chim,
Nấu ăn thật khéo léo
Ta hỏi Kassapa:
Ý nghĩa sự kiện này,
Ngài định nghĩa thế nào,
Là ăn đồ hôi thối?

Đức Phật Kassapa:

242. Sát sanh và hành hình,
Đả thương và bắt trói,
Trộm cắp và nói láo,
Man trá và lừa đảo,
Giả bộ kẻ học thức,
Đi lại với vợ người,
Đây là đồ ăn thối,
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời, các hạng người,
Không chế ngự lòng dục,
Đam mê các vị ngon,
Liên hệ đến bất tịnh,
Theo chủ nghĩa hư vô,

*Bất chánh khó hướng dẫn,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.*

244. *Ai thô bạo, dã man,
Sau lưng nói gièm pha,
Phản bạn không từ bi,
Lại cống cao ngạo mạn,
Tánh không có bố thí,
Không cho ai vật gì,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.*

245. *Phẫn nộ và kiêu mạn,
Cứng đầu và chống đối,
Man trá và tật đố,
Nói vô ích, huênh hoang,
Kiêu mạn và quá mạn,
Thân mật với kẻ ác,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.*

246. *Ác giới, nợ không trả,
Làm người điểm chỉ viên,
Làm những nghề dối trá,
Ở đây, kẻ giả vờ,*

*Ở đây người bản tiện,
Những người làm ác nghiệp,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.*

247. *Ở đời đối hữu tình,
Người không biết kiềm chế,
Lấy cướp sở hữu người,
Chú tâm làm hại người,
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.*

248. *Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sanh tới tằm,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước.
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.*

249. *Không phải do cá thịt,
Cùng các loại nhện ăn,
Không phải do lông thể,
Đầu trọc và bện tóc,*

Không do tro trét mình,
Mặc da thú khô cứng,
Không phải do săn sóc,
Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Không do nhiều khổ hạnh,
Để được chứng bất tử,
Không bùa chú tế tự,
Các tế đàn thời tiết,
Làm con người trong sạch,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn,
Với các căn nhiếp phục,
Vững trú trên Chánh pháp,
Thích chân trực, hiền hòa,
Vượt khỏi các tham ái,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Bậc trí không nhiễm dính,
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế Tôn thuyết,
Ý nghĩa lời dạy này,
Bậc bác học kệ chú,
Thâm hiểu ý nghĩa ấy.
Bậc ẩn sĩ nói lên,
Với những kệ tuyệt diệu,
Bậc không ăn đồ thối,

Độc lập, khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy,
Lời Thế Tôn khéo nói,
Chấm dứt ăn đồ thối,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Vị ấy đánh lễ Phật,
Với tâm ý nhún nhường,
Thỉnh cầu được cho pháp,
Xuất gia tại nơi đây.

253 Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605

Kinh Khéo Thuyết – *Tiểu I*, 605 (Sn 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana... Thế Tôn nói như sau:

- Thành tựu ***bốn chi phần***, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- **Chỉ nói** *lời khéo nói*, không nói lời vụng nói;
- Chỉ nói *lời đúng pháp*, không nói lời phi pháp;
- Chỉ nói *lời khả ái*, không nói lời phi khả ái;
- Chỉ nói *lời đúng sự thật*, không nói lời không đúng sự thật.

Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, lời nói là được khéo nói không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

450. *Bậc Thiện nhân nói lên,
Lời khéo nói tối thượng,*

*Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái,
Không nói phi khả ái,
Thứ tư, nói chân thật,
Không nói không chân thật.*

Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.
- Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vangisa!

Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

Vangisa:

451. **Hãy nói lên lời nói,**
Không thiếu sót tự ngã,
Không làm hại người khác,
Lời nói ấy khéo nói.

452. **Hãy nói lời khả ái,**
Nói lời khiến hoan hỷ,
Không mang theo ác hại,
Khiến người khác ưa thích.

453. **Chân thật, lời bất tử,**

*Đây thường pháp là vậy,
Họ nói, **bậc Thiện nhân**,
An trú trên chân thật,
Trên mục đích, trên pháp.*

454. *Lời gì đức Phật nói,
An ổn, đạt Niết-bàn,
Đoạn tận các khổ đau,
Đấy **lời nói tối thượng**.*

254 Kinh Kokàliya - Tiểu I, 654

Kinh Kokàliya – *Tiểu I*, 654

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn của ông Anàthapindika. Rồi **Tỷ-kheo Kokàliya** đi đến Thế Tôn sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokàliya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, **chớ có vậy!** Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, **tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.**

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàliya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, **tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.**

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàliya bạch Thế Tôn...

Rồi Tỷ-kheo Kokàliya từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Tỷ-kheo Kokàliya ra đi không lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokàliya nổi lên những mụn to bằng hạt cải; sau khi lớn lên bằng hột đậu; chúng lớn lên bằng hột đậu lớn; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo; sau khi lớn lên bằng trái táo, chúng lớn lên bằng trái àmala; sau khi lớn lên bằng trái àmala, chúng lớn lên bằng trái vilva; sau khi lớn lên bằng trái vilva, chúng lớn lên bằng trái billi, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ-kheo Kokàliya do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàliya sanh trong **địa ngục Sen hồng**, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya phải sanh vào địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy, sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, hồi hôm Phạm thiên Sahampati, khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta, sau khi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya đã mệnh chung và Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya sau khi mệnh chung đã sanh địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna*".

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, bao nhiêu là **tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?***

- **Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng, không dễ gì tính được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, hay bao nhiêu trăm ngàn năm.**

- *Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng ví dụ?*

Thế Tôn đáp:

- Có thể được, này Tỷ-kheo.

Này Tỷ-kheo, ví như có bao hột đậu mè nặng hai mươi ngàn khàrika, theo đo lường nước Kosala.

- Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi ngàn khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh với tuổi thọ ở **địa ngục Abbuda**.
- Này Tỷ-kheo hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abbuda; bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda, bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ababa**.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Atata**.
- (Kinh này thiếu nói về địa ngục **Ahaha**)(???)
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Atata bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda**.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika**.

- *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Uppala (Sen xanh)**.*
- *Này các Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pundarika (Sen trắng)**.*
- *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Pundarika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pudumà (Sen hồng)**.*
- *Này Tỷ Kheo Kokàliya sanh tại địa ngục **Pudumà** với tâm hận thù Sàriputta và Moggallàna.*

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

657. *Phàm con người đã sanh,
Sanh với **búa** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy mình.*

658. *Ai khen kẻ đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Tự chất chứa bất hạnh,
Do lỗi miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.*

659. Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Do quăng con xúc xắc,
Tài sản bị hoại vong,
Lớn hơn bất hạnh này,
Tự mình gây cho mình,
Vớ người có ác ý,
Đối chư Phật, Thiện Thệ.

660. Trải thời gian trăm ngàn,
Ở Nirabbuda,
Ba mươi sáu và năm,
Ở tại Abbuda,
Vớ lời và ác ý,
Ai phỉ báng bậc Thánh,
Người ấy sẽ rơi vào,
Các cõi dữ địa ngục.

661. Kẻ nói không chân thật,
Đi đến cõi địa ngục,
Ai tự mình có làm,
Lại nói: "Tôi không làm",
Cả hai sau khi chết,
Đều được xem đồng đẳng,
Hành động họ hạ liệt,
Đời sau, đồng làm người.

662. Ai khởi lên ác tâm,
Đối người không ác ý,
Đối người sống thanh tịnh,
Không có gì uế nhiễm,
Ác ấy trở lui lại,
Đến với kẻ ngu ấy,
Như bụi bặm nhỏ nhiệm,
Quảng ngược chiều gió thổi.

663. Ai hệ lụy đấm trước,
Các chủng loại tham dục,
Người ấy với lời nói,
Chỉ trích các người khác,
Không lòng tin, xan lẫn,
Không rộng rãi với người,
Xan tham và keo kiệt,
Quen thói nói xấu người.

664. Này Ông, miệng ác độc,
Không chân thật, không thánh,
Kẻ giết hại sanh linh,
Kẻ ác, kẻ làm ác,
Người hạ liệt, bất hạnh,
Thuộc về loại hạ sanh,
Ở đời, chớ nói nhiều,
Ông là dân địa ngục.

665. Ông rắc rải bụi trần,
Khiến mọi người bất hạnh,
Ông nói xấu bậc hiền,
Làm ác điều tội ác,
Sau khi Ông đã làm,
Rất nhiều điều ác hạnh,
Ông đi đến vực thẳm,
Trong thời gian dài dài.

666. Hành động bất cứ ai,
Không đi đến tiêu diệt,
Rồi nó cũng đến Ông,
Bắt gặp được nghiệp chủ,
Kẻ ngu làm điều ác,
Đời sau thấy mình khổ.

667. Nó đi đến tại chỗ,
Bị đánh bằng roi sắt,
Tại chỗ có cọc sắt,
Vớ cạnh lưỡi bén nhọn,
Ở đấy nó có được,
Các món ăn thích đáng,
Giống như những hòn sắt,
Được nung nấu cháy đỏ.

668. Tại đấy không ai nói,
Lời nhẹ nhàng an ủi,

Không có ai vội vã,
Đến che chở hộ trì,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực.

669. Với lưới, kẻ giữ ngục,
Trùm kín bao phủ họ,
Tại đây với gậy sắt,
Họ hành hạ đánh đập,
Họ đi qua vực đen,
Tối tăm không thấy đường,
Như đi qua đám mù,
Đang đầy đặc tràn rộng.

670. Họ đi đến bước vào,
Các chum ghè bằng sắt,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực,
Tại đây, họ bị nấu,
Trong thời gian lâu dài,
Họ nổi lên chìm xuống,
Trong những hầm lửa ấy.

671. Rồi kẻ làm điều ác,
Bị nung nấu tại đây,
Giữa đông mủ và máu,
Xen kẽ và lẫn lộn,

*Tùy theo phương hướng nào,
Nó theo chiều hướng nào,
Ở đấy, bị rửa nát,
Khi bị xúc chạm vào.*

*672. Trong nước, chỗ trú ẩn,
Của các loài côn trùng,
Kẻ làm các điều ác,
Bị nung nấu tại đấy,
Cho đến những bờ bến,
Không có cho nó đi,
Vì chum ghè mọi phía,
Đều tròn đầy như nhau.*

*673. Trong rừng đầy lá guom,
Sắc bén và mũi nhọn,
Họ đi vào rừng ấy,
Chân tay bị chém đứt,
Sử dụng các câu móc,
Chúng móc lưỡi dài ra, (???)
Rồi những kẻ ngục tối,
Hành hạ đánh giết họ.*

*674. Họ đi vào cảnh giới,
Gọi Vêtarani,
Khó vượt qua, tràn đầy,
Lưỡi dao, búa sắc bén,*

Tại chỗ ấy, kẻ ngu,
Bị rơi, bị rớt vào,
Những kẻ làm điều ác,
Sau khi tạo nghiệp ác.

675. Tại đây, các chim thú,
Ăn thịt kẻ rên la,
Những bầy, đàn quạ đen,
Đen thui và lốm đốm,
Các loài chó, dã can,
Cùng với các chim kên,
Các điều hâu, chim quạ,
Xé xác những kẻ ấy.

676. *Thật rất là đau khổ,
Nếp sống này, tại đây,
Nếp sống kẻ làm ác,
Loài Người thấy được vậy,
Do vậy, ở đời này,
Với mạng sống còn lại,
Là người làm công việc,
Không biếng nhác thụ động.*

677. Những hột mè mang lại,
Địa ngục **Paduma**,
Được kẻ trí đếm kỹ,
Số đến Nahuta,

*Lên đến số năm tỷ,
Tức năm ngàn vạn triệu,
Còn nữa lên đến số,
Một trăm hai mươi ức.*

*678. Khổ cho đến như vậy,
Địa ngục được nói đến,
Tại đây cần phải sống,
Lâu cho đến như vậy.*

*Như vậy, giữa những người,
Trong sạch, thiện tốt lành,
Hãy luôn luôn hộ trì,
Lời nói và ý nghĩa.*

255 Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvàja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvàja. Bà-la-môn Aggibhàradvàja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - *Ở đây kê trọc đầu, ở đây kê Sa-môn ti tiện, ở đây kê bàn tiện, hãy đứng lại.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvàja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kê bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kê bàn tiện hay những pháp tạo ra kê bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kê bàn tiện hay các pháp tạo thành kê bàn tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.
- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvāja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phần nộ, hiểm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. *Ai vay nợ của người,*

Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,

Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy**,
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,
Được biết là bần tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và **xan tham**,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,
Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Mátanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Mátanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Từ bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,
Quyến thuộc với **bà chú**,
Họ vẫn thường được thấy,*

Làm các điều ác nghiệp,

141. *Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

142. *Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành** thành bần tiện,
Do **hành** thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

256 Kinh Lòng Từ - Tiểu I, 28

Kinh Lòng Từ – Tiểu I, 28 (Mettà Sutta)

1. Vị thiện xảo mục đích,
Cần phải làm như sau:
Sau khi hiểu thông suốt,
Con đường an tịnh ấy,
Có khả năng trực tánh,
Thật sự, khéo chân trực,
Dễ nói và nhu hòa,
Không có gì cao mạn.
2. Sống cảm thấy vừa đủ,
Nuôi sống thật dễ dàng,
Ít có sự rộn ràng,
Sống đạm bạc, giản dị,
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.
3. Các hành sở của mình,
Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sanh chỉ trích,
Mong mọi loài chúng sanh,
Được an lạc, an ổn,
Mong chúng chúng đạt được,

Hạnh phúc và an lạc.

4. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung thấp, loài lớn, nhỏ.
5. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
**Mong mọi loài chúng sanh,
Sống hạnh phúc an lạc.**
6. Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối,
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.
7. Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh,
Cũng vậy, đối tất cả,

Các hữu tình chúng sanh,

Hãy tu tập tâm ý,

Không hạn lượng, rộng lớn.

8. Hãy tu tập từ tâm,

Trong tất cả thế giới,

Hãy tu tập tâm ý,

Không hạn lượng, rộng lớn,

Phía trên và phía dưới,

Cũng vậy cả bề ngang,

Không hạn chế, trói buộc,

Không hận, không thù địch.

9. Khi đứng hay khi ngồi,

Khi ngồi hay khi nằm,

Lâu cho đến khi nào,

Khi đang còn tỉnh thức,

Hãy an trú niệm này,

Nếp sống này như vậy,

Được đời đề cập đến,

Là nếp sống tối thượng.

10. Ai từ bỏ tà kiến,

Giữ giới, đủ chánh kiến,

Nhiếp phục được tham ái,

Đối với các dục vọng,

Không còn phải tái sanh,

Đi đến thai tạng nữa.

257 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 115

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 115 (Ud 1)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo *thuận chiều tác ý* **lý Duyên khởi**: "*Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này*".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

1. *Thật sự, khi các pháp,
Có mặt, hiện khởi lên,
Đối vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm hành thiền định,*

*Khi ấy, với vị ấy,
Các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì quán tri hoàn toàn,
Pháp cùng với các nhân.*

258 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 116

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 116 (Ud 2)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở tại Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi kiết-già thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh giữa, khéo **ngịch chiều tác ý lý Duyên khởi**: "*Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt, nên thức diệt; do thức diệt, nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt; do ái diệt, nên thủ diệt; do thủ diệt, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này*".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

2. *Thật sự khi các pháp,
Có mặt, hiện khởi lên,*

*Đối với vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm, hành thiền định,
Khi ấy, với vị ấy,
Các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì đã biết hoàn toàn,
Sự tiêu diệt các duyên.*

259 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 117

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 117(Ud 2)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bảy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, **khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi**: "**Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này**".

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

3. *Thật sự khi các pháp
Có mặt, hiện khởi lên,
Đối với vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm hành thiền định,
Quét sạch các ma quân,*

*Vị ấy đứng, an trú,
Như ánh sáng mặt trời,
Chói sáng khắp hư không.*

260 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 118

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 118 (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây bàng Ajapala, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Huhunka, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên lời chào hỏi, sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?

Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

4. Vị Bà-la-môn nào,
Loại trừ các ác pháp,
Không kiêu, không ướm nhiễm,
Tự ngã khéo chế ngự,

Vệ-đà được thông đạt, (??? Câu này cần xem lại)

Phạm hạnh được viên thành,

Vị Bà-la-môn ấy,

Có thể nói lên được,

Lời Phạm ngữ đúng pháp,

Vị ấy ở đời này,

Không hề có mạn tâm

Bất cứ ở nơi nào.

261 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 120

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 120* (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), khu vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahàmoggallàna (Đại Mục-kiền-liên) Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Mahākaccayāna (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahākotthita (Đại Câu-thi-la), Tôn giả Mahākappina (Đại kiếp-tân-na), Tôn giả Mahācunda (Đại-Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đà), Tôn giả Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Tôn giả Ananda (A-nan) đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy các Tôn giả ấy từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.
Nay các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn:

- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp, tác thành Bà-la-môn?

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

5. *Sau khi loại ác pháp,
Ai thường hành chánh niệm,
Kiết sử đoạn, giác ngộ,
Những vị ấy ở đời,
Thật là Bà-la-môn.*

262 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 121 (Ud 4)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ *Tôn giả Mahakassapa* trú ở hang Pippali, đang bị bệnh rất khổ đau, bệnh trầm trọng. Rồi Tôn giả Mahakassapa sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy. Rồi Tôn giả Mahakassapa thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Vương Xá để khát thực". Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nhân, đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả Mahakassapa nhận được đồ ăn khát thực. Nhưng Tôn giả Mahakassapa gạt bỏ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực, đi ngang những con đường những con người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*6. Ai sống không nhờ người,
Không được người biết đến,
Sống tự mình chế ngự,
An trú trên lời cây,*

*Các lậu hoặc đã đoạn,
Sân hận được trừ diệt,
Vị ấy được Ta gọi,
Là vị Bà-la-môn.*

263 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 122

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 122* (Ud 4)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Pàtali tại Ajakalàpaka, chỗ ở của Dạ-xoa Ajakalàpa. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối đen, và trời mưa từng hột xuống. Rồi Dạ-xoa Ajakalàpaka muốn làm cho Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, ba lần nói lên gần Thế Tôn tiếng gào thét của mình là Akkulopakkulo: "Này Sa môn, có con quỷ cho Ông".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

*7. Khi nào Bà-la-môn
Đối với pháp của mình,
Đã đạt được bờ kia,
Vị ấy vượt qua được,
Ác quỷ yêu ma này.*

264 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 123

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 123 (Ud 5)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sangamàji đã đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của **Tôn giả Sangamàji** nghe được tin Tôn giả Sangamàji đã đến Sàvatthi. Nàng liền dắt người con đi đến Jetavana. Lúc bấy giờ Tôn giả Sangamàji đang ngồi dưới gốc cây đề nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả Sangamàji, đi đến Tôn Giả Sangamàji, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sangamàji, giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả Sangamàji giữ im lặng. Lần thứ ba người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả Sangamàji vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả Sangamàji rồi bỏ đi, nói rằng:

- Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả Sangamàji không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả Sangamàji không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói, thấy vậy liền suy nghĩ: "*Sa-môn này không muốn ngó đến người con*". Nàng liền trở lui lại, bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

8. *Không hoan hỷ, nàng đến,
Không sầu muộn, nàng đi,
Giải thoát khỏi ái phược,
Là Sangamàji
Ta gọi người như vậy,
Là vị Bà-la-môn.*

265 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 125 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, **tưới nước và tế lửa**, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

266 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 126* (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Bàhiya Daruciriya trú ở Suppàraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bàhiya Dàruciriya khởi lên tư tưởng như sau: "*Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy*". Rồi một Thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bàhiya Dàruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bàhiya Dàruciriya, đi đến Bàhiya Dàruciriya và nói như sau:

- *Này Bàhiya. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.*

- *Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?*

- Nay Bàhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi Bàhiya Dàruciriya, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi Sappàraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bàhiya Dàruciritya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- *Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.*

- Nay Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà đề khát thực.

Rồi Bàhiya Dàraciriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sàvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bàhiya Dàruciriya liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bàhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ hai Bàhiya Dàruciriya Bạch Thế Tôn:

- *Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mähhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, Bàhiya Dàruciriya bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau:

"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ

chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiva, Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya đã nhập Niết Bàn.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

267 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 131

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 131 (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvela, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn, trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, một cơn giông tố lớn trái mùa khởi lên và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bầu trời u ám. Rồi **thần rắn Mucalinda** ra khỏi chỗ ở của mình, với thân cuốn vòng quanh bảy vòng thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu (Thế Tôn) với ý nghĩ: "*Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát*".

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy. Rồi Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã được thoát đi, cởi mở thân mình khỏi thân Thế Tôn, biến dạng thân sắc của mình, hóa hiện thân sắc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chấp tay đánh lễ Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

1. **Viễn ly** là an lạc,
Với người biết tri túc,
Với người có nghe pháp,
Với người có chánh kiến.

Không sân là an lạc,
Những ai ở trên đời,
Đối hữu tình chúng sanh
Biết tự chế, ngăn ngừa.

Ly tham là an lạc,
Vượt các dục ở đời,
Ai nhiếp phục ngã mạn,
Đây an lạc tối thượng.

268 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 132* (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo, sau bữa ăn, đi khát thực trở về, ngồi họp tại hội trường, và câu chuyện này được khởi lên:

"Này chư Hiền, giữa hai vị vua này, vua Seniya Bimlisàra ở Magdha, và vua Pasenadi ở xứ Kosala, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn?". Rồi câu chuyện này giữa các Tỳ-kheo ấy chưa được chấm dứt.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, ở đây, nay các Thầy ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng chưa chấm dứt giữa các Thầy?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, đi khát thực trở về... câu chuyện này được khởi lên... ai uy

lực lớn hơn "Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến.

- Nay các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các Thầy, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Nay các Tỷ-kheo, khi các Thầy hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: **Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.**

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

2. *Dục lạc gì ở đời,
Kể cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,
Lạc do ái đoạn diệt.*

269 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 134

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 134 (Ud 11)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông đũa trẻ đang **hành hạ con rắn** với cây gậy, giữa Sàvatthi và Jetavana. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy giữa Sàvatthi và Jetavana nhiều đũa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy.

Thế Tôn sau khi hiểu hết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*3. Ai làm hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Người ấy sau khi chết,
Không tìm được an lạc.*

*Ai không hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Đời sau tìm được lạc.*

270 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 135

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 135 (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Chúng Tăng cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Các du sĩ ấy không kham nhẫn được việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng. Khi nào gặp các Tỷ-kheo ở làng và ở trong rừng, họ dùng những lời nói không tốt lành, thô ác, mắng nhiếc, phỉ báng, công kích náo hại các Tỷ-kheo. Rồi một số đông Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng

được cung kính tôn trọng... được phẩm trị bệnh nhưng các du sĩ ngoại đạo không được tôn kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Rồi bạch Thế Tôn, các ngoại đạo du sĩ ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng... nỡ hại chúng.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này.

4. *Giữa làng, tại núi rừng,
Cảm thọ khổ và lạc,
Chớ quy về tự mình,
Chớ quy về người khác.*

*Các xúc được cảm thọ,
Là do duyên sanh y,
Vội ví không sanh y,
Do đâu, xúc cảm thọ.*

271 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 137

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 137 (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ tên là Icchànanga-laka đi đến Sàvatthi vì một vài công việc phải làm. Nam cư sĩ ấy, sau khi làm công việc xong ở Sàvatthi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ ấy đang ngồi một bên:

- Đã lâu rồi, này Nam cư sĩ, Ông tạo nên cơ hội này, tức là đến đây!

- Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con muốn yết kiến Thế Tôn. **Nhưng con bị bận bịu bởi những công việc phải làm này** nên con không thể đi đến yết kiến Thế Tôn được.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

5. Ai lão luyện Chánh pháp,
Được nghe nhiều Chánh pháp,
Không xem bất cứ gì
Là an lạc của mình.

*Hãy xem, nãø hại thay,
Nhưnɡ ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,
Bị trói buộc người khác.*

272 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 138

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 138 (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, thanh nữ trẻ Bà-la-môn, vợ của một du sĩ có thai sắp sinh. Vợ của du sĩ ấy nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ hai, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lần thứ hai du sĩ nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ ba, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lúc bấy giờ, tại một kho của vua Pasenadi nước Kosala, một Sa-môn hay Bà-la-môn có thể uống bơ

hay dầu cho đến thỏa thích, nhưng không được mang đi. Người du sĩ ấy suy nghĩ: "Tại một kho của vua Pasenadi nước Kosala... không được mang đi. Vậy ta hãy đi đến nhà kho của vua Pasnadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về đến nhà, rửa dầu ấy ra và ta cho nữ du sĩ dùng khi sanh con".

Rồi du sĩ ấy đi đến nhà kho của vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về nhà không có thể rửa lên hay rửa xuống; có cảm thọ khổ đau, nhói đau, đau khốc liệt thống khổ, lăn lộn qua lại.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy người du sĩ ấy cảm thọ khổ đau, nhói đau khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

*6. An lạc thay là người
Không có gì sở hữu,
Người chánh tri hiểu biết,
Không có gì sở hữu.

Hãy xem nào hại thay,
Những ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,
Bị trói buộc người khác.*

273 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 140 (Ud 14)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthaphindika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mệnh chung. Rồi nhiều nam cư sĩ, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên.

- *Này các Cư sĩ, sao các Ông, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, lại đến đây, trong lúc quá sớm như vậy?*

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mệnh chung. Do vậy chúng con với áo ướt đầm, với tóc ướt đầm đã đến đây trong lúc quá sớm!*

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng*** này:

*7. Bị khả ái, dễ thương,
Trói buộc và chi phối,
Rất nhiều chư Thiên chúng,*

Và nhiều hạng con người,
Đau khổ và héo mòn,
Bị thần chết nhiếp phục.

Ngày đêm không phóng dật,
Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị ấy đào gốc khổ,
Mỗi nhử của ác ma,
Thật khó vượt qua được.

274 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 141 (Ud 15)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kundiyàya, trong rừng Kunditthàna. Lúc bấy giờ, Suppavàsa, con gái của vua xứ Koliya có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm:

- *"Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này.*
- *Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Chúng hành trì để đoạn tận đau khổ này.*
- *Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt".*

Rồi Suppavàsa, con vua Koliya gọi người chồng của mình:

- Này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an khỏe mạnh, lạc trú và thưa: "- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa con gái vua Koliya cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an khỏe mạnh, lạc trú". Rồi hãy

nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn ... Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Mong rằng Suppavàsa, con gái vua Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn. Với lời nói này của Thế Tôn, Suppavàsa, con gái Koliya, được an lạc không bệnh, để đứa con trai không bệnh.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavàsa, con gái vua Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh, thấy vậy liền

suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavàsa con gái vua Koliya này, với lời nói của Thế Tôn được an lạc, không bệnh, sanh con trai không bệnh!". Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, bảo người chồng mình:

- Hãy đi, này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "*Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavàsa với chúng Tỷ-kheo*".

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: Suppavàsa, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày

thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh
đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng
Tỳ-kheo..."

Lúc bấy giờ một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỳ-
kheo với Thế Tôn là vị cầm đầu, ngày mai dùng cơm,
người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả
Moggallàna. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà
Moggallàna:

- *Này Moggallàna, hãy đến người cư sĩ, sau khi đến,
nói với người cư sĩ ấy như sau: "Này Hiền giả,
Suppavàsa con của vua Koliya.. có thai đến bảy
năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc.. Nay
nàng muốn mời chúng Tỳ-kheo dùng cơm trong bảy
ngày. Hãy để cho Suppavàsa tổ chức bảy ngày cơm
trước. Sau sẽ đến lượt người hộ trì cho người".*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Mahà Moggallàna vâng đáp Thế Tôn rồi đi
đến người cư sĩ ấy, sau khi đến nói với người cư sĩ:

- Này Hiền giả, Suppavàsa... Hãy để cho Suppavàsa
con của Koliya tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ
đến phiên Ông.

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba
pháp về **tài sản**, về **thọ mạng**, về **lòng tin**, hãy để cho
Suppavàsa, con gái của vua Koliya, tổ chức trước,
rồi sau đến phiên con.

- Này Hiền giả, về hai pháp ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm!

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày con trước. Rồi sẽ đến phiên con.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và khiến cho đứa trẻ đánh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sàriputta nói với đứa trẻ:

- Này Con, Con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?

- Thừa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, nghĩ rằng: "*Con ta đang nói chuyện với vị tướng quân về Pháp, hoan hỷ, tín thọ, với tâm hỷ lạc.*"

Rồi Thế Tôn nói với Suppavàsa, con gái vua Koliya:

- *Này Suppavàsa. Con có muốn một người con trai khác như vậy không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

8. *Không vui, giả dạng vui,
Không ái, giả dạng ái,
Khổ đau, giả dạng lạc,
Nhiếp phục kẻ phóng dật.*

275 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 147

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 147 (Ud 18)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, ngôi lâu của mẹ Migàra. Mẹ Migàra có công việc liên hệ đến vua Pasenadi nước Kosala và vua Pasenadi nước Kosala chưa có quyết định về việc ấy.

Rồi Visàkhà, mẹ của Migàra, vào buổi sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- Này Visàkhà, Bà từ đâu đi đến sớm như vậy?
- Bạch Thế Tôn con có công việc liên hệ đến vua Pasenadi nước Kosala... về việc ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Mọi tùng thuộc là khổ,
Mọi chủ quyền là lạc,
Chung dùng làm nã hại,
Trói buộc khó vượt qua.*

276 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 148 (Ud 18)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Anupiya tại rừng xoài. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha**, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, và thường hay nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Một số đông Tỷ-kheo nghe Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: " Ôi, an lạc thay! Ôi an lạc thay!". Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Không gì nghi ngờ chư Hiền, Tôn giả Bhaddiya con của Kàlighodha sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước khi còn ở gia đình được hưởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bhaddiya con của Kàligodha khi đi đến rừng... nói lên lời cảm hứng:

"Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"... không có nghĩ
ngờ gì nữa.. sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... "
Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

*- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta nói với
Bhaddiya, con của Kàligodha: "Thưa hiền giả, bậc
Đạo sư gọi Hiền giả! "*

- Thưa vâng bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả
Bhaddiya, con của Kàligodha:

- Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha, vâng đáp Tỷ-
kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế
Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn
giả Bhaddiya, con của Kàligodha, đang ngồi một
bên:

*- Có thật chẳng, nay Bhaddiya, Thầy đi đến khu rừng
"... Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"*

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Do thấy mục đích gì đi đến khu rừng "... an lạc?"

- Bạch Thế Tôn, thuở trước khi còn ở trong gia đình,
được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt

người khéo bảo vệ, ngoài nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành nội có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ. Trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rợn ràng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng "... an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng** này:

10. *Với ai, trong nội tâm,
Không có lòng phần nộ,
Vượt qua hữu, phi hữu,
Vị ấy thoát sợ hãi,
An lạc, không sầu muộn,
Chư Thiên không thấy được.*

277 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 151

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 151 (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiết già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp,
Tẩy sạch bụi làm trước,
An trú, không ngã sở,
Không cần nói với người.*

278 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 152 (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàhapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: *"Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục!"* Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... Tôi sẽ hoàn tục". Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: "Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda, sau khi đến nói với Tôn giả Nanda:

- Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Nanda vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên:

- Có thật chăng này Nanda, Thầy nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, Thầy sống Phạm hạnh, khiến Thầy không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, Thầy sẽ hoàn tục?

- Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần, ngó nhìn con và nói: "Quý tử hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng, nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không có thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh, sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục".

Rồi Thế Tôn cầm tay Tôn giả Nanda như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana, và hiện ra tại **cõi trời Ba mươi ba**. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi là "có chân như chim bồ câu". Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Nanda:

- *Này Nanda, Thầy có thấy năm trăm Thiên nữ này, có chân như chim bồ câu không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- *Này Nanda, Thầy nghĩ thế nào? Ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước hay năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này?"*

- Bạch Thế Tôn, ví như một con khỉ cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt; cũng vậy là Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này, không thể ước lượng so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với chúng. Năm trăm Thiên nữ này đẹp hơn, đáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

- *Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho Thầy năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu ấy!*

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh. Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở Jetavana.

Các Tỷ-kheo được nghe: "*Tôn giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì sống Phạm hạnh vì mục đích*

Thiên nữ. Họ nói Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ với chân như chân chim bồ câu". Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là người buôn bán: "Tôn giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích Thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu!"

Rồi Tôn giả Nanda, bị bức phiền, tủi nhục, chán ngấy, bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin, không bao lâu, do mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy, ngay trong hiện tại vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, **Thiên nhân** ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự

mình với thẳng tri chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: "Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc... vô lậu tâm giải thoát". Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm Thiên nữ với chân như chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

- Nay Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của Thầy: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại... tuệ giải thoát". Lại nữa một Thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda... tuệ giải thoát". Vì rằng, nay Nanda, tâm của Thầy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nó lên **lời cảm hứng** này:

*2. Ai vượt khỏi bùn này,
Đề bẹ gai của dục,
Đạt được si đoạn diệt,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không cảm thọ khổ lạc!*

279 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 157 (Ud 24)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja dẫn đầu, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, **gây tiếng ồn ào to lớn**. Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- *Này Ananda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?*

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là Yasoja, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Này Ananda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy:

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?

Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Nay các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các Thầy, các Thầy không xứng đáng được sống gần Ta!

- Thừa vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài, dọn dẹp, sàng tọa, cầm lấy y bát, đi đến dân chúng Vajjì, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng Vajjì rồi đi đến con sông Vaggamudà; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên sông Vaggamudà, an cư mùa mưa tại chỗ ấy. Rồi Tôn giả Yasoja, sửa soạn an cư bảo các Tỷ-kheo:

- Thừa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Nay chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, **tất cả đều giác ngộ Ba Minh.**

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sàvatthi cho đến khi vừa ý, liền bộ hành đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành đến Vesàli. Tại đây, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà, gọi Tôn giả Ananda: *"Như có hào quang, này Ananda, là phương này, như có ánh sáng, này Ananda, là phương này. Tại phương ấy, các Tỷ-kheo đang sống trên bờ sông Vagumudà. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này Ananda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà và nói: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả!"*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

- Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả!"

- Thừa vâng, Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, như một người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang đuổi ra, cũng vậy vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm, và hiện ra trước mắt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà. Rồi Tỷ-kheo ấy nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà:

- Bạc Đạo Sư gọi các Tôn giả! Bạc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại bàn tay đang đuổi ra, cũng vậy các Tỷ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông Vaggumudà, và hiện ra ở Đại Lâm, tại nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi trong **thiền định bất động**. Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?" Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động".

Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong **định bất động**.

Tôn giả Ananda khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Đêm đã gần tàn, canh một đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên, chấp tay hướng về Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy bảo Tôn giả Ananda:

- Nếu Thầy có hiểu biết, này Ananda, Thầy sẽ không nói như vậy. Này Ananda, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này tất cả đang nhập định bất động.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

3. *Ai đã thắng gai dục,
Nắng, gia hại, trói buộc,
Vị ấy đứng bất động,
Như núi vững an trú,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Lạc khổ không dao động.*

280 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 163 (Ud 27)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ Tôn giả Sàriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, rồi sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

4. *Như ngọn núi bằng đá,
Không động, khéo an trú,
Cũng vậy vị Tỳ-kheo,
Đoạn diệt được ngu si,
Như ngọn núi bằng đá,
Không có bị dao động.*

281 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 164

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 164 (Ud 27)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Maha Moggallàna** ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, nội tâm khéo an trú **thân hành niệm**. Thế Tôn thấy Tôn giả Maha Moggallàna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng nội tâm khéo an trú thân hành niệm.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

5. *Thân hành niệm an lập,
Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ-kheo thường thiền định,
Tự chứng tri Niết Bàn.*

282 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 165 (Ud 28)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha, thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ **bần tiện**.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn đi đến Tôn giả Pilindavaccha, sau khi đến nói với Pilindavaccha:

- Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này Vaccha. Thầy thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này, các Tỷ-kheo, chớ có bức phiền với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn. Danh từ bản tiện đã lâu nay được chứa chấp trong vị ấy. Do vậy, Vaccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bản tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. *Trong ai không mạn trá,
Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,
Phần nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh
Vị ấy là Phạm chí,*

Là Sa môn Tỷ-kheo.

283 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 166

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 166 (Ud 29)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Mahakassapa, trú ở hang Pippali, ngồi một thế ngồi kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy, Tôn giả Mahakassapa, sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực!". Lúc bấy giờ năm trăm chư Thiên đang cố gắng lo cho Tôn giả Mahakassapa được đồ ăn khát thực. Rồi Tôn giả Mahakassapa sau khi khước từ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khát thực cho Tôn giả Mahakassapa, hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ Sujàta, thiếu nữ Asura đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau khi đi từng nhà khát thực ở Ràjagaha, đi đến trú xứ của Thiên chủ Sakka. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahakassapa từ xa đi đến, sau khi thấy, liền ra khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nôi, đựng đầy bát và đưa lại cho

Tôn giả Mahakassapa. Đồ ăn khát thực ấy gồm có nhiều loại canh, nhiều loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau.

Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy?" Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Chính là Thiên chủ Sakka", sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ Sakka:

- "Này Kosiya, chính Ông đã làm sự việc này. Chớ làm như vậy nữa!"

- Thừa Tôn giả Kassapa, mục đích của chúng tôi là được phước. Điều chúng tôi cần làm là được phước.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahakassapa, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lần cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe giữa hư không Thiên chủ Sakka nói lên ba lần lời cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

7. *Vị Tỷ-kheo khát thực,*

*Tự sống không nhờ người,
Chư Thiên thương vị ấy,
Thường an tịnh chánh niệm.*

284 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 169

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 169 (Ud 30)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây kareri và câu chuyện sau đây được khởi lên: "*Tỷ-kheo đi khát thực, thừa các Hiền giả, thỉnh thoảng **mắt** được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng **tai** được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng **mũi** được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng **lưỡi** được nếm khả ái, thỉnh thoảng **thân** được cảm giác xúc khả ái. Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo khát thực **được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi đi khát thực.***

Vậy này chư Hiền, chúng ta hãy là người đi khát thực, thỉnh thoảng, mắt chúng ta được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai chúng ta được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi chúng ta được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi chúng ta được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân chúng ta được cảm giác xúc khả ái. Chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta sẽ đi khát thực."

Câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được nói xong, thì Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên đình đứng dậy, đi đến rạp tròn có cây kareri, sau khi đến ngòai trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngòai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Thầy ngòai ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các Thầy chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngòai hội họp tại rạp tròn có cây kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Tỷ-kheo đi khát thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái... chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, khi chúng ta sẽ đi khát thực". Bạch Thế Tôn đây là câu chuyện giữa chúng con chưa được nói xong thì Thế Tôn đến.

- Nay các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các Thầy nói lên câu chuyện như vậy. Khi các Thầy ngòai hội họp với nhau, nay các Tỷ-kheo, có hai công việc cần phải làm: **Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh!**

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

8. *Vị Tỷ-kheo khát thực,
Tự sống không nhờ người,
Chư Thiên thương vị ấy,
Nhưng nếu Tỷ-kheo ấy,
Y tựa vào danh vọng,
Chư Thiên không có thương.*

285 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 171

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 171 (Ud 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo... (như kinh trên)... câu chuyện này khởi lên: *"Này chư Hiền, ai biết nghề gì? Ai học tập nghề gì? Nghề gì là tối thượng?"*

Ở đây, một số người nói như sau: "Huấn luyện **voi** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Huấn luyện **ngựa** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "**Làm xe** là nghề tối thượng." Một số người nói như sau: "Nghề **bắn cung** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **đào kiếm** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **ấn hiệu** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **tính toán** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **ước lượng** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **viết bài** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **làm thơ** là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **phỏng đoán** các nguyên nhân tự nhiên là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề **điều khiển bộ máy quốc gia** là nghề tối thượng".

Đây là câu chuyện xảy ra giữa các Tỷ kheo ấy chưa được nói xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều... (Xem III,8...) chưa được nói xong... "Ở đây, bạch Thế Tôn... khởi lên: "Này hiền giả ai biết nghề gì... nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng ". Bạch Thế Tôn đây là câu chuyện xảy ra giữa chúng con chưa được nói xong, thì Thế Tôn đã đến".

- Này các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy... khi các Thầy ngồi hội họp với nhau, có hai công việc cần phải làm: **Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh.**

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*9. Ai sống không nghề nghiệp,
Nhẹ nhàng, muốn lợi ích,
Các căn được chế ngự,
Toàn diện được giải thoát,
Không nhà, không ngã sở,
Không dục, giết ác ma,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Sống cô độc một mình.*

286 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 173

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 173 (Ud 32)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới thành Chánh giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt não bởi nhiều loại nhiệt não, bởi **tham**, bởi **sân**, bởi **si**.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời này bị thiêu đốt,
Chi phần bởi cảm xúc,
Tự mình nói rõ lên,
Chứng bệnh của chính mình,
Bởi vì nó nghĩ đến,
Do đó bị đổi khác,
Bị đổi khác vì hữu,
Bị lệ thuộc vì hữu,
Đời này hữu chi phối,
Lại hoan hỷ với hữu,*

*Khi nào có hoan hỷ,
Ở đây có sợ hãi,
Với ai có sợ hãi,
Đây tức là đau khổ,
Chính do đoạn diệt hữu,
Phạm hạnh này được sống.*

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu. Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu.

Những Sa môn hay những Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự xuất ly khỏi hữu là do phi hữu, tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng chúng không nương tựa nơi hữu.

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả sanh y, khổ không có hiện hữu.

*11. Hãy xem đời rộng này,
Bị vô minh chi phối,
Các sanh loại được sanh,
Ưa thích được sanh khởi,
Không thoát được sanh hữu.*

*Với ai đốt sanh hữu,
Tất cả mọi thời, xứ,
Tất cả sanh hữu này,
Vô thường, khổ, biến hoại,
Như vậy, thấy như thật,*

*Với chơn chánh trí tuệ,
Hữu ái được đoạn tận,
Phi hữu ái hoan hỷ,
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Ly tham, diệt, hoàn toàn,
Như vậy là Niết Bàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Không chấp thủ tái sanh,
Nhiếp phục được ma vương,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Vượt qua mọi sanh hữu.*

287 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 176 (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.
- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi

xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành,

tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến. Những câu

chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, đề đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng Vô thường**, thời **tưởng Vô ngã** được an trú.
- Với ai có **tưởng vô ngã**, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên Kiêu mạn**: tôi là, Nhiết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. *Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.

288 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 183

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 183 (Ud 37)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kusinàra, tại Upavatama, trong ngôi rừng Pàla của dân chúng Mallà. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo, đang sống trong những cốc ở trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu, tháo động, kiêu căng, dao động, lấm mồm, lấm miệng, lấm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn tha lỏng.

Thế Tôn thấy số đông các Tỷ-kheo ấy, đang sống trong những cốc ở trong rừng, tháo động, kiêu căng, dao động, lấm mồm, lấm miệng, lấm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn tha lỏng.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

2. Với **thân** không hộ trì,
Với **tà kiến** chỉ phối,
Bị hôn trầm thụy miên,
Nhiếp phục và chế ngự,
Kẻ ấy bị rơi vào,
Uy lực của Ma vương.

*Do vậy **hộ trì tâm**,
Sở hành **chánh tư duy**,
Đặt **chánh kiến** hàng đầu,
Rõ biết **tánh sanh diệt**,
Nhiếp phục và chế ngự,
Hôn trầm và thùy miên
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Từ bỏ mọi ác thú.*

289 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 184 (Ud 38)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi một kẻ chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn, với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa đặc và bơ tươi và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy, với chúng Tỷ-kheo, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, với cơm sữa đặc và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi đức Phật đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp, ngồi xuống một bên, Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, người chăn bò đang ngồi một bên, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy tại biên giới của làng.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa đặc và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

3. *Nếu có độc ác gì,
Kẻ thù hại người thù,*

*Tâm định hướng tà vạy,
Còn làm ác hơn nữa.*

290 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, **đang nhập định**. Có **hai Dạ-xoa** là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu

của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Đây Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao,

hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

291 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 189 (Ud 41)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ Thế Tôn sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo quấy rầy, bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "*Nay Ta sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni... quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời đại chúng*".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, cầm y bát, không nói cho thị giả biết, không báo cho chúng Tỷ-kheo biết, một mình không có người thứ hai ra đi, bộ hành hướng đến Pàlileyyaka, tiếp tục bộ hành và đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn sống ở Pàlileyyaka, khóm rừng Rakkhita, dưới gốc cây Sàla Bhadda.

Rồi một con voi, bị các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú quấy rầy, ăn cỏ với

đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gãy, uống nước bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước nó bị các con voi cái cọ xát thân hình, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: *"Ta bị các con voi, các con voi cái... Ta vì bị phiền quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi"*.

Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến Pàlileyaka, tại khóm rừng Rakkita, ở gốc cây sàla Bhadda. Tại đây, con voi ấy tại chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng.

Rồi Thế Tôn trong khi sống độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: *"Ta trước đây bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... quấy rầy không có thoải mái an ổn. Nay Ta sống không có bị các Tỷ-kheo... không có bị các ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo quấy rầy, vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc thoải mái"*.

Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: *"Trước đây ta sống bị các con voi.. quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Nay ta sống không bị các con voi... quấy rầy. Ta ăn cỏ với đầu ngọn không bị cắt đứt, ăn các cành cây không bị gãy, uống nước không bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ*

xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải mái an ổn".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết hạnh viên ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ấy, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

5. *Đây là voi với voi,
Voi voi có ngà lớn
Voi tâm điều phục tâm,
Một mình vui thích rừng.*

292 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 191 (Ud 42)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Pindolabhàradvaja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, sống ở rừng, đi khát thực, mặc y lượm từ đồng rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần tinh tấn, nói hạnh đầu đà, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Pindolabhàradvaja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*6. Không mắng, không gia hại,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống,
Nằm ngồi chỉ một mình,
Chú tâm vào tăng thượng,
Chính lời chư Phật dạy.*

293 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 192 (Ud 43)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ **Tôn giả Sàriputta** ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, **ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.**

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Tâm tăng thượng ân sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

294 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.

- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mương của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thưa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.
- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?
- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.
- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mương tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: *"Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu*

họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

***8. Ai nói lời không thật,
Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói***

*Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất*". Bạch Thế Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Người không biết chế ngự,
Với **lời** đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,
Khi tham gia chiến trận.

Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiềm hận.*

295 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 198 (Ud 45)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ **Tôn giả Upasena Vangantaputta** trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên:

- *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta, là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác.*
- *Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong Pháp Luật khéo nói.*
- *Các vị đồng Phạm hạnh với ta là những người có giới, theo thiện pháp.*
- *Chúng ta là những người làm đầy đủ trong giới luật.*
- *Chúng ta có thiện định.*
- *Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực.*
- *Hiện thiện là mạng sống của ta.*
- *Hiện thiện là sự chết của ta."*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng**:

*10. Ai sống không nhiệt nã
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường,
Giữa sâu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.*

296 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 199 (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

11. *Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.*

297 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 200 (Ud 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Này Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thưa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với

Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

298 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

*- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. **Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn!** Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất".*

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! **Thọ mạng ít thay** là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

**2. *Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,***

***Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân.***

***Hiểu tất cả là vậy,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.***

299 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 203 (Ud 49)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một **người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha**, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm"*. Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp". Tại đây, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".*

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu pháp".

Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết **bổ thí**, thuyết về **trì giới**, thuyết về **thiên giới**, thuyết về **sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly**. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền **thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ**, tức là *Khô, Tập, Diệt, Đạo*.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: "*Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt*". Khi ấy người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bôn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Supabuddha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! **Như người *dựng đứng* lại những gì bị quăng ngã xuống, *phơi bày* ra những gì bị che kín, *chỉ đường* cho người bị lạc hướng, *đem đèn* sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.** Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủi Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi **một con bò húc vào người hủi Suppabuddha** và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?*

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tuý pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Ràjagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủ này lại đi dạo chơi" và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi.

Do hành động này của vị ấy được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Ràjagala này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng **tin**, vị ấy được **giới**, vị ấy được **nghe** pháp, vị ấy được **từ bỏ**, vị ấy được **trí tuệ**, sau khi thân hoại mạng chung,

vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được công trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*3. Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lời lỗi,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.*

300 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 207

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 207 (Ud 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều thiếu niên giữa Sàvatthi và Jetavana, đang hành hạ các con cá.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy nhiều thiếu niên giữa Sàvatthi và Jetavana đang hành hạ các con cá, thấy vậy đi đến các thiếu niên ấy, sau khi đến nói với chúng:

*- Nay các Thiếu niên, các Em có sợ đau khổ không?
Các Em không ưa thích khổ phải không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn, chúng con sợ đau khổ. Chúng con không ưa thích khổ.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Nếu con không ưa khổ,
Đầu bắt cứ chỗ nào,
Chớ làm các nghiệp ác,
Trước mặt hay sau lưng.*

*Nếu Con làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,
Con không giải thoát khổ,
Dầu nhảy vọt và chạy.*

301 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mệ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã lộ dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ

ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- **Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.**

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Upasatha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Upasatha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Upasatha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông

Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vi mặn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cù, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì

rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là **trú xứ các loài sinh vật lớn**. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.**

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lình**. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lình. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhứt**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập

*tức bị quăng trên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn giai cấp này**: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, **sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích***

tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đáy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc,

vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. **Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và*

Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

302 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 219 (Ud 57)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàkaccàna trú ở giữa dân chúng Avanti, gần Kuraraghara, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ nam cư sĩ Sona Kotikanna là thi giả của Tôn giả Mahàkaccàna.

Rồi nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: "*Như Tôn giả Mahàkaccàna thuyết pháp, **thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuần tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.** Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đến đánh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Sona Kotikanna thưa Tôn giả Mahàakaccàna.

- Thưa Tôn giả, ở đây trong khi con độc cư thiên tịnh... sống không gia đình. *Thưa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia.*

Nghe nói vậy, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotikanna:

- Này Sona, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một bữa ăn, nằm một mình cho đến trọn đời. Này Sona, tại đây hãy sống trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình. Như vậy lòng ham muốn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kotikanna được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ hai, trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình. Lần thứ hai nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna..."... Hãy cho con xuất gia". Lần thứ hai, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotipanna:

- Này Sona, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt. Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình.

Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna và thưa "... Hãy cho con xuất gia".

Rồi Tôn giả Mahàkaccàna cho nam cư sĩ Sona Kotikanna xuất gia. Lúc bấy giờ, tại Avantisudakkhinàpatha, có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Mahàkaccàna, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc tụ tập được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Sona.

Tôn giả Sona sau khi an cư mùa mưa cô độc thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nếu vị Giáo thọ sư của ta cho phép ta sẽ đi đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Rồi Tôn giả Sona vào buổi chiều từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahàkaccàna rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Sona thưa với Tôn giả Mahàkaccàna:

- Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác".

*- Lành thay, lành thay Sona! Hãy đi này Sona, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác. Đây Sona, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khởi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được **an chỉ chế ngự tối thượng**, bậc long tượng được điều phục, hộ trì, các căn nhiếp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não nhẹ nhàng, khoẻ mạnh, an ổn không!*

- Thưa vâng, Tôn giả.

Tôn giả Sona hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahàkaccàna, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Mahàkaccàna, thân bên hữu hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng đến Sàvatthi, tiếp tục bộ hành đi đến Sàvatthi, Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn:

- *Bạch giáo thọ sư của con, bạch Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, hỏi thăm... có an ổn không?*

- *Này Tỷ-kheo, Thầy có kham nhẫn được không? Thầy có sống dễ dàng không? Đi đường đến đây có mệt mỏi không? Khất thực có mệt mỏi không?*

- Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con có thể sống dễ dàng. Bạch Thế Tôn, con đi đường không có mệt nhọc! Khất thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này.

Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thế Tôn bảo ta: "Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này". Như vậy Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ấy. Như vậy Thế Tôn muốn ở chung với

Tôn giả Sona ấy". Nên chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy Tôn giả Ananda sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả Sona.

Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tịnh xá. Tôn giả Sona, sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào Tịnh xá. Rồi Thế Tôn, khi đêm đã gần sáng, thức dậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Sona:

- Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phần của phẩm tám một cách đầy đủ. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Sona chấm dứt tụng đọc của mình, Thế Tôn cảm ơn và nói:

- Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phần trong phẩm thứ tám. Người được đầy đủ thiện ngôn, minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Nay Tỷ-kheo, Thầy có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa?

- Bạch Thế Tôn, con có **một tuổi** an cư mùa mưa.

- Nay Tỷ-kheo, vì sao Thầy lại để chậm như thế?

- Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, sự bó buộc của đời sống gia đình, nhiều phận sự, nhiều công việc phải làm.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

6. *Thấy nguy hại ở đời,
Biết pháp không sanh y,
Bậc Thánh không ưa ác,
Bậc tịnh không ưa ác!*

303 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 224

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 224 (Ud 58)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kankharevata ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ.

Thế Tôn thấy Tôn giả Kankharevata ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*7. Phàm những nghi hoặc gì,
Đời này hay đời sau,
Tự mình chưa cảm thọ,
Hay người khác cảm thọ,
Người hành thiền từ bỏ,
Hoàn toàn tất cả chúng,
Nhiệt tâm hành Phạm hạnh.*

304 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 225 (Ud 59)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực. **Devadatta thấy Tôn giả Ananda** đi khát thực ở Ràjagaha, sau khi thấy, đi đến Tôn giả Ananda và nói với Tôn giả Ananda.

- Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ananda, ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các tăng sự, khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Ananda, sau khi đi khát thực ở Ràjagaha, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát, vào Ràjagaha để khát thực. Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy con đi khát thực ở Ràjagaha, thấy vậy liền đi đến con và nói: "Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ananda.. khác với chúng Tỷ-kheo!". Hôm nay, bạch Thế Tôn, Devadatta sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các tăng sự.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

8. *Đễ làm là việc lành,*

Đối với kẻ làm lành;

Khó làm là việc ác,

Đối với kẻ làm lành.

Đễ làm là việc ác,

Đối với kẻ làm ác;

Khó làm là việc ác,

Đối với các bậc Thánh.

305 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 227

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 227 (Ud 60)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên Bà-la-môn, không xa Thế Tôn bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng vượt đà quá xa.

Thế Tôn thấy nhiều thanh niên, không xa bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng, vượt đà quá xa. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*9. Lời nói của kẻ trí,
Khi bối rối luống cuống,
Roi vào nhiều đề tài,
Nhiều lãnh vực sai khác,
Họ muốn miệng mở rộng,
Cái gì dắt dẫn họ,
Họ đâu có biết rõ.*

306 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 228

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 228 (Ud 61)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Cùlapanthaka** ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng để niệm trước mặt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Cùlapanthaka ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng để niệm trước mặt. Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

10. *Với thân, tâm an trú,
Đứng, ngồi hay nằm xuống,
Tỷ-kheo an trú niệm,
Trước sau được thù thắng,
Trước sau được thù thắng,
Vượt tầm mắt ác ma.*

307 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tụ tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa,

được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Nay Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho

chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!"
Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Này Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng

phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Cápàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa.

Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời **đại địa** chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bậc ẩn sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,
Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,*

*Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đổ ngã sanh hữu,
Như cỡi thoát áo giáp.*

308 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiên tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và

ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.
- Thưa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có

tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trinh thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

*2. Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,
Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác.
Chớ có sống y lại,*

*Nương tựa vào người khác,
Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.*

309 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 237

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 237 (Ud 65)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn ngồi quán sát các **pháp bất thiện** của mình được trừ diệt, và các **pháp thiện** của mình được tu tập, làm cho tăng trưởng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết các pháp bất thiện của mình đã được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, được làm cho sung mãn, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

3. *Trước có nay không có,
Trước không có nay có,
Đã không và sẽ không,
Và nay hiện không có.*

310 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 238 (Ud 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau.

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

→ Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Nhu thế này là pháp. Nhu thế này là pháp. Nhu thế này không phải pháp. Nhu thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi, để khát thực, Khát thực ở Sàvatthi xong sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực..."... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- **Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt**, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:" Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Này các Tỷ-kheo, thưở xưa tại thành Sàvatthi này, có một ông vua. Này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người:

- *"Này người kia, phàm có bao nhiêu **những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi** hãy nhóm lại một chỗ tất cả "*

- "Thưa vâng, Đại vương". Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi đã được tụ tập lại".

- Nay khanh, **hãy đưa ra một con voi cho những người mù.**

- Thưa vâng, Đại vương.

Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi".

Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!"

Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ:

- "*Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?*"

- "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi".

- "*Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào?*"

- Này các Tỷ-kheo, những ai thấy **đầu** con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái **ghè**!"

- Những ai được thấy cái **tai** con voi... như cái **rổ sàng gạo**."

- Những ai được thấy cái **ngà** con voi... như cái **lưỡi cày**."

- Những ai được thấy cái **vòi**... như **cái cày**."

- Những ai được thấy cái **thân**... như **cái kho chứa**."

- Những ai được thấy cái **chân**... như **cái cột**."
- Những ai được thấy cái **lưng**... như **cái cối**."
- Những ai được thấy cái **đuôi**... như **cái chày**".
- Những ai được thấy cái **nhóm lông đuôi** con voi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như **cái chổi**"
- "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". **Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay**. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:* "Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

4. Có một số Sa-môn,

*Cùng với Bà-la-môn,
Họ chấp trước, giành giật,
Trong các luận thuyết này,
Họ tranh luận tranh chấp,
Họ nhìn chỉ một phía.*

311 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 243

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 243 (Ud 69)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều **ngoại đạo sai khác**, các Sa-môn, Bà-la-môn, các di sĩ trú ở Sàvatthi. Họ có quan điểm khác nhau. Họ có kham nhẫn khác nhau. Họ có sở thích khác nhau. Họ y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau.

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Tự ngã và thế giới là thường còn, **chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng**".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn... "Tự ngã và thế giới là vô thường"...
- "Tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường"..
- "Tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường..."
- "Tự ngã và thế giới do tự mình tao ra"...
- "Tự ngã và thế giới do người khác tao ra"...
- "Tự ngã và thế giới do tự mình và người khác tao ra"...

- "Tự ngã và thế giới do không tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh, tự nhiên"...
 - "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn"...
 - "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là vô thường"...
 - "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường"...
 - "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường"
 - ...
 - Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không tự mình tạo ra, không người khác tạo ra do vô nhân sanh".
- Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau, bằng binh khí miệng lưỡi: "Nhu thế này là pháp. Nhu thế này không phải là pháp. Nhu thế này không phải pháp, nhu thế này là pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Vương Xá để khát thực. Khát thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ, trú ở Sàvatthi... họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Nnhư thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Nay các Tỷ-kheo, **các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp.** Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Nnhư thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này là pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

5. *Có một số Sa-môn,
Cùng với Bà-la-môn,
Họ chấp trước giành giật,
Trong các luận thuyết này,
Họ bị chìm đắm xuống,
Khi đang còn giữa dòng,
Họ không đạt đến được,
Đất cứng trên bờ kia.*

312 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 246

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 246 (Ud 70)

(Giống như kinh VI, 5, tức là kinh trước, với đoạn kết luận khác nhau như sau:)

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. *Có người ở đời này,
Chấp người làm là ta,
Trói buộc với tư tưởng,
Người làm là người khác,
Họ không biết sự này,
Họ thấy là mũi tên.*

*Ai nhìn mũi tên này,
Với thận trọng cần thiết,
Người ấy không còn chấp,
"Người làm chính là ta",
Người ấy cũng không chấp,
"Người làm là người khác".*

*Loài người ở đời này,
Bị **kiêu mạn** khiếp phục,
Bị cột bởi kiêu mạn,
Bị trói bởi kiêu mạn,
Trong các loài chủ thuyết,*

*Họ cạnh tranh, luận tranh,
Họ không thể vượt qua,
Luân chuyển trong sanh tử.*

313 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 247 (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tâm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng***:

7. *Với ai, tâm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.*

314 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 248

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 248 (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, ở Vương xá, có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ, tâm bị ám ảnh, họ cạnh tranh, đấu tranh nhau. Họ đi đến đánh nhau bằng nắm tay, đánh nhau bằng cục đất, đánh nhau bằng gậy gộc, đánh nhau bằng kiếm. Họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết.

Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Vương Xá để khát thực. Khát thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ... họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

8. *Phàm cái gì đạt được,*

Cái gì cần phải đạt,
Cả hai vương bụi trần,
Với kẻ bị bệnh hoạn,
Học tập chưa thuần thục,
Kẻ tinh chuyên học tập,
Sống giữ gìn giới cấm,
Tinh chuyên chú Phạm hạnh,
Đây là một cực đoan,
Đây là một chủ thuyết,
Trong đục không lồi lõm,
Là cực đoan thứ hai.

Cả hai cực đoan này,
Làm mộ phần tăng trưởng,
Chính do các tà kiến,
Làm tăng trưởng mộ phần.
Những ai không thắng tri,
Cả hai cực đoan này,
Có kẻ bị chìm đắm,
Có kẻ chạy quá mau.

Những ai thắng tri chúng,
Không có suy tư vậy,
Không có tự quá mạn,
Họ không có luân chuyển,
Để được tuyên bố lên.

315 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 250 (Ud 72)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàathapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dầu đang chói sáng. Lúc bấy giờ, nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt.

Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào... gặp phải tai nạn và hoại diệt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên *lời cảm hứng*:

9. *Họ chạy gấp vượt qua,
Nhưng bỏ mất **lỗi** cây,
Họ làm cho tăng trưởng,
Các trời buộc mới mẻ,
Như các loại côn trùng,
Rơi vào trong ánh sáng,
Có người sống dựa vào
Điều được thấy được nghe.*

316 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 251

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 251 (Ud 73)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cho đến khi nào, các Như Lai không hiện hữu ở đời, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác, cho đến khi ấy các du sĩ ngoại đạo được cung kính, được tôn trọng, được đánh lễ, được cúng dường, được tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. **Nhưng** đến khi các Như Lai hiện hữu ở đời, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo, không được cung kính, không được tôn trọng, không được đánh lễ, không được cúng dường, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. *Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn trọng, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh; chúng Tỷ-kheo cũng như vậy.*

- **Đúng như vậy**, này Ananda. Cho đến khi nào, các Như Lai không xuất hiện ở đời... được phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai xuất hiện ở đời... được phẩm trị bệnh. Này Ananda nay Thế Tôn được cung kính... chúng Tỷ-kheo cũng vậy.

Sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, Thế Tôn nói lên **lời cảm hứng**:

10. *Con đom đóm chiếu sáng,*

Khi mặt trời chưa mọc,

Khi mặt trời mọc lên,

Ánh sáng đom đóm diệt.

Cũng vậy là ánh sáng,

Của các nhà ngoại đạo,

Khi bậc Chánh Đẳng Giác

Chưa xuất hiện ở đời.

Các nhà ưa biện luận.

Không có được ánh sáng,

Cũng vậy đệ tử chúng,

Còn các nhà tà kiến,

Họ không được giải thoát,

Khỏi các sự đau khổ.

317 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 253 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ, Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakumthakabbaddiya. Do Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakumthakabbaddiya được giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabbaddiya, do Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Trên dưới khắp tất cả,
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán
"Cái này chính là tôi".
Giải thoát vậy vượt dòng,*

*Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt
Vào sanh hũu thọ sanh.*

318 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 254

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 254 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn, đang thuyết trình, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Bhaddiya người lùn; lại càng nhiệt tình hơn lên khi Tôn giả Sàriputta nghĩ rằng: "Tôn giả Bhaddiya người lùn là một vị hữu học".

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn... là một vị hữu học. Sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*2. Cắt đứt được luân chuyển,
Đạt được sự không dục,
Hoàn toàn được khô cạn,
Nước sông không chảy nữa,
Cắt đứt, lưu chuyển đứng,
Là giải thoát đau khổ.*

319 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 255

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 255 (Ud 75)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ, nhiều người ở Sàvatthi, phần lớn đắm say quá độ về các dục, sống say đắm, tham đắm, tham muốn, tham mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục.

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, khi đã khát thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ bạch Thế Tôn: "Ở đây, bạch Thế Tôn, những người ở Sàvatthi,... bị mê say trong các dục".

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*3. Chúng sanh bị tham đắm,
Trong các loại ái dục,
Họ không thấy lỗi lầm,
Trong phiền não kiết sử,
Chắc chắn các chúng sanh,
Tham đắm trong ái dục,*

*Họ không vượt qua được,
Thác nước rộng và lớn.*

320 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 256

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 256 (Ud 75)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều người ở Sàvatthi phần lớn đắm say quá độ về các dục, sống say đắm, tham đắm, tham muốn, tham mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Rồi Thế Tôn thấy các người ấy ở Sàvatthi... trong các dục.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

4. *Bị mù bởi các dục,
Bị bao phủ bởi lưới,
Bị ái dục bao trùm,
Lại còn bị trói buộc,
Bởi trói buộc phóng dật,
Như cá mắc miệng lưới,
Họ đi đến già chết,
Như con bê bú sữa.*

321 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 257 (Ud 76)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvṭṭhi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Lakumthakabhaddiya** đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ, thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thấy chăng Thầy Tỷ-kheo này từ đằng xa đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Tỷ-kheo ấy, nay các Tỷ-kheo, **có đại thần lực, có đại uy lực**, thiên chúng không dễ gì chúng được, thiên chúng ấy trước đây Tỷ-kheo ấy không thực hành tốt đẹp. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, **vì ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chúng ngộ chúng đạt và an trú.**

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*5. Bộ phận không khuyết thiếu,
Có tán trắng che trên,
Chỉ có một bánh xe,
Chiếc xe được di chuyển.*

*Hãy thấy vị ấy đến,
Không phiền muộn khó khăn,
Dòng nước đã cắt đứt,
Vị ấy không trói buộc.*

322 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 258

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 258 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Annatakondanna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng, suy tư đến sự giải thoát do ái được diệt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Annatakondanna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, suy tư đến sự giải thoát do ái được diệt. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

6. *Rễ không có bén đất,
Không lá, đâu dây leo,
Bạc trí thoát trối buộc,
Ai xứng đáng được khen,
Chư Thiên khen người ấy,
Phạm Thiên cũng ngợi khen.*

323 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 259 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tướng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Với ai các **hý luận**,
Không còn có an trú,
Thoát ly được liên hệ,
Thoát ly được **ảo tướng**,
Chư Thiên và thế giới,
Không thể nào rõ biết,
Sở hành vị ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi **tham ái**.*

324 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 260

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 260 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàkaccàna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với **thân hành niệm** khéo an trú trước mặt và trong nội tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Mahàkaccàna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

**8. Với ai thường thường niệm,
Liên tục trú thân hành,
"Trước không thể có được,
Với tôi, nay không có,
Sẽ không thể có được,
Với tôi, nay sẽ không".
Tiếp tục trú như vậy,
Đúng thời vượt **dục ái**.**

325 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 261 (Ud 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-môn của dân chúng Malà tên là Thùna. Các Bà-la-môn gia chủ ở Thùna được nghe: "Sa-môn Gotama từ dòng họ Thích Ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến Thùna". Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở Thùna lấp đầy miệng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Nay các giếng ấy... không có nước uống.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả Ananda đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng không cấu uế, trong lặng, tràn đầy miệng, cho đến như là tràn ra ngoài. Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực, đại uy lực của Như Lai. Cái giếng này khi ta đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng... như là tràn ra ngoài".

Rồi Tôn giả Ananda cầm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn hãy uống nước. Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

9. *Cần làm gì với giếng,
Khi nước có cùng khắp,
Chặt đứt **ái** từ gốc,
Cần hành tâm cầu gì?*

326 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 263 (Ud 79)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, vua Udena đang đi ngoài vườn, thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàlavati.

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàlavati. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dư lưu, có nhất bậc Nhất lai, có bậc Bất Lai. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.**

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời bị **si** trôi buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trôi bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mây,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.*

327 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 265

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 265 (Ud 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

- Nay các Tỷ-kheo, *có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng, mặt trời. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.*

328 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 266 (Ud 81)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Khó thấy là vô ngã,
Không dễ thấy sự thật,
Với bậc có hiểu biết,
Khéo xâm nhập được ái,
Với vị ấy thấy rõ,
Đâu còn có vật gì.*

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I 266 (Ud 82)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

- *Này các Tỷ-kheo, **có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi.***

Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

*Vì rằng, này các Tỷ-kheo, **có** cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, **nên có trình bày** sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.*

329 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 267 (Ud 83)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

- **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động.**

Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.

Không có dao động thì có khinh an.

*Có khinh an thì **không** có thiên về.*

*Không có thiên về thì **không** có đến và đi.*

*Không có đến và đi thì **không** có diệt và sanh.*

*Không có diệt và sanh thì **không** có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.*

330 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 268 (Ud 84)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng Mallà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã **đến Pàvà. Rồi Thế Tôn trú ở Pàvà, tại rừng xoài của thọ rên Cunda**. Thọ rên Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà, đã đến Pàvà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở Pàvà, trong rừng xoài của ta". Thọ rên Cunda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thọ rên Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thọ rên Cunda sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thọ rên Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thọ rên Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại

cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và bảo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

*- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. **Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.***

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh

lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda. Thế Tôn **bị nhiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đớn gần như đến chết**, và Thế Tôn **chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.**

Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn:

*2. Dùng cơm Cunda xong,
Như vậy tôi được nghe,
Bậc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".*

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghàti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu,

mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ananda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lắng và không vẩn đục.

Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lắng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lắng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội

qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả Cundaka:

- *Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghati làm bốn cho Ta, này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.*

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghati làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân đề trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngồi đây, Tôn giả Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

3. *Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỗi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đáng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi **bậc Đại Sĩ** đến,
Tại khu vực rừng xoài,*

Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bạc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, **rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận**: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Nay Ananda, **cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn** Cunda: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: **"Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo**, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai?"

- **Một** là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- **Hai** là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử".

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hồi hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt **lời cảm khái** như sau:

4. *Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

331 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 276

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 276 (Ud 85)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang đi bộ hành giữa dân chúng Magadha cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến làng Magadha cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến làng Pàtali. Các nam cư sĩ ở làng Pàtali được nghe: "Thế Tôn đang đi bộ hành giữa dân chúng Magadha với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến làng Pàtali". Rồi các nam cư sĩ ở làng Pàtali đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ làng Pàtali bạch Thế Tôn:

- Mong Thế Tôn trú ở giảng đường chúng con.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi các nam cư sĩ ở làng Pàtali, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến giảng đường, sau khi đến chúng cho trải thảm toàn bộ giảng đường, sửa soạn các chỗ ngồi, đặt một ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, các nam cư sĩ ở làng Pàtali, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giảng đường đã được trải thảm, các chỗ ngồi đã sửa soạn, ghè nước đã đặt xong, đèn dầu đã được treo, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát, cùng với chúng Tỷ-kheo, đi đến giảng đường, sau khi đến rửa chân, bước vào giảng đường, dựa nơi cây cột ở giữa, ngồi hướng mặt về phía đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi xuống dựa vào tường giữa, mặt hướng về phía đông có đức Phật trước mặt. Các nam cư sĩ ở làng Pàtalli, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, dựa vào tường phía đông, mặt hướng về phía Tây, và ngồi xuống, với đức Phật ở trước mặt.

Rồi Thế Tôn bảo các nam cư sĩ ở làng Pàtali:

- **Này các Gia Chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người ác giới, người phạm giới.** Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, do nhân duyên phóng dật, nên **hao mất tài sản lớn**. Đây là nguy hiểm thứ nhất cho người ác giới, người phạm giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, **tiếng xấu đồn xa**. Đây là nguy hiểm thứ hai cho người ác giới, cho người phạm giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, người phạm giới khi đến hội chúng nào, hoặc là hội

chúng Sát-đế-ly, hoặc là hội chúng Bà-la-môn, hoặc là hội chúng gia chủ, hoặc là hội chúng Sa-môn, vì ấy đến với sự sợ hãi, với sự ngờ ngàng. Đây là nguy hiểm thứ ba cho người ác giới, cho người phạm giới.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, khi chết bị si ám. Đây là nguy hiểm thứ tư cho người ác giới, cho người phạm giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, người phạm giới, khi thân hoại mang chung bị sanh vào ác xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là nguy hiểm thứ năm của người ác giới, của người phạm giới. Này các Gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người ác giới, cho người phạm giới.

Này các Gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Gia chủ người giữ giới, người đầy đủ giới, do nhân duyên không phóng dật được tài sản lớn. Đây là lợi ích thứ nhất cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, với người giữ giới, người đầy đủ giới, tiếng tốt lành được đồn xa. Đây là lợi ích thứ hai cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi đi đến hội chúng nào, hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, hoặc là gia-chủ, hoặc là Sa-môn, người ấy đi đến không có sợ hãi, không có ngỡ ngàng. Đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới cho người có đầy đủ giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, khi chết không có si ám. Đây là lợi ích thứ tư cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

Này các Gia chủ, có năm lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

Rồi Thế Tôn, sau khi thuyết giảng pháp thoại cho đến đêm khuya cho các cư sĩ ở làng Pàtali, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền giải tán chúng, nói rằng:

- Đêm đã khuya, này các Gia chủ, hãy làm những gì các vị nghĩ là hợp thời!

Rồi các Gia chủ ở làng Pàtali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi các nam cư sĩ ở làng Pàtali ra đi không bao lâu, đi vào căn nhà trống. Lúc bấy giờ, Sunìdha và Vassakàra đại thần ở Magadha đang cho xây dựng một thành phố ở Pàtaligàma để ngăn chân các người Vajjì. Lúc bấy giờ, rất nhiều chư Thiên có đến con số ngàn, đang trú ở các trú xứ ở làng Pàtali.

- Tại chỗ nào các **chư Thiên có đại uy lực** trú ở tại chỗ ấy chúng làm cho ***tâm các vua, các đại thần có đại uy lực*** thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.
- Tại chỗ nào các **chư Thiên có uy lực trung bình** trú ở, tại chỗ ấy chúng làm cho ***tâm các vua, các vị đại thần có uy lực trung bình*** thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.
- Tại chỗ nào các **chư Thiên thấp kém trú** ở, tại chỗ ấy, chúng làm cho ***tâm các vua, các đại thần có uy lực thấp kém*** thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân thấy hàng ngàn chư Thiên ở làng Pàtali đang trú ở các trú xứ ở làng Pàtali. Tại chỗ nào các chư Thiên có đại uy lực trú ở... Họ làm cho tâm các vua, các đại thần uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Rồi Thế Tôn, vào lúc tảng sáng đêm ấy, thức dậy và bảo Tôn giả Ananda:

- *Này Ananda, ai cho xây dựng thành phố ở làng Pàtali?*

- Bạch Thế Tôn, các đại thần Sunidha và Vassa-kàra cho xây dựng thành phố ở làng Pàtali để ngăn chặn các người Vajjì.

- Này Ananda, ví như họ làm như vậy sau khi đã hỏi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Cũng vậy, Sunidha và Vasakàra đại thần ở Magadha, đang cho xây dựng thành phố ở làng Pàtali để ngăn chặn các người Vajjì.

Ở đây, này Ananda, với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn chư Thiên ở làng Pàtali... hướng về xây dựng các trú xứ. Này Ananda, xa cho đến thánh xứ, xa cho đến con người buôn bán đây sẽ trở thành một thành phố tối thượng, một chỗ mà các kiện hàng được mở ra. Này Ananda, ba tai nạn sẽ đến với Pàtaliuputta, nạn **lửa**, nạn **lụt** và nạn **phản bội**.

Rồi *Sunidha và Vassakàra đại thần ở Magadha* đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, các *Sunidha và Vassakàra, đại thần xứ Magadha*, bạch Thế Tôn:

- Mong Tôn giả Gotama hôm nay nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Sunidha và Vassakara đại thần Magadha, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đi đến chỗ của mình, sau khi đến sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, nay đã đến thời. Cơm đã sẵn sàng.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến trú xứ của Sunidha và Vassakara, đại thần xứ Magadha, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Sunidha và Vassakara, đại thần xứ Magadha tự tay thân mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị Thượng thủ và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

Rồi Sunidha và Vassakara, đại thần xứ Magadha, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế ngồi thấp khác. Thế Tôn với những bài kệ này, **nói lên lời tùy hỷ công đức** với Sunidha và Vassakara, đại thần xứ Magadha:

*5. Tại chỗ nào bậc trí,
Làm thành chỗ an trú,
Hãy cúng các món ăn,*

*Cho những người giữ giới,
Cho người biết chế ngự,
Sống đời sống Phạm hạnh,
Ở đây chư Thiên trú,
Hãy cúng dường chư Thiên.*

*Được cúng dường, chư Thiên,
Cúng dường lại vị ấy,
Được cung kính, chư Thiên,
Cung kính lại vị ấy,
Họ từ mãn vị ấy
Như mẹ thương con mình,
Người được chư Thiên thương,
Luôn luôn thấy hiền thiện.*

Rồi Thế Tôn sau khi nói lời tùy hỷ công đức với những bài kệ này cho Sunidha và Vasakara, đại thần xứ Magadha, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, đại thần xứ Magadha đi theo sau lưng Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ đặt tên là **cửa thành Gotama**. Tại bến nước nào Sa-môn Gotama sẽ đi qua sông Hằng, bến nước ấy sẽ đặt tên là **bến nước Gotama**". Và cửa nào Thế Tôn đã đi ra khỏi, các vị ấy đặt tên là cửa thành Gotama. Và Thế Tôn đi đến sông Hằng, nước sông tràn đầy đến bờ, con quạ có thể uống được, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột

chiếc bè để đi qua sông. Rồi như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy Thế Tôn biến mất từ bờ bên này sông Hằng và đứng qua bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn thấy các người ấy, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột lại chiếc bè để qua sông, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ:

6. *Sau khi làm cái cầu,
Họ vượt qua thác nước,
Họ vượt qua hồ nước,
Họ vượt qua đầm lầy,
Có người cột chiếc bè,
Bậc trí đã qua sông.*

332 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 284

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 284 (Ud 90)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang đi giữa đường cùng với Tôn giả Nàgasamàla là Sa-môn tùy tùng. **Tôn giả Nàgasamàla** giữa đường thấy một con đường rẽ, thấy vậy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta đi con đường này.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Nàgasamàla:

- Nay Nàgasasmàla, đây là con đường. Chúng ta sẽ đi con đường này.

Lần thứ ba, Tôn giả Nàgasamàla bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói:

- Nay Nàgasamàla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này.

Rồi **Tôn giả Nàgasamàla** đặt xuống đất y và bát của Thế Tôn, bỏ đi và nói:

- Bạch Thế Tôn, đây là y bát của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nàgassamàla đi theo con đường ấy, giữa đường bị các tên cướp xuất hiện đánh bằng tay hay chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y của Tôn giả.

Rồi Tôn giả Nàgasamàla với bình bát bị vỡ, với thượng y bị xé rách đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nàgasamàla bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi con đường ấy các tên cướp xuất hiện, đánh con bằng tay hay bằng chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

*7. Cùng đi với kẻ ngu,
Kẻ trí phải chen vai,
Khi biết nó là ác,
Lập tức từ bỏ nó,
Như con bò bỏ nước,
Được nuôi ăn với sữa.*

333 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 286

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 286 (Ud 91)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visàkhà mẹ của Migàra khả ái và dễ thương bị mệnh chung. Và Visàkhà mẹ của Migàra, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, thật sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- *Này Visàkhà, Bà từ đâu đến, với áo ướt đầm, với tóc đầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?*

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

- *Này Visàkhà, Bà có muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và là cháu của Bà không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và cháu của con.

- *Nhưng này Visàkhà, có bao nhiêu người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày?*

- Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy.. sáu... năm... bốn... ba.. hai. Bạch Thế Tôn có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sàvatthi không có thoát được số người bị chết!

- Bà nghĩ thế nào, này Visàkhà? Như vậy Bà có khi nào được khỏi vãi bị ướt, hay tóc khỏi bị ướt không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!

- Này Visàkhà, ***những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có trăm sự đau khổ!*** Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ! Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ! Những ai có bảy mươi.. có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi.. có hai mươi... có mười.. có chín... có tám... có bảy..có sáu.. có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. ***Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.***

8. *Sầu, than và đau khổ,
Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,*

Không thân ái, chúng không.

*Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái.*

*Do vậy ai tha thiết,
Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.*

334 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 288 (Ud 92)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabha Mallaputta bạch Thế Tôn:

- Nay đã đến thời, con nhập Niết Bàn, bạch Thiện Thệ.

- Nay Dabba, Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn.

Khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

9. **Thân bị hoại, tướng diệt,**
Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,
Thức đạt được mục đích.

335 Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy

sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú không biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh** giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ **không** có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

336 Kinh Màngandiya - Tiểu I, 717

Kinh Màngandiya – Tiểu I, 717

Thế Tôn:

835. Sau khi thấy **khát ái**,
Bất lạc và **tham đắm**,
Không thể có **ura muốn**,
Đối với sự **dâm dục**.
Sao, với bao đầy tràn,
Nước tiểu, phân ứ này,
Ta không có ước muốn,
Với chân động chạm nó.

Màngandiya:

836. Nếu Ngài không ước muốn:
Ngọc báu như thế này,
Nữ nhân được mong cầu,
Bởi rất nhiều đế vương,
Hãy nói như thế nào,
Là tri kiến của Ngài,
Giới cấm và sinh mạng,
Cùng sự hữu phát sanh.

Thế Tôn:

837. Thế Tôn liền trả lời,
Cho Màngandiyā,
Vói Ta không có nói,
Ta nói như thế này,
Sau khi quán sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp,
Trong tất cả tri kiến,
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa,
Tịch tịnh trong nội tâm.

Màngandiyā:

838. Màngandiyā nói:
Các lý thuyết quyết định,
Ngài nói vị ẩn sĩ,
Không nắm giữ thuyết nào.
Còn về ý nghĩa này,
Của hai chữ nội tịnh,
Thế nào là bậc Hiền trí,
Hiểu biết hai chữ ấy?

Thế Tôn:

839. Thế Tôn nói như sau:

Này Māgandīya,
Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.
Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là,
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm,
Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
*Bậc thiện không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.*

Māgandīya:

840. Māgandīya nói:
Nếu không từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đưa đến.
Người ta nói như vậy,
Cũng không phải không kiến,
Không truyền thống, không trí,
Không giới luật giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến
Con nghĩ rằng pháp vậy,

*Là pháp kẻ ngu si,
Vì rằng thật có người,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.*

Thế Tôn:

*841. Thế Tôn nói như sau:
Này Māgandīya,
Nếu y vẫn tri kiến,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Chính do những chấp thủ,
Đi đến sự ngu si,
Từ đó, Ông không thấy,
Một chút gì về tướng,
Do vậy, Ông chớ thấy,
Tất cả là ngu si.*

*842. Bằng ta, thắng hơn ta,
Hay thấp kém hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Do vậy đấu tranh khởi.
Ai không bị dao động,
Bởi ba vấn đề ấy,
Như vậy, đối vị ấy,
Không bằng, không thù thắng.*

843. Sao Bà-la-môn ấy,

Lại nói: "Đây sự thật",
Đây chính là nói láo,
Để gây nên tranh luận,
Vội ai không hề có,
Bằng nhau, không bằng nhau.
Do đâu nó có thể,
Mắc vào tranh luận được.

844. Đoạn tận mọi nhà cửa,
Sống là kẻ không nhà,
Ẩn sĩ không thân thiết,
Vội một ai ở làng,
Trống không các dự vọng,
Không xem trọng sự gì,
Không nói chuyện tranh luận,
Vội một ai ở đời.

845. Vị ấy sống viễn ly,
Mọi sự việc ở đời,
Bạc Long tượng không chấp,
Và không nói đến họ.
Như hoa sen có gai,
Sanh ra ở trong nước,
Không bị nước và bùn,
Mắc dính và thấm ướt.
Như vậy bậc ẩn sĩ,
Nói an tịnh, không tham,

*Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt.*

846. *Bậc trí, không do kiến,
Cũng không do thọ tưởng,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không có tham dự vào,
Không để cho hành động,
Cho truyền thống dắt dẫn,
Không để bị chi phối,
Trong trú xứ của ý.*

847. *Người không ưa thích **tưởng**,
Không có bị trói buộc,
Vị được **tuệ giải thoát**,
Không có sự si mê,
Và những ai chấp thủ,
Tư tưởng và tri kiến,
Người ấy sống xung đột,
Với mọi người ở đời.*

337 Kinh Màngha - Tiểu I, 621

Kinh Màngha – Tiểu I, 621

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, trên núi Gijjhakāṭa. Rồi thanh niên Màngha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Màngha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, con là người bố thí, là thí chủ, rộng rãi, mong muốn được yêu cầu. Con tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thân hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, con cho một người, con cho hai người, con cho ba người, con cho bốn người, con cho năm người, con cho sáu người, con cho bảy người, con cho tám người, con cho chín người, con cho mười người, con cho hai mươi người, con cho ba mươi người, con cho bốn mươi người, con cho năm mươi người, con cho một trăm người, con cho nhiều hơn nữa. *Thưa Tôn giả Gotama, con cho như vậy, con bố thí như vậy, con có được nhiều phước đức không?*

- Nay thanh niên, Con cho như vậy, Con bố thí như vậy Con **được nhiều phước đức**. Nay thanh niên, ai là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, mong muốn được yêu cầu, ai tầm cầu tài sản đúng pháp sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâm hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, người ấy cho một người... cho một trăm người, cho nhiều hơn nữa, người ấy được nhiều công đức.

Rồi thanh niên Màgha nói lên lời Thế Tôn những bài kệ:

Thanh niên Màgha:

487. Thanh niên Màgha thưa:

*Tôn giả Gotama,
Con hỏi bậc Hiền hòa,
Mặc cà sa không nhà,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước.
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Tại đâu nên bố thí,
Để đồ cúng được tịnh?*

Thế Tôn:

488. Thế Tôn bèn trả lời:
Này thanh niên Mậgha,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
*Người ấy cần phải thí,
Người xứng đáng cúng dường.*

Mậgha:

489. Thanh niên Mậgha thưa:
Tôn giả Gotama,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con,
Nên cúng dường cho ai?

Thế Tôn:

490. *Những ai sống ở đời,*

*Thật sự không nhiễm trước,
Hoàn toàn không sở hữu,
Tự ngã được nhiếp phục,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

*491. Những ai đã chặt đứt,
Mọi kiết sử trói buộc,
Nhiếp phục được giải thoát,
Không dao động, mong cầu.
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

*492. Những ai đã giải thoát,
Mọi kiết sử trói buộc,
Nhiếp phục được giải thoát,
Không khổ, không mong cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

493. Vị nào đã đoạn tận,

Tham, sân và cả si,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

494. **Ai sống không man trá,**
Và không có kiêu mạn,
Những vị sống không tham,
Không ngã sở, không cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

495. **Những ai đối với ái,**
Không rơi vào hệ lụy,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Du hành không ngã sở,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

496. Với ai **không tham ái,**

Một vật gì ở đời,
Không ái hữu, phi hữu,
Đời này hay đời sau,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

497. Những ai **từ bỏ dục**,
Sống không có gia đình,
Khéo léo **biết chế ngự**,
Như con thoi, chánh trực,
Đúng thời, đối vị ấy.
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

498. Những ai, **ly tham ái**,
Các căn khéo định tĩnh,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Nanh vuốt của Ràhu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

499. Những ai được **an tịnh**,

Ly tham, ly phần nộ,

Sau khi bỏ đời này,
Không còn có sanh thú,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

500. **Đoạn sanh tử đã xong,**

Không còn chút dư tàn,
Nghĩ ngờ và phân vân,
Tất cả được nhiếp phục,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

501. Những ai **sống ở đời**

Tự mình làm hòn đảo,

Không có vật sở hữu,
Giải thoát được trọn vẹn,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

502. Những ai ngay đời này,

**Như thật rõ biết được,
Đây đời sống cuối cùng,**

*Không còn có tái sanh,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

503. Ai đạt **tuệ tối thượng,
Ưu thiên, giữ chánh niệm,**

*Đạt được sự giác ngộ,
Chỗ quy ngưỡng nhiều người.
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

Màgha:

504. Thật sự câu con hỏi,
Không trống không, vô ích,
Thế Tôn nói cho con,
Những ai đáng cúng dường.
Ở đây Ngài đã biết,
Sự thật như thế nào.
Như vậy chính là pháp,
Ngài được biết như vậy.

505. Rồi thanh niên Màgha,
Lại thừa thêm như sau:
*Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con,
Pháp tế tự hoàn toàn?*

Thế Tôn:

506. Thế Tôn nói Màgha:
*Hãy tế đàn, tế tự,
Phải làm cho trong sạch,
Hoàn toàn mọi tâm tư,
Đối người lễ tế đàn,
Đối tượng là đồ cúng,
Hãy an trú ở đây,
Từ bỏ sự sân hận.*

507. *Vị ấy đoạn tận tham,
Nhiếp phục cả sân hận,
Tu tập tâm từ bi,
Vô lượng khắp tất cả,*

*Với hạnh không phóng dật,
Ngày đêm luôn tu tập,
Cùng khắp mọi phương hướng,
Biến mãn vô lượng tâm.*

Màgha:

508. Ai trong sạch, giải thoát,
Ai còn bị trói buộc,
Ai với tự thân mình,
Đi đến Phạm Thiên giới?
Vì không biết, con hỏi.
Hãy nói lên, ẩn sĩ,
Mong Thế Tôn chứng giám,
Cho con ngày hôm nay,
Con được thấy Phạm thiên,
Ngài đối với chúng con,
Thật sự Ngài ngang bằng,
Với Phạm thiên không khác,
Ôi! Bạc chói hào quang,
Làm thế nào được sanh,
Lên cảnh giới Phạm thiên?

Thế Tôn:

509. Thế Tôn đáp Màgha:
Ai tổ chức tế đàn,

*Đầy đủ cả ba phần,
Tế đàn ấy tăng thịnh,
Vội những người được cúng,
Xứng đáng được cúng dường.
Tế đàn như vậy xong,
Chơn chánh muốn được cầu,
Ta nói vị ấy sanh,
Tại cảnh giới Phạm thiên.*

Khi nói được như vậy, thanh niên Mậgha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

338 Kinh Mũi Tên - Tiểu I, 650

Kinh Mũi Tên – *Tiểu I*, 650

574. *Sinh mạng của loài Người,
Ở đời không ai biết,
Không tướng, nhiều phiền toái,
Nhỏ nhoi, liên hệ **khổ**.*

575. ***Không có sự gắng nào,
Khuyến sống thoát khỏi chết,
Sau khi già là chết,
Pháp hữu tình là vậy.***

576. *Như các trái chín muồi,
Có sợ bị rơi sớm,
Cũng vậy, người được sanh,
Thường có sợ bị chết.*

577. *Như người thợ làm ghè,
Làm chén bát đất sét,
Cuối cùng, bể tất cả,
Mạng sống người là vậy.*

578. *Trẻ tuổi và lớn tuổi,
Người ngu và kẻ trí,*

*Tất cả đi đến chết,
Cuối cùng rồi cũng chết.*

579. *Những ai chết chi phối,
Đi qua đến đời sau,
Cha không cứu được con,
Hay bà con cứu nhau.*

580. *Hãy xem, các bà con,
Đứng nhìn và than khóc,
Tùng người, đi đến chết,
Như bò mang đi giết.*

581. *Như vậy, thế giới này,
Bị già chết chi phối,
Do vậy, bậc nhiều trí,
Biết đời, nên không sầu.*

582. *Ai không biết con đường,
Đường đến và đường đi,
Do không thấy hai ngã,
Than khóc, không lợi ích.*

583. *Nếu thật sự than khóc,
Đem lại lợi ích gì,
Kẻ ngu tự hại mình,
Người có mắt sẽ làm.*

584. Không với sâu, nước mắt,
Khiến nội tâm an tịnh,
Khổ càng tăng trưởng thêm,
Thân càng bị gia hại.

585. Ốm yếu, sắc da tái,
Tự mình hại chính mình,
Kẻ chết không được hộ,
Than khóc thật vô ích.

586. Chúng sanh không bỏ sâu,
Càng gặp nhiều đau khổ,
Càng rên khóc kẻ chết,
Càng bị sau chi phối.

587. Hãy xem các người khác,
Đi theo hạnh nghiệp mình,
Rơi vào giới thân chết,
Hữu tình đầy hoảng sợ.

588. Loài Người còn mong ước,
Thế này hay thế khác,
Nhưng sự việc xảy ra,
Hoàn toàn thật sai khác,
Như vậy tánh không có,
Xem định tánh của đời.

589. Nếu loài Người sống được,
Sống hơn một trăm năm,
Rồi không có bà con,
Ở đây, bỏ mạng sống.

590. *Do vậy, sau khi nghe,
Bạc La-hán thuyết giảng,
Hãy nhiếp phục than van,
Khi thấy kẻ bị chết,
Hãy suy nghĩ như sau,
Ta không còn vị ấy.*

591. Như nhà lửa bị cháy,
Nhờ nước, lửa dập tắt,
Cũng vậy, bậc Hiền trí,
Có tuệ trí, thiện xảo,
Mau chóng nhiếp phục sâu,
Như bông gió thổi bay.

592. *Ai tự tìm hạnh phúc,
Hãy tự mình rút tên,
Mũi tên là than khóc,
Tham cầu tư ưu sâu.*

593. *Ai đã rút mũi tên,
Không nương tựa nhờ cậy,*

*Tâm vị ấy đạt được,
Sự an lành an tịnh,
Vượt khỏi mọi ưu sầu,
Tâm không sầu, tịch tịnh.*

339 Kinh Ngoài Bức Tường - Tiểu I, 21

Kinh Ngoài Bức Tường – Tiểu I, 21 (Tirokudda Sutta)

1. Ở bên ngoài bức tường,
Bon ho đứng chờ đợi,
Giao lộ, ngã ba đường,
Trở về mái nhà xưa,
Đợi chờ bên cạnh cổng.
2. Nhưng khi tiệc thịnh soạn,
Được bày biện sẵn sàng,
Đủ mọi thức uống ăn,
Không một ai nhớ họ,
Sự kiện này phát sinh,
Từ nghiệp xưa của họ.
3. Vậy ai có từ tâm,
Nhớ cho các thân nhân,
Thức uống ăn thanh tịnh,
Tốt đẹp và đúng thời.
4. Món này cho bà con,
Mong bà con an lạc,
Đám nga quý thân bằng,
Đã tề tựu chỗ đó.
5. Sẽ mong muốn chúc lành,
Vì thực phẩm đầy đủ.

Mong quyền thuộc sống lâu,
Nhờ người, ta hưởng lợi,.

6. *Vì đã kính lễ ta,*

Thí chủ không thiếu quẻ

Tại đó không cấy cày,
Cũng không nuôi súc vật.

7. Cũng không có buôn bán,
Không trao đổi tiền vàng,

Các nga quý họ hàng,

Chỉ sống nhờ bố thí.

8. Như nước đổ xuống đồi,
Chảy xuống tận vực sâu,
Bố thí tại chỗ này,
Cung cấp loài nga quý.

9. Như lòng sông tràn đầy,
Đưa nước đổ xuống biển,
Bố thí tại chỗ này,
Cung cấp loài nga quý.

10. Người ấy đã cho ta,
Đã làm việc vì ta,
Người ấy là quyền thuộc,
Người ấy chính thân bằng,
Hãy bố thí nga quý,
Nhớ việc xưa chúng làm.

11. Không khóc than, sầu muộn,

Không thương tiếc cách gì,
Giúp ích loài nga quý,
Quyển thuộc làm như vậy,
Không lợi cho nga quý.

12. Nhưng khi vật cúng dường
Khéo đặt vào chư Tăng
Ích lợi chúng lâu dài
Bây giờ, về sau nữa.

13. Chánh pháp được giảng bày
Như vậy cho quyển thuộc,
Kính trọng biết chừng nào,
Đối với người đã khuất,
Chư Tăng được cúng dường,
Cũng tăng thêm đồng mãn,
Người tích tụ công đức,
Thật to lớn biết bao.

340 Kinh Những vấn đề nhỏ bé - Tiểu I, 731

Những vấn đề nhỏ bé – *Tiểu I*, 731

Người hỏi:

878. Mỗi người tự thiên chấp,

Về tri kiến của mình,

Do chấp thủ sai biệt,

Bậc thiện xảo nói lên,

Ai biết như thế này,

Vị ấy biết được pháp,

Ai chỉ trích điểm này,

Vị ấy không hoàn toàn.

879. Do chấp thủ như vậy,

Họ tranh luận với nhau,

Họ nói kẻ khác ngu.

Không có khéo thiện xảo.

Trong những lời nói này,

Lời nói ai chân thật,

Hay tất cả vị này,

Là những bậc khéo nói?

Thế Tôn:

880. *Nếu không có chấp thuận,
Pháp của các người khác,
Nói kẻ khác là ngu,
Tuệ như vậy thấp kém.
Tất cả là ngu si,
Có tuệ thật thấp kém.
Tất cả tri kiến này.
Đều chỉ là thiên chấp.*

881. *Nếu các cuộc tranh luận,
Được tri kiến gạn lọc,
Trí tuệ được thanh tịnh,
Thiện xảo trí sáng suốt,
Họ không có một ai,
Là trí tuệ hạ liệt,
Và tri kiến của họ,
Được hoàn toàn viên mãn.*

882. *Ta không có nói rằng:
"Đây chính là sự thật".
Các người ngu với nhau,
Cùng nhau nói như vậy,
Với tri kiến tự mình,
Họ nói là chân thật,
Do vậy các người khác,
Được họ xem là ngu.*

Người hỏi:

883. *Một số người nói rằng:*

"Đây mới là sự thật"

Họ nói các người khác,

Là trống không, giả dối,

Do chấp thủ như vậy,

Họ tranh luận đấu tranh,

Vì sao bậc Sa-môn,

Không cùng nói một lời?

Thế Tôn:

884. *Sự thật chỉ có một,*

Không sự thật thứ hai,

Người hiểu biết tranh luận,

Với người có hiểu biết,

Nhưng chân thật họ khen,

Chỉ sự thật của họ,

Do vậy bậc Sa-môn,

Không cùng nói một lời.

Người hỏi:

885. *Vì sao họ nói lên,*

Những chân thật sai khác,

*Vì sao bậc thiện xảo,
Lại nói lời tranh luận,
Nếu các sự thật ấy,
Là nhiều và sai biệt,
Hay họ chỉ nhớ đến,
Những suy luận của họ.*

Thế Tôn:

*886. Thật sự các sự thật,
Không có nhiều sai biệt,
Từ các luồng tư tưởng,
Về thường còn ở đời,
Do họ suy nghĩ đến,
Tư tưởng các tri kiến,
Họ nói có hai pháp,
Sự thật và giả dối.*

*887. Các pháp được thấy nghe,
Được giữ giới, thọ hưởng,
Họ y cứ pháp này,
Họ suy tư, nhìn thấy,
An trú các quyết định,
Họ chê cười người khác,
Họ nói các người khác,
Là ngu si bất thiện.*

888. Vì rằng đối người khác,
Nó xem là ngu si,
Tự mình gọi chính mình,
Là thiện xảo tốt đẹp,
Do chính mình khen mình,
Vị ấy gọi thiện xảo,
Khinh thường các người khác,
Lời người ấy là vậy.

889. Vị ấy quá say mê,
Với tri kiến của mình,
Nên trở thành kiêu mạn,
Viên mãn tự ý mình,
Tự mình với tâm ý,
Làm lễ quán đánh mình,
Do vậy, bị say mê,
Trong tri kiến của mình.

890. Nếu người khác nói rằng:
Nó là hạng hạ liệt.
Như vậy đối tự mình,
Kẻ kia cũng liệt tuệ,
Nếu tự nó sáng suốt,
Bậc Hiền trí hiểu biết,
Không có ai ngu si,
Giữa các bậc Sa-môn. (???)

891. Những ai tuyên bố pháp,
Sai khác với pháp này,
Đi ngược lại thanh tịnh,
Không là người hoàn toàn,
Như vậy các ngoại đạo,
Tuyên bố thật rộng rãi,
Do lòng tham tri kiến,
Họ quá sức đam mê.

892. Những ai tuyên bố rằng,
Chính đây là thanh tịnh,
Họ nói không thanh tịnh,
Trong các pháp sai khác.
Như vậy các ngoại đạo,
An trú thật rộng rãi,
Họ kiên trì tuyên bố,
Con đường riêng của mình.

893. Ai kiên trì tuyên bố,
Con đường riêng của mình,
Sao ở đây có thể,
Nói người khác là ngu?
Vị ấy tự chê mình,
Đem lại tiếng liệt tuệ,
Người khác nói nói ngu,
Không được pháp thanh tịnh.

894. An trú trên quyết định,
Tư mình lượng sức người

Vị ấy ở trên đời,
Chỉ tăng thêm tranh luận,
Ai từ bỏ tất cả,
Mọi quyết định, chủ trương,
Không bị người ở đời,
Chê là kẻ liệt tuệ.

341 Kinh Những vấn đề to lớn - Tiểu I, 737

Những vấn đề to lớn – *Tiểu I, 737*

Người hỏi:

895. *Với những ai thiên vị,
Đối với những tri kiến này,
Chỉ đây là sự thật,
Họ cãi cọ tranh luận,
Tất cả những người ấy,
Đem lại sự chỉ trích,
Hay chính tại ở đây,
Họ được lời tán thán?*

Thế Tôn:

896. *Đây chỉ là nhỏ bé,
Không đủ đem an tịnh,
Ta nói về hai quả,
Của các loại đấu tranh.
Sau khi thấy như vậy,
Chớ có nên tranh luận,
Nên thấy rằng an ổn,
Không phải đất tranh luận.*

897. Phàm những thế tục này,
Được sanh giữa phàm phu,
Bậc trí không dựa vào,
Tất cả thế tục này,
Đã không có quan tâm,
Sao nay tìm quan tâm,
Sao có thể kham nhẫn,
Với vật được thấy nghe.

898. Bậc xem **giới** tối thượng,
Nói tịnh nhờ chế ngự,
Chấp thủ giới cấm xong,
Họ an trú như vậy.
Ở đây họ tu tập,
Do đây được thanh tịnh,
Họ chỉ khéo nói năng,
Họ bị hữu dất dấn.

899. Nếu có ai vi phạm,
Giới hạnh và giới cấm,
Người ấy sẽ run sợ,
Vi sở hành khiếm khuyết.
Ở đây người ấy than,
Cố gắng được thanh tịnh,
Như lữ hành lạc đoàn,
Như kẻ bỏ gia đình.

900. Đối với giới cầm thú,
Sau khi đoạn tất cả,
Cùng với các sở hành,
Có tội, không có tội,
Không còn có cố gắng,
Thanh tịnh, không thanh tịnh,
Hãy sống hạnh viễn ly,
Không chấp thủ an tịnh.

901. Người y chỉ khổ hạnh,
Người y chỉ nhàm chán,
Kẻ dựa vào nghe thấy,
Hay dựa vào thọ tướng,
Họ là hạng nói lớn,
Tán thán sự thanh tịnh,
Chưa đoạn được tham ái,
Đối với hữu, phi hữu.

902. Với ai có nỗ lực,
Cầu mong và ham muốn,
Họ mới phải run sợ,
Với những kiến của mình,
Với những ai ở đời,
Không có sanh và chết,
Do gì, khiến họ sợ,
Họ tham vọng cái gì?

Người hỏi:

903. Có những người tuyên bố,
Pháp này là tối thượng,
Nhưng người khác lại nói,
Pháp ấy là hạ liệt.
Ai nói lời chân thật,
Giữa hai hạng người này,
Hay tất cả hạng này,
Đều là hạng khéo nói?

904. Với pháp tự của mình,
Nói pháp này viên mãn,
Chỉ trích pháp người khác,
Là thấp kém hạ liệt,
Do chấp thủ như vậy,
Họ luận tranh đấu tranh,
Mọi thế tục tự mình,
Họ nói là chân thật.

Thế Tôn:

905. Nếu có bị người khác,
Khinh rẻ là hạ liệt,
Như vậy giữa các pháp,
Không gì thù thắng sao?
Kẻ phàm phu nói rằng,

*Pháp người khác hạ liệt,
Cương quyết tự đề cao,
Pháp mình không hạ liệt.*

*906. Như mọi người tôn thờ,
Chánh pháp của tự mình,
Giống như họ tán thán,
Mọi sở hành bản thân,
Tất cả những lời nói,
Trở thành lời chân thật,
Sự thanh tịnh đối họ,
Tự mỗi người tác thành.*

*907. Với người Bà-la-môn,
Không người khác lãnh đạo,
Sau khi đã nghiên cứu,
Chấp thủ trong các pháp,
Do vậy nên vị ấy,
Vượt khỏi các tranh luận,
Không thấy pháp người khác,
Có thể thù thắng hơn.*

*908. Họ nói: "Tôi thấy, biết,
Cái này là như vậy".
Họ đi đến quan điểm,
Thanh tịnh nhờ tri kiến,
Vị ấy đã thấy vậy,*

*Cần gì kiến người khác,
Vượt qua được quan điểm,
Thanh tịnh nhờ pháp khác.*

*909. Người có mắt thấy được,
Cả danh và cả sắc,
Sau khi thấy được họ,
Sẽ biết họ là vậy,
Hãy để họ được thấy,
Các dục nhiều hay ít,
Bậc thiện xảo không nói,
Thanh tịnh là nhờ dục.*

*910. Người đã gọi cuồng tín,
Không đưa đến thanh tịnh,
Vì đã có thiên vị,
Vói tri kiến tác thành,
Y chỉ nơi cái gì,
Nơi đấy là tinh sạch,
Người tuyên bố thanh tịnh,
Thấy ở đấy như vậy.*

*911. Phạm chí không rơi vào,
Thời gian và ước lượng,
Không theo các tri kiến,
Không bà con với trí,
Biết được các thế tục,*

*Do phàm phu chấp thủ,
Các người khác học hỏi,
Vị ấy sống hỷ xả.*

*912. Không chấp thủ triền phược,
Ẩn sĩ sống ở đời,
Giữa tranh luận khởi lên,
Không theo phe phái nào,
Sống an tịnh, hỷ xả,
Giữa những người không tịnh,
Các người khác học hỏi,
Vị ấy sống không học.*

*913. Từ bỏ lậu hoặc cũ,
Không tạo lậu hoặc mới,
Không đi đến ước muốn,
Không cuồng tín chấp thủ,
Vị Hiền trí như vậy,
Thoát khỏi các tà kiến,
Không tham dính ở đời,
Không bị ngã chỉ trích.*

*914. Không có sự thù hận,
Đối với tất cả pháp,
Phàm có thấy nghe gì,
Cùng với tưởng và thọ,
Ẩn sĩ không hệ lụy,*

*Đã đặt gánh nặng xuống,
Không liên hệ thời gian,
Không chấm dứt, không cầu,
Thế Tôn nói như vậy.*

342 Kinh Nàlaka - Tiểu I, 666

Kinh Nàlaka – Tiểu I, 666

679. **Ấn sĩ Asita,**
Trong lúc giữa ban ngày,
Thấy chúng các chư Thiên,
Cõi trời Ba mươi ba,
Họ hoan hỷ vui vẻ,
Với y áo, thanh tịnh,
Họ cung kính In-đà,
Các vị ấy cầm áo,
Với nhiệt tình nói lên,
Những lời khen tán thán.

680. Thấy chư Thiên hoan hỷ,
Đồng dục và phấn chấn,
Với tâm tư cung kính,
Ở đây, vị ấy nói.

Asita:

Vì sao chúng chư Thiên,
Lại nhiệt tình hoan hỷ?
Họ cầm áo vui múa,
Là do nhân duyên gì?

681. Trong thời gian chiến trận,
Vội các Asura,
Dũng sĩ được thắng trận,
Asura bại trận,
Thời gian ấy họ không,
Lông tóc dựng ngược dậy,
Họ thấy gì hy hữu,
Chư Thiên hoan hỷ vậy.

682. Họ la lớn ca hát,
Và họ tấu nhạc trời,
Họ múa tay, vỗ tay,
Họ múa nhảy vũ điệu,
Nay ta hỏi các Ông,
Trú đánh núi Meru,
Các Ngài hãy mau chóng,
Giải tỏa điều ta nghĩ.

Chư Thiên:

683. **Tại xứ Lumbini,**
Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ Tát,
Báu tối thắng, vô tỷ,
Ngài sanh, đem an lạc,
Hạnh phúc cho loài Người,

Do vậy chúng tôi mừng,
Tâm vô cùng hoan hỷ.

684. Ngài, chúng sanh tối thượng,
Ngài, loài Người tối thắng,
Bậc Nguru vương loài Người,
Thượng thủ mọi sanh loại,
Ngài sẽ chuyển Pháp luân,
Trong khu rừng ẩn sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,
Hùng mạnh nhiếp loài thú.

685. Sau khi nghe lời ấy,
Ẩn sĩ Asita,
Liên vội vàng bước xuống,
Và đi đến đầu đài,
Của đức vua Tịnh Phạn.
Đến nơi Ngài ngồi xuống,
Nói với các Thích-Ca:
"Hoàng tử nay ở đâu,
Ta nay muốn thấy Ngài".

686. Thấy Thái tử chói sáng,
Rực rỡ như vàng chói,
Trong lò đúc nấu vàng,
Được thợ khéo luyện thành,
Bừng sáng và rực rỡ,

Với dung sắc tuyệt mỹ,
Họ Thích trình Thái-tử,
Cho **Ẩn sĩ Tư-đà**.

687. **Sau khi thấy Thái tử,**
Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như sao ngưu,
Vận hành giữa hư không,
Sáng chiếu như mặt trời
Giữa trời thu, mây tịnh,
Ẩn sĩ tâm hân hoan,
Được hỷ lạc rộng lớn.

688. **Chư Thiên cầm ngôi lọng,**
Đưa lên giữa hư không,
Cây lọng có nhiều cành,
Có hàng ngàn vòng chuyền.
Họ quạt với phát trần,
Có tán vàng, lông thú,
Nhưng không ai thấy được,
Kẻ cầm lọng, phát trần.

689. **Bạc ẩn sĩ bện tóc,**
Tên Cà-ha-xi-ri,
Thấy Thái tử nằm dài,
Trên tấm chăn màu vàng,
Như đồng tiền bằng vàng,

Lại trên đầu Thái tử,
Cổ lông trắng đưa lên,
Tâm ẩn sĩ phấn khởi,
Đẹp ý, lòng hân hoan,
Đưa tay bông Thái tử.

690. Sau khi ẩm bông lên,
Con trai dòng họ Thích,
Bạc cầu đạo tìm hiểu,
Vượt khổ, nhờ tướng, chú,
Tâm tư được hoan hỷ,
Thốt lên lời như sau:
Vị này bậc Vô thượng,
"Tối thượng loài hai chân".

691. Khi vị ấy nghĩ đến,
Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,
Vị ấy rơi nước mắt,
Thấy vậy, các Thích Ca,
Hỏi ẩn sĩ đang khóc:
"Có sự gì chướng ngại
Sẽ xảy cho Thái tử?"

692. Thấy họ Thích lo lắng,
Vị ẩn sĩ trả lời:
"Ta không thấy bất hạnh

Xảy đến cho Thái tử,
Đối với Thái tử ấy,
Chướng ngại sẽ không có,
Vị này không hạ liệt,
Chớ có lo lắng gì.

693. Thái tử này sẽ chứng,
Tối thượng quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng tử thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được truyền bá rộng rãi.

694. Thọ mạng ta ở đời,
Còn lại không bao nhiêu,
Đến giữa đời sống Ngài
Ta sẽ bị mệnh chung.
Ta không được nghe pháp,
Bạc tình cần vô tỷ,
Do vậy ta sầu não,
Bất hạnh và khổ đau".

695. Sau khi khiến họ Thích,
Sanh hoan hỷ rộng lớn,
Bậc sống theo Phạm hạnh,

Bước ra khỏi nội thành.

Vì ấy vì lòng từ,

Thương con trai của chị,

Khích lệ nó học pháp,

Bạc tình cần vô tỷ.

696. "*Khi Ông nghe tiếng **Phật**,*

Từ người khác nói lên,

Bạc đã đạt Bồ-đề,

Đã đi con đường pháp,

Hãy đi đến chỗ ấy,

Hỏi kỹ về đạo pháp,

Và sống đời Phạm hạnh,

Dưới bậc Thế Tôn ấy".

697. *Như vậy, được khuyên bảo,*

Bởi vị nghĩ hạnh phúc,

Vị thấy ở tương lai,

Đường tối thắng thanh tịnh.

*Do vậy **Nà-la-ka**,*

Với phước đức chất chứa,

Sống với căn hộ trì,

*Chờ đợi **bạc chiến thắng**.*

698. *Khi nghe tin Pháp luân,*

Được bậc chiến thắng chuyển,

Đến thấy được hoan hỷ,

*Bậc ả sĩ Nguru vương,
Hỏi Mâu ni tối thắng,
Pháp Mâu ni tối thượng,
Như Asita khuyên,
Trong buổi gặp gỡ trước.*

(Kệ mở đầu đã xong)

*699. Lời A-si-ta này,
Con biết là như thật,
Con hỏi Gotama,
Đường giải thoát mọi pháp?*

*700. Không nhà, con đi đến,
Tìm hạnh người khát sĩ,
Con hỏi bậc ả sĩ,
Hãy nói lên cho con,
Con đường đạo tối thượng,
Đưa đến đạo Mâu-ni.*

*701. Thế Tôn đáp như sau:
Khó hành, khó thực hiện,
Là đạo hạnh Mâu ni,
Ta sẽ cho Ông biết,
Hãy đến lắng tai nghe,
Ta sẽ nói cho Ông,
Hãy vững trí, an thần,*

Hãy kiên trì bền chí.

702. *Hãy tu hạnh Sa-môn,
Không để bị dao động,
Giữa khen chê trong làng,
Hãy chế ngự tâm sân,
Sống hạnh thật an tịnh,
Không cống cao kiêu mạn.*

703. *Tiếng cao thấp phát ra,
Như ngọn lửa trong vườn,
Nữ nhân hay cám dỗ,
Chớ cám dỗ ẩn sĩ.*

704. *Hãy từ bỏ dâm dục,
Xả mọi dục cao thấp.
Đối hữu tình yếu mạnh,
Không đối nghịch, tham đắm.*

705. *Ta thế nào, họ vậy,
Họ thế nào, Ta vậy,
Lấy ngã làm ví dụ,
Chớ giết, chớ bảo giết.*

706. *Hãy bỏ dục, bỏ tham,
Đây phạm phu bị nắm,
Bậc có mắt hành đạo,*

Vượt địa ngục, loài Người.

707. **Bụng đói, ăn chừng mực,**
Ít dục, không tham lam.
Vị ấy không ham dục,
Không dục, thật tịch tịnh.

708. *Sau khi đi khát thực,
Ẩn sĩ vào rừng sâu,
Đi đến dưới gốc cây,
Sửa soạn ngồi an tịnh.*

709. *Bậc Hiền trí hành thiền,
Hoan hỷ trong rừng sâu,
Hành thiền dưới gốc cây,
Thỏa mãn sở thích mình.*

710. *Khi đêm hết, sáng đến,
Cần phải đi đến làng,
Chớ hân hoan khát thực,
Đồ mang từ làng đi.*

711. *Ẩn sĩ không đi gấp,
Đến làng, giữa gia đình,
Tìm ăn, cắt nói chuyện,
Không nói chuyện liên hệ.*

712. Nếu được, thật là tốt,
Không được, cũng là tốt,
Nghĩ vậy, cả hai mặt,
Vị ấy trở về cây.

713. Đi với bát cầm tay,
Không cầm, dáng như cầm,
Chớ khinh, đồ cho ít,
Không chê người đem cho.

714. Bạc Sa-môn thuyết giảng,
Con đường cao và thấp,
Nhưng đến bờ bên kia,
Không có hai con đường,
Tuy vậy chớ nghĩ rằng,
Đường này chỉ là một.

715. Với ai, không có tham,
Tỷ-kheo cắt dòng nước,
Đoạn tận hành thiện ác,
Vị ấy không sâu nào.

716. Thế Tôn lại nói thêm:
Ta dạy cho các Ông
Thức tri **hạnh ẩn sĩ,**
Hãy tu như lưỡi dao,
Với lưỡi ẩn nóc hòng,

Hãy hạn chế bao tử.

717. ***Tâm chớ có thụ động,
Nhưng chớ nghĩ quá nhiều.***

*Không hời hám, độc lập,
Sống cứu cánh Phạm hạnh.*

718. ***Hãy tập ngồi một mình,
Sống đúng hạnh Sa-môn.***

*Sống một mình được gọi,
Là hạnh bậc ẩn sĩ,
Nếu tự mình tìm được,
Thoải mái trong cô độc.*

719. *Hãy chói sáng mười phương,*

Sau khi nghe tiếng nói,

Của các bậc hiền sĩ,

Hãy hành thiện, bỏ dục,

Mong đệ tử của Ta,

Tăng trưởng tâm và tín.

720. ***Hãy học các dòng nước,***

Từ khe núi vực sâu.

Nước khe núi chảy ồn,

Biển lớn động im lặng.

721. ***Cái gì trống kêu to,***

Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè voi nước,
Bác trí như ao đầy.

722. Khi Sa-môn nói nhiều,
Nói liên hệ đến đích,
Tư biết nên thuyết pháp,
Tư biết nên nói nhiều.

723. Ai biết, biết tư chế,
Ai biết, không nói nhiều,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Xứng đáng hạnh ẩn sĩ,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Đạt được hạnh ẩn sĩ.

343 Kinh Pasùra - Tiểu I, 713

Kinh Pasùra – *Tiểu I*, 713ư

824. Ở đây chính thanh tịnh,
Họ thuyết giảng như vậy,
Họ nói trong pháp khác,
Không có sự thanh tịnh,
Họ nói chỗ y chỉ,
Ở đây là thanh tịnh,
Họ rộng rãi an trú,
Trong sự thật của mình.

825. Những ai muốn tranh luận,
Sau khi vào hội chúng,
Họ công kích lẫn nhau,
Họ gọi nhau là ngu,
Họ đi đến người khác,
Và khởi lên tranh luận,
Họ muốn được tán thán,
Họ gọi chúng thiện xảo.

826. Ham mê thích tranh luận,
Ở giữa các hội chúng,
Ước muốn được tán thán,
Họ sợ hãi thất bại,

*Khi bị đánh thất bại,
Họ trở thành rùn chí,
Bị chê, họ nổi giận,
Kẻ tìm lỗi người khác.*

*827. Khi các nhà thẩm sát,
Phê bình các câu hỏi,
Tuyên bố cuộc tranh luận,
Đi đến chỗ thất bại,
Kẻ nói lời hạ liệt,
Than khóc và sầu não,
Họ rên rỉ than van,
Nó đã đánh bại ta.*

*828. Giữa các vị Sa-môn,
Các tranh luận khởi lên,
Trong các tranh luận này,
Có chiến thắng chiến bại.
Do thấy rõ như vậy,
Không vui thích tranh luận,
Dầu có được tán thán,
Cũng không lợi ích gì.*

*829. Hay trong tranh luận này,
Nó được lời tán thán,
Sau khi đã nói lên,
Chính giữa các hội chúng.*

*Do vậy nó vui cười,
Nó tự hào kiêu hãnh,
Đạt được mục đích ấy,
Như tâm ý nói lên.*

830. *Cái làm nó cống cao,
Cũng là đất hại nó,
Tuy vậy nó vẫn nói,
Lời cống cao kiêu mạn,
Khi thấy được như vậy,
Hãy đừng có tranh luận,
Bậc thiện xảo nói rằng,
Thanh tịnh không do vậy.*

831. *Cũng như bậc anh hùng,
Nuôi dưỡng đồ ăn vua,
La hét muốn tìm cầu,
Một địch thủ anh hùng,
Ồi anh hùng hãy tránh,
Chỗ nào có vị ấy,
Từ trước đã không có,
Sự đấu tranh như vậy.*

832. *Những ai chấp tri kiến,
Tranh luận về kiến ấy,
Tuyên bố thuyết giảng rằng:
Chỉ đây là sự thật,*

Ông hãy nói với họ,
Ở đây không tranh luận,
Ông hãy nói thêm rằng,
Ở đây không địch thủ.

833. Cuộc chiến đấu đã tàn,
Nhưng ai sống như vậy,
Không có sự va chạm,
Giữa kiến này kiến khác,
Hồi này Pasùra!
Ông được gì nơi họ,
Với người không chấp thủ,
Một sự gì tối thượng?

834. Vậy Ông hãy đi đến,
Suy tư ngẫm nghĩ kỹ,
Với tâm ý suy tư,
Trên những loại tri kiến,
Hãy hoà đồng chung hợp,
Với bậc đã tẩy sạch,
Ông không có thể không,
Cùng vị ấy tiến bước.

344 Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556

Kinh Pháp Bàlamôn – Tiểu I, 556 (Sn 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?

- Nay các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa.

- Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói cho pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức.

- Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

284. *Các ẩn sĩ thời xưa,
Chế ngự, sống khắc khổ,
Bỏ năm dục trường dưỡng,
Hành lý tưởng tự ngã.*

285. *Phạm chí, không gia súc,
Không vàng bạc lúa gạo,
Học hỏi là tài sản,
Hộ che chở hộ trì,
Kho tàng tối thượng ấy.*

286. *Đồ ăn được sửa soạn,
Được đặt tại ngưỡng cửa,
Với lòng tin, hộ soạn,
Để cúng bậc Thánh cầu.*

287. *Với vải mặc nhiều màu,
Với giường nằm trú xứ,
Từ quốc độ giàu có,
Hộ đánh lễ Phạm chí.*

288. *Không bị ai xâm phạm,
Là Phạm chí thời ấy,*

Không bị ai chiến hại,
Họ được pháp che chở,
Không ai ngăn chặn họ,
Tại ngưỡng cửa gia đình.

289. Từ trẻ đến bốn tám,
Các Phạm chí thời xưa,
Họ sống hành Phạm hạnh,
Tâm cầu minh và hạnh.

290. Các vị Bà-la-môn,
Không đến giai cấp khác,
Không mua người làm vợ,
Chung sống trong tình thương,
Họ đi đến với nhau,
Trong niềm hoan hỷ chung.

291. Ngoại trừ thời gian ấy,
Thời có thể thu thai,
Là người Bà-la-môn,
Không đi đến giao cấu.

292. Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới, học thức, nhu hòa,
Khắc khổ và hòa nhã,
Bất hại và nhẫn nhục.

293. Vị tối thắng trong họ,
Là Phạm thiên, nỗ lực,
Vị ấy không giao hợp,
Cho đến trong cơn mộng.

294. Ở đời, bậc có trí,
Học theo hạnh vị ấy,
Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới đức và nhẫn nhục.

295. Họ xin cơm, sàng tọa,
Vải mặc, bơ và dầu,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Họ tổ chức tế tự,
Trong lễ tế tự ấy,
Họ không giết bò cái.

296. Như mẹ và như cha,
Như anh, như bà con,
Bò là bạn tối thượng,
Từ chúng, sanh được vị.

297. Bò cho ăn, cho sức,
Cho dung sắc, cho lạc
Biết được lợi ích này,
Họ không giết hại bò.

298. *Họ đoan trang thân lớn,
Có dung sắc, danh xưng,
Bản tánh là nhiệt tình,
Trong hành thiện dứt ác,
Họ còn sống ở đời,
Dân chúng hưởng an lạc.*

299. *Giữa họ có đảo lớn,
Họ thấy vật nhỏ nhen.
Thấy huy hoàng nhà vua,
Thấy trang sức phụ nữ.*

300. *Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Các trú xứ phòng ốc,
Khéo chia, khéo ngăn cách.*

301. *Đàn bà mập vây quanh,
Chúng người đẹp hầu hạ,
Bà-la-môn tham đắm,
Tài sản lớn của người.*

302. *Đọc các bài kệ tụng,
Họ đến Okkàla,
Ngài được tài sản lớn,*

Ngài được lúa gạo nhiều.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn.

303. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Về ngựa và về người,
Quăng con ném, nước thánh,
Với các cửa then cài.
Lễ tế đàn này xong,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều loại tài sản.

304. Bò, giường nằm, áo mặc,
Nữ nhân, trang sức đẹp,
Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.

305. Các trú xứ đẹp đẽ,
Khéo chia, khéo ngăn cách,

Đầy các loại lúa gạo,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều là tài sản.

306. Ở đây, được tài sản,
Phạm chí thích cất chứa,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Khát ái càng tăng trưởng,
Họ lại đọc kệ tụng,
Họ đến Okkàka.

307. Như nước, đất và vàng,
Tài sản và lúa gạo,
Cũng vậy là các bò,
Đối với các loài, người.
Chúng là những vật dụng,
Cần thiết cho hữu tình.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn?

308. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn,
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,

Trăm ngàn bò bị giết.

309. Không phải với bàn chân,
Cũng không phải với sừng,
Con bò hại một ai,
Chúng được khéo nhiếp phục.
Như con dê, con cừu,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Nắm sừng bắt lấy chúng,
Giết chúng bằng dao guom.

310. Rồi chư Thiên, Tổ tiên,
Đế Thích, A-tu-la,
Với các hàng Dạ-xoa,
Đồng thanh cùng la lớn,
"Như vậy là phi pháp",
Khi guom giết hại bò.

311. Trước đã có ba bệnh,
Dục, ăn không đủ, già,
Do giết hại muôn thú,
Chúng lên đến chín tám.

312. Trượng phạt phi pháp này,
Từ xưa truyền đến nay,
Vật vô tội bị giết,

*Còn người lễ tế đàn,
Thối thất khỏi Chánh pháp.*

313. Vậy tùy **pháp cổ** này,
Bị bậc trí khiển trách,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Như vậy, được xem thấy,
Quần chúng liền chỉ trích,
Các vị lễ tế đàn.

314. Như vậy, **pháp bị hoại**,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Bị phân ly chia rẽ,
Các hạng Sát-đế-lị,
Bị chia năm, chẻ bảy,
Còn vợ khinh rẽ chồng.

315. Các Sát-lỵ hoàng tộc,
Các bà con Phạm thiên,
Cùng với hạng người khác,
Được gia tộc che chở,
Họ bỏ quên sanh chủng,
Họ rơi vào các dục.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch
Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dựng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **trình bày rõ** những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama với nhiều pháp môn trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

345 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 291 (Ek I, 1)
(It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Tham**, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các Thầy hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với **tham** bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

346 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 292

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 292 (Ek I, 2) (It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Sân**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

*Với **sân** bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

347 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 293

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 293 (Ek I, 3) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Si**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si bị si mê
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

348 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 294 (Ek I, 4) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Phẫn nộ**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phẫn nộ phẫn uất.
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ phẫn nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Đây là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

Kinh Phật Thuyết Như Vậ – *Tiểu I* 294 (Ek 1,5) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe: *Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.*

Thế nào là một pháp? **Gièm pha**, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với gièm pha, gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

349 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 295

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 295 (Ek1,6)
(It.3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.*** Thế nào là một pháp? **Mạn**, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với kiêu mạn kiêu căng,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ kiêu mạn ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

350 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 296 (Ek I, 7) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **tất cả**, ở đây tâm không ly tham, từ bỏ, không thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri **tất cả**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai hiểu, rõ biết được,
Tất cả là tất cả,
Đối với tất cả chỗ,
Không có sự tham đắm,
Vị như vậy chắc chắn,
Liễu tri được tất cả,
Và có thể vượt qua,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

351 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 297 (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Mạn**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Mạn**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,
Nên đi đến tái sanh.*

*Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,
Họ vượt qua nhiếp phục,*

Tất cả mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

352 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 298 (Ek I, 9)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Tham**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

353 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 299 (Ek I, 10)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Sân**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri **Sân**, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

354 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 300 (Ek II, 1)
(It. 6)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Si**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ **khổ đau**.*

Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri Si, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si, bị si mê,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ không bao giờ,
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

355 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 301 (Ek II, 2) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phần nộ phần uất,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ phần nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

356 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302 b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,
Họ không lưu chuyển nữa,*

357 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 3)
(It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Gièm pha**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Gièm pha, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với gièm pha gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ, gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

358 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 303 (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là **Ái kiết sử**.*
- *Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.*

*Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,*

*Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

359 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 304 (Ek II. 6) (It. 9)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **Như lý tác ý**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành **như lý tác ý**,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,
Lợi ích thật tối thượng.

*Vị Tỷ kheo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

360 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 305 (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **làm bạn với thiện**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,
Vị ấy sẽ tuần tự,
Đạt được sự hoại diệt,*

Tất cả mọi kết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

361 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 306

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 306 (Ek II, 8) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại bất hạnh cho nhiều người, đem lại bất lợi cho nhiều người, đem lại không lợi ích cho nhiều người, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là một pháp? **Phá hòa hợp Tăng.***

Này các Tỷ-kheo, *khi chúng Tăng bị phá hoại, thì có những tranh luận với nhau, có những mắng nhiếc lẫn nhau, có những ngăn cách lẫn nhau, có những từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp, không đi đến hòa hợp và những người có hòa hợp, sự nhất trí đi đến nơi khác.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục,
Trú đến trọn cả kiếp,*

*Người phá hòa hợp Tăng.
Ưu thích phá hòa hợp,
An trú trên phi pháp,
Roi rớt, vượt ra khỏi.
An ổn khỏi khổ ách;
Kẻ phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng hòa hợp,
Bị nung nấu trợn kiếp,
Trong cảnh giới địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

362 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 308

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 308 (Ek II, 9) (It. 11)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là một pháp? **Sự hòa hợp chúng Tăng.***

Này các Tỷ-kheo, *khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách lẫn nhau, không có những từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp, và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Hạnh phúc là chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Giúp đỡ, ưa hòa hợp,*

*Thích hòa hợp, trú pháp
Không rơi rớt, vượt khỏi,
An ổn khỏi khổ ách,
Kẻ tạo được hòa hợp,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trọn kiếp được an vui,
Trong cảnh giới chư Thiên.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

363 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 309

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 309 (Ek II, 11) (It. 12)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- Ở đây này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người **ác ý** như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng người này bị rơi vào địa ngục. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì **tâm người ấy ác ý**.
- Này các Tỷ-kheo, vì nhân **tâm ác ý**, như vậy ở đây một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi ác, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Biết được **tâm ác ý**,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này.
Chính trong thời gian này,*

*Người ấy bị mạng chung,
Sẽ bị sanh địa ngục,
Vì tâm nó ác độc,
Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng bị rơi xuống,
Như vậy được tương xứng,
Do nhân tâm ác ý,
Chúng sanh đi ác thú.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

364 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 311 (Ek III, 1) (It. 13)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người **thiện ý** như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì **tâm người ấy thiện ý**.
- Này các Tỷ-kheo, vì nhân **tâm thiện ý**, như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Biết được **tâm thiện ý**,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này,
Chính trong thời gian này,*

*Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sanh,
Lên thiên giới thiện thú,
Vì tâm có thiện ý,
Tuỳ theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,
Như vậy được tương xứng.
Do nhân tâm thiện ý,
Chúng sanh đi thiện thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

365 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 312 (Ek III, 2) (It. 14)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **chớ có sợ hãi các công đức.** Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, **cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức.***

Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thực, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài.

- Sau khi **tu tập từ tâm trong bảy năm**, Ta đã không trở lui lại đời này trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp.
- Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư Thiên Quang Âm.
- Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm Thiên. Tại đây Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực.

- Nay các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế Thích.
- Nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu. Còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương.

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thực của nghiệp nào mà nay, Ta được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?"* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thực của ba nghiệp, do vậy Ta nay được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy. Tức là **bố thí, nhiếp phục, chế ngự**".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho vị ấy,
 Học tập về công đức,
 Công đức là lạc căn,
 Tối thượng trong tương lai,
**Hãy tu tập bố thí,
 Sống nếp sống an tịnh,
 Và tu tập từ tâm.**
 Sau khi đã tu tập,
 Các pháp này như vậy,*

*Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,
Bậc Hiền trí được sanh
Trong thế giới an lạc,
Thế giới không sân hận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

366 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 314

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 314 (Ek III,3) (It. 16)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại hai lợi ích, an trú ngay hiện tại và lợi ích cho tương lai. Thế nào là một pháp? **Không phóng dật trong các thiện pháp.***

Này các Tỷ-kheo, đây là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại được hai lợi ích, an trú ngay trong hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế Tôn đã nói lên lợi ích này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bậc Hiền trí tán thán,
Không phóng dật hành thiện,
Bậc Hiền không phóng dật,
Đem lại hai lợi ích,
**Lợi ích ngay đời này,
Và lợi ích tương lai**
Bậc trí do thắng trí,
Chứng đắc được lợi ích,*

Nên được gọi bậc trí.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

367 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đôi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chông chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

*Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ*

*Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

368 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 317

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 317 (Ek III, 5) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe.

*Phàm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vi ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Nay các Tỷ-kheo, tức là rõ **biết mà nói láo**.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người nào đã nói láo,
Là vi phạm một pháp,
Không kể đến đời sau,
Không ác gì không làm.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

369 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 318

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 317 (Ek III, 6) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh có thể biết như Ta đã biết, quả dị thực của sự san sẻ **bố thí**, họ sẽ không thụ hưởng nếu họ không bố thí và uesthiễm xan tham không có ám ảnh tâm của họ và an trú. Dầu là miếng cuối cùng của họ, dầu là miếng ăn tối hậu, họ sẽ không thụ hưởng nếu họ không san sẻ, khi có người nhận của họ.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh không biết như Ta đã biết quả dị thực của sự san sẻ bố thí họ sẽ thụ hưởng, không có bố thí, và uesthiễm xan tham ám ảnh tâm của họ và an trú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Nếu các hàng chúng sanh,
Có thể biết như vậy,
Như bậc Đại ẩn sĩ,
Đã nói, tuyên bố lên,*

**Quả dị thực lớn thay,
Của san sẻ bố thí!**

Nhiếp phục uest xan tham,
Với tâm thật thanh tịnh
Đúng thời họ bố thí,
Đối với các **Thánh nhân**,
Tại đây bố thí vậy,
Có quả thật to lớn.

Cho nhiều các thức ăn,
Kính lễ người đáng kính,
Từ đây xả, từ bỏ,
Địa vị làm con người,
Các người làm bố thí
Được đi đến cõi Trời,
Họ đi đến cõi Trời,
Tại đây chúng hoan hỷ,
Với mọi điều sở thích,
Họ thọ hưởng như ý,
Vị không có xan tham,
Được thọ hưởng đầy đủ,
Quả dị thực của chúng,
Nhờ san sẻ bố thí.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

370 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 319

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 319 (Ek III, 7) (It. 19)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, phàm có những phước nghiệp sự nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu **Từ tâm giải thoát**. Chỉ có Từ tâm giải thoát vượt qua chúng những nghiệp sự ấy, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.*

Này các Tỷ-kheo, ví như ánh sáng của chùm sao, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng của mặt trăng vượt qua ánh sáng của chùm sao chói sáng, bùng sáng, và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, ví như vào tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, trên bầu trời thanh tịnh, các mây được quét sạch, mặt trời mọc lên trên bầu trời, phá tan

mọi tối tăm ở hư không, chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Ví như này các Tỷ-kheo, vào tháng cuối mùa mưa, vào tiết mùa thu, khi hư không mở rộng không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên trời không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Ví như này các Tỷ-kheo, khi đêm đã gần tàn, sao mai chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Ai tu tập Từ tâm,
Không phóng dật chánh niệm,*

Các kiết sử giảm thiểu,
Nhờ thấy sanh y diệt.

**Nếu tâm không độc ác,
Đối với một hữu tình,
Với từ tâm như vậy,
Vị ấy là bậc Thiện,
Với tâm từ từ mãi,
Đối tất cả hữu tình,
Bậc Thánh tự tác thành,
Công đức thật vô lượng.**

Ai chiến thắng quả đất,
Đầy đầy những hữu tình,
Bậc vua chúa chơn chánh,
Như các vị tiên nhân,
Tổ chức khắp mọi nơi,
Đủ các loại tế đàn,
Lễ tế đàn với ngựa,
Lễ tế đàn với người,
Quảng cộc, rượu chiến thắng,
Lễ chót cửa dẹp lại,
**Họ không tác thành được
Một phần thứ mười sáu,
Với người khéo tu tập,
Tâm ý thật từ mãi.**

Như ánh sáng mặt trăng,
Thắng sáng mọi vì sao,

*Ai không có giết hại,
Không khiến người giết hại,
Không có chinh phục người,
Không khiến người chinh phục,
Với tâm tư từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Vị ấy không hận thù,
Đối với bất cứ ai.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

371 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo không hộ trì,*

*Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

372 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 324

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 324 (Duk. I, 2) (It. 23)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế nào là hai? Hộ trì các căn và Tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo khéo hộ trì,
Ăn uống có tiết độ,
An lạc về thân thể,*

*Các căn có hộ trì,
An lạc về tâm tư,
Vị ấy được thọ lãnh
Những an lạc như vậy.
Thân không bị thiêu đốt,
Tâm không bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú lạc như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

373 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 326

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 326 (Duk. I, 3) (It. 24)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở người sợ hãi, làm điều ác, ngoan cố trong việc làm, làm điều không thiện. Người ấy bị nung nấu bởi ý nghĩ: "Ta đã làm điều ác". Này các Tỷ-kheo, hai pháp này làm cho nung nấu.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Làm xong **thân** ác hạnh,
Hay nói các **lời** ác,
Làm xong **ý** ác hạnh,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.
Không làm các nghiệp lành,
Làm các điều bất thiện,
Khi thân hoại mạng chung,

*Người có ác trí tuệ
Bị sanh vào địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

374 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 327

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 327 (Duk. I,4) (It. 25)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, có **hai pháp không làm cho nung nấu**. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều lành, làm điều thiện, che chở người sợ hãi, không làm điều ác, không ngoan cố trong việc làm, làm điều thiện. Người ấy không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta đã làm điều lành", không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta không làm điều ác". Này các Tỷ-kheo, hai pháp này không làm cho nung nấu.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Từ bỏ **thân** làm ác,
Hay nói các **lời** ác,
Từ bỏ **ý** ác hành,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.
Không làm các nghiệp ác,
Làm nhiều điều thiện sự,

*Khi thân hoại mạng chung,
Người có **thiện trí tuệ**,
Được sanh lên cõi trời.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

375 Kinh Phật Thuyết Như Vậ - Tiểu I, 328

Kinh Phật Thuyết Như Vậ – Tiểu I, 328 (Duk. I,5) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai? Ác giới và ác kiến.

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp này, một người, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người nào được thành tựu,
Đầy đủ hai pháp này,
Đầy đủ với ác giới,
Và đầy đủ ác kiến,
Khi thân hoại mạng chung,
Người có ác trí tuệ,
Người ấy phải bị sanh,
Vào cảnh giới địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

376 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 329

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 329 (Duk. I,6) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? **Giới hiền thiện và Kiến hiền thiện.***

Đây đủ hai pháp này, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người nào được thành tựu,
Đây đủ hai pháp này,
Đây đủ Giới hiền thiện,
Đây đủ Kiến hiền thiện
Khi thân hoại mạng chung,
Người có chánh trí tuệ,
Người ấy sẽ được sanh,
Vào cảnh giới cõi trời.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

377 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 330 (Duk. I,7) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi, có thể chứng được giác ngộ, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người không có nhiệt tình,
Không có biết sợ hãi,
Biếng nhác, không tinh cần,
Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,
Không có lòng tôn kính,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Không có thể đạt tới,
Tối thượng Chánh-Đẳng-Giác.*

*Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh, tu thiền định,
Nhiệt tình, biết sợ hãi,
Và không có phóng dật,
Sau khi chặt đứt được
Kiết sử sanh và già,
Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

378 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 331

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 331 (Duk. I,8) (It. 28)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Mong rằng quần chúng biết đến ta".

*Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì **mục đích chế ngự** và vì **mục đích đoạn tận**.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nghe:

Với mục đích **chế ngự**,
Với mục đích **đoạn tận**,
Không kể người nói gì,
Thế Tôn đã thuyết giảng
Về nếp sống Phạm hạnh,
Một nếp sống đưa đến
Thể nhập vào Niết-bàn,
Đường này là con đường

*Được các bậc Đại nhân,
Được các Đại ẩn sĩ,
Nói theo và thực hiện,
Và những ai dần bước,
Chính trên con đường ấy,
N như đức Phật đã dạy,
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Và thực hành làm đúng,
N như lời Đạo sư dạy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

379 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 332

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 332 (Duk. I,9) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Mong rằng quần chúng biết đến ta".

*Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì **mục đích thắng tri**, vì **mục đích liễu tri**.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với mục đích **thắng tri**,
Với mục đích **liễu tri**
Không kể người nói gì,
Thế Tôn đã thuyết giảng
Về nếp sống Phạm hạnh,
Một nếp sống đưa đến,
Thế nhập vào Niết-bàn,
Đường này là con đường

*Được các bậc Đại nhân,
Được các Đại ẩn sĩ
Nói theo và thực hiện,
Và những ai dần bước,
Chính trên con đường ấy,
N như đức Phật đã dạy.
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Và thực hành làm đúng,
N như lời Đạo sư dạy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

380 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 333 (Duk. I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai?

- *Với sự hừng khởi đối với những trường hợp đáng phần khởi,*
- *Và như lý tinh cần đối với phần khởi.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Bậc có trí phần khởi,
Trường hợp đáng phần khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cẩn trọng,
Quán xuyên nhìn sự vật,*

Với trí tuệ **Bát-nhã**,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,
Chú lực **tâm tịnh chỉ**,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

381 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 335 (Duk. II, 1) (It. 31)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hai tâm tứ được hành trì nhiều đó là **an ổn** và **ẩn dật**.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, tâm tứ này được hành trì nhiều. "*Với cử chỉ uy nghi này Ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật*".

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, tâm tứ này được hành trì nhiều! Phạm có bất thiện gì, thì đều được đoạn tận.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, **các Thầy hỷ an trú, hân hoan trong không làm hại**, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú, hân

hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật".

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú hân hoan trong ẩn dật***, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ nữa đâu?

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Như Lai, bậc Giác ngộ,
Bậc có thể **nhân nại**,
Nhưng gì mà người khác,
Không có thể nhân nại,
Hai tâm tứ, vị ấy
Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,
Là **an ổn tâm tứ**,
Thứ đến là **ẩn dật**,
Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,
Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại sĩ đạt được,
Quyền lực không lậu hoặc,*

*Đạt thân mạng tối hậu
Trong **ái diệt, giải thoát**.*

*Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy
Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,
Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Thiện tuệ,
Leo lên lầu Chánh pháp
Biến nhãn không sâu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sầu khổ,
Bị sanh già áp bức.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

382 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 338 (Duk. II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh-Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai?

- *"Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất.*
- *Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với Như Lai, Phật Đà,
Từ tận mọi chúng sanh,
Hãy thấy lời thuyết giảng,*

*Tuần tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

383 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 339 (Duk. II, 3) (It. 34)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, **vô minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện, tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi.*
- *Này các Tỷ-kheo, **minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện, tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Phàm có ác thú gì,
Đời này và đời sau,
Tất cả do **vô minh**,
Làm gốc, làm cội rễ,
Dục tham được cất chứa,
Vì rằng kẻ ác dục,
Không xấu hổ, không kính,
Từ đó nó khởi ác,
Do vậy đi đọa xứ.*

*Vậy hãy nên từ bỏ,
Dục tham và vô minh,
Muốn **minh** được sanh khởi,
Tỷ-kheo cần từ bỏ
Tất cả mọi ác thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

384 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 340

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 340 (Duk. II, 4) (It. 35)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào **bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ**, những chúng sanh ấy là khéo thối đạo. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.*

*Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào **không bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ**, những chúng sanh ấy không có thối đạo. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thối đạo khỏi trí tuệ,
Hãy nhìn xem, thế giới
Với hàng ngũ chư Thiên,
An trú trong **danh sắc**,*

*Nghĩ rằng: "Đây sự thật"
Nhưng thù thắng ở đời,
Lại chính là trí tuệ,
Chính tuệ dắt dẫn đến
Thể nhập được Niết-bàn,
Và chơn chánh quán tri,
Sự hoại diệt sanh hữu,
Chư Thiên và loài Ngươi,
Hoan hỷ được chiêm ngưỡng,
Chư Phật Chánh Đẳng Giác,
Những bậc giữ chánh niệm,
Đầy đủ với trí tuệ,
Mang thân này cuối cùng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

385 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 341 (Duk. II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời.

*Thế nào là hai? **Xấu hổ** và **sợ hãi**.*

Này các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây **không có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh, em của mẹ, hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào **loạn luân** như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây **có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với những ai không có,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Họ đi xuống bào thai,
Dựa trên gốc tình dịch
Họ đi đến sanh tử.*

*Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,
Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

386 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 343

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 343 (Duk. II, 6) (It. 37)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra.**

Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.

Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Có cái sanh, hiện hữu,
Cái khởi lên làm ra,
Hữu vì không thường hằng,
Tác thành ra già chết,

*Một ổ của bệnh hoạn,
Mỏng manh, giòn, dễ vỡ,
Nhờ đồ ăn nuôi dưỡng,
Nên mới được hiện hữu,
Vật ấy thật không đủ
Để hoan hỷ ưa thích.*

*Thật có cái xuất ly,
Ra khỏi được cái ấy,
Thật có vượt lý luận,
Thường hằng, không sanh khởi,
Không có cái khởi lên,
Con đường không cầu uế,
Không đưa đến sâu muộn,
Đoạn diệt các pháp khổ,
Sự tịnh chỉ mọi hành,
An lạc thật tịnh lạc.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

387 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 344

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 344 (Duk. III, 7) (It. 38)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **có hai Niết-bàn giới này**. Thế nào là hai? **Niết-bàn giới có dư y và Niết-bàn giới không có dư y.**

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại, ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý vì rằng tự ngã không có thương hại cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn có dư y.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn không có dư y. Này các Tỷ-kheo có hai Niết-bàn giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này, ở đây điều này được nói đến.

*Hai Niết-bàn giới này,
Được vị có pháp nhãn,
Trình bày và thuyết giảng,
Không y tựa như vậy,
Một loại Niết-bàn giới,
Ở đây, thuộc hiện tại
Còn có các dư y,
Nuôi dưỡng hữu bị diệt.*

*Không dư y Niết bàn,
Lại thuộc về tương lai,
Với vị đạt giới này,
Mọi hữu diệt hoàn toàn.*

*Những ai với chánh trí,
Biết con đường vô vi,
Tâm tư được giải thoát,
Nuôi dưỡng hữu bị diệt,*

*Những ai chứng đạt được
Gốc lỗi của các pháp,
Hoan hỷ trong diệt tận,
Những vị ấy như vậy,
Đã từ bỏ hoàn toàn,
Tất cả mọi sanh hữu.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

388 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 346

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 346 (Duk. II, 8) (It 39)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ***hãy sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền định, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống.***

Này các Tỷ-kheo sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống, thời ***được chờ đợi là một trong hai quả này: ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bất Lai.***

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai tâm an tịnh,
Thông minh và thận trọng,
Chánh niệm tu thiền định,
Quán nhìn pháp chọn chánh,*

*Không chờ đợi ham muốn,
Đối với các loại dục,
Ưa muốn không phóng dật,
Sống an tịnh có mặt,
Thấy được sự sợ hãi,
Trong nếp sống phóng dật,
Họ không bị thối đọa,
Họ đến gần Niết bàn.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

389 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 347

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 347 (Duk. II, 9) (It. 40).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lối cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng.***

Này các Tỷ-kheo, an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lối cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng, thời được chờ đợi là ***một trong hai quả này: được chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu có dư ý, chứng được Bất-lai.***

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bậc hữu học viên mãn,
Không còn bị thối đọa,
Đạt tối thượng trí tuệ,
Thấy sanh được diệt tận.
Ta nói chắc chắn rằng,
Ấn sĩ Mâu-ni ấy,
Mang sắc thân cuối cùng.*

*Đã từ bỏ kiêu mạn,
Đã vượt qua bờ kia,
Thoát khỏi sự già yếu.*

***Do vậy hãy luôn luôn,
Vui trong thiền, thiền định,
Nhiệt tâm và nỗ lực,
Thấy sanh được diệt tận,
Hồi này các Tỷ-kheo,
Hãy nhiếp phục ma quân,
Tu tập vượt qua được,
Thoát khỏi sự già chết.***

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

390 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 349

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 349 (Duk. II, 10) (It. 41)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **hãy sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây quán tri đúng thời trong các pháp thiện.**

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, quán tri đúng thời trong các pháp thiện, thời được chờ đợi là **một trong hai quả này: Được chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu có dư y, chứng được Bất lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

**Hỡi các bậc cảnh giác,
Hãy lắng nghe điều này,
Những ai còn nằm ngủ,
Hãy thức dậy tỉnh thức,
Thức tỉnh là tốt hơn,
Hơn kẻ đang nằm ngủ,**

*Đối với người thức tỉnh,
Không có sự sợ hãi,
Người thức tỉnh, thức giấc,
Chánh niệm và tỉnh giác,
Thiền định, tâm hoan hỷ,
Nhiệt tình đầy tín thành,
Chon chánh biết thời giờ,
Thăng quán đến Chánh pháp,
Đạt được sự **nhất tâm**,
Quét sạch mọi tâm tối.*

*Do vậy hãy tu tập,
Thức tỉnh và nhiệt tình,
Vị Ty-kheo thông minh,
Thận trọng, chứng cảnh thiền,
Chặt đứt các kiết sử,
Trói buộc sanh với già,
Chính tại ở đời này,
Chúng chánh giác Vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

391 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 350

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 350 (Duk. II, 11) (It. 42)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, *có hai hạng người bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ*. Thế nào là hai?

- Ai sống phi Phạm hạnh, lại tự cho sống Phạm hạnh.
- Ai đối với người sống Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh, lại buộc tội chỉ trích là phi Phạm hạnh không có căn cứ.

Này các Tỷ-kheo, hai hạng người này bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục, nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai nói lời không chơn,
Rơi vào cõi địa ngục,
Ai sau khi đã làm,*

Lại nói tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Đều đồng đẳng như nhau,
Họ đều là những người,
Làm các nghiệp hạ liệt,
Thuộc về cảnh đời sau.

Lại có rất nhiều người,
Tuy mang áo cà-sa,
Họ không có chế ngự,
Đối với các pháp ác,
Do họ làm nghiệp ác,
Họ phải sanh địa ngục,
Tốt hơn đối với họ,
Là nuốt cục sắt tròn
Cháy đỏ như đồng lửa,
Còn hơn kẻ ác giới,
Không biết có chế ngự,
Nếu có ăn dùng gì,
Các món ăn quốc độ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

392 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 352 (Duk. II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người **bị xâm chiếm bởi hai tà kiến**, một số người chấp chặt, một số người đi quá trớn, một số người có mắt thấy được.*

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người chấp chặt**?*

Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phần khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người đi quá trớn**?*

Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị

hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỷ Kheo, thế nào là một số có **mắt được thấy?**

Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vì ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai đã thấy được
Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua
Của sự sanh hữu ấy.
Những vị ấy giải thoát,
Đối như thật hiện hữu,
**Vì nhờ đoạn diệt được
Tham ái đối sanh hữu.**
Nếu vị ấy liễu tri,
Sanh hữu là sanh hữu,
Vị ấy ly tham ái
Đối hữu và phi hữu,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,
Sẽ không còn đi đến*

Sanh đi rồi sanh lại.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

393 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 355 (Tik. I, 1) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba căn bản bất thiện** này. Thế nào là ba?

- **Tham** là căn bản bất thiện;
- **Sân** là căn bản bất thiện;
- **Si** là căn bản bất thiện.

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tham, sân, si làm hại,
Người có tâm ác độc,
Họ tự mình hiện hữu,
Như giả từ lỗi, vô.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

394 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 356

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 356 (Tik. I, 2) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba giới** này. Thế nào là ba? **Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới**. Này các Tỷ-kheo, có ba giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai liễu tri sắc giới,
Không an trú vô sắc,
Những ai được giải thoát,
Đối với đoạn diệt giới,
Các chúng sanh như vậy,
Xả ly được thân chết,
Với thân cảm giác được,
Bất tử, không sanh y,
Xả ly, từ bỏ hẳn,
Sanh y đưa đến hữu,
Sau khi tự chứng được,
Không còn có lậu hoặc,*

*Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thuyết pháp con đường chánh,
Không có gì sâu muộn,
Trong sạch không cấu uế.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

395 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 357

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 357 (Tik. I, 3) (It. 46)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các cảm thọ,
Và hiện hữu các thọ.
Tại đây, tâm được diệt,
Con đường đưa đến diệt,
Tỷ-kheo nhờ diệt thọ,
Không ham muốn, tịch tịnh.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

396 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 358 (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo,

- *Lạc thọ cần phải được xem như là **khổ**.*
- *Khổ thọ cần phải được xem như là **mũi tên**.*
- *Bất khổ bất lạc thọ cần phải được xem như là **vô thường**.*

Vì rằng này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là **bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái**, đã giải tỏa kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bạc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trôi buộc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

397 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 359

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 359 (Tik. I, 5) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm cầu** này. Thế nào là ba? **Dục tâm cầu, hữu tâm cầu, Phạm hạnh tâm cầu.** Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các tâm cầu,
Và hiện hữu tâm cầu,
Ở đây, tâm ấy diệt.
Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo do diệt tận,
Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có ước muốn
Được lắng dịu tịch tịnh.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

398 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 360

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 360 (Tik. I, 6) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm cầu** này. Thế nào là ba? **Dục** tâm cầu, **hữu** tâm cầu, **Phạm hạnh** tâm cầu. Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Dục và hữu tâm cầu,
Cùng Phạm hạnh tâm cầu,
Nếu chấp trước nắm giữ,
Chính đây là sự thật,
Như vậy là chất chứa,
Đủ mọi loại kiến xứ.*

*Với ai không ham muốn
Đối với các loại tham,
Vị ấy được giải thoát,
Nhờ diệt được khả ái,
Tâm cầu được từ bỏ,
Kiến xứ được nhỏ lên,*

*Tỷ-kheo do diệt tận
Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có mong cầu,
Không còn có nghi hoặc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

399 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 361

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 361 (Tik. I, 7) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba lậu hoặc** này. Thế nào là ba? **Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.** Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các lậu hoặc,
Và hiện hữu lậu hoặc,
Ở đây tâm được diệt,
Và con đường đến diệt,
Tỷ-kheo đã diệt tận,
Các loại lậu hoặc ấy,
Không còn có ước muốn,
Được lắng dịu, tịch tịnh.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

400 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 362 (Tik. I,8) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba lậu hoặc** này. Thế nào là ba? **Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu**. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

*Ai đoạn trừ dục lậu,
Ly tham thoát vô minh,
Hữu lậu được đoạn trừ,
Giải thoát khỏi sanh y,
Mang cái thân cuối cùng,
Đẹp tan cỗ xe ma.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

401 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 362b (Tik. I, 9) (It. 50)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba khát ái** này. Thế nào là ba? **Dục** ái, **hữu** ái, **phi hữu** ái. Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

*Trói buộc bởi ái triền,
Tâm ưa hữu, phi hữu,
Bị ma triền trói buộc,
Chúng sanh ấy không được,
An ổn khỏi ách nạn.
Chúng sanh đi luân chuyển,
Đến sanh rồi đến chết.*

*Những ai đoạn được ái,
Ly ái hữu, phi hữu,
Họ đến bờ bên kia,
Trong thế giới hiện tại,
Họ đã chứng đạt được,*

Các lậu hoặc đoạn tận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

402 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 363

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 363 (Tik. I, 10) (It. 50).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma, và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba?

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn.***

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác-ma, và chói sáng như mặt trời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Giới, định và trí tuệ,
Với ai khéo tu tập,
Vị ấy vượt qua khỏi,
Thế lực của Ác ma,
Và chói sáng rực sáng,*

Như mặt trời chói sáng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

403 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 365

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 365 (Tik. II, 1) (It. 51)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba phước nghiệp sự** này. Thế nào là ba?

- Phước nghiệp sự do **bố thí** tác thành,
- Phước nghiệp sự do **giới** tác thành,
- Phước nghiệp sự do sự **tu tập** tác thành.

Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho người ấy,
Học tập làm công đức,
Hướng dẫn đến tương lai,
Đem lại căn an lạc.*

*Hãy tu tập **bố thí**,
Tập **sở hành an tịnh**,
Và tu tập **từ tâm**,*

*Tu xong ba pháp ấy,
Những pháp khởi lạc thọ.
Bậc Hiền trí được sanh,
Tại thế giới an lạc,
Không phiền não hận thù.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

404 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 366

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 366 (Tik. II, 2) (It. 52)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba con mắt** này. Thế nào là ba? **Mắt thịt, mắt chư Thiên và mắt trí tuệ**. Này các Tỷ-kheo có ba loại mắt này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Mắt thịt, mắt chư Thiên,
Vô thượng **mắt trí tuệ**,
Có ba loại mắt ấy,
Được bậc Vô thượng nhân,
Đã tuyên bố trình bày,
Sanh khởi của mắt thịt,
Con đường mắt chư Thiên,
Từ đây, trí khởi lên,
Tuệ nhãn là tối thượng,
Ai chứng được mắt ấy,
Giải thoát mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

405 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 367

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 367 (Tik. II, 3) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba căn** này. Thế nào là ba? **Vị tri đương tri căn, tri căn, cụ tri căn** (căn: "Tôi sẽ biết điều chưa được biết"; căn về sự biết; căn của người đã biết). Này các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị hữu học học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên,
Từ đó không gián đoạn,
Tiếp theo là chơn trí,
Chính từ chơn trí ấy,
Đạt được sự giải thoát,
Chắc chắn vị như vậy,
Là vị có chánh trí,
Giải thoát ta bất động,

*Nhờ diệt hữu kiết sử,
Vị đầy đủ các căn,
Chắc chắn được an tịnh,
Và ưa thích con đường,
Đưa đến sự an tịnh,
Mang thân thể cuối cùng,
Sau khi đánh bại được,
Ác ma với con voi,
Được cỡi khi lâm trận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

406 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 368

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 368 (Tip. II, 4) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thời gian** này. Thế nào là ba? Thời gian **quá khứ**, thời gian **tương lai**, thời gian **hiện tại**. Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Chúng sanh cần tưởng đến,
Những gì được tuyên bố,
An trú thật vững vàng,
Trên điều được tuyên bố,
Nếu không có liễu tri,
Điều đáng được tuyên bố,
Họ đi đến ách nạn,
Dưới ách của thân chết.*

*Nếu đã liễu tri được,
Điều đáng được tuyên bố,
Vị ấy không nghĩ đến,
Điều đã được nói lên,*

*Chính nhờ có tâm ý,
Giải thoát được cảm giác,
Về con đường an tịnh,
Vô thượng không gì hơn.*

*Ai thật được đầy đủ,
Về điều đáng tuyên bố,
Tự mình được an tịnh,
Ưa thích đường an tịnh,
Sống bình tĩnh tinh tấn.
An trú trên chánh pháp,
Vị ấy vượt tên gọi,
Thành đạt được trí tuệ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

407 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 370

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 370 (Tik. II, 5) (It. 54)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba ác hành** này. Thế nào là ba? **Thân** ác hành, **ngữ** ác hành, **ý** ác hành. Này các Tỷ-kheo, có ba ác hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Làm ác hạnh về thân,
Làm ác hạnh về lời,
Làm ác hạnh về ý,
Và bất cứ hạnh gì,
Đều được gọi hạnh ác,
Không làm nghiệp lành nào,
Làm nhiều nghiệp không thiện,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ hạ liệt,
Vị ấy phải sanh vào,
Trong cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

408 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 371 (Tik. II, 6) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thiện hành** này. Thế nào là ba? **Thân** thiện hành, **ngữ** thiện hành, **ý** thiện hành. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và bất cứ hạnh gì,
Được gọi là hạnh ác,
Không làm các điều ác,
Làm nhiều những hạnh lành,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ thù thắng,
Vị ấy được sanh lên,
Trong cảnh giới chư Thiên.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

409 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372 (Tik. II, 7) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thanh tịnh** này. Thế nào là ba? **Thân** thanh tịnh, **lời** thanh tịnh, **ý** thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Thân và lời thanh tịnh,
Và ý cũng thanh tịnh,
Không có các lậu hoặc,
Đây đủ sự thanh tịnh,
Vị như vậy được gọi,
Đã từ bỏ tất cả.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

410 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372b (Tik. II, 8) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba trầm lặng** này. Thế nào là ba? **Thân** trầm lặng, **lời** trầm lặng, **ý** trầm lặng. Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thân và lời trầm lặng,
Và ý cũng trầm lặng,
Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ với trầm lặng
Của các **bậc chân ẩn sĩ**,
Được tên gọi là vị,
Đã tắm sạch điều ác.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

411 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 373

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 373 (Tik. II, 9) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, với ai **tham** chưa đoạn tận, **sân** chưa đoạn tận, **si** chưa đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người bị trói buộc với Ác ma, bị bẫy lưới của Ác ma bao trùm, bị làm theo ý Ác ma muốn.*

*Này các Tỷ-kheo, với ai **tham** đã đoạn tận, **sân** đã đoạn tận, **si** đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người không trói buộc với Ác ma, được thoát khỏi bẫy lưới của Ác ma, không bị làm theo Ác ma muốn.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến

Với ai đã từ bỏ

Tham, sân và vô minh,

Vị ấy được gọi là

Đã tu tập tự ngã,

Đã trở thành Phạm Thiên

*Bạc Như Lai, Phật-đà,
Bạc đã vượt qua được,
Hận thù và sợ hãi,
Bạc đoạn tận tất cả,
Được gọi danh như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

412 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 374

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 374 (Tik. II, 10) (It. 57)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, **tham** chưa đoạn tận, **sân** chưa đoạn tận, **si** chưa đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị chưa vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài La-sát.*

*Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào, **tham** đã đoạn tận, **sân** đã đoạn tận, **si** đã đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là: Đã vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài la-sát, đã vượt qua bờ kia, là vị Bà-la-môn đã đứng trên đất liền.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với ai đã từ bỏ,
Tham, sân và vô minh,
Vị ấy được gọi là,
Đã vượt qua biển này,*

Với cá mập, Dạ-xoa,
Với sóng biển hãi hùng,
Rất khó được vượt qua,
Là vị vượt ác triền,
Đã từ bỏ **thân chết**,
Không còn có sanh y,
Đã từ bỏ đau khổ,
Không còn có tái sanh,
Đã đi đến mục đích,
Không thể ước lượng được,
Ta nói rằng vị ấy,
Làm ma vương si ám.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

413 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 377

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 377 (Tik. III, 1) (It. 58)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu **thân** làm **ác**, thành tựu **lời** nói ác, thành tựu **ý** nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối. Sau khi thân hoại mạng chung, họ bị sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục.*

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói nên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, chúng phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành

tự thân làm ác, thành tự lời nói ác, thành tự ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Dẫn ý vào đường tà,
Nói những lời tà ngữ,
Với thân làm nghiệp tà,
Người ở đời làm vậy.
Ít nghe, ít học hỏi,
Không làm các công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với liệt tuệ,
Bị sanh vào địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

414 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 379 (Tik, III, 2) (It. 59)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu **thân** làm **thiện**, thành tựu nói **lời** thiện, thành tựu **ý** nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.*

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩa thiện không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành

tự thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Dẫn **ý** vào đường chánh,
Nói những **lời** chánh ngữ,
Với **thân** làm nghiệp chánh,
Người ở đời làm vậy.
Nghe nhiều học hỏi nhiều
Làm các việc công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với trí tuệ.
Người ấy làm như vậy,
Được sanh lên cõi Trời.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

415 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 380

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 380 (Tik, III, 3) (It. 60)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba xuất ly giới** này. Thế nào là ba?

- Sự xuất ly này khỏi các **dục**, tức là **viễn ly**.
- Sự xuất ly này khỏi các **sắc**, tức là **vô sắc**.
- **Sự đoạn diệt cái gì được hiện hữu**, được làm ra, được duyên khởi, là **sự xuất ly cái ấy**.

Này các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

**Biết được xuất ly dục,
Vượt qua được các sắc,
Tịnh chỉ tất cả hành,**

Luôn luôn cảm nhiệt tình,
Tỷ-kheo ấy thấy chánh,
Từ đây, chính ở đây,
Vị ấy được giải thoát,

*Thăng trí được viên thành,
Sống nếp sống an tịnh.
Vị ấy sống như vậy,
Thật sự là ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi các ách.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

416 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 381

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 381 (Tik. III, 4) (It. 61)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các **pháp vô sắc an tịnh** tốt hơn các **sắc pháp**, **đoạn diệt an tịnh** tốt hơn các **pháp vô sắc**.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Chúng sanh đi đến sắc,
Có chúng trú vô sắc,
Không quán tri đoạn diệt,
Họ đi đến tái sanh.*

*Những ai liễu tri sắc,
Không an trú vô sắc,
Chính trong sự đoạn diệt,
Họ đạt được giải thoát,
Các hạng người như vậy,
Họ bỏ rơi thân chết.
Với thân cảm xúc được,
Bất tử không sanh y,*

*Sanh y được xả ly,
Chứng được, không lậu hoặc,
Vị Chánh đẳng Chánh giác,
Thuyết giảng về con đường,
Con đường không sâu muộn,
Con đường không cầu uế.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

417 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 383

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 383 (Tik. III, 5) (It. 62)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các **ba hạng con trai** này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? **Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh.**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai **ưu sanh**?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới theo ác pháp.
- Còn người con của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người con ấy được ưu sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào người con trai **tùy sanh**?

- Ở đây này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành.
- Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người con tùy sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai **liệt sanh**?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con trai này quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành.
- Và người con của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, ác giới, theo ác

pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người con liệt sanh. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này có mặt, xuất hiện ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bậc Hiền trí ước muốn,
Con trai ưu, tùy sanh,
Không ước muốn liệt sanh,
Một gánh nặng gia đình,
Đời có những con này,
Trở thành nam cư sĩ,
Sống đầy đủ **tín, giới,**
Biết nghe lời người khác,
Xa lìa sự xan tham,
Những người con như vậy,
Như trăng thoát đám mây,
Chói sáng giữa hội chúng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

418 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 385

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 385 (Tik. III, 6) (It. 64)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba hạng người** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là ba?

- Hạng người như **hạn hán**,
- Hạng người như chỉ **mưa trong địa phương**
- Hạng người như **mưa đổ xuống khắp tất cả**.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như hạn hán?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **không** bố thí cho **ai cả**, không cho đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc cho Sa-môn, Bà-la-môn, **không** cho các người ăn xin nghèo khổ khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy như hạn hán không mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chỉ mưa trong địa phương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có bố thí cho một số người, nhưng không bố thí cho một số người. Dầu số người đó là Sa-môn, Bà-la-môn hay các người ăn xin nghèo khổ, khốn cùng, họ không bố thí đồ ăn đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như mưa chỉ trong địa phương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cho tất cả mọi người, cho đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc, cho các người Sa-môn, Bà-la-môn cho các người ăn xin nghèo đói khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, hiện hữu ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Không cho hạng Sa-môn,
Không cho Bà-la-môn,
Không cho kẻ khốn cùng,
Không cho người ăn xin
Không san sẻ cho người,
Những đồ thân hoạch được,
Như đồ ăn, đồ uống,
Cùng các vật thực khác,
Hạng ấy thật giống như,*

Hạng hán không mưa móc,

Hạng người ấy được gọi

Là hạng người hạ liệt.

Không cho một hạng người,

Chỉ lựa cho một số,

Hạng ấy được Hiền trí,

Gọi là những hạng người

Chỉ mưa tại địa phương,

Không mưa tại chỗ khác.

Hạng người **mưa bố thí,**

Cùng khắp tất cả chỗ,

Có lòng thương từ mẫn,

Đối với mọi loại hữu tình,

Với tâm thật hoan hỷ,

Tung vải cho cùng khắp.

Hãy cho! Hãy cho nữa,

Vị ấy luôn nói vậy.

Như mây giông gầm thét

Chớp sáng mưa đổ xuống,

Tràn ngập chỗ đất cao,

Tràn đầy chỗ đất trũng,

Chảy tràn với nước ngập.

Cũng vậy ở đời này,

Có một số hạng người,

Hạng người giống như vậy.

Thâu hoạch được đúng pháp,

*Tài sản do nỗ lực.
Với đồ ăn đồ uống,
Vị ấy chon chánh đãi,
Những chúng sanh khốn cùng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

419 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 388

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 388 (Tik, III, 7) (It. 67)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới.

Thế nào là ba?

- "Mong rằng **lời tán thán** sẽ đến với ta", bậc Hiền trí hộ trì giới.
- "Mong rằng **tài sản** sẽ khởi lên cho ta", bậc Hiền trí hộ trì giới.
- "Mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta sẽ **sanh lên thiện thú**, thiên giới, cõi đời này" bậc Hiền trí hộ trì giới.

Này các Tỷ-kheo, do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

*Bậc trí hộ trì giới,
Hy vọng được ba lạc,*

*Được khen, được tài sản,
Đời sau sống hoan hỷ,
Trong cảnh giới chư Thiên.*

*Nếu không làm điều ác,
Nhưng theo kẻ làm ác,
Thì bị nghi làm ác,
Và bị tăng tiếng xấu.*

*Giống như người làm bạn,
Giống như người làm theo,
Người này giống người ấy,
Giống như người cộng trú.
Người theo, người được theo,
Xúc chạm, được xúc chạm,
Như cây tên nhiễm độc,
Nhiễm bó tên chưa nhiễm,
Bậc Trí vì sợ nhiễm,
Nên không bạn kẻ ác.*

*Với ngọn cỏ kusa,
Dùng gói đồ cá thúì,
Kusa hay mùi thúì,
Cũng vậy, gần kẻ ngu.*

*Còn người dùng ngọn lá,
Gói hương Ta-ga-ra,
Ngọn lá bay mùi thơm,
Cũng vậy, gần bậc Trí.*

Do vậy, nhờ nghề đến,
Cái giỏ bằng lá ấy,
Biết được những cái gì,
Sẽ rơi vào tự mình,
Bậc Hiền trí không theo,
Những hạng người bất thiện,
Chỉ biết làm bạn thân,
Những người lành hiền thiện.
Những kẻ ác, bất thiện,
Dắt dẫn đến địa ngục,
Còn những kẻ tốt lành,
Đạt đến cảnh thiện thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

420 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 390 (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **thân này bị huỷ hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết **thân** bị huỷ hoại,
Còn **thức** bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

421 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 391

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 391 (Tik. III, 9) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các chúng sanh **tùy theo giới, giao thân chung dòng** với các chúng sanh. Hạng chúng sanh **hướng hạ** giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh **hướng thượng** giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời gian **quá khứ**, các chúng sanh tùy theo giới đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời **tương lai**, các chúng sanh tùy theo giới, sẽ giao thân, sẽ chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, **hiện nay** cũng vậy, trong thời hiện tại, các chúng sanh tùy theo giới, giao thân chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Rừng đục được sanh lên,
Chính do sự cộng trú,
Rừng đục được chặt đứt,
Chính nhờ không cộng trú.*

*Như leo tám gỗ nhỏ,
Bị chìm dưới sông lớn,
Cũng vậy, nếu đi đến
Với kẻ lười, biếng nhác,
Bạc sống đời tốt lành,
Rồi **cũng bị chìm luôn.***

*Do vậy hãy tránh xa,
Kẻ lười không tinh tấn,
Hãy chung sống cộng trú,
Với bậc Thánh viễn ly,
Với những bậc tinh cần,
Sống trong cảnh thiền định,
Với những vị thường xuyên,
Siêng năng và cần mẫn.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

422 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 393 (Tik. III, 10) (It. 71)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này đưa đến tổn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- Ưa thích **công việc**, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc;
- Ưa thích **nói chuyện**, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện;
- Ưa thích **nằm ngủ**, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến sự tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này không đưa đến tổn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- *Không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc;*
- *Không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích nói chuyện;*
- *Không ưa thích nằm ngủ, không thích thú nằm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ.*

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tôn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tỷ-kheo thích công việc,
Thích thú trong nói chuyện,
Và ưa thích nằm ngủ,
Sống dao động trạo cử,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không thể nào chứng ngộ,
Chứng Bồ-đề tối thượng.*

*Do vậy, đổi vị ấy,
Cần phải ít công việc,
Phải ít sự nằm ngủ,
Không được có tháo động,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Mới có thể chứng được,
Chứng tối thượng Bồ-đề.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

423 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 396 (Tik. IV, 1) (It. 72)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm tư bất thiện** này. Thế nào là ba?

- Tầm tư liên hệ đến **tự đề cao mình**.
- Tầm tư liên hệ đến **lợi dưỡng**, cung kính, danh vọng.
- Tầm tư liên hệ đến **lo lắng cho người khác**.

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai có sự liên hệ,
Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng,
Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,
Làm thân, làm bạn hữu,
Những vị ấy đứng xa,
Diệt tận các kiết sử.
Ai từ bỏ con cái,*

*Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới,
Bỏ cất chứa tài sản,
Ty-kheo ấy có thể,
Chứng Bồ-đề vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

424 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 397

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 397 (Tik. IV, 2) (It. 73)

Này các Tỷ-kheo, **Ta đã thấy** các chúng sanh **bị cung kính chinh phục**, bị tâm cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh **bị không cung kính chinh phục**, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi **tâm bị chinh phục, bị xâm chiếm bởi cả hai** cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, **sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này:**

- "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Và nay các Tỷ-kheo, **vì rằng Ta tự mình biết**, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên Ta tuyên bố rằng:

- "Nay các Tỷ-kheo, ta đã thấy các chúng sanh, khi bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

*Ai khi được cung kính,
Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,
Tâm định không lay chuyển.
Sống hạnh không phóng dật,
Tâm thường nhập thiền tư,
Với tâm tưởng tế nhị,
Chánh quán các sở kiến,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Được gọi **bậc chân nhân.***

425 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 399

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 399 (Tik. IV, 3) (It. 75)

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên, có ba tiếng chư Thiên này thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vì Thánh đệ tử này nghĩ đến chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ nhất, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử sống chuyên tâm tu tập về **Bảy Bồ-đề phần**; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vì Thánh đệ tử này chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ hai, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử, với sự diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên vang lên: "*Vì Thánh đệ tử này đã chiến thắng trong chiến trận. Đứng đầu trong chiến trận, sau khi chiến thắng, vì ấy an trú*". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ ba, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên có ba tiếng chư Thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên.

*Thấy đệ tử chánh giác,
Chiến thắng trong chiến trận,
Chư Thiên cũng đánh lễ,
Bậc vĩ đại như vậy,
Bậc trí tuệ chín muồi.
Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Người được luyện thuần thực,
**Vì Ngài đã chiến thắng,
Trận đánh rất khó thắng.
Ngài đã chiến thắng được,
Quân đội của thần chết,**
Không còn trở ngại gì,
Nhờ giải thoát của Ngài.*

*Như vậy các Thiên nhân,
Đánh lễ vị như vậy,
Vị đạt được mục đích,
Chắc chắn các Thiên nhân,
Đánh lễ trong vị ấy,
Pháp gì giúp thoát được,
Khỏi thân chết chi phối.*

426 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 401

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 401 (Tik. IV, 4) (It. 76)

Này các Tỷ-kheo, khi nào một Thiên nhân mệnh chung từ bỏ thân chư Thiên, có năm tướng xuất hiện ra trước: "Các vòng hoa héo úa, áo quần bị uế nhiễm, mồ hôi chảy ra từ nách, thân sắc trở thành xấu xí, Thiên nhân không hoan hỷ tại chỗ ngồi chư Thiên".

Này các Tỷ-kheo, chư Thiên sau khi biết Thiên tử này mệnh chung, nói ba lời để cổ vũ: "Từ đây, Hiền giả hãy đi đến cõi lành! Sau khi đi đến cõi lành, hãy nhận được những gì khéo nhận được! Sau khi nhận được những gì khéo nhận, hãy khéo an trú".

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là đi đến cõi lành của chư Thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư Thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là khéo an trú của chư Thiên?

- Này các Tỷ-kheo, được địa vị làm người được gọi là đi đến cõi lành của chư Thiên. Khi được địa vị làm

người, được lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư Thiên. Khi lòng tin được nhập vào, được an trú thành gốc rễ, kiên trì, không bị làm tan nát bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ác ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời thì được gọi là khéo an trú của chư Thiên.

*Khi nào vị Thiên nhân,
Từ bỏ thân chư Thiên,
Vì thọ mạng đã hết,
Ba tiếng được thốt lên,
Do chư Thiên an ủi,
Cổ vũ khiến hoan hỷ.
Từ đây, này Hiền giả,
Hãy đi đến cõi lành,
Cộng trú với loài Người.
Khi đã được làm người,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Hãy lấy được lòng tin,
Lòng tin ấy vô thượng.
Hiền giả hãy thâm nhập,
Vào trong lòng tin ấy,
An trú thành gốc rễ,
Cho đến trọn sanh mạng,
Không bị làm tan nát,
Trong diệu pháp khéo giảng.
Từ bỏ **thân** làm ác,*

*Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và mọi hành động khác,
Được xem là thuộc ác.
Thân làm các hạnh lành,
Làm nhiều lời nói lành,
Sau khi ý nghĩ lành,
Vô lượng, không sanh y.
Rồi làm các công đức,
Cho sanh y đời sau,
Làm xong nhiều công đức,
Với bố thí rộng rãi,
Rồi an trú người khác,
Bị tử vong chi phối,
Trong đời sống Phạm hạnh,
Trong Chánh pháp vi diệu.
Với lòng từ mẫn này,
Chư Thiên khi biết được.
Một Thiên nhân mệnh chung,
Liền nói lời cổ vũ.
Thiên nhân hãy đến đây,
Hãy đến lại nhiều lần.*

427 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 404

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 404 (Tik. IV, 5) (It. 78)

Có **ba hạng người** này xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai** xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, **đệ tử của bậc Đạo Sư ấy là bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt

xuống, mục đích của mình đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, đã giải thoát nhờ chánh trí. Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, **đệ tử bậc Đạo Sư ấy là bậc hữu học**, đang đi trên con đường, vị nghe nhiều, giới cấm được gìn giữ. Vị ấy cũng thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ ba xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Nay các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*Bậc Đạo Sư ở đời,
Đại ân sĩ thứ nhất,
Tiếp nối theo vị ấy,*

Là đệ tử Đạo Sư,
Đã tu tập tự ngã,
Tiếp đến bậc hữu học,
Đang đi trên con đường,
Bậc nghe nhiều học nhiều,
Bậc giới cấm đầy đủ.

Ba vị tối thượng này,
Giữa chư Thiên, loài Ngươi,
Bậc tác thành hào quang,
Bậc tuyên bố Chánh pháp,
Mở toang **cửa bát tử**,
Đã giúp đỡ nhiều người.
Thoát ly khỏi ách nạn.

Những ai tùy bước theo,
Con đường khéo thuyết giảng,
Bởi bậc Vô Thượng Sĩ,
Bậc cầm đầu lẽ hành,
Vị ấy tại đời này,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Những vị không phóng dật,
Trong giáo lý Thiện Thệ.

428 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 407 (Tik. IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo,

- Hãy sống tùy **quán bất tịnh** trên thân,
- Hãy khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm.
- Hãy sống tùy **quán vô thường** trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo,

- Khi sống tùy **quán bất tịnh** trên thân, thời tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ;
- Khi khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có.
- Khi sống tùy **quán vô thường** trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

**Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,**

Thường nhiệt tâm, chánh kiến,

Vị Tỷ-kheo như vậy,

Đã thấy rất chon chánh,

Từ đây ở nơi đây,

Vị ấy được giải thoát,

Thắng trí được thành tựu,

Lắng dịu thật an tịnh,

Vị ân sĩ như vậy,

Chắc vượt khỏi ách nạn.

429 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 408 (Tik. IV, 7) (It, 81)

Với vị Tỷ-kheo hành trì tùy pháp đúng pháp, đây là cách thức đúng đắn để giải thoát những chũr: "*Thực hành tùy pháp đúng pháp*". Khi vị ấy **nói** vị ấy nói đúng pháp không phải phi pháp; khi vị ấy **suy tư**, vị ấy suy tư với suy tư đúng pháp, không phải suy tư phi pháp. Do từ bỏ hai điều ấy, vị ấy trú **xả**, chánh niệm tỉnh giác.

*Thích pháp, hân hoan pháp,
Suy tư trên Chánh pháp,
Tỷ-kheo tùy niệm pháp,
Chánh pháp không tổn giảm,
Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hoặc khi nằm,
Nội tâm được chế ngự,
Vị ấy đạt an tịnh.*

430 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 408b (Tik. IV, 8) (It. 82)

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm bất thiện** này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, **dục tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.
- Này các Tỷ-kheo, **sân tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.
- Này các Tỷ-kheo, **hại tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba tâm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa

đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có **ba thiện tâm** này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự vào phần tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

- **An ổn tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần làm tổn hại, đưa đến Niết-bàn.
- **Vô sân tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.
- **Vô hại tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tâm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

*Hãy suy tư, suy tâm,
Ba tâm thuộc chánh thiện,
Đối ba tư duy ác,
Hãy từ bỏ, lánh xa.*

*Vị ấy chắc chế ngự,
Hành tướng các tư duy,
Như cơn mưa đẹp sạch,
Các bụi bặm chất chứa.
Vị ấy thật chắc chắn
An tịnh tâm với tâm.
Ở đây vị ấy đạt,
Con đường **an tịnh đạo**.*

431 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 410 (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

*Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sinh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ
Đâu chính là lợi ích,*

Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.
Ai đoạn trừ được sân,
Không sân việc đáng sân,

Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

432 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 413

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 413 (Tik. IV, 10) (It. 85)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi **ba phi điều pháp**, với tâm bị chúng xâm chiếm, **Devadatta** bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Thế nào là ba?

- Bị chinh phục bởi **ác dục**, tâm bị ác dục xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa.
- Bị chinh phục bởi **ác bằng hữu**, với tâm bị ác bằng hữu xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa.
- Dầu cho còn có những thượng pháp cần phải làm, do đạt được những chứng đắc đặc biệt, nhưng chỉ có giá trị tầm thường, *Devadatta đã **dừng lại giữa đường***.

Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba phi điều pháp này, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thể cứu chữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người khởi lên ác dục,
Không được sanh đời này,
Hãy biết nhờ điểm này,
Sanh thú người ác dục.
Ta được nghe như sau,
Về Đề-va-đất-ta:
Được biết là Hiền trí,
Được nhận có tự ngã,
Đã đứng, được chói sáng,
Chói sáng với danh vọng.
Tự xem mình bằng Ngài,
Đã chống lại Như Lai,
Do vậy, bị rơi vào,
Cõi địa ngục A-tỳ,
Với bốn cửa đóng chặt,
Đầy đủ những sợ hãi.
Chắc chắn ai xâm phạm,
Vị không có ác tâm,
Vị không làm điều ác,
Phải cảm xúc ác ấy,*

Vì tâm bị uế nhiễm,
Không có biết tôn trọng.

Ai nghĩ làm ô nhiễm,
Toàn cả bể đại dương,
Với các ghè đựng đầy,
Đầy cả với thuốc độc.
Không thể ô nhiễm được,
Vì đại dương quá lớn.

Cũng vậy đối với Như Lai,
Ai lấy lời làm hại,
Vị đường đi chơn chánh,
Vị có tâm an tịnh,
Lời nói không dùng tới,
Bậc chứng ngộ như vậy.
Bậc trí cần làm bạn,
Với một người như vậy,
Cần phải gần thân cận,
Với người được như vậy,
Tỷ-kheo cùng đi theo,
Một tuyến đường người ấy,
Vị ấy sẽ đạt đến,
Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

433 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 416 (Tik. V, 1) (It. 87)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tín thành tối thượng** này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không có sắc, có tướng, không có tướng, hay không có tướng không không có tướng. **Như Lai** được xem là **tối thượng** đối với chúng, tức là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.**

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, **ly tham** được xem là **tối thượng** đối với họ, tức là kiêu mạn bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp nhận được nhỏ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng

tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tin nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, **Tăng chúng đệ tử của Như Lai** được xem là **tối thượng**, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo có ba quả dị thực là quả tối thượng.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Những ai có lòng tin,
Lòng tin nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,
Biết Chánh pháp tối thượng.
Những ai có lòng tin,
Nơi **đức Phật** tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,
Xứng đáng được cúng dường.
Những ai có lòng tin,
Nơi **Chánh pháp** tối thượng,
Những **pháp rời bỏ tham**,
An tịnh, thật tịnh lạc.*

Những ai có lòng tin,
Nơi **Tăng chúng tối thượng**.
Những ruộng phước công đức,
Vô thượng không gì hơn.

Những ai đã bố thí,
Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,
Tăng trưởng đến tối thượng.
Tho mạng được tối thượng,
Dung sắc cũng tối thượng,
Danh vọng, tiếng đồn tốt,
An lạc và sức mạnh.

Bậc trí có bố thí,
Bố thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh, thiên định,
Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư Thiên hay loài Ngươi,
Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

434 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 419 (Tik. V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là **nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực**. Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; **nhưng vì nghĩ rằng**: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, **tham** ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại.

Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lăm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, **Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.**

Tài sản ở gia đình,
Được đoạn tận từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,
Mục đích Sa-môn hạnh,
Tự đưa đến tổn hại,
Và đưa đến tán loạn,
Giống que lửa thiêu xác,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Chảy đỏ, một cục lửa,
Nếu kẻ hành ác giới,
Ăn đồ ăn quốc độ,
Không biết có chế ngự.

435 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 420 (Tik. V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viên áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có **tham** ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, **thất niệm**, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

*Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều **dục** bức phiền.
Hãy xem người như vậy,*

*Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lẳng điệu
Và người không lẳng điệu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái.*

*Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
**Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.***

*Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lẳng điệu,
Và người được lẳng điệu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.*

436 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 422 (Tik. V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba?
Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này.

*Lửa **tham** đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa **sân** đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa **si** đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh.*

*Do **không** được biết rõ,
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có **thân**.
Họ làm cảnh địa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,*

*Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.*

*Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu,
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.*

*Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.*

*Còn **ngọn lửa si mê,**
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,
Thể nhập vào chân lý.*

*Bậc thân trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,*

Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

437 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 424 (Tik. V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, **thức** của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

*Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả **bã** loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.*

438 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 425

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 425 (Tik. V, 6) (It. 94)

Này các Tỷ-kheo, có **ba sanh khởi của dục**. Thế nào là ba?

- *Dục đối với sự vật hiện tại,*
- *Sự thích thú đối với sự vật mình tạo ra,*
- *Sự chấp nhận sự vật do người khác tạo ra.*

Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi này của dục.

*Những ai có lòng dục,
Đối sự vật hiện tại,
Và các loại chư Thiên,
Chỉ phối các sự vật,
Do người khác tạo ra,
Chư thiên ưa thích thú,
Đối sự vật mình tạo,
Cùng các chúng sanh khác,
Thọ dụng các loại dục.*

*Thái độ người Hiền trí,
Đối thọ dụng các dục,
Trong đời này đời khác,*

*Từ bỏ tất cả dục,
Dầu thuộc về chư Thiên,
Và dục thuộc loài Người.*

*Những ai được chặt đứt,
Dòng nước khó vượt qua,
Sự say đắm sự vật,
Thân ái và tốt đẹp,
Họ làm cho lắng dịu,
Không có vật dư thừa,
Họ vượt qua đau khổ,
Không còn chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy.*

*Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí.
Do họ thắng tri được
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.*

439 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 426 (Tik. V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo,

- Những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **dục**, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu** là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu**, những vị ấy là hạng **Bất lai**, không trở lui lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, chế ngự được sự trói buộc của **hữu**, những vị ấy là bậc **A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,
Họ đi đến sanh tử.

*Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.*

*Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.*

440 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 428 (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có **giới** tốt lành, có **pháp** tốt lành, có **tuệ** tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là **vị toàn hảo**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Giới** tốt lành?

Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có **Pháp** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập **Bảy pháp giác chi**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là **Tuệ** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do **diệt trừ các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí

chúng ngộ chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

*Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy **giới** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Có được lòng xấu hổ.*

*Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy **pháp** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có dục trào ra.*

*Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy **tuệ** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo.
Không có các lậu hoặc.*

*Đầy đủ những pháp ấy,
Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,*

*Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.*

441 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 430

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 430 (Tik. V, 9) (It. 98)

Này các Tỷ-kheo, có *hai loại bố thí*: **Bố thí tài vật và bố thí Pháp**. Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là ***bố thí Pháp***.

Này các Tỷ-kheo, có *hai sự phân phát* này: Phân phát tài vật và phân phát Pháp. Đây là phân phát tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là ***phân phát Pháp***.

Này các Tỷ-kheo, có *hai loại nhiều ích* này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nhiều ích tối thượng trong hai loại nhiều ích này, tức là ***nhiều ích Pháp***.

*Điều được gọi bố thí,
Thù thắng và vô thượng,
Và sự phân phát nào,
Được Thế Tôn tán thán,
Với tâm tư tín thành,
Trong ruộng phước tối thượng,
Bậc trí rõ biết vậy,
Ai lại không cúng dường,*

*Ai làm được cả hai,
Nói lên và lắng nghe,
Với tâm tư tịnh tín,
Trong lời dạy Thiện Thệ,
Lợi ích ấy của họ,
Là tối thắng thanh tịnh,
Nhưng ai không phóng dật,
Trong lời dạy Thiện Thệ.*

442 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 431 (Tik. V,10) (It. 98)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: *"Một Bà-la-môn có được **ba minh**, một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên"*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **nhớ đến người đời quá khứ**, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết

tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là minh thứ nhất, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **Thiên nhãn** thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Các vị chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều

do hạnh nghiệp của chúng. Đây là minh thứ hai vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **diệt tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là minh thứ ba, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Người ấy, Ta tuyên bố,
Là vị Bà-la-môn,
Chớ không phải ai khác,
Chỉ mở miệng bập bẹ.*

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh (đã) diệt,
Thật là bậc ân sĩ,*

*Đã thành tựu thắng trí.
Ba minh này thành tựu,
Là Phạm chí ba minh,
Ta gọi vị như vậy,
Chính là **bậc Ba minh**,
Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

443 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 435 (Cat. I)
(It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, **vô thượng y sĩ** chữa trị, **y sĩ giải phẫu**. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bồ thí: Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai bồ thí này, tức là bồ thí Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai nhiều ích này, tức là nhiều ích Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai tế tự Chánh pháp,
Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,
Đối tất cả sinh vật,
Bạc tối thắng như vậy,
Giữa chư Thiên loài Người,
Chúng sanh kính đánh lễ,
Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,
Đến được bờ bên kia.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

444 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 436

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 436 (Cat. 2)
(It. 102)

Này các Tỷ-kheo, có **bốn pháp này ít oi**, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn?

- Trong các loại **y**, này các Tỷ-kheo, y phần tảo lược từ đồng rác là ít oi, dễ được và không phạm lỗi.
- Trong các loại **đồ ăn**, này các Tỷ-kheo, đi khát thực từng miếng là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi.
- Trong các **sàng tọa**, này các Tỷ-kheo, gốc cây là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi.
- Trong các loại **được phẩm**, này các Tỷ-kheo, nước tiểu hôi là ít oi, dễ được, không có phạm lỗi.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ít oi, dễ được, không có phạm lỗi nào.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết đủ, với các loại ít oi, dễ được này, Ta tuyên bố rằng đây là một chi phần Sa-môn hạnh của vị ấy.

*Biết đủ với sự vật,
Ít oi, dễ tìm được,
Lại không có phạm tội,
Tâm không bị phiền nhiễu,
Về vấn đề sàng tọa,
Y áo và ăn uống,
Tâm không bị lo lắng,
Về phương hướng phải đi,
Các pháp được tuyên bố,
Thuận lợi Sa-môn hạnh,
Họ được có đầy đủ,
Với Tỷ-kheo biết đủ,
Với vị không phóng dật.*

445 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 438 (Cat. 3)
(It. 103)

Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ tập**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.

Như vậy này các Tỷ Kheo cho người biết cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Vị hữu học học tập,
Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,
Là trí bậc thứ nhất,
Tiếp đến là chánh trí,
Chánh trí này vô thượng,
Tiếp theo chánh trí ấy,
Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,
Trong diệt tận, trí khôn,
Với các loại, kiết sử,
Được đoạn tận ở đây.

Không phải kẻ biếng nhác,
Kẻ ngu, không biết gì,
Có thể chứng ngộ được
Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,
Tất cả mọi trói buộc.

446 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 439 (Cat. 4)
(It. 104)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "Đây là **Khổ**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ tập**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ diệt**", không như thật quán tri: "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**". Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, **không được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại **cũng không tự mình** với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật quán tri: "Đây là Khổ", như thật quán tri: "Đây là Khổ tập", như thật quán tri: "Đây là Khổ diệt", như thật quán tri: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, **tự mình với thắng trí chứng ngộ**, chứng đạt và an trú

mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những ai không quán tri,
Khổ và khổ hiện hữu,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Và không biết đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Những vị ấy không có,
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào quán tri,
Khổ và khổ tập khởi,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Rõ biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Tâm giải thoát thành tựu,
Và cả **tuệ giải thoát**,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

447 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 441

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 441 (Cat. 5)
(It. 106)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ **giới**, đầy đủ **định**, đầy đủ **tuệ**, đầy đủ **giải thoát**, đầy đủ **giải thoát tri kiến**, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh diệu pháp.

- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thấy** các vị như vậy là **lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy**.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nghe** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ đi đến **yết kiến** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thân cận** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nhớ** nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ tùy theo các vị như vậy **xuất gia** là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

Vì có sao?

Nay các Tỷ-kheo, khi phục vụ, chia sẻ, thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời **giới uẩn** chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, **định** uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, **tuệ** uẩn chưa được đầy đủ đi đến tu tập đầy đủ, **giải thoát uẩn** chưa được đầy đủ, đi đến được tu tập đầy đủ, **giải thoát tri kiến uẩn** chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ.

Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo như vậy:

- được gọi là những **bậc Đạo sư**,
- được gọi là những **người cầm đầu đoàn lữ hành**,
- được gọi là những **vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại**,
- được gọi là những **vị quét sạch tối tăm**,
- được gọi là những **vị tác thành minh**,
- được gọi là những **vị tác thành quang**,

- được gọi là những **vị tác thành ánh sáng**,
- được gọi là những **vị cầm bó đuốc**,
- được gọi là những **vị phóng quang**,
- được gọi là những **bậc Thánh**,
- được gọi là những **người có mắt**.

Đây là căn cứ địa,
 Những vị phóng hào quang,
 Chính nhờ hiểu biết vậy,
 Tức là, đối tự ngã,
 Những vị có tu tập,
 Là những **bậc Hiền Thánh**,
 Sống đúng theo Chánh pháp,
 Họ chói sáng diệu pháp,
 Họ nói lên diệu pháp,
 Họ phóng được hào quang,
 Là những **bậc có trí**,
 Tác thành ra ánh sáng,
 Họ là người có mắt,
 Họ từ bỏ nguyên nhân,
 Tạo ra điều tác hại,
 Bậc trí với chánh trí,
 Nghe lời dạy vị ấy,
 Do thắng tri sanh diệt,
 Không đi đến tái sanh.

448 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 443 (Cat. 6)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo, có **bốn sự sanh khởi này của ái**, ở đây ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo,

- Do nhân **y áo**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **đồ ăn** khát thực, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sàng tọa**, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sanh hữu, không sanh hữu**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái. Ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

*Người có ái làm bạn,
Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,
Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,
Ái tác thành ra khổ,*

*Không còn có khát ái,
Không còn có chấp trước,
Vị Ty-kheo chánh niệm,
Du hành khắp đó đây.*

449 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 444

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 444 (Cat. 7)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo,

- **Những gia đình nào, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha** ở trong nhà, những gia đình ấy **được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên.**
- Những gia đình nào, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận **như các đạo sư thời xưa.**
- Những gia đình nào, trong ấy con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là **đáng được cúng dường.**

Này các Tỷ-kheo,

- Phạm thiên, là đồng nghĩa với mẹ cha.
- Các đạo sư thời xưa, là đồng nghĩa với mẹ cha.
- Đáng được cúng dường, là đồng nghĩa với mẹ cha.
- Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

*Mẹ cha gọi Phạm thiên,
Bậc Đạo Sư thời trước,
Xứng đáng để con cháu,
Nuôi dưỡng và cúng dường.
Do vậy, bậc hiền triết,
Đánh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp cả thân mình,
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng Thiên lộc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

450 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 445 (Cat. 8)
(It. 111)

Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ rất có lợi ích cho các Thầy, chính họ đã sắp đặt y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh cho các Thầy.

Này các Tỷ-kheo, các Thầy cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các Thầy thuyết pháp cho họ, pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, **Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau.**

*Có nhà và không nhà,
Cả hai nương tựa nhau,
Chứng đạt được diệu pháp,
Ách an ổn, vô thượng,
Từ các vị có nhà,
Vị không nhà nhận được,
Y áo, các vật dụng,*

*Giường nằm và chỗ ngồi,
Nhờ vậy tránh khỏi được,
Các nguy hiểm nhọc nhằn.*

*Các vị trú gia đình,
Uớc mong mền gia đình,
Nương tựa bậc Thiện Thệ,
Lòng tin bậc Ứng Cúng,
Lòng tin Thánh trí tuệ,
Họ tu tập thiền định,
Ở đây, hành trì pháp,
Con đường đến cõi lành,
Hân hoan trong thiên giới,
Họ sống được hoan hỷ,
Như điều họ mong muốn.*

451 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9)
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo, không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,
Không lớn mạnh trong Pháp,**

Được bậc Chánh giác giảng.

Không lừa đảo lắm mồm,

Nghiêm trang và bình tĩnh,

Không ngoan cố, khéo định,

Họ lớn mạnh trong Pháp,

Được bậc Chánh giác giảng.

452 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448 (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp dễ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp dễ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

Cùng với sự đau khổ,
 Hãy từ bỏ các dục,
 Mong cầu trong tương lai,
 An ổn khỏi khó ách,
 Chơn chánh hiểu biết rõ,
 Tâm khéo được giải thoát,
 Tại đây, ở tại đây,
 Cảm xúc được giải thoát,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến tận cùng thế giới,
 Đến được bờ bên kia.
 Vị ấy được gọi vậy.

453 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 449 (Cat. 11) (It. 115)

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên *dục* tâm, *sân* tâm hay *hại* tâm, nếu Tỷ-kheo **chấp nhận**, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm. Nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm, nếu Tỷ-kheo **không chấp nhận**, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không

hiện hữu, thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu... thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

*Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tâm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.*

*Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Tập trung được tâm tư,
Ưu thích tâm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Chứng được Vô thượng giác.*

454 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 451

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 451 (Cat. 12) (5 It. 118)

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha, được chế ngự với chế ngự giới bốn Pàtimokkha. Hãy sống đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.**

*Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha, được chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp, **còn có gì cần phải làm thêm nữa?***

*Nếu Tỷ-kheo trong khi **đi**, **tham**, **sân** được từ bỏ, **hôn** **trầm** **thuy** **miên** **được** **từ** **bỏ**, **trạo** **hối** **được** **từ** **bỏ**, **nghi** **được** **đoan** **tân**, **tinh** **cần** **tinh** **tấn**, **không** **có** **thu** **đông**, **niệm** **được** **an** **trú** **không** **có** **thất** **niệm**, **thân** **được** **khinh** **an** **không** **có** **cuồng** **nhiệt**, **tâm** **được** **định** **tĩnh** **nhất** **tâm**.*

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi liên tục thường hằng tinh tấn, siêng năng.

Nếu Tỷ-kheo trong khi *đứng*... nếu Tỷ-kheo trong khi *ngồi*... nếu Tỷ-kheo trong khi *nằm* thức, tham được trừ bỏ, sân được trừ bỏ, hôn trầm thuy miên được trừ bỏ, trạo hối được trừ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi, liên tục thường hằng, tinh tấn, siêng năng.

*Đi, đứng biết tự chế,
Ngồi, nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,
Khi co tay, duỗi tay.*

*Phía trên, ngang, cùng khắp,
Xa cho đến cùng tốt,
Bất cứ sanh thú nào,
Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,
Của tất cả pháp uẩn.*

*Sống như vậy nhiệt tâm,
Tâm chỉ tịnh, đúng pháp,*

Tâm an tịnh, không động,
Thường xuyên chuyên học tập,
Liên tục, thường siêng năng,
Tỷ-kheo được gọi vậy.

455 Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, **do vậy Ngài được gọi là Như Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

456 Kinh Ràhula - Tiểu I, 571

Kinh Ràhula – Tiểu I, 571 (Sn 58)

Thế Tôn:

335. *Thường chung sống người hiền,
Thầy có khinh miệt không?
Người cầm đuốc loài Người,
Được Thầy tôn trọng không?*

Ràhula:

336. *Thường chung sống người hiền,
Con không có khinh miệt.
Người cầm đuốc loài Người,
Thường được con tôn trọng.*

Thế Tôn:

337. *Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Khả ái và đẹp ý,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy trở thành con người,
Làm chấm dứt khổ đau.*

338. Thân cận với **bạn lành**,
Sống trú xứ xa vắng,
Viễn ly không ồn ào,
Hãy tiết độ ăn uống.

339. Y áo, đồ khát thực,
Vật dụng và sàng tọa,
Chớ có tham ái chúng,
Chớ trở lui đời này.

330. Chế ngự trong giới bốn,
Phòng hộ trong năm căn,
Hãy tu tập **niệm thân**,
Sống với nhiều nhàm chán.

341. Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy với tham ái,
Tu tập tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh.

342. Hãy tu tập **vô tướng**,
Bỏ đi, **mạn** tùy miên,
Do nhiếp phục kiêu mạn,
Ngươi sẽ sống an tịnh.

Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả Ràhula với những bài kệ này.

457 Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – Tiểu I, 457

1. Ai nhiếp phục **phần nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,
Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

5. Ai trong các **sanh hữu**,
Không tìm thấy lỗi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,
Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

7. Với ai những **tâm tư**,
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

8. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chương ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

9. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,
Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sáu khổ bực phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

458 Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632

Kinh Sabhiya – *Tiểu I*, 632

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, **du sĩ Sabhiya**, một du sĩ ngoại đạo, **được một Thiên nhân trước kia là bà con huyết thống**, nói lên những câu hỏi sau đây: "*Này Sabhiya, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho Ông, thời Ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy*".

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi học những câu hỏi ấy từ vị Thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư đồ chúng được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kacsapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesa Kambali, Pakudha Kacàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàtaputta, Sabhiya đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy, được du sĩ Sabhiya hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ Sabhiya. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "*Các vị Tôn giả, Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư, đồ chúng được*

biết đến, có danh vọng, có ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn họ vặn hỏi trở lại ta. Vậy ta hãy trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các dục".

Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "Có Sa-môn Gotama này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau: "Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đến tuổi trưởng thành, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc trưởng lão, được nhiều người biết đến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Và họ vặn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn Gotama có thể trả lời những câu hỏi này của ta. Sa-môn Gotama còn trẻ và mới được xuất gia".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau:
"Không nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi, nếu vị Sa-môn còn trẻ, nhưng vị ấy có đại thân lực, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya bộ hành ra đi đến Ràjagaha, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xá Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên du sĩ Sabhiya nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

Sabhiya:

510. Sabhiya nói rằng:
Tôi đến, có nghi ngờ,
Hy vọng có thể hỏi,
Những câu hỏi với Ngài.
Mong Ngài chấm dứt được,
Những câu hỏi cho tôi.
Những câu được tôi hỏi,
Hãy thứ lớp giải đáp.

Thế Tôn:

511. Thế Tôn đáp du sĩ:
Ông từ xa đi đến,

*Hy vọng có thể hỏi,
Những câu hỏi với Ta,
Ta sẽ chấm dứt được,
Những câu hỏi cho Ông,
Những câu được Ông hỏi,
Ta thứ lớp giải đáp.*

*512. Du sĩ Sabhiya,
Hãy hỏi Ta câu hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn,
Ông hỏi câu hỏi nào,
Ta sẽ chấm dứt được,
Câu hỏi ấy cho Ông.*

Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "*Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn Gotama tạo ra cho ta, hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc*". Sabhiya hỏi Thế Tôn câu hỏi:

Sabhiya:

*513. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Tỳ-kheo?*

Nhờ gì, gọi **nhu hòa**?
Thế nào gọi **chế ngự**?
Và phải như thế nào,
Được gọi **bậc Giác ngộ**?

Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

514. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai chính với con đường,
Do tự mình tạo ra,
Đi đến sự tịch mịch,
Vượt qua các nghi hoặc,
Từ bỏ, đoạn tận hẳn,
Cả hữu và phi hữu,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Tái sanh đã đoạn tận,
Vị ấy được xưng danh,
*Gọi là vị **Tỷ-kheo**.*

515. *Vị trú xả, chánh niệm,*
Tại bất cứ chỗ nào,
Vị không làm hại ai,
Cùng khắp cả thế giới,
Vượt bậc lưu, tịnh ý,

*Không có bị dao động,
Vị nào không đột khởi,
Vị ấy gọi **nhu hòa**.*

*516. Vị nào có các căn,
Được huấn luyện tu tập,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị nào thông suốt được,
Đời này và đời sau,
Đúng thời, nghi điều phục,
Vị ấy gọi **chế ngự**.*

*517. Ai phân tích các kiếp,
Toàn diện và hoàn toàn,
Luân chuyển cả hai mặt,
Chết đi và sanh lại,
Bụi bặm được dớt sạch,
Không ứ nhiễm, thanh tịnh,
Đạt được sanh đoạn diệt,
Vị ấy gọi **Phật-đà**.*

Rồi du sĩ Sabhiya, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền hỏi Thế Tôn thêm câu nữa.

Sabhiya:

518. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Bà-la-môn?
Nhờ gì, gọi Sa-môn?
Thế nào là tắm sạch?
Và phải như thế nào?
Được gọi là voi chúa?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

519. Thế Tôn liền đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai loại khỏi ra ngoài,
Tất cả các ác pháp,
Không uế, khéo định tĩnh,
Kiên trì, vững an trú,
Vượt qua được luân hồi,
Hoàn toàn về mọi mặt,
Không y chỉ vị ấy,
Được gọi **Bà-la-môn**.

520. *Được an tịnh, tịch tịnh,*
Đoạn tận cả thiện ác,

*Không cầu uế, rõ biết,
Đời này và đời sau,
Chế ngự và nhiếp phục,
Cả vấn đề sanh tử,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **Sa-môn**.*

*521. Ai gột sạch, tắm sạch,
Tất cả các ác pháp,
Kể cả trong lẫn ngoài,
Khắp tất cả thế giới,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bị thời kiếp chi phối,
Không rơi vào thời kiếp,
Được gọi đã **tắm sạch**.*

*522. Ai không làm điều ác,
Mọi điều ác ở đời,
Tất cả các kiết sử,
Không dính mắc, trói buộc,
Khắp tất cả mọi nơi,
Không dính, không trói buộc,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **voi chúa**.*

Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi thêm câu nữa:

Sabhiya:

523. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Thế nào chư Phật gọi

Vì chiến thắng đất ruộng?

Do gì, gọi là thiện?

Thế nào gọi bậc trí?

Và phải như thế nào

Được gọi là ẩn sĩ?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

524. Thế Tôn bèn đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát nhiếp phục,

Ruộng đất thật toàn diện,

Chư Thiên và loài Người,

Là đất ruộng Phạm thiên,

Giải thoát được trói buộc,

Cội gốc mọi đất ruộng,

Vị đức tánh như vậy,

*Được gọi **thắng đất ruộng**.*

525. *Ai quán sát nhiếp phục,*

Kho tàng thật toàn diện,
Chư Thiên và loài Người,
Là đất ruộng Phạm thiên,
Giải thoát được trói buộc,
Cội gốc mọi kho tàng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị thiện xảo**.

526. Ai quán sát nhiếp phục,
Cả hai tâm và ý,
Cả nội và cả ngoại,
Về trí tuệ thanh tịnh,
Nhiếp phục chế ngự được,
Các pháp đen và trắng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **bậc Hiền trí**.

527. Sau khi đã biết được,
Pháp bất thiện, pháp thiện,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị ấy được cúng dường,
Chư Thiên và loài Người,
Vượt qua lưới trói buộc,
Vị ấy gọi **ẩn sĩ**.

Rồi du sĩ Sabhiya... lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sabhiya:

528. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì

Được gọi **bậc có trí**?

Nhờ gì, gọi **tùy trí**?

Thế nào xưng **tinh tấn**?

Thế nào được danh xưng,

Là vi đã **thuần thực**?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

529. Thế Tôn liền đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát Vệ-đà,

Hoàn toàn và toàn diện,

Được Sa-môn, Phạm chí,

Đạt được rất đầy đủ,

Vị ấy gọi ly tham,

Trong tất cả cảm thọ,

Do vượt qua Vệ-đà,

Được gọi **bậc Vệ-đà**.(???)

530. *Do quán sát, quán triệt,
Các hý luận, danh sắc,
Kể cả nội và ngoại,
Về cội gốc bệnh hoạn,
Vị ấy thoát trói buộc,
Cội gốc các bệnh hoạn,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị rõ biết**.*

531. *Vị ở đời từ bỏ,
Tất cả các pháp ác,
Vội tinh tấn vượt qua,
Mọi khổ đau địa ngục,
Vị ấy có tinh tấn,
Có tinh cần, siêng năng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị có trí**. (???)*

532. *Vội ai các trói buộc,
Bị đứt đứt, huỷ hoại,
Nguồn gốc các tham ái,
Vị ấy được giải thoát,
Khỏi tất cả gốc tham,
Vị đức tánh như vậy,*

Được gọi vị thuần thực.

Rồi du sĩ Sabhiya.. lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sahiya:

533. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì,

Được gọi vị được nghe?

Nhờ gì, gọi bậc Thánh?

Sở hành như thế nào,

Như thế nào được tên,

Là một người du sĩ?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

534. Thế Tôn bèn đáp lại:

Hỡi này Sabhiya!

Do ở đời được nghe,

Thắng tri tất cả pháp,

Pháp có lỗi, không lỗi,

Phạm mọi pháp ở đời,

Là vị đã chiến thắng,

Đoạn nghi, được giải thoát,

*Trọn vẹn không dao động,
Được gọi, vị có nghe.*

535. *Sau khi đoạn, chặt đứt,
Mọi lậu hoặc chấp trước,
Vị ấy sau khi biết,
Không đi đến thai tạng,
Đoạn trừ và từ bỏ,
Ba loại tưởng bần nhơ,
Không đi vào thời kiếp,
Được gọi là **bậc Thánh**.*

536. *Vị nào ở nơi đây,
Thành tựu các giới hạnh,
Thiện xảo mọi lãnh vực,
Rõ biết được Chánh Pháp,
Cùng khắp cả mọi nơi,
Không chấp trước, giải thoát,
Không sân hận một ai,
Được gọi là **có hạnh**.*

537. *Ai không làm các nghiệp,
Đưa đến quả đau khổ,
Phía trên và phía dưới,
Bề ngang và chặng giữa,
Sống với sự liễu tri,
Từ bỏ, không chấp nhận,*

*Man trá và kiêu mạn,
Tham ái và phần nộ,
Làm cho đến cùng tận,
Cả danh và cả sắc,
Vị này đã đạt được,
Tên gọi là **du sĩ**.*

Rồi du sĩ Sabhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ, hân hoan, phần chân, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thương y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng:

538. Ôi, **bậc tuệ rộng lớn!**
*Nhiếp phục sự tụ họp,
Các Sa-môn tranh luận,
Có đến sáu (mười) ba thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự,
Y đây các tướng khởi,
Vị ấy vượt qua được,
Dòng nước mạnh sanh tử.*

539. Ngài đi đến tận cùng,
Đến bờ kia đau khổ,
Bậc La-hán, Chánh Giác,
Con nghĩ Ngài lậu tận,
Ngài chói sáng, thông minh.

Với trí tuệ rộng lớn,
Ngài đoạn tận đau khổ,
Đưa con qua bờ kia.

540. Ngài thấy, Ngài biết rõ,
Những điều con nghi ngờ,
Ngài giúp con vượt qua,
Con xin đánh lễ Ngài,
Bạc ần sĩ đạt được,
Con đường thật an tịnh,
Ôi, bà con mặt trời!
Không hoang vu, nhu hòa.

541. Điều xưa con nghi ngờ,
Đều được Ngài giải đáp,
Ôi, bậc có Pháp nhãn!
Ngài thật là ần sĩ,
Bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác,
Ngài không còn triền cái.

542. Với Ngài, mọi ưu não,
Được phá tan, đoạn diệt,
Ngài tịnh tịch, chế ngự,
Tâm kiên trì, thành thực.

543. Ngài là bậc long tượng,
Trong các hàng long tượng,

*Ngài là đại anh hùng,
Chư Thiên đều hoan hỷ,
Cả hai Nàrada,
Và cả Pabbatà,
Đều hoan hỷ tín thọ,
Lời thuyết giảng của Ngài.*

*544. Chúng con xin đánh lễ,
Con người thuần thực nhất,
Chúng con xin đánh lễ,
Con người tối thượng nhất,
Trong cảnh giới Trời, Người,
Không ai sánh được Ngài.*

*545. Ngài chính là Đức Phật,
Ngài chính là Đạo Sư,
Ngài là bậc ẩn sĩ,
Đã chiến thắng Ác ma,
Ngài chặt đứt tùy miên,
Đã vượt qua sanh tử,
Ngài giúp chúng sanh này,
Vượt qua bể sanh tử.*

*546. Ngài vượt khỏi sanh y,
Ngài phá tan lậu hoặc,
Ngài là **bậc sư tử**,
Không chấp thủ, chấp trước,*

*Mọi sợ hãi, hoảng hốt,
Ngài đoạn tận, trừ diệt.*

*547. Như hoa sen tươi đẹp,
Nước không thể dính vào,
Cũng vậy cả thiện ác,
Cả hai không dính Ngài,
Ôi anh hùng vĩ đại,
Xin Ngài duỗi chân ra,
Sabhiya chúng con,
Đánh lễ bậc Đạo Sư.*

Rồi du sĩ Sabhiya lấy đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn, Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

- Nay Sabhiya, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này cần phải sống biệt trú trong bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh.

- Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp

Luật này, sống biệt trú bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm con thỏa thuận hãy cho xuất gia, cho con thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo.

Du sĩ Sabhiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới... rồi Tôn giả Sabhiya trở thành một vị A-la-hán.

459 Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607

Kinh Sundarika Bhàradvāja – *Tiểu I*, 607 (Sn 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja đốt lửa thiêu trên bờ sông Sundarikà và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradavāja, sau khi đốt lửa thiêu, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương nghĩ rằng: "**Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?"**

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, đầu che trùm lại, thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja liền mở đầu ra. Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja nghĩ rằng: "Đầu trọc là vị này. Một kẻ đầu trọc là vị này", và muốn đi trở lại.

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja suy nghĩ: "Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy đi đến vị này và hỏi về thọ sanh". Rồi Bà-la-môn

Sundaikabhàradvàja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

- Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja những bài kệ:

Thế Tôn:

455. *Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải con vua,
Cũng không phải buôn bán,
Không phải là ai hết,
Do liễu tri giai cấp,
Của các hàng phàm phu,
Ta kẻ trí ở đời,
Bộ hành, không sở hữu.*

456. *Mang áo Tăng-già-lê,
Ta sống, không gia đình,
Với tóc được cạo sạch,
Tự ngã được an tịnh,
Ở đời Ta không nhiễm,
Với các thiếu niên nào,
Không xứng đáng, Ông hỏi,
Hỏi Ta về thọ sanh.*

Bà-la-môn:

457. *Thật sự, thừa Tôn giả,
Các vị Bà-la-môn,
Thường hỏi Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?*

Thế Tôn:

*Nếu Ông nói lên rằng:
Ông là Bà-la-môn,
Và nếu Ông hỏi Ta,
Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi Ông,
Về Sàvitti này,
Gồm có mười hai câu,
Và hai mươi bốn chữ.*

Bà-la-môn:

458. *Do y tựa vào gì,
Các ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-lị Phạm chí,
Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư Thiên,
Rộng rãi trong đời này?*

Thế Tôn:

*Vị nào đạt cứu cánh,
Vị nào hiểu Vệ-đà, (???)*

*Trong lễ tế đàn này,
Thọ hưởng đồ cúng dường,
Ta tuyên bố, nói rằng,
Lễ ấy được tăng thịnh.*

Bà-la-môn:

*459. Chắc chắn tế đàn ấy,
Cúng dường được tăng thịnh.
Vì chúng ta thấy được,
Vị am hiểu Vệ-đà, (???)*

*Nếu chúng ta không thấy,
Được một người như Ông,
Một người khác thọ hưởng,
Đồ cúng dường tế đàn.*

Thế Tôn:

*460. Vì Ông, này Phạm chí,
Đến Ta vì cần thiết,
Với mục đích rõ ràng,
Vậy nay Ta hỏi Ông,
Ông có thể tìm được,
Một bậc trí ở đây,*

*An tịnh, không sân hận,
Không khổ, không tầm cầu?*

Bà-la-môn:

*461. Tôi vui trong tế đàn,
Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước,
Được cúng dường tế đàn,
Nhưng tôi không được biết,
Tôn giả hãy dạy tôi!
Hãy nói lên cho tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.*

Thế Tôn:

*Vậy này Bà-la-môn,
Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì Ông,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.*

*462. Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về hạnh đức,
Thật vậy, từ củi gỗ,
Một ngọn lửa được sanh,
Từ gia đình thấp kém,
Bậc ẩn sĩ, có trí,*

Được huấn luyện thuần thực,
Được xấu hổ chế ngự.

463. Được chân thật huấn luyện,
Được **nhiếp phục chế ngự**,
Bậc đạt đến hiểu biết,
Phạm hạnh được viên thành,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vạy vị Phạm chí nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

464. Những vị nào **bổ dục**,
Du hành, không gia đình,
Khéo chế ngự nhiếp phục,
Như con thoi trực chỉ.
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

465. Những vị đã **ly tham**,
Các căn khéo định tĩnh,

Như trăng được giải thoát,
Khỏi nanh vuốt Ràhu,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy,
Vậy vị Phạm hạnh nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

466. **Không tham** dính vật gì,
Họ du hành ở đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Từ bỏ ngã sở kiến,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào,
Muốn cầu nguyện công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

467. **Ai từ bỏ các dục,**
Từ nhiếp phục, du hành.
Ai biết sự chấm dứt,
Của sanh và sự chết,
Tịch tịnh và mát lạnh.
Mát lạnh như nước hồ.
Như Lai thật xứng đáng.

Đồ cúng dường tế tự.

468. **Bình đẳng** kẻ bình đẳng,
Xa lánh không bình đẳng,
Như Lai chứng đạt được,
Trí tuệ không giới hạn,
Không bị dính, uế nhiễm,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

469. Trong ai không man trá,
Không sống với kiêu mạn,
Ai không có tham dục,
Không của ta, không cầu,
Phần nô được đoạn trừ,
Tư ngã thật tịch tịnh,
Vị Bà-la-môn ấy,
Cầu uế, sâu muợn đoạn,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

470. Ai đoạn diệt hoàn toàn,
Mọi trứ xứ của ý,
Không còn có nắm giữ,
Sự vật gì ở đời,
Không còn có chấp thủ,

Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

471. Tâm ai thật **định tĩnh**,
Vượt khỏi được bậc lưu,
Rõ biết được Chánh pháp,
Với tri kiến tối thượng,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Mang thân này tới hậu.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

472. Với ai, các **hữu lậu**,
Và **lời nói thô ác**,
Được đoạn tận chấm dứt,
Không còn có tồn tại,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Giải thoát mọi khía cạnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

473. Giữa những người nhiễm trước,
Vị ấy **không nhiễm trước**,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Vị ấy không kiêu mạn,
Liều tri được đau khổ,

*Kể cả ruộng và đất.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*474. Không dựa vào ước vọng,
Vị ấy thấy **viễn ly**,
Vượt qua sự hiểu biết,
Cùng tri kiến người khác,
Đối với mọi sở duyên,
Vị ấy đều không có,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*475. Vị ấy chứng tri được,
Các pháp gần hay xa,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
Không còn có hiện hữu,
An tịnh, **không chấp thủ**,
Được hoàn toàn giải thoát.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*476. Thấy được sự đoạn tận,
Sanh diệt các **kiết sử**,
Trừ được đường tham dục,
Không còn lại dư tàn.
Thanh tịnh, không lỗi lầm,*

*Không cầu uế, không nhiễm.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

477. Ai không thấy **tự ngã**,
Với tự ngã của mình,
Định tâm và chánh trực,
Kiên trì không dao động,
Vị ấy không có dục,
Không cứng cõi, phân vân.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

478. Với ai không còn nữa,
Nguyên nhân của **si mê**,
Biết rõ và thấy rõ,
Đối với hết thấy pháp,
Và mang nặng thân này,
Thân này thân cuối cùng.
Chứng đạt Chánh Đẳng Giác,
Vô thượng an ổn xứ,
Đạt cho đến như vậy,
Bậc Dạ-xoa thanh tịnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

Bà-la-môn:

479. *Đây đồ con cúng dường,
Đồ cúng dường chân thật,
Con đã tìm thấy được,
Bậc trí đức như vậy,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,
Đồ cúng dường của con.*

Thế Tôn:

480. *Ta không có thọ dụng,
Đồ ăn từ kẻ tụng,*
*Hỡi này Bà-la-môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,
Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đấy chính là truyền thống.*

481. *Ông cần phải cúng dường,
Đồ ăn, đồ uống khác,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,
Đoạn tận các lậu hoặc,*

*Đã đoạn tận trao hối,
Không còn bị dao động,
Ngài chính là thừa ruộng,
Cho người cầu công đức.*

Bà-la-môn:

*482. Thế Tôn, con muốn biết,
Người có tin như con,
Ai có thể hưởng thọ,
Đồ cúng dường của con,
Trong khi lễ tế đàn,
Con phải tìm đến ai?
Lời Ngài dạy thế nào,
Con sẽ đạt cho được.*

Thế Tôn:

*483. Với ai, không xông xáo,
Với ai, tâm không động,
Giải thoát khỏi các dục,
Với ai bỏ hôn trầm.*

*484. Lãnh đạo kẻ biên giới,
Thiện xảo trong sanh tử,
Ấn sĩ đầy đủ tuệ,
Đã đến lễ tế đàn.*

485. *Nhiếp phục kiều ngạo xong,
Hãy chấp tay đánh lễ,
Cùng dường đồ ăn uống,
Cùng dường vậy tăng trưởng.*

Bà-la-môn:

486. *Ngài là bậc Giác Ngộ,
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài là ruộng phước đức,
Vô thượng, không gì hơn,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Xứng đáng toàn thế giới.
Bố thí cho Tôn giả,
Kết quả thật to lớn.*

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dựng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, hay **phơi bày ra** những gì bị che kín, hay **chỉ đường** cho kẻ lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hỡi

cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama. Hãy cho con thọ đại giới.

Và Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja... trở thành một vị A-la-hán.

460 Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755

Kinh Sàriputta – Tiểu I, 755 (Xá-lợi-phát)

Sàriputta:

955. Trước con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi **Đâu-suất** đến,
Xá-lợi-phát nói vậy.

956. Bậc có mặt xuất hiện,
Đời này và thiên giới,
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc.

957. Bậc Giác ngộ, độc lập,
Như thật, không man trá,
Ngài đến ở đời này,
Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trói buộc,
Con đến với câu hỏi.

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,

Sống an tọa, trống không,
Tại gốc cây, nghĩa địa,
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,
Có bao nhiêu sợ hãi,
Khiến Tỷ kheo không run,
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,
Tỷ Kheo cần chinh phục,
Trong **hướng đi bất tử**,
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử,
Của vị ấy là gì?
Có bao nhiêu giới cấm, (???giới hạnh)
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Tẩy sạch các cấu uế,
Trên tự ngã của mình,
Như thợ lọc vàng bạc?

Thế Tôn:

963. Này Sàriputta,
Thế Tôn bèn trả lời:
Với người **biết nhàm chán**,
Có gì là khoan khoái!
Khi sử dụng sàng tọa,
Tại chỗ tịnh trống không,
Với ai muốn giác ngộ,
Sống đúng với tùy pháp,
Ta sẽ nói người ấy,
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,
Chánh niệm sống biên địa,
Không có sợ hãi điều,
Đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, mối bay,
Cùng các loài bò sát,
Xúc chạm của loài người,
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,
Tri kiến của người khác,
Khi đã được thấy biết,
Nhiều sợ hãi của chúng,
Bạc tìm đến chí thiện,
Thấy được các nguy hiểm,

*Cần phải lo khắc phục,
Tất cả nguy hiểm khác.*

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
*Khi cảm xúc đối khổ,
Vội lạnh và cực nóng,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Bị chúng cảm xúc nhiều,
Kẻ không bỏ nhà cửa,
Cần tinh tấn cần mẫn,
Lòng hết sức kiên trì.*

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Chớ nói lời nói láo,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Khi rõ biết tâm tư,
Trong tình trạng dao động,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
Phân hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,
Bởi phần nộ, quá mạn,
Hãy đào chúng tận gốc,
Và an trú như vậy,
Đối những gì khả ái,
Hay đối không khả ái,

Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,
Hoan hỷ trong chí thiện,
Hãy chặn đứng loại bỏ,
Nguy hiểm ách nạn ấy,
Hãy khắc phục bất lạc,
Đối trứ xứ vắng lặng,
Hãy khắc phục bốn pháp,
Khiến sầu muộn khóc than.

970. Ta sẽ **ăn** những gì,
Và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta **ngủ**,
Nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy,
Vì ấy có thể than,
Bậc hữu học, không nhà,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.

971. Với đồ ăn, vải mặc,
Đúng thời, thâm hoạch được,
Cần ước lượng vừa đủ,
Với mục đích thỏa mãn,
Chế ngự đối với chúng,
Sống nhiếp phục trong lòng,

*Dầu phần uất, không nói,
Những lời độc thô ác.*

972. *Với mắt cúi nhìn xuống,
Chân không đi lang thang,
Chú tâm vào thiền định,
Với rất nhiều tỉnh giác,
Cố gắng tu tập xả,
Tư ngã khéo định tĩnh,
Hãy cắt đứt trừ khử,
Các nghi ngờ hối tiếc.*

973. *Bị buộc tội bằng lời,
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,
Phá hoại sự cứng rắn,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Nói lên những lời nói,
Hiện thiện và đúng thời,
Không để tâm suy tư,
Các chủ thuyết người khác.*

974. *Lại nữa, năm loại vua,
Hiện có ở trên đời,
Hãy học nhiếp phục chúng.
Luôn luôn giữ chánh niệm.
Đối với sắc và tiếng,
Đối với vị và hương,*

Cùng đối các cảm xúc,
Hãy chế ngự tham ái.

975. Hãy chế ngự ước muốn,
Đối với những pháp ấy,
Vì Tỷ kheo chánh niệm,
Tâm tư khéo giải thoát,
Rồi đúng thời vị ấy,
Chơn chánh suy tư pháp,
Với **chuyên tâm nhất trí,**
Hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy.

461 Kinh Sân Hận tám kệ - Tiểu I, 699

Kinh Sân Hận tám kệ – Tiểu I, 699

780. *Thật có một số người,
Nói lên với ác ý,
Và thật cũng có người,
Nói lên ý chân thật.
Dẫu có lời nói gì,
Ấn sĩ không liên hệ,
Do vậy bậc Mâu-ni,
Không chỗ nào hoang vu.*

781. *Người ước muốn dứt dần,
Thiên trú điều sở thích,
Làm sao từ bỏ được,
Điều tà kiến của mình,
Khi tự mình tác thành,
Quan điểm riêng của mình,
Như điều nó được biết,
Hãy để nó nói vậy.*

782. *Người không có ai hỏi,
Lại nói cho người khác,
Biết đến những giới cấm,
Của tự cá nhân mình.*

*Bậc thiện xảo nói rằng,
Như vậy không Thánh pháp,
Nếu ai tự nói lên,
Lời tán thán tự ngã.*

*783. Vị Tỷ-kheo an tịnh,
Sống hết sức tịch tịnh,
Khi tán thán giới đức,
Không nói "Tôi là vậy".
Bậc thiện xảo nói rằng,
Như vậy là Thánh pháp,
Với vị ấy đề cao,
Ở đời, không khởi lên.*

*784. Với những ai các pháp,
Được sửa soạn tác thành,
Được đặt ra phía trước,
Không phải không tranh luận,
Khi đã thấy lợi ích,
Trên tự thân của mình,
Y đầy, duyên dao động,
Đạt được sự tịch tịnh.*

*785. Đối với các thiên kiến,
Không dễ gì vượt qua,
Thẩm sát các pháp xong,
Mới tác thành chấp trước.*

*Do vậy là con người,
Đối với trú xứ ấy,
Có khi quyết từ bỏ,
Có khi chấp nhận Pháp.*

786. *Vị tẩy sạch loại bỏ,
Không tìm được ở đời,
Các kiến được sửa soạn,
Đối với hữu, phi hữu.
Bỏ man trá, kiêu mạn,
Vị tẩy sạch loại bỏ,
Vị ấy đi với gì,
Vị ấy không chấp thủ.*

787. *Với ai có chấp thủ,
Bị chỉ trích trong Pháp,
Với ai không chấp thủ,
Lấy gì có thể nói?
Chính đối với vị ấy,
Ngã, phi ngã đều không,
Vị ấy đã tẩy sạch,
Mọi tà kiến ở đời.*

462 Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551

Kinh Sùciloma – Tiểu I, 551 (Sn 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Gayà, ở Tamkitamanca tại trú xứ của Dạ-xoa Sùciloma. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara, Dạ-xoa Sùciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Sùciloma: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa Sùciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến co xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa Sùciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?
- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, **nhưng xúc chạm với Ông là ác.**
- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.
- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn

hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ
quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này
Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa Sùciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. *Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?*

Không ưa thích, ưa thích?

Sợ hãi từ đâu sanh?

Từ đâu được sanh khởi,

Các suy tầm của ý?

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. *Từ những nguyên nhân này,*

Tham, sân được khởi lên,

Không ưa thích, ưa thích,

Sợ hãi từ đây sanh,

Từ đây được sanh khởi,

Các suy tầm của ý,

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay.

272. ***Sự hiện hữu của ngã,***

Chính do **thân ái** sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triển phược các **đục**,
Thật rộng lớn vô cùng,
Như cây Máluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.

273. Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết,
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khó vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.

463 Kinh Thanh Tịnh tám kệ - Tiểu I, 702

Kinh Thanh Tịnh tám kệ – *Tiểu I*, 702

788. *Ta thấy vị thanh tịnh,
Vị tối thượng, không bệnh,
Sự thanh tịnh con người,
Với tri kiến, đạt được.
Nắm giữ quan điểm này.
Xem đây là tối thượng,
Vị này sẽ xem trí,
Là tùy quán thanh tịnh.*

789. *Nếu thanh tịnh con người,
Do tri kiến đạt được,
Hay với trí vị ấy,
Từ bỏ sự đau khổ,
Vị ấy có sanh y,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,
Vị ấy nói như vậy,
Do tri kiến cá nhân.*

790. *Bà-la-môn không nói,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,
Với điều được thấy nghe,
Giới đức, được thọ hưởng;*

Với công đức, ác đức,
Vị ấy không nhiễm trước,
Từ bỏ mọi chấp ngã,
Không làm gì ở đời.

791. Từ bỏ tri kiến cũ,
Y chỉ tri kiến mới,
Đi đến sự tham đắm,
Không vượt qua ái dục;
Họ nắm giữ chấp trước,
Họ từ bỏ xa lánh,
Như khỉ thả cànhr này,
Rồi lại nắm cànhr khác.

792. Người tự mình chấp nhận,
Các chủng loại giới cấm,
Đi chỗ cao chỗ thấp,
Sống bị tướng chi phối;
Người có trí rộng lớn,
Nhờ trí tuệ, quán pháp,
Có trí, không đi đến
Các pháp cao và thấp.

793. Vị ấy đạt thù thắng,
Trong tất cả các pháp,
Phàm có điều thấy, nghe,
Hay cảm thọ, tướng đến;

Với vị tri kiến vậy,
Sống đời sống rộng mở,
Không bị ai ở đời,
Có thể chi phối được.

794. Họ không tác thành gì,
Họ không đề cao gì,
Họ không có nói lên,
Đây tối thắng thanh tịnh,
Không dính líu tham đắm,
Mọi chấp trước triền phược,
Họ không tạo tham vọng,
Bất cứ đâu ở đời.

795. Với vị Bà-la-môn,
Đã vượt khỏi biên giới,
Sau khi biết và thấy,
Không có kiến chấp trước.
Tham ái không chi phối,
Cũng không tham, ly tham (???)
Vị ấy ở đời này,
Không chấp thủ gì khác.

464 Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526

Kinh Thắng Trận – *Tiểu I*, 526 (Sn 34)

193. *Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.*

194. *Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đây,
Như thật không thấy rõ.*

195. *Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,
Cả thận, và tỳ tạng.*

196. *Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.*

197. *Từ **chín** nguồn nước này,
Bất tịnh luôn luôn chảy,*

*Từ mắt, đồ bắn chảy,
Từ tai, đồ bắn chảy.*

198. *Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mặt, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bắn.*

199. *Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.*

200. *Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.*

201. *Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.*

202. *Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,
Thấy thân đúng như thật.*

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đây xác chết, chảy nước,
Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

465 Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568

Kinh Thế Nào là Giới – *Tiểu I*, 568 (Sn 56)

324. Thế nào là **giới đức**?
Thế nào là **chánh hạnh**?
Cần phải làm tăng trưởng.
Thân khẩu ý **nghiệp** nào?
Để người chánh nhập cuộc,
Đạt được **đích** tối thượng?

325. Kính lễ bậc trưởng thượng,
Không ganh tị một ai,
Cần phải biết thời gian,
Để yết kiến Đạo sư,
Biết được đúng thời khắc,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Hãy cẩn thận lắng nghe,
Lời giảng được khéo nói.

326. Hãy đi đến đúng thời,
Trước mặt vị Đạo Sư,
Từ bỏ tánh **cứng đầu**,
Với thái độ khiêm tốn,
Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Hãy chọn chánh hành trì,

*Mục đích và Chánh pháp,
Chế ngự và Phạm hạnh.*

327. Vui thích trong Chánh Pháp,
Hoan hỷ trong Chánh Pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Có lời uế nhiễm pháp,
*Chịu hướng dẫn lãnh đạo,
Lời trung thực khéo nói.*

328. *Bỏ cười đùa, lảm miêng,
Khóc than và sân hận,
Làm những điều man trá,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Bồng bột và bạo ngôn,
Cứng rắn và đam mê,
Sống từ bỏ tất cả,
Ly say đắm, kiên trì.*

329. Thức tri được cốt lõi,
Những lời được khéo nói,
Được nghe khéo thức tri,
Cốt lõi của thiền định,
Với con người hấp tấp,
Lại phóng dật buông lung,

*Trí tuệ, điều được nghe,
Không có thể tăng trưởng.*

330. An vui thích Chánh pháp,
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Họ trở thành vô thượng,
Về lời, ý và nghiệp,
Họ an tịnh nhu hòa,
An trú trên thiên **định**,
Chứng đạt được **cốt lõi**,
Pháp được nghe, trí tuệ.

466 Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600

Kinh Tinh Cần – *Tiểu I*, 600 (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tình tấn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tấn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tấn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tấn?

434. **Dầu máu có khô cạn,
Mật, đàm Ta khô cạn,**

*Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền định.*

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất.**
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái.**

437. Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố.**

438. **Lợi, danh và cung kính,**
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình,**
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,
Đây là quân đội Ngươi.

*Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.*

*440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.*

*441. Bị thấy đấm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.*

*442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.*

*443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,**
Khéo an trú chánh niệm,

Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Người không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. Không tìm được gì ngọt,

*Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

*449. Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

467 Kinh Tissametteyya - Tiểu I, 710

Kinh Tissametteyya – *Tiểu I*, 710

814. Tissa Metteyya,
Tôn giả nói như sau:
*Thế Tôn hãy nói lên,
Sự tai hại của người,
Đắm say về **dâm dục**,*
Sau khi nghe, chúng con,
Sẽ học tập lời Ngài,
Lời dạy về viễn ly.

815. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Metteyya,
*Ai đắm say dâm dục,
Quên mất lời giảng dạy,
Rơi vào đường tà vạy,
Nếp sống ấy không Thánh.*

816. Ai trước sống một mình,
Nay rơi vào dâm dục,
Như xe bị nghiêng ngã,
Người ấy ở trong đời,
Được gọi là phạm phu,
Được gọi là hạ liệt.

817. Tiếng tốt có từ trước,
Người ấy bị tổn giảm,
Thấy vậy hãy học tập,
Từ bỏ sự dâm dục.

818. Chi phối bởi suy tư,
Trầm ngâm như kẻ nghèo,
Nghe tiếng trách người khác,
Như kẻ bị thất vọng.

819. Bị người khác buộc tội,
Nó làm các đao kiếm,
Trở thành người tham lớn,
Chấp thủ điều vọng ngôn.

820. Được danh là Hiền trí,
An trú sống một mình,
Nếu rơi vào dâm dục,
Sầu não như kẻ ngu.

821. Thấy nguy hại như vậy,
Bậc ẩn sĩ trước sau,
Kiên trì sống cô độc,
Không thực hành dâm dục.

822. Hãy học tập viễn ly,

*Đây hạnh thánh tối thượng,
Không nghĩ mình tối thắng,
Dầu gần được Niết-bàn.*

*823. Sở hành bậc ẩn sĩ,
Trống không, không mong dục,
Bậc vượt khỏi bậc lưu,
Được các người ở đời,
Bị tham dục trói buộc,
Ganh tị và thèm muốn.*

468 Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725

Kinh Tranh luận – Tiểu I, 725

Người hỏi:

862. *Từ đâu được khởi lên,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Từ đâu chúng sanh nhiều,
Mong Ngài hãy nói lên?*

Thế Tôn:

863. *Từ **ái** sanh khởi nhiều,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Các tranh luận, đấu tranh,
Đều liên hệ **xan tham**,
Những lời nói hai lười,*

Khởi lên từ tranh luận.

Người hỏi:

864. *Do những nhân duyên nào,
Khả ái sanh ở đời?
Hay những tham lam nào,
Được lưu hành ở đời?
Ước vọng và thành đạt,
Là do nhơn duyên nào?
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai?*

Thế Tôn:

865. *Do **ước muốn** là nhân,
Khả ái sanh ở đời,
Hay với những tham lam,
Được lưu hành ở đời,
Ước vọng và thành đạt,
Do ước muốn làm nhân,
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai.*

Người hỏi:

866. *Ước muốn sanh ở đời*

Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định,
Do nhân nào được sanh?
Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Hoặc là những pháp nào,
Được Sa-môn nói đến?

Thế Tôn:

867. **Khả ý, bất khả ý,**
Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng,
Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc,
Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được,
Những quyết định ở đời.

868. Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành,
Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập,
Trên con đường chánh trí,
Sau khi biết các pháp,
Do Sa-môn thuyết giảng.

Người hỏi:

869. Khả ý, bất khả ý,
Là do nhân duyên nào,
Do cái gì không có,
Họ không có hiện hữu.
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con,
Nguyên nhân gì chúng sanh?

Thế Tôn:

870. Do nhân duyên **cảm xúc**,
Khả ý, bất khả ý,
Nếu không có cảm xúc,
Họ cũng không hiện hữu,
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Ta nói cho Ông rõ,
Nguyên nhân này, chúng sanh.

Người hỏi:

871. Còn cảm xúc ở đời,
Do nhân gì sanh khởi,

*Hay các loại chấp thủ,
Do từ đâu sinh nhiều,
Do cái gì không có,
Ngã sở hữu không có,
Cái gì không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc?*

Thế Tôn:

872. *Do duyên **danh** và **sắc**,
Nên có các cảm xúc,
Do nhân các **ước muốn**,
Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có,
Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc.*

Người hỏi:

873. *Sở hành như thế nào,
Sắc pháp không hiện hữu?
An lạc và khổ đau,
Thế nào không có mặt?
Hãy nói lên cho con,
Không có như thế nào,
Chúng con muốn được biết,*

Tâm ý con nói vậy.

Thế Tôn:

874. ***Không có tướng các tướng,
Không có tướng vô tướng,
Phi tướng cũng không có,
Vô hữu tướng cũng không.***
Do sở hành như vậy,
Sắc pháp không hiện hữu,
*Do nhân duyên các tướng,
Hý luận* được hình thành.

Người hỏi:

875. *Ngài đã nói chúng con,
Những điều chúng con hỏi,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Mong Ngài trả lời cho,
Bạc Hiền trí nói rằng,
Như thế này tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa
Hay là chúng muốn nói,
Có điều gì khác nữa?*

Thế Tôn:

876. Bạc Hiên trí nói rằng,
Như thế là tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa,
Như có người nói rằng,
Chính là sự hoại diệt,
Lại một số thiện nhân,
Nói rằng: "Không dư y".

877. Biết được những pháp ấy,
Đều nương tựa y chỉ,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Suy tư trên y chỉ,
Biết được, nên giải thoát,
Không đi đến tranh luận,
Bạc Hiên không tìm đến,
Cả hữu và phi hữu.

469 Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I, 722

Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại – Tiểu I, 722

Người hỏi:

848. *Người sống đời an tịnh,
Kiến và giới thế nào?*

*Con hỏi Gotama,
Là bậc người tối thượng.*

Thế Tôn:

849. *Thế Tôn đáp như sau:*

*Ly ái trước thân hoại,
Không y chỉ ban đầu,
Không y chỉ cuối cùng,
Không kể đến vật giữa,
Không có ưa thích nào.*

850. *Không phần nộ, không sợ,
Không khoa đại, không hối,
Nói hòa nhã, không động,
Bậc ẩn sĩ thận ngôn.
Không ước vọng tương lai,*

*Không sâu muộn quá khứ,
Thấy viễn ly giữa xúc,
Không để kiến dắt dẫn.*

852. *Sống riêng, không man trá,
Không thích, không xan tham,
Không xông xáo, nhàm chán,
Không đi đến hai lười.*

853. *Không mê vật khả ái,
Cũng không có quá mạn,
Nhu hòa, nhưng ứng biện,
Không vọng tín, không tham.*

854. *Không tu tập vì lợi,
Không được lợi, không sân,
Không bị ái kích thích,
Không đam mê các vị.*

855. ***Thường trú xả, chánh niệm,**
Ở đời, không nghĩ mình,
Bằng, hơn, hay thua người,
Vị ấy, không bông bột.*

856. *Không y chỉ một ai,
Biết pháp, không y chỉ,
Vị ấy không có ái,*

Đối với hữu, phi hữu.

857. *Ta gọi vị an tịnh,
Không mong cầu các dục,
Vị ấy không triển phược,
Vượt khỏi các tham trước.*

858. *Vị ấy không con cái,
Thú vật, ruộng, đất đai,
Không có gì nắm lấy,
Là ta, là không ta.*

859. *Phàm phu có buộc tội,
Hoặc Sa-môn, Phạm chí,
Vị ấy không quan tâm,
Trong lời nói không động,*

860. *Không tham, không xan lẫn,
Ẩn sĩ không nói cao,
Không nói bằng, nói thấp,
Không đi đến thời kiếp,
Vị ấy vượt khỏi,
Sự chi phối thời kiếp.*

861. ***Ai không có vật gì,
Không có, không sâu muộn,
Không đi đến các pháp,***

*Vị ấy gọi **an tịnh**.*

470 Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I*, 744

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.***

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
**Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.***

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?*

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.***

*Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thân được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,*

Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngủ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú**,
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,

Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,

Chớ có khinh người khác,

Về vấn đề sinh mạng,

Về vấn đề trí tuệ,

Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,

Nhiều ngôn từ lời lẽ,

Của các vị Sa-môn,

Hay những kẻ phàm phu,

Chớ có phản ứng họ,

Với những lời thô ác,

Bậc hiền lành an tịnh,

Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,

Pháp này là như vậy,

Tỷ-kheo hãy học tập,

Sáng suốt và chánh niệm,

Rõ biết sự mát lạnh,

Được gọi bậc "an tịnh",

Chớ có sống phóng dật,

Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,

Không ai chiến thắng nổi

Tự mình thấy được pháp,

Không nghe theo tin đồn,

Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

471 Kinh Tội Thắng tám kệ - Tiểu I, 705

Kinh Tội Thắng tám kệ – *Tiểu I*, 705

796. Ai thiên trú trong kiến,
Xem kiến ấy tội thắng,
Ở đời đặt kiến ấy,
Vào địa vị tội thượng.
Người ấy nói tất cả,
Người khác là hạ liệt,
Do vậy không vượt khỏi,
Sự tranh luận ở đời.

797. Khi nó thấy lợi ích,
Đến với tự ngã nó,
Đối với vật thấy nghe,
Giới đức hay thọ tướng;
Vị ấy ở tại đây,
Liên chấp trước nắm giữ,
Nó thấy mọi người khác,
Là hạ liệt thấp kém.

798. Người y chỉ kiến ấy,
Thấy người khác hạ liệt,
Bậc thiện nói như vậy,
Đấy là sự trói buộc;

*Do vậy đối thấy nghe,
Thọ, tưởng hay giới cấm,
Bậc Tỷ-kheo không có,
Y chỉ, nương tựa vào.*

*799. Chớ có tác thành ra,
Tri kiến ở trên đời,
Từ ở nơi chánh trí,
Hay từ nơi giới đức,
Không bận tâm so sánh,
Tự ngã bằng người khác,
Không có suy nghĩ đến,
Đây "liệt " hay đây "thắng".*

*800. Đoạn tận, từ bỏ ngã,
Không chấp thủ sự gì,
Không tác thành, dựng nên,
Nương tựa ở nơi trí,
Chân thật giữa tranh chấp,
Không theo phe phái nào,
Vị ấy không đi theo,
Một loại tri kiến nào.*

*801. Với ai, hay cực đoan,
Không có hướng nguyện gì,
Với hữu và phi hữu,
Hay đời này đời sau,*

*Vị ấy không an trú,
Tại một trú xứ nào,
Từ bỏ mọi chấp thủ,
Đối với tất cả pháp.*

*802. Đối vị ấy ở đây,
Nhưng gì được thấy nghe,
Được cảm thọ tưởng đến,
Chút suy tưởng cũng không;
Vị Bà-la-môn ấy,
Không chấp thủ tri kiến,
Không ai ở đời này,
Có thể chi phối được.*

*803. Họ không tác thành gì,
Họ không đề cao gì,
Các pháp không được họ,
Chấp trước nắm giữ gì,
Không một Phạm chí nào,
Bị giới cấm dắt dẫn,
Đi đến bờ bên kia,
Vị ấy không trở lui.*

472 Kinh Từ Bi - Tiểu I, 506

Kinh Từ Bi – *Tiểu I*, 506 (Metta Sutta) (Sn 25)

143. Vị thiện xảo mục đích,
Cần phải làm như sau:
Sau khi hiểu thông suốt,
Con đường an tịnh ấy,
Có khả năng, trực tánh,
*Thật sự, khéo **chân trực,***
Để nói và nhu hòa,
Không có gì cao mạn.

144. Sống cảm thấy **vừa đủ**,
Nuôi sống thật dễ dàng,
Ít có sự rộn ràng,
Sống đạm bạc giản dị.
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thật trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.

145. Các sở hành của mình,
Không nhỏ nhen vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sanh chỉ trích.

Mong mọi loài chúng sanh,
Được an lạc, an ổn,
Mong họ chứng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

146. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài, hay kẻ lớn,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.

147. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc.

148. Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào.
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối,
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

149. *Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả,
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.*

150. *Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy, cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.*

151. *Khi đứng, hay khi đi,
Khi ngồi, hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy,
Được đời đề cập đến,*

Là nếp sống tối thượng.

152. *Ai từ bỏ tà kiến,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Đối với các dục vọng,
Không còn phải tái sanh,
Đi đến thai tạng nữa.*

473 Kinh Vangisa - Tiểu I, 573

Kinh Vangisa – *Tiểu I*, 573 (Sn 59)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế tôn sống ở Alavi, tại điện Aggàlava. Lúc bấy giờ, giáo thọ sư của Tôn giả Vangisa, tên là Nigrodhakappa tại điện Aggalava, mệnh chung không bao lâu. Rồi Tôn giả Vangisa, trong khi thiền định độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "**Không biết bậc giáo thọ sư của ta có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?**". Rồi Tôn giả Vangisa vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Vangisa bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi Thiền tịnh độc cư, con khởi lên tư tưởng như sau: "Không biết bậc giáo thọ sư của con có hoàn toàn nhập Niết Bàn hay không, hoàn toàn nhập Niết-bàn?"

Rồi Tôn giả Vangisa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và với bài kệ, nói lên với Thế Tôn:

Vangisa:

343. *Con hỏi bậc Đạo Sư,*

*Bậc trí tuệ tối thượng,
Ai chặt đứt nghi hoặc,
Ngay trong đời hiện tại?
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết bàn tịch tịnh.*

*344. Nigrodhakappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm chí ấy,
Vị ấy đánh lễ Ngài,
Sống tâm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh Pháp.*

*345. Bạch Thích Ca, chúng con,
Đệ tử Ngài, tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Bạch Pháp nhãn biến tri,
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.*

346. Hãy đoạn nghi chúng con,

Cho con biết vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mặt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

347. Phàm những cột gút gù,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc;
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa.
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài Ngươi.

348. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đen tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

349. Bậc trí là những vị,

Tạo ra những ánh sáng,
Con xem Ngài như vậy.
Ôi! Bạc trí sáng suốt,
Chúng con đều cùng đến,
Bạc tu hành thiên quán,
Giữa hội chúng, chúng con,
Hãy nói về Kappa!

350. Hãy gấp phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giương cổ lên để hót,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bạn chúng con,
Trực tâm nghe lời Ngài.

351. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu Ngài thuyết pháp,
Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn.
Bạc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.

352. Câu trả lời của Ngài,

*Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ.
Đây chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào Ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao.*

*353. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưa sự hiểu biết.*

*354. Kappa, sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí?
Vì ấy chứng tịch tịnh,
Hãy còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe!*

Thế Tôn:

355. Vị ấy trên danh sắc,
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

356. Nghe vậy, con tịnh tín,
Vội lời nói của Ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,
Và lời hỏi của con.
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.

357. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của **thần chết** xảo quyết.

358. Ôi! Thế Tôn, Kappa,

*Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

474 **Kinh Xuất Gia - Tiểu I, 596**

Kinh Xuất Gia – Tiểu I, 596 (Sn 72)

Ananda:

405. *Xuất gia, tôi tán thán,
Như Pháp nhãn xuất gia,
Sau khi Ngài quán sát,
Chấp thuận hạnh xuất gia.*

406. *Trói buộc, sống gia đình,
Tụ hội mọi bụi đời,
Phóng khoáng, đời xuất gia,
Thấy vậy nên xuất gia.*

407. *Sau khi Ngài xuất gia,
Thân ác nghiệp Ngài tránh,
Từ bỏ lời nói ác,
Mạng sống Ngài thanh tịnh.*

408. *Phật đi đến Vương Xá,
Đến chỗ núi bao vây,
Tại nước Ma-kiệt-đà,
Ngài sống hạnh khát sĩ,
Mang theo thật đầy đủ,*

Các tướng tốt quang minh.

409. **Bình Sa vương** thấy Ngài,
Đứng trên sân lầu thượng,
Thấy đầy đủ tướng tốt,
Bèn nói lên lời này:

410. Các Ông hãy chăm sóc,
Người đẹp, lớn, thanh tịnh,
Thành tựu với hạnh đức,
Chỉ nhìn vừa một tâm.

411. Mắt nhìn xuống, chánh niệm,
Gia đình không hạ tiện,
Hãy cho sứ giả theo,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?

412. Được sai, sứ giả ấy,
Đi theo sau lưng Ngài,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?
Trú xứ sẽ chỗ nào?

413. Khất thực, từng nhà một,
Căn hộ trì chế ngự,
Bình bát được mau đầy,
Tỉnh giác và chánh niệm.

414. Sau khi đi khát thực,
Ẩn sĩ ra khỏi thành,
Leo lên Pandava,
Sẽ trú xứ tại đây.

415. Thấy vị ấy đến chỗ,
Các sứ giả ngồi chờ,
Còn một vị đi về,
Kể lại chuyện vua hay.

416. Đại vương, Tỷ-kheo ấy,
Phía đông Pandava,
Ngồi như cọp, bò chúa,
Như sư tử trong hang.

417. Nghe sứ giả, đức vua,
Vội cỡi xe thù thắng,
Vội vàng ra khỏi thành,
Đi đến Pandava.

418. Đi được, vua đi xe,
Rồi xuống xe đi bộ,
Đức vua tiến lại gần,
Và vào chỗ Ngài ở.

419. Ngồi xuống, vua nói lên,
Lời hỏi thăm chào đón,

*Lời lẽ chào đón xong,
Vua nói lên nghĩa này.*

*420. Người thanh niên tuổi trẻ,
Ngây thơ, bước vào đời,
Đẹp cao được đầy đủ,
Thiện sanh dòng Sát-ly.*

*421. Trang hoàng binh đội ngũ,
Trước mắt cả binh đoàn,
Tài sản ta cho Người,
Hãy hưởng và trả lời,
Về vấn đề thọ sanh.*

Thế Tôn:

*422. Trên sườn núi Tuyết sơn,
Sống dân tộc đoạn trực,
Tài sản nghị lực đủ,
Ở xứ Kosala.*

*423. Dòng họ thuộc mặt trời,
Sanh tộc là Thích-ca,
Tìr bỏ gia tộc ấy,
Thừa vua, Ta xuất gia,
Ta không có tha thiết,
Đối với các loại dục.*

424. Thấy nguy hiểm trong **dục**,
Bỏ chúng, là an ổn,
Ta sẽ đi, tinh tấn,
Ý Ta, được hoan hỷ.

475 Kinh Xấu Hổ - Tiểu I, 547

Kinh Xấu Hổ – *Tiểu I, 547* (Sn 45)

253. Ai mở miệng tuyên bố:

"Tôi là bạn của anh",

Sở hành vượt xấu hổ,

Lại khinh chán bạn mình,

Không chịu khó gắng làm,

Công việc có thể làm.

Cần biết người như vậy,

Không phải bạn của tôi.

254. Ai đối với bạn hữu,

Chỉ làm với lời nói,

Lời nói đẹp, khả ái,

Nhưng chỉ lời nói suông,

Bậc trí biết người ấy,

Người chỉ nói, không làm.

255. Người luôn luôn chú ý,

Nghi ngờ sự thiếu sót,

Tìm kiếm các nhược điểm,

Người ấy không phải bạn,

Với ai có thể nắm,

Như con nằm trên ngực,

*Người ấy mới thật **bạn**,
Không bị ai chia ly.*

*256. Ai mong lợi ích quá,
Tu tập các sự kiện,
Đem lại sự hân hoan,
Tu tập sự an lạc,
Đem lại thưởng, tán thán,
Gánh trách nhiệm làm người.*

*257. Uống xong vị viễn ly,
Uống xong vị an tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Hưởng vị ngọt, pháp hỷ.*

**476 Kinh hành - Với mắt cúi nhìn xuống,
Chân không đi lang thang - Kinh
Sàriputta - Tiểu I, 755**

Kinh Sàriputta – Tiểu I, 755 (Xá-lợi-phất)

Sàriputta:

*955. Trước con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi Đâu-suất đến,
Xá-lợi-phất nói vậy.*

*956. Bậc có mắt xuất hiện,
Đời này và thiên giới,
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc.*

*957. Bậc Giác ngộ, độc lập,
Như thật, không man trá,
Ngài đến ở đời này,
Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trói buộc,
Con đến với câu hỏi.*

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,
Sống an tọa, trống không,
Tại gốc cây, nghĩa địa,
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,
Có bao nhiêu sợ hãi,
Khiến Tỷ kheo không run,
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,
Tỷ Kheo cần chinh phục,
Trong **hướng đi bất tử**,
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử,
Của vị ấy là gì?
Có bao nhiêu giới cấm, (???giới hạnh)
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Tẩy sạch các cấu uế,
Trên tự ngã của mình,
Như thợ lọc vàng bạc?

Thế Tôn:

963. Nay Sàriputta,
Thế Tôn bèn trả lời:
Với người **biết nhàm chán**,
Có gì là khoan khoái!
Khi sử dụng sàng tọa,
Tại chỗ tịnh trống không,
Với ai muốn giác ngộ,
Sống đúng với tùy pháp,
Ta sẽ nói người ấy,
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,
Chánh niệm sống biên địa,
Không có sợ năm điều,
Đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, mối bay,
Cùng các loài bò sát,
Xúc chạm của loài người,
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,
Tri kiến của người khác,
Khi đã được thấy biết,
Nhiều sợ hãi của chúng,

Bạc tìm đến chí thiện,
Thấy được các nguy hiểm,
Cần phải lo khắc phục,
Tất cả nguy hiểm khác.

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
Khi cảm xúc đối khổ,
Với lạnh và cực nóng,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Bị chúng cảm xúc nhiều,
Kẻ không bỏ nhà cửa,
Cần tinh tấn cần mẫn,
Lòng hết sức kiên trì.

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Chớ nói lời nói láo,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Khi rõ biết tâm tư,
Trong tình trạng dao động,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
Phân hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,
Bởi phần nộ, quá mạn,
Hãy đào chúng tận gốc,
Và an trú như vậy,

Đổi những gì khả ái,
Hay đổi không khả ái,
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,
Hoan hỷ trong chí thiện,
Hãy chặn đứng loại bỏ,
Nguy hiểm ách nạn ấy,
Hãy khắc phục bất lạc,
Đổi trừ xú vắng lặng,
Hãy khắc phục bốn pháp,
Khiến sâu muộn khóc than.

970. Ta sẽ **ăn** những gì,
Và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta **ngủ**,
Nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy,
Vì ấy có thể than,
Bậc hữu học, không nhà,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.

971. Với đồ ăn, vải mặc,
Đúng thời, thâm hoạch được,
Cần ước lượng vừa đủ,
Với mục đích thỏa mãn,

Chế ngự đối với chúng,
Sống nhiếp phục trong lòng,
Dầu phần uất, không nói,
Những lời độc thô ác.

972. *Với mắt cúi nhìn xuống,*
Chân không đi lang thang,
Chú tâm vào thiền định,
Với rất nhiều tĩnh giác,
Cố gắng tu tập xả,
Tư ngã khéo định tĩnh,
Hãy cắt đứt trừ khử,
Các nghi ngờ hối tiếc.

973. *Bị buộc tội bằng lời,*
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,
Phá hoại sự cứng rắn,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Nói lên những lời nói,
Hiền thiện và đúng thời,
Không để tâm suy tư,
Các chủ thuyết người khác.

974. Lại nữa, *năm loại vua,*
Hiện có ở trên đời,
Hãy học nhiếp phục chúng.
Luôn luôn giữ chánh niệm.

Đối với **sắc** và **tiếng**,
Đối với **vị** và **hương**,
Cùng đối các cảm **xúc**,
Hãy chế ngự tham ái.

975. Hãy chế ngự ước muốn,
Đối với những pháp ấy,
Vì Tỷ kheo chánh niệm,
Tâm tư khéo giải thoát,
Rồi đúng thời vị ấy,
Chon chánh suy tư pháp,
Với **chuyên tâm nhất trí**,
Hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy.

477 Kinh trọng - Dầu đầu trọc đắp y, Mong muốn được kính trọng - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

*920. Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

*921. Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Nhu đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

*Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.*

944. *Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.*

945. *Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.*

946. *Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.*

947. *Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,*

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

478 Kinh về Dục - Tiểu I, 695

Kinh về Dục – Tiểu I, 695

766. Ai ao ước được **dục**,
Nếu dục được thành tựu,
Chắc tâm ý hoan hỷ,
Được điều con người muốn.

767. Nếu người có dục ấy,
Ước muốn được sanh khởi,
Các dục ấy bị diệt,
Bị khổ như tên đâm.

768. Ai tránh né các dục,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm vượt thoát được,
Ai triền này ở đời.

769. Người nào tham đắm dục,
Ruộng đất, vàng, bò, ngựa,
Người nô tỳ, phục vụ,
Nữ nhân và bà con.

770. Như người không sức lực,
Bị các dục chinh phục,

Tai họa dầm đạp nó,
Khổ đau bước theo nó,
Như nước ủa tràn vào,
Chiếc thuyền bị vỡ nát.

771. *Do vậy người thương niệm,
Tì bỏ các loài dục,
Bỏ dục, vượt bực lưu,
Tát thuyền đến bờ kia.*

479 Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11

Kinh **Điềm Lành** – *Tiểu I*, 11 (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

19. Nhiều Thiên tử và người,^[SEP]
Suy nghĩ đến điềm lành,^[SEP]
Mong ước và đợi chờ,^[SEP]
Một nếp sống an toàn,^[SEP]
Xin Ngài hãy nói lên,^[SEP]
Về điềm lành tối thượng.

Đức Phật:

20. Không thân cận kẻ ngu,^[SEP]
Nhưng gần gũi bậc Trí,^[SEP]
Đánh lễ người đáng lễ,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
21. Ở trú xứ thích hợp,^[SEP]

Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

22. *Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,*
Khéo huân luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.

23. *Hiếu dưỡng mẹ và cha,*
Nuôi nấng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.

24. *Bố thí, hành, đúng pháp,*
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.

25. *Chấm dứt, từ bỏ ác,*
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.

26. *Kính lễ và hạ mình,*
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

27. *Nhẫn nhục, lời hòa nhã,*
Yết kiến các Sa-môn,

Đúng thời, đàm luận Pháp,

Là điềm lành tối thượng.

10. *Khắc khổ và Phạm hạnh,*

Thấy được lý Thánh đế,

Giác ngộ quả: "Niết Bàn",

Là điềm lành tối thượng.

11. *Khi xúc chạm việc đời,*

Tâm không động, không sầu,

Không uế nhiễm, an ổn,

Là điềm lành tối thượng.

12. *Làm sự việc như vậy,*

Không chỗ nào thất bại,

Khắp nơi được an toàn,

Là điềm lành tối thượng.

480 Kinh Điềm Lành Lớn - Tiểu I, 548

Kinh Điềm Lành Lớn – *Tiểu I*, 548

(Kinh Đại Hạnh Phúc - Mahamangala Sutta) (Sn 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy với bài kệ bạch Thế Tôn:

Thiên nhân:

258. *Nhiều Thiên nhân và Người,
Suy nghĩ đến điềm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên,
Về điềm lành tối thượng.*

Thế Tôn:

259. *Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc trí,*

*Đảnh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.*

260. *Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.*

261. *Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huân luyện học tập,
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng.*

262. *Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.*

263. *Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.*

264. *Chăm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.*

265. *Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

266. *Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

267. *Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả Niết bàn,
Là điềm lành tối thượng.*

268. *Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điềm lành tối thượng.*

269. *Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.*

481 Kinh Đứng Dậy - Tiểu I, 570

Kinh Đứng Dậy – Tiểu I, 570 (Sn 57)

331. *Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Vội người mộng ích gì?
Kẻ bệnh ngủ làm gì?
Khi mũi tên phiền lụy.*

332. *Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Hãy kiên trì học tập,
Đạt cho được an tịnh,
Đừng để cho thân chết,
Biết Ông là phóng dật,
Mê hoặc, chinh phục Ông.*

333. *Chư Thiên và loài Người,
Sống y chỉ tâm cầu,
Hãy vượt ái dục này,
Chớ để thời khắc qua,
Khi thời khắc đã qua,
Bị sâu khổ địa ngục.*

334. *Phóng dật là bụi nhơ,
Bụi do phóng dật khởi,
Vội **minh**, không phóng dật,*

Tự mình rút mũi tên.

482 Kinh Ẩn Sĩ - Tiểu I, 528

Kinh Ẩn Sĩ – Tiểu I, 528 (Sn 35)

207. *Thân mật, sanh sợ hãi,
Trú xứ, sanh bụi bặm,
Không trú xứ, không thân,
Hình ảnh bậc ẩn sĩ.*

208. *Ai đã chặt sanh hữu,
Không còn gieo giống thêm,
Sanh hữu đã đoạn tận,
Không muốn nó tùy sanh,
Được gọi là ẩn sĩ,
Một mình đi im lặng,
Bậc đại sĩ đã thấy,
Con đường tịch tịnh ấy.*

209. *Sau khi ước lượng đất,
Tìm hiểu được hột giống,
Không còn muốn tham ái,
Được tiếp tục tùy sanh,
Vị ấy **chân ẩn sĩ**,
Thấy sanh diệt chấm dứt,
Đoạn tận mọi lý luận,
Không rơi vào tính toán.*

210. Đã rõ mọi trú xứ,
Không ham trú xứ nào,
Vị ấy chân ẩn sĩ,
Không tham, không say đắm.
Không còn phải ra sức,
Đã đạt bờ bên kia.

211. Bạc chiến thắng toàn diện,
Bạc toàn tri, thiện tuệ,
Đối với tất cả pháp,
Không còn bị ô nhiễm.
Bạc từ bỏ tất cả,
Ái đoạn diệt, giải thoát.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy **thật ẩn sĩ.**

212. Vị có trí **tuệ** lực,
Giới cấm được đầy đủ,
Định tĩnh, thích thiền **định**,
Gìn giữ trì **chánh niệm**,
Giải thoát các trói buộc,
Không hoang vu, lậu tận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy **thật ẩn sĩ.**

213. **Bộ hành, riêng một mình,**

Ẩn sĩ, không phóng dật,
Trước chê bai, tán thán,
Không có bị dao động.
Như sư tử, không sợ,
Giữa các tiếng vang động.
Như gió không vướng lưới,
Như sơn không dính nước,
Bạc lãnh đạo mọi người,
Người không ai lãnh đạo.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

214. Vị nào biết xử sự,
Như cột trụ hồ tắm,
Khi người khác nói lời,
Lời khen chê cực đoan,
Vị không có tham ái,
Vời căn khéo định tĩnh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

215. Ai thật tự mình đứng,
Thẳng như cây thoi đưa,
Nhàm chán các nghiệp ác,
Quán sát chánh, bất chánh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

216. Ai biết tự chế ngự,
Không làm các điều ác,
Trẻ và hạng trung niên,
Bậc ẩn sĩ chế ngự,
Vị không nên chọc giận,
Vì không làm ai giận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

217. Ai sống nhờ người cho,
Nhận lãnh đồ khát thực,
Nhận từ trên, từ giữa,
Hay từ chỗ còn lại,
Không đủ để tán thán,
Không nói lời hạ mình,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

218. Sống thụ hạnh ẩn sĩ,
Từ bỏ sự dâm dục,
Ai lúc còn tuổi trẻ,
Không bị trói buộc gì,
Từ bỏ mạn, phóng dật,
Được hoàn toàn giải thoát,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

219. Rõ biết được thế giới,
Thấy được **lý chân đế**,
Vượt khỏi được bực lưu,
Vượt biển lớn như vậy.
Vị chặt đứt trói buộc,
Không y lại, vô lậu.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

220. Hai nếp sống không giống.
An trú, thật xa nhau,
Gia chủ, có vợ con,
Không ngã sở, khéo nhiếp,
Gia chủ không chế ngự,
Ngăn chặn hữu tình khác,
Bậc ẩn sĩ luôn luôn,
Che chở loài hữu tình.

221. Giống như loại chim công,
Loại chim có cổ xanh,
Không bao giờ sánh bằng,
Chim thiên nga nhanh nhẹn.
Cũng vậy, người gia chủ,
Không sánh bằng Tỷ-kheo,
Bậc ẩn sĩ viễn ly,
Sống thiền định trong rừng.

483 Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – *Tiểu III*, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "Hãy cho con tôi thuốc". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết.

Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thể giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lựu trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được Sơ quả (quả Dự lưu) và xin được xuất gia. Đức Phật chấp

nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng. Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất**.

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khấp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

*214. Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,*

*Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.

216. Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.

217. Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.

218. Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,
Ta không về đến nhà.

219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khôn khéo,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.

220. Ôi, nữ nhân khôn khéo,
Sanh gia cảnh khôn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.

221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.

222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.

223. Trên ta, **mũi tên đâm,**

*Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.*

484 Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Sila Vaniya – Tiểu III, 16

Sila Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmiya*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

*6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.*

485 **Kiêu hãnh với sắc đẹp của mình - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584**

Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 (41)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc **đòng họ Thích-ca. Được tên là Nandà**. Nàng có danh là Nandà hoa khô.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia". Như vậy nàng **xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình**.

Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng **vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình** và **không** chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quả trách nàng.

Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX) với sự sai khác nhau: khi nàng thấy **hóa thân của một**

nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiên định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh, **bất tịnh**, hôi thúi,
**Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.***

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được

những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:
- *Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt, bị già, chết chi phối.* Như đã được nói trong tập Pháp cú:

**85. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.**
(Pháp Cú. 150)

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bốn Sư và nói thêm:

**86. Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.**

486 **Kiêu hãnh với sắc đẹp của mình - Kinh Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554**

Abhirùpa Nandà – Tiểu III, 554 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandà. Vì nàng rất đẹp nên được tên là Abhirùpa Nandà (Nandà đẹp). Ngày nàng lựa Carabhùta làm chồng, thời Carabhùta mệnh chung và cha mẹ cưỡng bức nàng xuất gia.

Sau khi đã xuất gia, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của nàng, và sợ bậc Đạo Sư quở trách, nàng lần tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh nàng đã thuận thực nên bảo Mahàpajàpati quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, nàng nhờ người khác đi thế. Đức Phật không chấp nhận nên nàng phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và nàng bị xúc động mạnh.

Rồi đức Phật nói với nàng những bài kệ như sau:

**19. *Này Nandà, hãy nhìn,
Tám thân chỗ quy tụ,
Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh,
Đầy hôi hám thối nát,***

*Tâm nàng hãy tu tập,
Quán tri tánh bất tịnh,
Đạt cho được nhất tâm,
Tâm tư khéo thiền định.*

*20. Hãy tu tập vô tướng,
Hãy bỏ mạn tùy miên,
Do thắng tri được mạn,
Nàng sẽ sống an tịnh.*

Khi Thế Tôn nói xong, nàng chứng quả A-la-hán.
Nói lại cho nàng những bài kệ này, nàng xem các bài
kệ là lời tuyên bố chánh trí của nàng.

487 Kiêu mạn - Ai phá hoại kiêu mạn, Không còn chút dư tàn - Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – *Tiểu I*, 457

1. Ai nhiếp phục **phần nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,

*Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
*Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

5. Ai trong các **sanh hữu**,
Không tìm thấy lỗi cây,
*Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,

*Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

7. *Với ai những tâm tư,
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

8. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

9. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

*Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

10. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

11. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

12. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,

Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,

Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sầu khổ bức phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
**Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.**

488 **Kiều mạn - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176**

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 176* (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.
- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thâm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.

489 **Kiêu mạn - Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110**

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

490 **Kiều mạn - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183**

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

491 Kiêu mạn - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,

Trong nung nấu hối tiếc.

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

492 **Kiêu mạn - Loài người ở đời này, Bị kiêu mạn khiếp phục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 246**

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 246 (Ud 70)

(Giống như kinh VI, 5, tức là kinh trước, với đoạn kết luận khác nhau như sau:)

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*6. Có người ở đời này,
Chấp người làm là ta,
Trói buộc với tư tưởng,
Người làm là người khác,
Họ không biết sự này,
Họ thấy là mũi tên.

Ai nhìn mũi tên này,
Với thận trọng cần thiết,
Người ấy không còn chấp,
"Người làm chính là ta",
Người ấy cũng không chấp,
"Người làm là người khác".

Loài người ở đời này,
Bị **kiêu mạn** khiếp phục,*

*Bị cột bởi kiêu mạn,
Bị trói bởi kiêu mạn,
Trong các loài chủ thuyết,
Họ cạnh tranh, luận tranh,
Họ không thể vượt qua,
Luân chuyển trong sanh tử.*

493 Kiêu mạn - Nhiếp phục kiêu mạn - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

*Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. VớI ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. **Đệ tử Gotama,**

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với mình, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại bị kích thích và tham dục khởi lên. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.*

Và Tôn giả Ananda trả lời:

1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.*

1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,*

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

*Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thân,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.*

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cầu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- *Này Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?*
- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.
- *Vậy này Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.*
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.

1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.

1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BÓN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vị có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
N như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bạc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tới cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. *Nghe vậy, con tịnh tín,
Vớ lời nói của ngài,
Bạc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

1273. *Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.*

1278. *Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

1279. *Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,*

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

494 **Kiều mạn - Tâm đi đến hỷ mạn, Như bị đâm giáo nhọn - Kinh Anupama – Tiểu III, 186**

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama (không thể so sánh được)*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
*Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
*Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

495 **Kiêu mạn - Với ai, không nên kiêu - Kinh Jenta – Tiểu III, 270**

Jenta – Tiểu III, 270 (218)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra làm con của vị cố vấn tế tự cho vua Kosala và được đặt tên là Jenta.

Khi lớn lên, ngài trở thành kiêu mạn với những quyền lợi về sanh, tài sản, địa vị, khinh bỉ những gì đáng phải kính trọng và cứng cỏi trong kiêu hãnh.

Một hôm, ngài đến gần bậc Đạo Sư đang thuyết pháp cho một số đông, nghĩ rằng: "*Nếu Sa-môn Gotama nói với ta trước, ta sẽ nói, ta không tự ý nói với Sa-môn Gotama!*". Thế Tôn không nói với Jenta, và Jenta vì lòng kiêu mạn cũng không nói. Sau cùng ngài nêu rõ lý do vì sao ngài đến và Thế Tôn nói với ngài như sau:

*An trú triền kiêu mạn,
Thật sự là không tốt,
Hỡi này Bà-la-môn,
Nên an trú lợi ích.
Điều thiện ông tầm cầu,
Khi ông đến tại đây,*

*Chỉ trên đây mà thôi,
Ông hãy nên an trú.*

Jenta nghĩ rằng: "Thế Tôn đã biết tư tưởng của ta, cảm thấy xúc động mạnh và đánh lễ chân Thế Tôn".
Rồi ngài thưa với bậc Đạo Sư:

*Với ai, không nên kiêu?
Với ai, cần cung kính?
Với ai, phải tôn trọng?
Cung kính ai là thiện?*

*Thế Tôn trả lời:
Với cha và với mẹ,
Với anh cả, với thầy,
Với các Bà-la-môn,
Với Sa-môn áo vàng,
Với những vị như vậy,
Nên cung kính tôn trọng,*

*Cung kính các vị ấy,
Là việc làm tốt lành.
Với các bậc La-hán,
Tịch tịnh và hữu học,
An tịnh, không cầu ướ,
Mọi kiêu mạn chấm dứt,
Khi đạt đến mục tiêu,*

Hãy tôn trọng vị ấy.

Với lời dạy này, Jenta chứng được quả Dự Lưu, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Nói lên sự thành công, ngài tuyên bố chánh trí của ngài:

423. *Ta say đắm tự kiêu,
Với sanh chủng, tài sản,
Kể cả với quyền lực,
Địa vị và dung sắc,
Ta sống kiêu mạn vậy.
Tham đắm và mê say.*

424. *Ta quá sức kiêu hãnh.
Xem không ai bằng ta,
Si mê, quá tự hào,
Kiêu căng và cống cao.*

425. *Mẹ cha và người khác,
Được cung kính tôn trọng,
Ta không lễ một ai,
Kiêu hãnh, không lễ phép.*

426. *Thấy lãnh đạo đệ nhất,
Tối ưu Điều Ngự Sư,*

*Như mặt trời sáng chói,
Cầm đầu chúng Tỷ-kheo.*

427. *Gạt bỏ mạn, kiêu hãnh,
Vội tâm thật an lành,
Vội đầu ta đánh lễ,
Bậc tối thượng chúng sanh.*

428. *Quá mạn, ty liệt mạn,
Tì bỏ, nhỏ tận gốc,
Ngã mạn được chặt đứt,
Mọi loại mạn tận diệt.*

496 **Kiêu mạn được đoạn tận, Không còn có lậu hoặc - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180**

Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiêu mạn được **đoạn tận**,*

*Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ,
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

497 **Kiểm - Như bị kiểm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48**

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiểm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

498 **Kiểm - Như bị kiểm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49**

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiểm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

499 Kiến - Người sống đời an tịnh, Kiến và Giới thế nào_ - Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I, 722

Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại – *Tiểu I, 722*

Người hỏi:

848. *Người sống đời an tịnh,*

Kiến và giới thế nào?

Con hỏi Gotama,

Là bậc người tối thượng.

Thế Tôn:

849. *Thế Tôn đáp như sau:*

Ly ái trước thân hoại,

Không y chỉ ban đầu,

Không y chỉ cuối cùng,

Không kể đến vật giữa,

Không có ưa thích nào.

850. *Không phần nộ, không sợ,*

Không khoa đại, không hối,

Nói hòa nhã, không động,

Bậc ẩn sĩ thận ngôn.

Không ước vọng tương lai,

*Không sâu muộn quá khứ,
Thấy viễn ly giữa xúc,
Không để kiến dắt dẫn.*

852. *Sống riêng, không man trá,
Không thích, không xan tham,
Không xông xáo, nhàm chán,
Không đi đến hai lười.*

853. *Không mê vật khả ái,
Cũng không có quá mạn,
Nhu hòa, nhưng ứng biện,
Không vọng tín, không tham.*

854. *Không tu tập vì lợi,
Không được lợi, không sân,
Không bị ái kích thích,
Không đam mê các vị.*

855. ***Thường trú xả, chánh niệm,**
Ở đời, không nghĩ mình,
Bằng, hơn, hay thua người,
Vị ấy, không bông bột.*

856. *Không y chỉ một ai,
Biết pháp, không y chỉ,
Vị ấy không có ái,*

Đối với hữu, phi hữu.

857. *Ta gọi vị an tịnh,
Không mong cầu các dục,
Vị ấy không triển phược,
Vượt khỏi các tham trước.*

858. *Vị ấy không con cái,
Thú vật, ruộng, đất đai,
Không có gì nắm lấy,
Là ta, là không ta.*

859. *Phàm phu có buộc tội,
Hoặc Sa-môn, Phạm chí,
Vị ấy không quan tâm,
Trong lời nói không động,*

860. *Không tham, không xan lẫn,
Ẩn sĩ không nói cao,
Không nói bằng, nói thấp,
Không đi đến thời kiếp,
Vị ấy vượt khỏi,
Sự chi phối thời kiếp.*

861. ***Ai không có vật gì,
Không có, không sâu muộn,
Không đi đến các pháp,***

*Vị ấy gọi **an tịnh**.*

500 Kiến thủ - Kiến thủ gây xung đột với nhau - Kinh Mågandiya - Tiểu I, 717

Kinh Mågandiya – Tiểu I, 717

Thế Tôn:

835. Sau khi thấy **khát ái**,
Bất lạc và **tham đắm**,
Không thể có ưa muốn,
Đối với sự **dâm dục**.

Sao, với bao đầy tràn,
Nước tiểu, phân ứ này,
Ta không có ước muốn,
Với chân động chạm nó.

Mågandiya:

836. Nếu Ngài không ước muốn:
Ngọc báu như thế này,
Nữ nhân được mong cầu,
Bởi rất nhiều đế vương,
Hãy nói như thế nào,
Là tri kiến của Ngài,
Giới cấm và sinh mạng,
Cùng sự hữu phát sanh.

Thế Tôn:

837. Thế Tôn liền trả lời,
Cho Mågandiya,
Vói Ta không có nói,
Ta nói như thế này,
Sau khi quán sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp,
Trong tất cả tri kiến,
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa,
Tịch tịnh trong nội tâm.

Mågandiya:

838. Mågandiya nói:
Các lý thuyết quyết định,
Ngài nói vị ẩn sĩ,
Không nắm giữ thuyết nào.
Còn về ý nghĩa này,
Của hai chữ nội tịnh,
Thế nào là bậc Hiền trí,
Hiểu biết hai chữ ấy?

Thế Tôn:

839. Thế Tôn nói như sau:
Này Māgandīya,
Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.
Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là,
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm,
Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
*Bậc thiện không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.*

Māgandīya:

840. Māgandīya nói:
Nếu không từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đưa đến.
Người ta nói như vậy,
Cũng không phải không kiến,
Không truyền thống, không trí,
Không giới luật giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến

*Con nghĩ rằng pháp vậy,
Là pháp kẻ ngu si,
Vì rằng thật có người,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.*

Thế Tôn:

841. *Thế Tôn nói như sau:*

*Này Māgandiya,
Nếu y vẫn tri kiến,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Chính do những chấp thủ,
Đi đến sự ngu si,
Từ đó, Ông không thấy,
Một chút gì về tướng,
Do vậy, Ông chớ thấy,
Tất cả là ngu si.*

842. *Bằng ta, thắng hơn ta,
Hay thấp kém hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Do vậy đấu tranh khởi.
Ai không bị dao động,
Bởi ba vấn đề ấy,
Như vậy, đối vị ấy,
Không bằng, không thù thắng.*

843. Sao Bà-la-môn ấy,
Lại nói: "Đây sự thật",
Đây chính là nói láo,
Để gây nên tranh luận,
Vội ai không hề có,
Bằng nhau, không bằng nhau.
Do đâu nó có thể,
Mắc vào tranh luận được.

844. Đoạn tận mọi nhà cửa,
Sống là kẻ không nhà,
Ẩn sĩ không thân thiết,
Vội một ai ở làng,
Trống không các dự vọng,
Không xem trọng sự gì,
Không nói chuyện tranh luận,
Vội một ai ở đời.

845. Vị ấy sống viễn ly,
Mọi sự việc ở đời,
Bạc Long tượng không chấp,
Và không nói đến họ.
Như hoa sen có gai,
Sanh ra ở trong nước,
Không bị nước và bùn,
Mắc dính và thấm ướt.
Như vậy bậc ẩn sĩ,

Nói an tĩnh, không tham,
Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt.

846. Bậc trí, không do kiến,
Cũng không do thọ tưởng,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không có tham dự vào,
Không để cho hành động,
Cho truyền thống dắt dẫn,
Không để bị chi phối,
Trong trú xứ của ý.

847. Người không ưa thích **tưởng**,
Không có bị trói buộc,
Vị được **tuệ giải thoát**,
Không có sự si mê,
Và những ai chấp thủ,
Tư tưởng và tri kiến,
Người ấy sống xung đột,
Với mọi người ở đời.

501 Kiếp - Câu chuyện ba một kiếp trước - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.

218. Đã qua **ba một kiếp**,
Tưởng ấy ta không chứng,

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lâu hoặc diệt.*

502 Kiết sử - Bạc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

503 Kiết sử - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 303 (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là **Ái kiết sử**.*
- *Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.*

*Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,*

*Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

504 Kiết sử - Hỷ là kiết sử - Kinh Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla - Tiểu I, 808

Câu hỏi của thanh niên 14 Posàla – *Tiểu I, 808*

Posàla:

1112. Tôn giả Po-sa-la:

Vị nói về quá khứ,
Bất động nghi hoặc đoạn,
Đã đến bờ bên kia,
Con đến với câu hỏi,
Hỏi về hết thấy pháp.

1113. Với ai, sắc tướng diệt,
Đoạn tận hết thấy thân,
Nhìn thấy nội và ngoại,
Thật sự không có gì,
Con hỏi bậc Thích-ca,
Thế nào người như vậy,
Có thể bị dứt dần?

Thế Tôn:

1114. Thế Tôn bèn đáp rằng:

Hỡi này Pô-sa-la,
Như Lai được thắng trí,
Tất cả nhờ thức trú,

*Rõ biết vị an trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.*

1115. *Biết được sự tác thành,
Thuộc về vô sở hữu,
Biết **hỷ** là **kiết sử**,
Do thắng tri như vậy,
Tại đây, thấy như vậy,
Đây là trí như thật,
Của vị Bà-la-môn,
Đã thành tựu Phạm hạnh.*

505 Kiết sử - Sám tạo cử nỗ vang, Mây kiết sử bao phủ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

506 Kiết tập Kinh điển lần hai - Kinh Sambhùta – Tiểu III, 219

Sambhùta – Tiểu III, 219 (192)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình có giai cấp, và sau khi bậc Đạo Sư tịch diệt, ngài được Ananda giáo hóa, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài sống trong an lạc giải thoát, cho đến khi **một trăm năm** sau khi đức Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo Vajjì đề xướng **mười tà pháp** bị Trưởng lão Niyasa và các Tỷ-kheo Kàlanndaka chống lại và một kỳ kiết tập được tổ chức với **bảy trăm vị A-la-hán**.

Ngài Sambhùta, bị xúc động bởi hành động xuyên tạc Pháp và Luật, nói lên những bài kệ này và tuyên bố chánh trí của ngài:

290. Ai khi phải từ từ,
Lại lợi qua gấp gấp,
Ai khi phải lợi gấp,
Lại từ từ lợi qua,
Kẻ **ngu** thiếu chánh lý,
Đi đến cảnh khổ đau.

291. Lợi ích bị tổn giảm,
Như trăng vào thời đen,
Gặp phải sự ô nhục,
Chống đối các bạn bè.

292. Ai khi phải từ từ,
Lội qua rất từ từ,
Ai khi phải lội gấp,
Lội qua thật gấp gấp,
Kẻ **trí** có chánh lý,
Đi đến cảnh an lạc.

293. Lợi ích được viên mãn,
Như trăng vào thời sáng,
Được danh tiếng vinh dự,
Không chống đối bạn bè.

507 Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196

Khujja Sobhita – Tiểu III, 196 (175)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng).

Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bốn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các **thiên nhân** cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

*233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,*

*Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.*

Rồi vị **thiên nhân** tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

*234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

*235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

508 Kiết tập kinh điển lần ba - Kinh Tekicchakàrì – Tiểu III, 256

Tekicchakàrì – *Tiểu III*, 256 (211)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakàrì (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình.

Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua Candagotta, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. Tekicchakàrì nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khó khăn của mình.

Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, *chọn cho ngài một đề tài tu tập* và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được Thánh quả.

Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cảm dỗ ngài nên nói như sau:

381. Lúa đã gặt thâu xong,
Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: "*Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phân việc để ta thuyết giảng*". Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

382. *Hãy niệm Phật vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

383. *Hãy niệm Pháp vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

384. *Hãy niệm Tăng vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

*385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Có cửa đóng then gài.*

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

*386. Ta sẽ cảm thọ được,
Với **bốn tâm vô lượng**,
Ta sẽ sống an lạc,
Với những tâm tư ấy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.*

Nói vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua Bindusàra, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

509 Kiều Trần Như - KINH Vappa – Tiểu III, 72

Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng *Thái tử Siddhatta* sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

61. Vị đã thấy, thấy được,

*Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,
Người không thấy, người thấy.*

510 Kokàliya - Địa ngục sen hồng - Kinh Kokàliya - Tiểu I, 654

Kinh Kokàliya – *Tiểu I*, 654

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn của ông Anàthapindika. Rồi **Tỷ-kheo Kokàliya** đi đến Thế Tôn sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokàliya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, **chớ có vậy!** Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, **tâm hỷ tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.**

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàliya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tín tưởng, đối với con, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, **tâm hỷ tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.**

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàliya bạch Thế Tôn...

Rồi Tỷ-kheo Kokàliya từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Tỷ-kheo Kokàliya ra đi không lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokàliya nổi lên những mụn to bằng hạt cải; sau khi lớn lên bằng hột đậu; chúng lớn lên bằng hột đậu lớn; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo; sau khi lớn lên bằng trái táo, chúng lớn lên bằng trái àmala; sau khi lớn lên bằng trái àmala, chúng lớn lên bằng trái vilva; sau khi lớn lên bằng trái vilva, chúng lớn lên bằng trái billi, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ-kheo Kokàliya do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàliya sanh trong **địa ngục Sen hồng**, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya phải sanh vào địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy, sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, hồi hôm Phạm thiên Sahampati, khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta, sau khi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya đã mệnh chung và Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàliya sau khi mệnh chung đã sanh địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna*".

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, bao nhiêu là **tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?***

- **Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng, không dễ gì tính được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, hay bao nhiêu trăm ngàn năm.**

- *Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng ví dụ?*

Thế Tôn đáp:

- Có thể được, này Tỷ-kheo.

Này Tỷ-kheo, ví như có bao hột đậu mè nặng hai mươi ngàn khàrika, theo đo lường nước Kosala.

- Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi ngàn khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh với tuổi thọ ở **địa ngục Abbuda**.
- Này Tỷ-kheo hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abbuda; bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda, bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ababa**.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Atata**.
- (Kinh này thiếu nói về địa ngục **Ahaha**)(???)
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Atata bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda**.
- Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika**.

- *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Uppala (Sen xanh)**.*
- *Này các Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pundarika (Sen trắng)**.*
- *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Pundarika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pudumà (Sen hồng)**.*
- *Này Tỷ Kheo Kokàliya sanh tại địa ngục **Pudumà** với tâm hận thù Sàriputta và Moggallàna.*

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

657. *Phàm con người đã sanh,
 Sanh với **búa** trong miệng,
 Kẻ ngu khi nói bậy,
 Tự chặt đứt lấy mình.*

658. *Ai khen kẻ đáng chê,
 Ai chê người đáng khen,
 Tự chất chứa bất hạnh,
 Do lỗi miệng của mình,
 Chính do bất hạnh ấy,
 Nên không được an lạc.*

659. Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Do quăng con xúc xắc,
Tài sản bị hoại vong,
Lớn hơn bất hạnh này,
Tự mình gây cho mình,
Vớ người có ác ý,
Đối chư Phật, Thiện Thệ.

660. Trải thời gian trăm ngàn,
Ở Nirabbuda,
Ba mươi sáu và năm,
Ở tại Abbuda,
Vớ lời và ác ý,
Ai phỉ báng bậc Thánh,
Người ấy sẽ rơi vào,
Các cõi dữ địa ngục.

661. Kẻ nói không chân thật,
Đi đến cõi địa ngục,
Ai tự mình có làm,
Lại nói: "Tôi không làm",
Cả hai sau khi chết,
Đều được xem đồng đẳng,
Hành động họ hạ liệt,
Đời sau, đồng làm người.

662. Ai khởi lên ác tâm,
Đối người không ác ý,
Đối người sống thanh tịnh,
Không có gì uế nhiễm,
Ác ấy trở lui lại,
Đến với kẻ ngu ấy,
Như bụi bặm nhỏ nhiệm,
Quảng ngược chiều gió thổi.

663. Ai hệ lụy đắm trước,
Các chủng loại tham dục,
Người ấy với lời nói,
Chỉ trích các người khác,
Không lòng tin, xan lẫn,
Không rộng rãi với người,
Xan tham và keo kiệt,
Quen thói nói xấu người.

664. Nay Ông, miệng ác độc,
Không chân thật, không thánh,
Kẻ giết hại sanh linh,
Kẻ ác, kẻ làm ác,
Người hạ liệt, bất hạnh,
Thuộc về loại hạ sanh,
Ở đời, chớ nói nhiều,
Ông là dân địa ngục.

665. Ông rắc rải bụi trần,
Khiến mọi người bất hạnh,
Ông nói xấu bậc hiền,
Làm ác điều tội ác,
Sau khi Ông đã làm,
Rất nhiều điều ác hạnh,
Ông đi đến vực thẳm,
Trong thời gian dài dài.

666. Hành động bất cứ ai,
Không đi đến tiêu diệt,
Rồi nó cũng đến Ông,
Bắt gặp được nghiệp chủ,
Kẻ ngu làm điều ác,
Đời sau thấy mình khổ.

667. Nó đi đến tại chỗ,
Bị đánh bằng roi sắt,
Tại chỗ có cọc sắt,
Vớ cạnh lưỡi bén nhọn,
Ở đấy nó có được,
Các món ăn thích đáng,
Giống như những hòn sắt,
Được nung nấu cháy đỏ.

668. Tại đấy không ai nói,
Lời nhẹ nhàng an ủi,

Không có ai vội vã,
Đến che chở hộ trì,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực.

669. Với lưới, kẻ giữ ngục,
Trùm kín bao phủ họ,
Tại đây với gậy sắt,
Họ hành hạ đánh đập,
Họ đi qua vực đen,
Tối tăm không thấy đường,
Như đi qua đám mù,
Đang đầy đặc tràn rộng.

670. Họ đi đến bước vào,
Các chum ghè bằng sắt,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực,
Tại đây, họ bị nấu,
Trong thời gian lâu dài,
Họ nổi lên chìm xuống,
Trong những hầm lửa ấy.

671. Rồi kẻ làm điều ác,
Bị nung nấu tại đây,
Giữa đông mủ và máu,
Xen kẽ và lẫn lộn,

*Tùy theo phương hướng nào,
Nó theo chiều hướng nào,
Ở đấy, bị rửa nát,
Khi bị xúc chạm vào.*

*672. Trong nước, chỗ trú ẩn,
Của các loài côn trùng,
Kẻ làm các điều ác,
Bị nung nấu tại đấy,
Cho đến những bờ bến,
Không có cho nó đi,
Vì chum ghè mọi phía,
Đều tròn đầy như nhau.*

*673. Trong rừng đầy lá guom,
Sắc bén và mũi nhọn,
Họ đi vào rừng ấy,
Chân tay bị chém đứt,
Sử dụng các câu móc,
Chúng móc lưỡi dài ra, (???)
Rồi những kẻ ngục tối,
Hành hạ đánh giết họ.*

*674. Họ đi vào cảnh giới,
Gọi Vêtarani,
Khó vượt qua, tràn đầy,
Lưỡi dao, búa sắc bén,*

Tại chỗ ấy, kẻ ngu,
Bị rơi, bị rớt vào,
Những kẻ làm điều ác,
Sau khi tạo nghiệp ác.

675. Tại đây, các chim thú,
Ăn thịt kẻ rên la,
Những bầy, đàn quạ đen,
Đen thui và lốm đốm,
Các loài chó, dã can,
Cùng với các chim kên,
Các điều hâu, chim quạ,
Xé xác những kẻ ấy.

676. *Thật rất là đau khổ,
Nếp sống này, tại đây,
Nếp sống kẻ làm ác,
Loài Người thấy được vậy,
Do vậy, ở đời này,
Với mạng sống còn lại,
Là người làm công việc,
Không biếng nhác thụ động.*

677. Những hột mè mang lại,
Địa ngục **Paduma**,
Được kẻ trí đếm kỹ,
Số đến Nahuta,

*Lên đến số năm tỷ,
Tức năm ngàn vạn triệu,
Còn nữa lên đến số,
Một trăm hai mươi ức.*

*678. Khổ cho đến như vậy,
Địa ngục được nói đến,
Tại đây cần phải sống,
Lâu cho đến như vậy.*

*Như vậy, giữa những người,
Trong sạch, thiện tốt lành,
Hãy luôn luôn hộ trì,
Lời nói và ý nghĩa.*

511 Kondanna - Cháu trai của Trưởng lão Kondanna - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III, 13* (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão Kondanna và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu

mười do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: "*Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành***". Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

**4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền mình thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.***

512 Kondannà - Kinh Vappa – Tiểu III, 72

Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng *Thái tử Siddhatta* sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

61. Vị đã thấy, thấy được,
Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,

Người không thấy, người thấy.

513 KosalaVihàrim – Tiểu III, 69

KosalaVihàrim – Tiểu III, 69 (59)

Câu chuyện của ngài giống như chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Sau khi làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng, gần một làng trong nước Kosala, gần chỗ ở của một cư sĩ. Người này, thấy ngài ở dưới một gốc cây nên làm một cái chòi và cúng dường cho ngài.

Ở đây vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán. Với tâm tư hoan hỷ sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

*59. Do lòng tin, xuất gia,
Ta sống không gia đình,
Trong rừng, một chòi lá,
Được dựng lên cho ta,
**Ta sống không phóng dật,
Nhiệt tâm, niệm tỉnh giác.***

Đây là lời tuyên bố chánh trí của ngài và vì ngài ở lâu ngày ở Kosala, ngài được biết với tên là Kosalavihàrim (vị ở Kosala).

514 Kosiya – Tiểu III, 252

Kosiya – Tiểu III, 252 (209)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là Sona.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

369. *Ai hiểu những lời dạy,
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.*

370. *Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,
Biết thù thắng trong Pháp.*

371. *Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú **bất động**,
Biết thù thắng trong Pháp.*

372. *Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.*

373. *Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.*

515 Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc tự điều, điều thân.**

516 Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **đục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vất ném trong nghĩa địa,*

Làm mỗi cho sâu ăn.

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiên quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

517 Kumaputta Con Của Kunmà – Tiểu III, 46

Kumaputta Con Của Kunmà – *Tiểu III, 46* (36)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứ Anvanti thành Velukanda, và được đặt tên là **Nanda**. Nhưng vì mẹ tên Kumà nên ngài được gọi là **con của Kumà**.

Khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và sửa lại phương pháp tu tập, ngài mới chứng quả A-la-hán.

Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỷ-kheo khác quá lo cho thân thể, nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp:

36. Lành thay, điều được nghe!

Lành thay, hạnh phúc sống!

Lành thay, thường an trú!

Đời sống kẻ không nhà.

Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp,

Làm các hạnh cung kính,

Đấy là hạnh Sa-môn,

Của bậc Vô sở hữu.

518 Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bắt chảnh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi một Thiên nhân, đã

chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở
Tịnh Cư Thiên, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa
phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân
đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà
chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức
Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức
Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-
hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp
lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của
mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài
nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

519 Kunda Dhàna – Tiểu III, 25

Kunda Dhàna – Tiểu III, 25 (15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được gọi là **Dhàna**. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe đức Phật thuyết pháp và xuất gia.

Khi vua Pasenadi nước Kosala đề ý đến ngài, cúng dường ngài các đồ dùng cần thiết nên ngài khỏi phải đi khát thực.

Khi nàng *Subhadda* mời bậc Đạo Sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy Kunda Dhàna mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong tập số **Anguttara Nikàya**. Ngài nói lên các bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo:

15. *Năm pháp Thầy cắt đứt,
Năm pháp Thầy từ bỏ,
Và năm pháp thượng nhân,
Thầy cố gắng tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm ái,
Được gọi vượt bậc lưu.*

520 Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. *Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiện giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.*

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện
biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói
lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiếp phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

521 Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ gián dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của

mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (vị ở chòi lá).

522 Kàludàyin – Tiểu III, 312

Kàludàyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong,
khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói
lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ
đẹp cuộc hành trình:

527. Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đáng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.

528. Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.

529. Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.

530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.

531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.

532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.

533. Bậc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.

534. *Phụ vương đại ẩn sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn** vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. ***Ta là con đức Phật**,
Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,*

*Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

523 Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;
Chớ để cho thân chết,

Lường gạt, chiến thắng ông.

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiên định,

Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. *Hãy thiền tu, chiến thắng,*

Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,

An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,

Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,

Như nước làm tắt lửa.

416. *Ánh sáng được tạo ra,*

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tản xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

524 Kê - Với hạnh không phóng dật, Ta phá vỡ luân hồi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – Tiểu III, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,

Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

525 **Kính lễ - Từ ai, biết Chánh pháp, Hãy kính lễ vị ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106**

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

526 Kinh trọng lời dạy của Đức Phật - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I*, 744

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ nghỉ có chừng mực,**
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. **Tỷ-kheo không run sợ,**
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

527 **Kính trọng, cúng dường - Là mũi tên tế nhị - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466**

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của *Bà-la-môn Kapila*.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến *Sàgala*, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đóng rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.

1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và
thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiên tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

**528 Kẻ làm nhà - Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi - Kinh Sivàka –
Tiểu III, 165**

Sivàka – Tiểu III, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

*183. Vô thường, những ngôi nhà,
Đấy đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

*184. Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,*

*Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thối nát.*

529 Kẽ làm ô uế đạo - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:

*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đáng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
*Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,*

***Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.***

Cunda:

85. *Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?*

Thế Tôn:

86. *Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.*

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhóp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,

*Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

530 Kê ngu si miệt thị, Giáo pháp bậc La Hán - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm**,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh, tự mình,

Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

531 Kẻ ngu sống như vậy, Sẽ đoạn khổ được sao_ - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

532 Kê ngu, có ích gì, Bện tóc với da dê - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

533 Kẻ nhác lại liên tục, Đi đến chỗ thai tạng - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

534 Kẻ thù - 3 nội uế, nội thù - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 410 (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

*Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ
Đâu chính là lợi ích,*

Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.
Ai đoạn trừ được sân,
Không sân việc đáng sân,

Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

535 Kẻ thù - Mong rằng kẻ thù ta, Được nghe lời Chánh pháp - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thôi cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

*Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.*

*869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.*

*870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.*

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

536 **Kẻ thù - Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành kẻ thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43**

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muồi;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

537 Kê thù hại kê thù, Oan gia hại oan gia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

538 **Kẻ trí bỏ pháp đen, Tu tập theo pháp trắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46**

Phẩm Hiền Trí – *Tiểu I*, 46

76. Nếu thấy bậc Hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.

79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,
Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.

84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.
Vị ấy thật trì giới,

Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập **giác chi**,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói,

Sống tịch tịnh ở đời.

539 **Kẻ tìm lạc được lạc, Nếu sở hành đúng đẫn - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45**

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này".*

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng dẫn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

540 Kẽ đeo vòng hoa bằng ngón tay - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thôi cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.

869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.

870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi
nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chận lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

541 Kết bạn - Hãy thân cận Bạc nghe nhiều trì pháp - Kinh Con Tê Ngu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngọng,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

542 Kệ - Ai chuyên nhất xuất ly, Tâm tư hướng viên ly - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ấng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,

638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,*
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,*
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm *được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,*
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.

643. *Như một hòn đá tảng,*
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

543 Kệ - Ai hôn trầm ăn nhiều - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

544 Kệ - Ai làm hại với trượng, Kẻ tìm lạc cho mình - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 134

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 134 (Ud 11)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông đũa trẻ đang **hành hạ con rắn** với cây gậy, giữa Sàvatthi và Jetavana. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy giữa Sàvatthi và Jetavana nhiều đũa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy.

Thế Tôn sau khi hiểu hết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*3. Ai làm hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Người ấy sau khi chết,
Không tìm được an lạc.*

*Ai không hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Đời sau tìm được lạc.*

545 Kệ - Ai nghĩ thân của tôi, Là phàm phu ngu muội - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một vua bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nồi thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

546 Kệ - Ai nhiếp phục **phần nộ**, Đang được đẩy khởi lên - Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – Tiểu I, 457

1. Ai nhiếp phục **phần nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,

*Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
*Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

5. Ai trong các **sanh hữu**,
*Không tìm thấy lỗi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,

*Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

7. *Với ai những tâm tư,
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

8. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

9. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

*Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,

Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,

Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sầu khổ bực phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
**Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.**

547 **Kệ - Ai nhiếp phục được ái, Khổn nạn, khó chinh phục - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262**

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. *Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,*

*Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.*

*400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sâu muợn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.*

*401. **Ai nhiếp phục được ái,
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sâu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.***

*402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.*

*403. **Hãy hành lời Phật dạy,***

*Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sâu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,*

*404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.*

548 Kệ - Ai nói lời không thật, Phải đi đến địa ngục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.

- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mương của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thừa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.

- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?

- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.

- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mương tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: "*Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong*

những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

8. *Ai nói lời không thật,*

*Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói
Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ ly, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau*

một tuần sẽ biến mất". Bạch Thê Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thê Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Người không biết chế ngự,
Với lời đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,
Khi tham gia chiến trận.

Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiềm hận.*

549 Kệ - Ai sống không nhiệt nã, Khi chết không sầu muộn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 198 (Ud 45)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ **Tôn giả Upasena Vangantaputta** trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên:

- *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta, là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác.*
- *Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong **Pháp Luật** khéo nói.*
- *Các vị **đồng Phạm hạnh** với ta là những người có giới, theo thiện pháp.*
- *Chúng ta là những người làm đầy đủ trong **giới luật**.*
- *Chúng ta có thiện **định**.*
- *Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, **đoạn tận các lậu hoặc**, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực.*
- *Hiền thiện là mạng sống của ta.*

- *Hiền thiện là sự chết của ta."*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng**:

*10. Ai sống không nhiệt nã,
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường,
Giữa sầu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.*

550 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử - Kinh Sonà – Tiểu III, 591

Sonà – Tiểu III, 591 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được **sinh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi**. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được **muròi** người con trai, con gái và được biệt danh là "người nhiều con".

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. **Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng**.

Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, **nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm**.

Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và **bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên**

phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là "Tỷ-kheo-ni **tinh tấn đệ nhất**".

Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

*102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.*

*103. Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **uẩn, xứ và giới**,
Nghe pháp nàng thuyết giảng.
Cắt tóc ta xuất gia.*

104. Ta học lời nàng dạy,

*Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.*

*105. Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.*

*106. Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn,
Vấn đề phải tái sanh.*

551 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiên quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ản sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Nhưng ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm**,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

552 Kệ - Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.**

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái

chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi
bò ra cắn chòng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ
chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và
giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che
chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho
đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn
cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. **Vì mưa to,
nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu
nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông**. Nàng
để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua
sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu,
dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua
sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng,
quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu, tưởng
đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa
nhỏ đi**. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên
nhưng vì quá xa nên không làm gì được. **Còn đứa lớn
bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu
liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi**. Thế
là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, **lại được tin
hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha
mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng** vừa làm lễ
hỏa táng xong. **Trong cơn đau khổ khủng khiếp**

chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hở hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả tơi, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và **cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất**.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: ***"Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim diều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết,***

cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng".

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu đô cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "Ôi Patacàrà, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn". Rồi đức Phật dạy:

Các con, cha, bà con,

*Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả **Dự Lưu** và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm **lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thì nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất.** Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. **Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ:** *"**Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già**".*

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"**Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt***

hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy":

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

114. *Khi ta đang rửa chân,
Làm cho **dòng nước chảy**,
Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

115. *Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn **quán ngọn đèn**.*

116. *Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tìm đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

553 Kệ - Ai tham đắm nữ sắc, Gặp nhiều loại đau khổ - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** Indriyabhàvanà", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. Khi Tỷ-kheo tên là,

Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. Cay đắng như vị ngọt,

Khổ do khổ ái buộc,

Như dao bén dính mật,

Kẻ tham đâu có biết.

738. Ai tham đắm nữ sắc,

Nữ vị, nữ xúc chạm,

Ai mê say nữ hương,

Gặp nhiều loại đau khổ.

739. Mọi dòng từ nữ nhân,

Năm loại tràn năm xứ,

Người có tinh tấn lực,

Có thể ngăn chặn chúng.

740. Người có đích, trú pháp,

Người thiện xảo, sáng suốt,

Hoan hỷ làm nghĩa vụ,

Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. Chìm trong việc lợi tạm,

Hãy bỏ việc không lợi,

Nếu nó nghĩ việc ấy,

Không phải việc nên làm,

Vị ấy không phóng dật,

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh dẻo gỏi,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

554 Kệ - Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 358 (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo,

- **Lạc thọ** cần phải được xem như là **khổ**.
- **Khổ thọ** cần phải được xem như là **mũi tên**.
- **Bất khổ bất lạc thọ** cần phải được xem như là **vô thường**.

Vì rằng này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là **bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái**, đã giải tỏa kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bậc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trói buộc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

555 Kệ - Ai thật khó nhiếp phục, nay đã được nhiếp phục - Kinh Dabba – Tiểu III, 14

Dabba – Tiểu III, 14 (5)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc Mallà ở Anupiyà. Khi mới **bảy tuổi**, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi sanh ngài. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cao tóc.

Khi bậc Đạo Sư từ giã xứ Mallà để đi về Vương Xá, Dabba thiên quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng *thần thông* của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chỗ ngủ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng.

Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với Mettiya và Bhummajika vu khống, làm hại và ngài được giáo hội che chở và biện minh, Tôn giả Dabba ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

*5. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghĩ ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tịnh.*

556 Kệ - Ai thật khó nhiếp phục, nay đã được nhiếp phục - Kinh Vira – Tiểu III, 18

Vira – Tiểu III, 18 (8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là **Vira**.

Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, **vợ của ngài muốn cám dỗ** ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: *"Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi"*. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

**8. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Vira tự thỏa mãn,**

*Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không kinh hoàng,
Vừa trú tịch tịnh.*

Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: "*Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta*". Rồi đi đến tinh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chúng được **ba minh**.

557 Kệ - Ai tránh né các dục, Như chân tránh đầu rắn - Kinh về Dục - Tiểu I, 695

Kinh về Dục – Tiểu I, 695

766. Ai ao ước được **dục**,
Nếu dục được thành tựu,
Chắc tâm ý hoan hỷ,
Được điều con người muốn.

767. Nếu người có dục ấy,
Ước muốn được sanh khởi,
Các dục ấy bị diệt,
Bị khổ như tên đâm.

768. Ai tránh né các dục,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm vượt thoát được,
Ai triền này ở đời.

769. Người nào tham đắm dục,
Ruộng đất, vàng, bò, ngựa,
Người nô tỳ, phục vụ,
Nữ nhân và bà con.

770. *Như người không sức lực,
Bị các dục chinh phục,
Tai họa dẫm đạp nó,
Khổ đau bước theo nó,
Như nước ủa tràn vào,
Chiếc thuyền bị vỡ nát.*

771. *Do vậy người thường niệm,
Tì bỏ các loài dục,
Bỏ dục, vượt bực lưu,
Tát thuyền đến bờ kia.*

558 Kệ - Ai tránh né nữ sắc, Như chân tránh đầu rắn - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – *Tiểu III, 281* (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hố,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

559 Kệ - Ai tránh né thân này, Như tránh rắn dính phân - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phân uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.

570. Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.

571. Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đấy, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.

572. Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bọc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,

573. Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.

574. Thân này luân chuyển vậy,

*Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

560 Kệ - Ai trước sống phóng dật, Sau sống không phóng dật - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khí được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.

869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.

870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi
nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỷ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

561 Kệ - Ai tu tập chánh trực, Con đường Thánh tám ngành - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này"*.

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

562 Kệ - Ai tế tự Chánh pháp, Tế tự, không xan tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – *Tiểu I*, 435 (Cat. I)
(It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, **vô thượng y sĩ** chữa trị, **y sĩ giải phẫu**. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bồ thí: Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai bồ thí này, tức là bồ thí Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai nhiều ích này, tức là nhiều ích Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai tế tự Chánh pháp,
Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,
Đối tất cả sinh vật,
Bậc tối thắng như vậy,
Giữa chư Thiên loài Người,
Chúng sanh kính đảnh lễ,
Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,
Đến được bờ bên kia.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

563 Kệ - Ai từ bỏ hý luận, Thích đạo phi hý luận - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bốn Sur tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,*

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chạng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bồ Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bồ Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

1017. *Tỉnh cần, chớ phóng dật,*
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

564 Kệ - Ai vượt khỏi bùn này, Đè bẹp gai của dục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 152 (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàhapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: *"Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục!"* Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... Tôi sẽ hoàn tục". Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: "Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda, sau khi đến nói với Tôn giả Nanda:

- Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Nanda vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên:

- Có thật chăng này Nanda, Thầy nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, Thầy sống Phạm hạnh, khiến Thầy không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, Thầy sẽ hoàn tục?

- Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần, ngó nhìn con và nói: "Quý tử hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng, nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không có thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh, sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục".

Rồi Thế Tôn cầm tay Tôn giả Nanda như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana, và hiện ra tại **cõi trời Ba mươi ba**. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi

là "có chân như chim bồ câu". Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Nanda:

- *Này Nanda, Thầy có thấy năm trăm Thiên nữ này, có chân như chim bồ câu không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- *Này Nanda, Thầy nghĩ thế nào? Ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước hay năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này?"*

- Bạch Thế Tôn, ví như một con khi cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt; cũng vậy là Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này, không thể ước lượng so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với chúng. Năm trăm Thiên nữ này đẹp hơn, đáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

- *Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho Thầy năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu ấy!*

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở Jetavana.

Các Tỷ-kheo được nghe: *"Tôn giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì sống Phạm hạnh vì mục đích Thiên nữ. Họ nói Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ với chân như chân chim bồ câu"*. Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là người buôn bán: *"Tôn giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích Thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu!"*

Rồi Tôn giả Nanda, bị bức phiền, tủi nhục, chán ngấy, bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin, không bao lâu, do mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy, ngay trong hiện tại vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, **Thiên nhân** ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng tri chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: "Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc... vô lậu tâm giải thoát". Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm Thiên nữ với chân như chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

- Nay Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của Thầy: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại... tuệ giải thoát". Lại nữa một Thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda... tuệ giải thoát". Vì rằng, này Nanda, tâm của Thầy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nó lên **lời cảm hứng** này:

2. *Ai vượt khỏi bùn này,
Đề bẹ gai của dục,
Đạt được si đoạn diệt,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Không cảm thọ khổ lạc!

565 **Kệ - Ai với thần túc thông, Dựng đứng** **Sarabhu - Kinh Gavampati – Tiểu III,** **47**

Gavampati – Tiểu III, 47 (38)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của *Yasa* (Da-xá). Khi họ nghe *Yasa* xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống ở rừng *Anjana* tại *Sàkela*, và hưởng lạc giải thoát.

Khi bảy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại *Anjana*. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông *Sarabhà*. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trẻ la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo *Gavampati* can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với **thần túc thông** của mình, làm theo lời Phật dạy, dùng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dựng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông.

Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy *Gavampati* vì lòng từ bi nghĩ đến

đời, đức Phật tán thán các hạnh của Gavampati với bài kệ:

*38. Ai với thần túc thông,
Dựng đứng Sarabhu,
Chính Gavampati,
Không y lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đánh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni,
Đã vượt qua sanh hữu.*

566 Kệ - Ai với tâm thường hằng, Hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,*

*Vị Tỷ-kheo như vậy,
Nếu Nhà người muốn chống,
Hồi này kẻ Quỷ đen!
Người đi đến đau khổ.*

567 **Kệ - Ai xem lạc là khổ, Ai xem khổ như tên - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444**

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ,
Moggallàna, bảy ngày sau khi xuất gia, tại làng
Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn
trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi
nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-
hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi
ở cùng đức Bốn Sur tại hang Sukarakhata ở Vương
Xá (Rājagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là
đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái
Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình,
trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,*

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiên **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như **đất, nước và lửa,**
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
*Thường sống thật thanh lương.**

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

**1017. *Tỉnh cần, chớ phóng dật,
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.***

568 Kệ - Ai đoạn trừ được tham, Không tham việc đáng tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 410 (Tik.
IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối
thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối
thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối
thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ,
nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ,
nội sát nhân, nội thù địch này.

*Tham sanh ra **bất hạnh**,
Tham làm tâm **dao động**,
Tham chính là **sợ hãi**,
Sanh ra từ **bên trong**,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ*

Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được sân,

Không sân việc đáng sân,
Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

569 Kệ - Ai đuổi đi thần chết, với đạo binh của nó - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavatì*, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đạo binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

570 Kệ - Ai đã chứng đạt được, Lặn sâu vào bất tử - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy **man trá, tật đổ,**
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham **dục,**
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi,** dòng suối chảy,

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

571 Kệ - Ai đã thắng gai dục, Vị ấy đứng bất động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 157 (Ud 24)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja dẫn đầu, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, **gây tiếng ồn ào to lớn**. Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- *Này Ananda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?*

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là Yasoja, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Này Ananda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy:

- Bạc Đạo Sư gọi các Tôn giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?

Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Nay các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các Thầy, các Thầy không xứng đáng được sống gần Ta!

- Thừa vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài, dọn dẹp, sàng tọa, cầm lấy y bát, đi đến dân chúng Vajjì, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng Vajjì rồi đi đến con sông Vaggamudà; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên sông Vaggamudà, an cư mùa mưa tại chỗ ấy. Rồi Tôn giả Yasoja, sửa soạn an cư bảo các Tỷ-kheo:

- Thừa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ

mắn đôi với chúng ta. Nay chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, tất cả đều giác ngộ Ba Minh.

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sàvatthi cho đến khi vừa ý, liền bộ hành đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành đến Vesàli. Tại đây, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà, gọi Tôn giả Ananda: *"Nơi có hào quang, này Ananda, là phương này, như có ánh sáng, này Ananda, là phương này. Tại phương ấy, các Tỷ-kheo đang sống trên bờ sông Vagumudà. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này Ananda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà và nói: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả!"*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

- Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả!"

- Thưa vâng, Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm, và hiện ra trước mắt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà. Rồi Tỷ-kheo ấy nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà:

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy các Tỷ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông Vaggumudà, và hiện ra ở Đại Lâm, tại nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi trong thiền định bất động. Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?" Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động".

Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong **định bất động**.

Tôn giả Ananda khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Đêm đã gần tàn, canh một đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên, chấp tay hướng về Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy bảo Tôn giả Ananda:

- Nếu Thầy có hiểu biết, này Ananda, Thầy sẽ không nói như vậy. Này Ananda, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này tất cả đang nhập định bất động.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

3. *Ai đã thắng gai dục,
Năng, gia hại, trói buộc,
Vị ấy đứng bất động,
Như núi vững an trú,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Lạc khổ không dao động.*

572 Kệ - Ai đối đồng Phạm hạnh, Không có sự cung kính - Kinh Mahà Nàga – Tiểu III, 259

Mahà Nàga – *Tiểu III*, 259 (212)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại Sàketa, con trai một Bà-la-môn tên Madhu Vàsettha và được đặt tên là *Mahà-Nàga*.

Ngài thấy thần thông do *Trưởng lão Gavampati* thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng Anjana, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả A-la-hán nhờ vị này giáo huấn.

Ngay khi ngài an trú trong an lạc giải thoát, Trưởng lão Mahà-Nàga **thấy sáu Tỷ-kheo** thường hay không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, và ngài giáo huấn họ với những bài kệ như sau, những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài:

*387. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng thối giảm diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

388. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.

389. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng xa rời Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

390. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Không thối giảm diệu pháp,
Như cá được nước nhiều.

391. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Lớn mạnh trong diệu pháp,
Như giống tốt trong ruộng.

392. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Họ đến gần Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

573 Kệ - Ai ở trong chòi lá_ Một Tỷ-kheo ly tham - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiền giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiễm phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

574 Kệ - Am thất Ta khéo lợp - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

575 Kệ - An lạc thay là người Không có gì sở hữu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 138

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 138 (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, thanh nữ trẻ Bà-la-môn, vợ của một du sĩ có thai sắp sinh. Vợ của du sĩ ấy nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ hai, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lần thứ hai du sĩ nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ ba, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lúc bấy giờ, tại một kho của vua Pasenadi nước Kosala, một Sa-môn hay Bà-la-môn có thể uống bơ hay dầu cho đến thỏa thích, nhưng không được mang đi. Người du sĩ ấy suy nghĩ: "Tại một kho của vua Pasenadi nước Kosala... không được mang đi. Vậy ta hãy đi đến nhà kho của vua Pasnadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về đến nhà, mửa dầu ấy ra và ta cho nữ du sĩ dùng khi sanh con".

Rồi du sĩ ấy đi đến nhà kho của vua Pasenadi nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về nhà không có thể mửa lên hay mửa xuống; có cảm thọ khổ đau, nhói đau, đau khốc liệt thống khổ, lăn lộn qua lại.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy người du sĩ ấy cảm thọ khổ đau, nhói đau khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

*6. An lạc thay là người
Không có gì sở hữu,
Người chánh tri hiểu biết,
Không có gì sở hữu.

Hãy xem nào hại thay,
Những ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,
Bị trói buộc người khác.*

576 Kệ - Biết Thân bị huỷ hoại, còn Thức bị lụn tàn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 390 (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **thân này bị huỷ hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết **thân** bị huỷ hoại,
Còn **thức** bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

577 Kệ - Biết gìn giữ chánh niệm, Không mong đợi vật gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – *Tiểu I*, 791

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:
*Kính thưa bậc Thích tử,
Một mình, không y chỉ,
Con không thể vượt khỏi,
Dòng nước lớn mạnh này,
Kính thưa bậc Biển nhân,
Hãy nói cho sở duyên,
Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.*

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:
Này U-pa-si-va,
***Biết gìn giữ chánh niệm,
Không mong đợi vật gì,
Ông sẽ vượt bậc lưu,
Nương tựa: "không có gì",
Ngày đêm người nhận thấy,***

**Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.**

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

Ai là người ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,
An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ôi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đây,
Được mát lạnh giải thoát,
Với vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:
Hỡi U-pa-si-va,
*Cũng giống như ngọn **lửa**,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
**Cũng vậy, vị ẩn sĩ,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.***

Upasiva:

1075. **Vị đi đến tận cùng,
Có phải không hiện hữu?
Hay vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh?
Lành thay, bậc ẩn sĩ,**

*Hãy trả lời cho con,
Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.*

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:

*Hỡi U-pa-si-va,
Người đi đến tận cùng,
Không thể còn ước lượng,
Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhổ hẳn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhổ lên sạch hết.*

578 Kệ - Biết vậy, giữ chánh niệm, Hiện tại đạt mát lạnh - Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801

Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa – *Tiểu I*, 801

Kappa:

1092. Tôn giả Káp-pa nói:
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.*

Thế Tôn:

1093. Thế Tôn nói Kap-pa,
*Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.*

1094. *Hòn đảo vô song này,*
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.

1095. *Biết vậy, giữ chánh niệm,*
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.

579 Kệ - Biết vậy, giữ chánh niệm, Vượt chấp trước ở đời - Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – *Tiểu I*, 798

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
Nhưng ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,

Được **nghe** và được **thấy**,
Được **cảm** tưởng, nhận **thức**,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

580 Kệ - Bị bệnh gió chi phổi, Ông sống trong rừng sâu - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

581 Kệ - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

582 Kệ - Bị già được không già, Bị nung nấu được tịnh - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.

583 Kệ - Bị khả ái, dễ thương, Trói buộc và chi phối - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 140 (Ud 14)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthaphindika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mệnh chung. Rồi nhiều nam cư sĩ, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên.

- *Này các Cư sĩ, sao các Ông, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, lại đến đây, trong lúc quá sớm như vậy?*

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mệnh chung. Do vậy chúng con với áo ướt đầm, với tóc ướt đầm đã đến đây trong lúc quá sớm!*

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng** này:

7. *Bị khả ái, dễ thương,*

*Trối buộc và chi phối,
Rất nhiều chư Thiên chúng,
Và nhiều hạng con người,
Đau khổ và héo mòn,
Bị thần chết nhiếp phục.*

*Ngày đêm không phóng dật,
Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị áy đào gốc khổ,
Mỗi nhử của ác ma,
Thật khó vượt qua được.*

584 Kệ - Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

585 Kệ - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

586 Kệ - Chớ có chỉ trích ai, Hãy tránh làm hại ai - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

587 Kệ - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là con trai một công chúa con vua, về sau ngài được biết là con trai của *Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuê,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

588 Kệ - Chớ có để dòng nước, Do ý sanh cuốn ngài - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy **man trá, tật đổ**,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

589 Kệ - Chớ có ưa chơi giỡn, Chớ đam mê ngủ nghỉ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!
Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

**416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hồi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.**

590 Kệ - Chớ làm quá nhiều việc, Tránh quần chúng đua tranh - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujjeni trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujjeni để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

591 Kệ - Chớ làm quá nhiều việc, Tránh quần chúng đua tranh - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtitttha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương**.

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.

1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và
thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiên tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lờng được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

592 Kệ - Chớ làm thân làm ái, Với một ai ở đời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 286

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 286 (Ud 91)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visàkhà mẹ của Migàra khả ái và dễ thương bị mệnh chung. Và Visàkhà mẹ của Migàra, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, thật sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- *Này Visàkhà, Bà từ đâu đến, với áo ướt đầm, với tóc đầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?*

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

- *Này Visàkhà, Bà có muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và là cháu của Bà không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và cháu của con.

- Nhưng này Visàkhà, có bao nhiêu người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày?

- Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy.. sáu... năm... bốn... ba.. hai. Bạch Thế Tôn có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sàvatthi không có thoát được số người bị chết!

- Bà nghĩ thế nào, này Visàkhà? Như vậy Bà có khi nào được khỏi vãi bị ướt, hay tóc khỏi bị ướt không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! **Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!**

- Này Visàkhà, **những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có trăm sự đau khổ!** Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ! Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ! Những ai có bảy mươi.. có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi.. có hai mươi... có mười.. có chín... có tám... có bảy.. có sáu.. có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. **Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.**

8. *Sầu, tham và đau khổ,*

*Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,
Không thân ái, chúng không.*

*Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái.*

*Do vậy ai tha thiết,
Được không sâu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.*

593 Kệ - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải đánh - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

594 Kệ - Chớ để ngày trống rỗng, Hãy làm ít hoặc nhiều - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

595 Kệ - Con vật hai chân này, Bất tịnh và hôi thối - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng ngiã địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

596 Kệ - Các hành không thực hữu, Ở đây, than khóc gì - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

597 Kệ - Có Tỷ kheo đi đến - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

598 Kệ - Có mắt, như kẻ mù, Có tai như kẻ điếc - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

599 **Kệ - Do hành thành bản tiện, Do hành thành Phạm chí - Kinh Kê Bản Tiện - Tiểu I, 500**

Kinh Kê Bản Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvāja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvāja. Bà-la-môn Aggibhàradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bản tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvāja:

- **Này Bà-la-môn, Người có biết người bản tiện hay những pháp tạo ra kẻ bản tiện không?**

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bản tiện hay những pháp tạo ra kẻ bản tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi

được biết về kẻ bần tiện hay các pháp tạo thành kẻ bần tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvàja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phẫn nộ, hiềm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. Ai vay nợ của người,
Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**

Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,
Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy,**
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,

Được biết là bản tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và **xan tham**,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đệ tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,

Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,*

*Quyển thuộc với **bùa chú**,
Họ vẫn thường được thấy,
Làm các điều ác nghiệp,*

*141. Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

*142. Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành bản tiện,
Do hành thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

600 Kệ - Dầu nói ngàn câu kệ, Nhưng không chút lợi ích - Kinh Bhadda Kundalakesa – Tiểu III, 593

Bhadda Kundalakesa – *Tiểu III*, 593 (46)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ra ở Rajagaha (Vương Xá), trong gia đình vị thủ khổ của nhà vua, và được tên là *Bhadda*.

Lớn lên và luôn luôn có người hầu hạ, nàng thấy ngang qua khe cửa, *Satthuka*, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình, theo lệnh của vua. Nàng bỗng yêu Satthuka và nằm trên giường nàng nói: "**Nếu ta không được chàng, ta sẽ chết**". Người cha vì thương nàng, nên hỏi lộ cho những người lính và đưa Satthuka đến gặp nàng.

Satthuka khởi lòng tham đồ trang sức của nàng nên nói với nàng là khi bị dẫn đến "*hòn núi của kẻ trộm*", chàng có phát nguyện: Nếu chàng được tha, chàng sẽ làm lễ cúng tạ ơn và nhờ nàng sửa soạn lễ tạ. Muốn được chàng bằng lòng, nàng vâng theo ý muốn của Satthuka, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe đi với chàng và cùng đi đến "*hòn núi của kẻ trộm*". Satthuka không cho người hầu hạ đi theo, lấy đồ

trang sức cúng dường, và leo lên núi một mình với nàng, nhưng không nói lời thân ái với nàng.

Do thái độ của chàng, nàng tìm ra được mưu kế của chàng. Rồi Satthuka bảo nàng cởi áo ngoài ra, dùng áo gói đồ trang sức nàng đang mang theo,

Nàng hỏi chàng nàng có làm điều gì sai quấy chăng, và chàng trả lời: "*Nàng thật ngu si ta đến đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của nàng*".

Nàng nói: "*Này chàng thân yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em*".

Chàng nói: "*Ta không biết gì về sự phân chia này*".

Nàng nói: "*Thôi được, chàng thân yêu, nhưng chàng cho em một sở nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn chàng*!".

Satthuka bằng lòng và nàng ôm hôn chàng đằng trước, rồi ôm chàng hôn đằng sau, và **trong khi ấy xô chàng ngã xuống vực núi**. Một Thiên nhân ở trên núi, thấy nàng làm vậy liền khen rằng:

*Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân khi lạnh lẽ,
Cũng tỏ khôn ngoan hơn,*

*Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân cũng khôn ngoan,
Chỉ nghĩ một phút giây!*

Rồi Bhaddà suy nghĩ: *"Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ xuất gia"*. Rồi nàng xuất gia theo phái Ni-kiền Tử. Họ hỏi nàng: *"Nàng ưng xuất gia đến mức độ nào?"* Nàng trả lời: *"Tôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!"*

Rồi họ nhổ tóc của nàng và khi tóc nàng dài và quấn lại, nàng được gọi là Bhaddà tóc quấn. Nhưng trong khi nàng tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni-kiền Tử, nàng biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Nàng từ giã chúng Ni-kiền Tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiếng và cuối cùng không ai có thể tranh luận với nàng. Nàng vun lên một đồng cát gần cửa đi vào làng, trồng lên một nhánh cây diêm phù, bảo mấy đứa con nít xem ai nhổ lên nhánh cây ấy. Sau một tuần không có ai nhổ lên cành cây, nàng liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.

Thế Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tỉnh xá Jetavana gần Sàvatthi, đúng lúc Bhaddà tóc quấn trồng nhánh cây ấy tại cửa thành Sàvatthi. Tôn giả Sàriputta vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nhiếp phục nàng, bảo các đứa con nít dẫm lên cành cây ấy,

để mở đầu cuộc tranh luận, nàng nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kết quả nếu không có quần chúng đỡ đầu. Vì vậy nàng quy tụ một số đông quần chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa nàng và Tôn giả Sàriputta. Trước hết Tôn giả Sàriputta đề cho nàng hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi nàng không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng.

Rồi Tôn giả hỏi nàng: "Thế nào gọi là một?" Nàng Bhaddà tóc quần thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói, một chút như vậy mà nàng không trả lời được, thì nàng có thể biết thêm được gì?

Rồi Tôn giả giáo giới cho nàng và nàng xin quy y Tôn giả. Tôn giả Sàriputta khuyên nên quy y Thế Tôn, bậc Đạo Sư loài Người và Trời. Nàng vâng lời, chiều lại đi đến yết kiến Thế Tôn khi ngài đang thuyết pháp. Sau khi đánh lễ nàng đứng một bên, Thế Tôn thấy căn cơ nàng đã thuần thục liền nói:

***Đầu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không chút lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong được tịnh lạc.***
(Pháp cú 101)

Khi đức Phật nói xong bài kệ này, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nàng xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao đại giới cho nàng. Rồi nàng đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Nàng sung sướng phấn khởi nói lên những bài kệ:

107. *Trước ta sống một y,
Tóc cạo, thân mang bùn,
Không lỗi xem có lỗi,
Có lỗi xem là không.*

108. *Ban ngày rời tinh xá,
Trên ngọn núi Linh Thứu,
Ta thấy Phật vô úế,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo.*

109. *Quỳ gối ta đảnh lễ,
Đối diện ta chấp tay,
Hãy đến này Bhaddà,
Ta được thọ đại giới.*

110. *Ta đi khắp Angà,
Mogadhà, Vajjì,
Quốc độ Kosala,
Mười lăm năm không nợ,
Ăn đồ ăn quốc độ.*

111. *Làm được nhiều công đức,*

*Tín nam này có tuệ,
Cho Bhaddà chiếc y,
Thoát khỏi mọi triền phược.*

601 Kệ - Dầu ta có bị mù, Dầu mắt ta hư hoại - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahàsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ"*.

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tư với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. *Dầu ta có bị mù,*

*Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.*

602 Kệ - Dầu tiếng người hò hét, Tâm ta không dao động - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60

Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60 (49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia.

Sống trong rừng, ngài **thiền quán về giới hạnh**, vì quả chứng và **hạnh dễ thương** của ngài, ngài được gọi là **Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương)**.

Một hôm, **Ác-ma** muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

*49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

603 Kệ - Dầu đầu trọc đắp y, Mong muốn được kính trọng - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên **tương lai của các Tỷ-kheo** khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

*920. Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

*921. Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viên ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

*Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.*

944. *Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.*

945. *Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.*

946. *Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.*

947. *Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,*

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

604 Kệ - Dễ làm là việc lành, Đối với kẻ làm lành - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 225

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 225 (Ud 59)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực. **Devadatta thấy Tôn giả Ananda** đi khát thực ở Ràjagaha, sau khi thấy, đi đến Tôn giả Ananda và nói với Tôn giả Ananda.

- Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả Ananda, ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các tăng sự, khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Ananda, sau khi đi khát thực ở Ràjagaha, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát, vào Ràjagaha để khát thực. Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy con đi khát thực ở Ràjagaha, thấy vậy liền đi đến con và nói: "Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả

Ananda.. khác với chúng Tỷ-kheo!". Hôm nay, bạch Thế Tôn, Devadatta sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các tăng sự.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

8. Dễ làm là việc lành,

Đối với kẻ làm lành;

Khó làm là việc ác,

Đối với kẻ làm lành.

Dễ làm là việc ác,

Đối với kẻ làm ác;

Khó làm là việc ác,

Đối với các bậc Thánh.

605 Kệ - Dục lạc gì ở đời, Kể cả thiên lạc này - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 132* (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo, sau bữa ăn, đi khát thực trở về, ngồi họp tại hội trường, và câu chuyện này được khởi lên:

"Này chư Hiền, giữa hai vị vua này, vua Seniya Bimlisàra ở Magdha, và vua Pasenadi ở xứ Kosala, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn?". Rồi câu chuyện này giữa các Tỳ-kheo ấy chưa được chấm dứt.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, ở đây, nay các Thầy ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng chưa chấm dứt giữa các Thầy?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, đi khát thực trở về... câu chuyện này được khơi lên... ai uy lực lớn hơn "Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến.

- *Này các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các Thầy, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi các Thầy hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: **Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.***

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

*2. Dục lạc gì ở đời,
Kể cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,
Lạc do ái đoạn diệt.*

606 Kệ - Giới là mẹ thiện pháp, Giới đứng đầu mọi pháp - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III*, 339 (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,

Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,
Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới**,
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự**,
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chur Phật,

Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, bình khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí tuệ, tối thượng,
Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.

607 Kệ - Gốm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gốm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,*

*Ứ chảy nhiều dòng nước,
Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

279. *Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.*

280. *Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.*

281. *Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.*

608 Kệ - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Đặt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

609 Kệ - Hãy biết hạnh phúc mình, Quan sát lời nghe giảng - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – *Tiểu III, 331* (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,**
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,*

Sa-môn hạnh mình theo.

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,
Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. Tu tập các *Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

610 Kệ - Hãy chế ngự tâm người, Chớ để nó chạy loạn - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chẳng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. *Hãy tu tập con đường,
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có Tám ngành,
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1117. *Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1118. *Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọn mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. ***Ít dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

1128. **Này tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.**

1129. **Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.**

1130. **Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,**

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

611 Kệ - Hãy cảm xúc con đường, Đưa đến cõi bất tử - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, *tâm* ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

612 Kệ - Hãy gấp nắm với niệm, Như nắm con vật ác - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. **Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.**

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

613 Kệ - Hãy hành lời Phật dạy, Chớ để Sát-na qua - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262

Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sāvattthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Mālunkya, nên ngài được gọi là **Mālunkya-putta (con bà Mālunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,

*Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.*

*400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sâu muợn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.*

*401. **Ai nhiếp phục được ái,
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sâu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.***

*402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.*

*403. **Hãy hành lời Phật dạy,***

*Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sâu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,*

404. *Phóng dật như bụi bặm,
Bụi nơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.*

614 Kệ - Hãy làm ít hoặc nhiều, Chớ để ngày trống rỗng- Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkhà đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

615 Kệ - Hãy như lý quán sát, Các uẩn là đau khổ - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Rājagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rùng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Đắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

616 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không làm - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một **con cá** nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. **Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.**

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là **Bàkula** (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Sư thuyết pháp, **xuất gia khi tám mươi tuổi.** Trong **bảy** ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ **tám**, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức khỏe đệ nhất**. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

617 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không làm - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – Tiểu III, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,*

*Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

618 Kệ - Hãy nói điều có làm, Không nói điều không làm - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – Tiểu III, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,*

*Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.*

*320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.*

*321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.*

*322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.*

*323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.*

619 Kệ - Hãy nỗ lực thiền định, Hãy thiền tu, chiến thắng - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;**

**Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.**

**Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hồi bà con Tu-đà,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

620 Kệ - Hãy phòng hộ tự ngã, Sát-na không bỏ qua - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.

654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

656. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

621 Kệ - Hãy sống gần bậc Thánh, Bậc viễn ly, tinh cần - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III, 142 (134)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vị Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

*147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.*

*Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

*148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

622 Kệ - Hãy sống riêng một mình, Như tê nguru một sừng - Kinh Con Tê Nguru Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Nguru Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê nguru một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê nguru một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các dục trưởng dưỡng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

623 Kệ - Hãy thiện xảo con đường, An ổn các khổ ách - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị năm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thụ động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;**

**Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.**

**Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hồi bà con Tu-đà,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

624 Kệ - Hãy thân cận bạn lành - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III*, 13 (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá

Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: *"Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành**"*. Với sự hoan hỷ phần khởi, ngài nói lên bài kệ này:

**4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền mình thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.***

625 Kệ - Hãy thức dậy, ngồi lên, Chớ có ngủ quá nhiều - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;**

**Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.**

**Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hồi bà con Tu-đà,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

626 Kệ - Hãy tu tập con đường, Để đạt được bất tử - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chẳng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Dắt dẫn bởi tâm họ,
*Họ chết trong địa ngục.**

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

627 Kệ - Hãy tấn xuất Ác-ma, Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị năm ngũ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;**

**Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.**

**Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hồi bà con Tu-đà,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

628 Kệ - Hãy tự làm cho ông, Một hòn đảo an toàn - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thụ động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!
Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

**416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hồi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.**

629 Kệ - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

630 Kệ - Hãy đạt cho kỳ được, Sự thanh tịnh tối thượng - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!
Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

**416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hồi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.**

631 Kệ - Hãy để cho Niết-bàn, Chìm sâu vào tâm người - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,*

*Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lãng xãng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

632 Kệ - Hồi Sĩha, hãy sống, Không buông lung, phóng dật - Kinh Sĩha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sĩha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hồi Sĩha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

633 Kệ - Hồi kẻ làm nhà kia! Người đã bị thấy rồi - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – Tiểu III, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hồi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,*

*Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

634 Kệ - Hồi này các dục vọng, Ta quyết giết các người - Kinh Gotama – Tiểu III, 136

Gotama – Tiểu III, 136 (129)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Gotama. **Khi còn trẻ, ngài giao du với kẻ không tốt, bao nhiêu tài sản ngài cho một kỹ nữ.**

Hối hận nếp sống bất chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo Sư đang ngồi, với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo Sư biết được tiến bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu, nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi con dao đựng đến tóc ngài, khi ngài đang thọ hưởng lạc thiên định và quả giải thoát.

Một cư sĩ hỏi ngài về tài sản của ngài, ngài thú nhận ngài sống không được nghiêm túc, sống phi Phạm hạnh, và với sự trong sạch hiện tại không có dục vọng, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*137. Bậc ẩn sĩ nằm ngủ,
Sống an lạc hạnh phúc,*

Họ không bị **nữ nhân**,
Trối buộc và chi phối.
Nữ nhân, phải luôn luôn,
Phòng hộ và chế ngự.
Sự thật về nữ nhân,
Thật khó được chấp nhận.

138. **Hỡi này các đức vua,**
Ta quyết giết các người,
Nay chúng ta đối người,
Không còn gì nợ nần,
Chúng ta nay đi đến,
Cảnh giới gọi Niết bàn,
Đi đến tại chỗ ấy,
Không còn có sầu muộn.

635 Kệ - Khi loài Người kiêu hãnh, Hãy hạ thấp ông xuống - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,*

*Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

636 Kệ - Khát ái khôn nạn này, Thăm độc cả thế giới - Kinh Màlunkya-putta – Tiểu III, 262

Màlunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkya, nên ngài được gọi là **Màlunkya-putta (con bà Màlunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,

*Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.*

*400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sâu muợn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.*

*401. **Ai nhiếp phục được ái,
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sâu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.***

*402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.*

*403. **Hãy hành lời Phật dạy,***

*Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sâu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,*

404. *Phóng dật như bụi bặm,
Bụi nơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.*

637 Kệ - Không có gì có mặt, Lại thường còn mãi mãi - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

638 Kệ - Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là con trai một công chúa con vua, về sau ngài được biết là con trai của *Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,**

Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. **Với người, thấy ý nghĩa,**
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

639 Kệ - Không mắng, không gia hại, Chế ngự trong giới bốn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 191 (Ud 42)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, sống ở rừng, đi khát thực, mặc y lượm từ đồng rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần tinh tấn, nói hạnh đầu đà, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*6. Không mắng, không gia hại,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống,
Nằm ngồi chỉ một mình,
Chú tâm vào tăng thượng,*

Chính lời chư Phật dạy.

640 Kệ - Không như lý tác ý, Ta chuyên trang sức ngoài - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – *Tiểu* III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati**, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu**.

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu**, rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai**.

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng**.

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.

158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

641 Kệ - Không phần nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302

Sirimitta – Tiểu III, 302 (230)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là *Sirimitta*.

Mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đối với bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bốn Pàtimokkha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau:

**502. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.**

503. Không phần nộ, không hận,

*Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thường hộ căn**,
Đời sau không ưu sầu.*

*504. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **giữ thiện giới**,
Đời sau, không ưu sầu.*

*505. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thiện bằng hữu**,
Đời sau không ưu sầu.*

*506. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lữ,
Tỷ-kheo **thiện trí tuệ**,
Đời sau, không ưu sầu.*

Sau khi thuyết giảng về phần nộ, hận... ngài nói đến **con đường siêu thoát**, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

*507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nếp giới hạnh,*

*Được thiện nhân tán thán,
Được bậc Thánh tùy hỷ.*

*508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.*

*509. Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt tủy lời Phật.*

642 Kệ - Không vui, giả dạng vui, Không ái, giả dạng ái - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 141 (Ud 15)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kundiyàya, trong rừng Kunditthàna. Lúc bấy giờ, Suppavàsa, con gái của vua xứ Koliya có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm:

- *"Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này.*
- *Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Chúng hành trì để đoạn tận đau khổ này.*
- *Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt".*

Rồi Suppavàsa, con vua Koliya gọi người chồng của mình:

- Này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú

và thưa: "- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa con gái vua Koliya cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú". Rồi hãy nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn ... Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Mong rằng Suppavàsa, con gái vua Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn. Với lời nói này của Thế Tôn, Suppavàsa, con gái Koliya, được an lạc không bệnh, để đứa con trai không bệnh.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng

về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavàsa, con gái vua Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh, thấy vậy liền suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavàsa con gái vua Koliya này, với lời nói của Thế Tôn được an lạc, không bệnh, sanh con trai không bệnh!". Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, bảo người chồng mình:

- Hãy đi, này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "*Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavàsa với chúng Tỷ-kheo*".

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: Suppavàsa, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo..."

Lúc bấy giờ một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị cầm đầu, ngày mai dùng cơm, người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả Moggallàna. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- *Này Moggallàna, hãy đến người cư sĩ, sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: "Này Hiền giả, Suppavàsa con của vua Koliya.. có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc.. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Hãy để cho Suppavàsa tổ chức bảy ngày cơm trước. Sau sẽ đến lượt người hộ trì cho người".*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Mahà Moggallàna vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến người cư sĩ ấy, sau khi đến nói với người cư sĩ:

- Này Hiền giả, Suppavàsa... Hãy để cho Suppavàsa con của Koliya tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên Ông.

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về **tài sản**, về **thọ mạng**, về **lòng tin**, hãy để cho Suppavàsa, con gái của vua Koliya, tổ chức trước, rồi sau đến phiên con.

- Nay Hiền giả, về hai pháp ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm!

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày con trước. Rồi sẽ đến phiên con.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và khiến cho đứa trẻ đánh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sàriputta nói với đứa trẻ:

- *Này Con, Con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?*

- Thừa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? **Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!**

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, nghĩ rằng: "Con ta đang nói chuyện với vị tướng quân về Pháp, hoan hỷ, tín thọ, với tâm hỷ lạc."

Rồi Thế Tôn nói với Suppavàsa, con gái vua Koliya:

- *Này Suppavàsa. Con có muốn một người con trai khác như vậy không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

8. *Không vui, giả dạng vui,
Không ái, giả dạng ái,
Khổ đau, giả dạng lạc,
Nhiếp phục kẻ phóng dật.*

643 Kệ - Không vì người khác nói, Con người thành ăn trộm - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. **Có mắt, như kẻ mù,**
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.*

644 Kệ - Khổ do khả ái buộc, Như dao bén đính mật - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "**Căn tu tập** Indriyabhàvanà", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng: "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. Khi Tỷ-kheo tên là,

Pàràpariya,
Ngôi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. *Cay đắng như vị ngọt,
Khổ do khổ ái buộc,
Như dao bén dính mật,
Kẻ tham đâu có biết.*

738. *Ai tham đắm nữ sắc,
Nữ vị, nữ xúc chạm,
Ai mê say nữ hương,
Gặp nhiều loại đau khổ.*

739. *Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xứ,
Người có tinh tấn lực,
Có thể ngăn chặn chúng.*

740. *Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.*

741. *Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó nghĩ việc ấy,
Không phải việc nên làm,
Vị ấy không phóng dật,*

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh đẽo gỗ,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

645 Kệ - Kể ngu sống như vậy, Sẽ đoạn khổ được sao_ - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kể ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

646 Kệ - Kể nhác lại liên tục, Đi đến chỗ thai tạng - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kể nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

647 Kệ - Kể tìm lạc được lạc, Nếu sở hành đúng đắn - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này"*.

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kể tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

648 Kệ - Liễu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – *Tiểu III*, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là *Sona*. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là *Koti* hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão *Kaccàna*. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến *Sàvatthi* để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bôn Sur bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão *Mahà Kaccàna* giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

649 Kệ - Luân hồi sanh tử tận, Thoát khỏi ma trói buộc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 199 (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Sàriputta** ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, **lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

11. *Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.*

650 Kệ - Lành thay điều được nghe, Lành thay hạnh phúc sống - Kinh Kumaputta Con Của Kunmà – Tiểu III, 46

Kumaputta Con Của Kunmà – *Tiểu III, 46 (36)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứ Anvanti thành Velukanda, và được đặt tên là **Nanda**. Nhưng vì mẹ tên Kumà nên ngài được gọi là **con của Kumà**.

Khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và sửa lại phương pháp tu tập, ngài mới chứng quả A-la-hán.

Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỷ-kheo khác quá lo cho thân thể, nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp:

*36. Lành thay, điều được nghe!
Lành thay, hạnh phúc sống!
Lành thay, thường an trú!
Đời sống kẻ không nhà.
Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp,
Làm các hạnh cung kính,*

***Đây là hạnh Sa-môn,
Của bậc Vô sở hữu.***

651 Kệ - Lời khuyên đến tốt lành - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

652 Kệ - Mong rằng kẻ thù ta, Được nghe lời Chánh pháp - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khí được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thôi cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.

869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.

870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi
nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chận lại,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỷ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

653 Kệ - Mẹ cha gọi Phạm thiên, Bậc Đạo Sư thời trước - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 444

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 444 (Cat. 7)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo,

- **Những gia đình nào, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha** ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên.
- Những gia đình nào, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các đạo sư thời xưa.
- Những gia đình nào, trong ấy con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường.

Này các Tỷ-kheo,

- Phạm thiên, là đồng nghĩa với mẹ cha.
- Các đạo sư thời xưa, là đồng nghĩa với mẹ cha.
- Đáng được cúng dường, là đồng nghĩa với mẹ cha.

- Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

*Mẹ cha gọi Phạm thiên,
Bậc Đạo Sư thời trước,
Xứng đáng để con cháu,
Nuôi dưỡng và cúng dường.
Do vậy, bậc hiền triết,
Đánh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp cả thân mình,
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng Thiên lạc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

654 **Kệ - Mọi nghiệp ta đã làm, Dầu ít hay là nhiều - Kinh Ugga – Tiểu III, 90**

Ugga – Tiểu III, 90 (80)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, tại thành phố Ugga, **con một gia đình nghị sĩ**, được đặt tên là Ugga.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khi đức Thế Tôn đến thành này, khởi lòng tin xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chặt đứt sợi dây chuyền tái sanh và nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

*80. Mọi nghiệp ta đã làm,
Dầu ít hay là nhiều,
Tất cả được đoạn trừ,
Nay không còn tái sanh.*

655 Kệ - Mọi tham ta đã đoạn, Mọi sân được nhỏ lên - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – *Tiểu III, 89 (79)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhỏ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

656 Kệ - Mọi tùng thuộc là khổ, Mọi chủ quyền là lạc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 147

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 147 (Ud 18)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, ngôi lâu của mẹ Migàra. Mẹ Migàra có công việc liên hệ đến vua Pasenadi nước Kosala và vua Pasenadi nước Kosala chưa có quyết định về việc ấy.

Rồi Visàkhà, mẹ của Migàra, vào buổi sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- Này Visàkhà, Bà từ đâu đi đến sớm như vậy?
- Bạch Thế Tôn con có công việc liên hệ đến vua Pasenadi nước Kosala... về việc ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Mọi tùng thuộc là khổ,
Mọi chủ quyền là lạc,
Chung dùng làm não hại,
Trói buộc khó vượt qua.*

657 Kệ - Một đêm, ta nhớ đến, Có đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III*, 154 (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thăng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,*

Có đến năm trăm kiếp.

658 Kệ - Mục đích hạnh xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135

Suràdha – Tiểu III, 135 (128)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

*135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên.*

*136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi **kiết sử**, diệt xong.*

659 Kệ - Nghe được lời khéo giảng, Bạc bà con mặt trời - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35

Abhaya – Tiểu III, 35 (26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là **con vua Bimbisàra** (Bình-sa). Giáo chủ Nàtaputta dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn Gotama trong cuộc tranh luận, nhưng trong câu trả lời của Sa-môn Gotama, ngài thấy sự thất bại của giáo chủ phái Ni-kiền Tử và sự sáng suốt của Sa-môn Gotama. Do vậy, sau khi vua từ trần, Abhaya xuất gia.

Nhờ nghe giảng kinh Ví dụ cái lỗ trong cây gỗ, ngài chứng quả Dự lưu. Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán.

Do vậy, phấn khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*26. Nghe được lời khéo giảng,
Bạc bà con mặt trời,
Ta đâm thủng tình vi,
Như tên chẻ ngọn tóc.*

660 Kệ - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 443 (Cat. 6)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo, có **bốn sự sanh khởi này của ái**, ở đây ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo,

- Do nhân **y áo**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **đồ ăn** khát thực, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sàng tọa**, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sanh hữu, không sanh hữu**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái. Ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

*Người có ái làm bạn,
Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,
Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,*

*Ái tác thành ra khổ,
Không còn có khát ái,
Không còn có chấp trước,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm,
Du hành khắp đó đây.*

661 Kệ - Người khác tán thán nó, Kẻ tự ngã chưa định - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150

Sirimat – *Tiểu III, 150* (140)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là **Sirimat**, vì gia đình ngài được luôn luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là **Sirivaddha** (tăng trưởng sự may mắn).

Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi lòng tin xuất gia.

Sirivaddha dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh.

Nhưng Sirimat, vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính, tuy vậy, luôn luôn tu tập về **chỉ và quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường

ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

159. *Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.*

160. *Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.*

Rồi Sirivaddha nghe bài kệ, tâm sanh dao động, **phát triển thiền quán**, không bao lâu đạt được chơn giải thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

662 Kệ - Người không biết chế ngự, Với lời đâm người khác - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Nay chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.
- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mương của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thừa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.
- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?
- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.
- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mương tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: "*Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong*

những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

8. *Ai nói lời không thật,*

*Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói
Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ ly, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau*

một tuần sẽ biến mất". Bạch Thê Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thê Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Người không biết chế ngự,
Với lời đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,
Khi tham gia chiến trận.

Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiểm hận.*

663 Kệ - Người sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ản sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Nhưng ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm**,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

664 Kệ - Người sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt - Kinh Patacàrà – Tiểu III, 598

Patacàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.**

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái

chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mối bò ra cắn chòng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp

chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hở hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả tơi, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và **cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất**.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: ***"Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim diều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết,***

cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng".

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu đô cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "Ôi Patacàrà, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn". Rồi đức Phật dạy:

Các con, cha, bà con,

*Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt*

hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy":

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

114. *Khi ta đang rửa chân,
Làm cho **dòng nước chảy**,
Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

115. *Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn **quán ngọn đèn**.*

116. *Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tìm đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

665 Kệ - Người trói buộc vào người, Người bám víu vào người - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144

Sabbamitta – *Tiểu III, 144* (135)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta.

Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng.

Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con ***nai mẹ*** tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: *"Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!"*.

Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. *Người trời buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

150. *Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài **đạt đến thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

666 Kệ - Người trị thủy dẫn nước - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

667 Kệ - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nản tên - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khí được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gậy trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

*Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.*

*869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.*

*870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.*

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

668 Kệ - Người đắm say các dục, Tự lao mình xuống dòng - Kinh Khemà – Tiểu III, 613

Khemà – Tiểu III, 613 (52)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemà. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giả tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng.

Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc

quat. Khemà thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kệ không màng.
(Pháp cú, 347)*

Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng **thiền quán đệ nhất**.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, **Ác ma** hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,
Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,*

Hãy vui hưởng, Khemà.

Nàng trả lời:

*140. Với thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhổ lên.*

*141. Dục ví như gươm giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.*

*142. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khổ si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.*

*143. Ngươi đánh lễ vâng sao!
Ngươi thờ lửa rừng sâu,
Ngươi không biết như thật,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.*

*144. Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,*

Hành lời Đạo Sư dạy.

669 Kệ - Như ao không gió thổi, Không dao động, tịnh chỉ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 420 (Tik.
V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo **nắm lấy viền áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta**, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có **tham** ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, **thất niệm**, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, **vì ấy xa hẳn Ta và Ta xa vì ấy**. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

*Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều **dục** bực phiền.*

*Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái.*

*Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
**Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.***

*Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.*

670 Kệ - Như bông hoa tươi đẹp, Có sắc nhưng không hương - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – *Tiểu III*, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,*

*Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.*

*320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.*

*321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.*

*322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.*

*323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.*

671 Kệ - Như bông thổi trước gió, Thân ta nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

672 Kệ - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hằng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham dục**.

673 **Kệ - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49**

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu.***

674 Kệ - Như bị lời trù yểm, Tuổi già đến áp đảo - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – Tiểu III, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yểm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và

sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhấn mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

675 Kệ - Như chim trên hư không, Dấu chân thật khó tìm - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.*

676 Kệ - Như con heo to lớn, Đồ ăn thật đầy đủ - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

677 Kệ - Như con vật hiền thiện, Thuộc giống tốt, khéo luyện - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III*, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campa trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiện quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiện quán.

Có một đoàn lễ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cởi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "N~~hư~~ con bò ~~được~~ bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tư lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một đề tài **thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quy xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ chánh kiến,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

678 Kệ - Như cỡi thoát áo giáp - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tu tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Cápàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở

lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Nay Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai

mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay

đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bạc ản sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,*

*Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,
Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đồ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.*

679 Kệ - Như dòng sông Hằng Hà, Nhập sâu vào biển cả - Kinh Valliya Kanhhamitta – Tiểu III, 155

Valliya Kanhhamitta – *Tiểu III*, 155 (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là **Valliya (loài cây leo)**, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,

*Những bốn phận cần làm,
Với người muốn giác ngộ.
Con sẽ làm tất cả,
Con không có thời thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt **Thánh yên lặng**,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

680 Kệ - Như kẻ ngu, người câm, Hãy tỏ mình như vậy - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn **nhẫn** nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí **tin** tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

681 Kệ - Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

147. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.*

*Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

*148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

682 Kệ - Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – Tiểu III, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,*

Kẻ làm biếng, làm nhác.

*266. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

683 Kệ - Như loại cây san hô, Tước bỏ mọi lá cây - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

65. *Không tham đắm các vị,*

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

684 Kệ - Như mái nhà vụng lợp, Mưa dề thấm ướt vào - Kinh Ràdha – Tiểu III, 134

Ràdha – Tiểu III, 134 (127)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Trong khi ngài lớn tuổi, ngài không làm được bốn phận của ngài.

Không được chấp nhận, ngài đi đến Thế Tôn, nói lên những ước muốn của ngài. Bậc Đạo Sư thấy được những điều kiện căn bản được đầy đủ, nên bảo Sàriputta chấp nhận ngài xuất gia. **Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán**. Sau đó, ngài sống gần bên bậc Đạo Sư, trở thành một vị *thuyết giảng đột xuất* nhờ những lời thuyết giảng của bậc Đạo Sư.

Một hôm, thấy rõ vì sao **không khéo tự huấn luyện chế ngự** khiến các **đục vọng** có thể sanh khởi, ngài nói lên bài kệ để khích lệ giáo giới:

133. *Như mái nhà vụng lợp,
Mưa dề thấm ướt vào,
Cũng vậy, tâm vụng tu,
Tham ái được xâm nhập.*

134. *Như mái nhà khéo lợp,*

*Mưa không thể thấm vào,
Cũng vậy, tâm khéo tu,
Tham ái không xâm nhập.*

685 Kệ - Như một hòn đá tảng, Không bị gió lay động - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ấng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,

638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba **minh** ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. **Ai chuyên nhất xuất ly,**
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. **Ai chuyên nhất ái diệt,**
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm **được** **khéo** **giải** **thoát.**

642. **Vị** **Tỷ-kheo** **tâm** **tịnh,**
Được **giải** **thoát** **chơn** **chánh,**
Không **chất** **chứa** **việc** **làm,**
Điều **phải** **làm** **không** **có.**

643. **Như** **một** **hòn** **đá** **tảng,**
Không **bị** **gió** **lay** **động,**
Cũng **vậy** **toàn** **bộ** **phận,**
Sắc, **vị,** **thanh,** **hương,** **xúc.**

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

686 Kệ - Như ngôi thành biên địa, Được bảo vệ trong ngoài - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

687 Kệ - Như người chỉ của chôn, Cũng vậy, người thấy lỗi - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,***

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muôn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

688 Kệ - Như người có mắt nhìn, Cố gắng tránh lỗi lờm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 203 (Ud 49)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một **người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha**, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm"*. Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta*

hãy nghe pháp". Tại đây, người hủ ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu pháp".

Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuân tữ thuyết pháp, tức là thuyết **bồ thí**, thuyết về **trì giới**, thuyết về **thiên giới**, thuyết về **sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly**. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền **thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ**, tức là *Khô, Tập, Diệt, Đạo*.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: "**Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt**". Khi ấy người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bôn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi

xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Supabuddha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! **Như người *dừng đứng* lại những gì bị quăng ngã xuống, *phơi bày* ra những gì bị che kín, *chỉ đường* cho người bị lạc hướng, *đem đèn* sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.** Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủ Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi **một con bò húc vào người hủ Suppabuddha** và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người hủ tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung.*

Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tùy pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đạo, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Ràjagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủ này lại đi dạo chơi" và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi.

Do hành động này của vị ấy được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Ràjagala này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật

được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng **tin**, vị ấy được **giới**, vị ấy được **nghe** pháp, vị ấy được **từ bỏ**, vị ấy được **trí tuệ**, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được công trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. *Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lời lỗm,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.*

689 Kệ - Như người không mang giày, Đi trên chỗ có gai, Luôn luôn giữ chánh niệm - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lâu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viên ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

**Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.**

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,**

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

690 Kệ - Như người mạnh đẽo gỗ, Dùng nêm đánh bật nêm - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** Indriyabhàvanà", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. *Khi Tỷ-kheo tên là,*

Pàràpariya,
Ngôi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. *Cay đắng như vị ngọt,
Khổ do khổ ái buộc,
Như dao bén dính mật,
Kẻ tham đâu có biết.*

738. *Ai tham đắm nữ sắc,
Nữ vị, nữ xúc chạm,
Ai mê say nữ hương,
Gặp nhiều loại đau khổ.*

739. *Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xứ,
Người có tinh tấn lực,
Có thể ngăn chặn chúng.*

740. *Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.*

741. *Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó nghĩ việc ấy,
Không phải việc nên làm,
Vị ấy không phóng dật,*

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh dẻo gỏi,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

691 Kệ - Như ngọn núi bằng đá, Không động, khéo an trú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 163 (Ud 27)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ Tôn giả Sàriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, rồi sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

4. *Như ngọn núi bằng đá,
Không động, khéo an trú,
Cũng vậy vị Tỳ-kheo,
Đoạn diệt được ngu si,
Như ngọn núi bằng đá,
Không có bị dao động.*

692 Kệ - Như núi đá không động, Đứng vững khéo an trú - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.

654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

656. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

693 Kệ - Như nước ủa tràn vào, Chiếc thuyền bị vỡ nát - Kinh về Dục - Tiểu I, 695

Kinh về Dục – Tiểu I, 695

766. Ai ao ước được **dục**,
Nếu dục được thành tựu,
Chắc tâm ý hoan hỷ,
Được điều con người muốn.

767. Nếu người có dục ấy,
Ước muốn được sanh khởi,
Các dục ấy bị diệt,
Bị khổ như tên đâm.

768. Ai tránh né các dục,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm vượt thoát được,
Ai triền này ở đời.

769. Người nào tham đắm dục,
Ruộng đất, vàng, bò, ngựa,
Người nô tỳ, phục vụ,
Nữ nhân và bà con.

770. *Như người không sức lực,
Bị các dục chinh phục,
Tai họa dẫm đạp nó,
Khổ đau bước theo nó,
Như nước ủa tràn vào,
Chiếc thuyền bị vỡ nát.*

771. *Do vậy người thường niệm,
Tì bỏ các loài dục,
Bỏ dục, vượt bực lưu,
Tát thuyền đến bờ kia.*

694 **Kệ - Như sen sanh trong nước, Lớn lên được tăng trưởng - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365**

Udàyin – Tiểu III, 365 (247)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và *Đại Udàyin*.

Khi **kinh Ví dụ con voi** được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của *vua Pasenadi* được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phẫn khởi khi nghĩ đến đức Phật, **nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:**

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiên định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,*

Hoan hỷ trong tâm tịnh.

690. Loài người đánh lễ Ngài,
Bạc đạt được bờ kia,
Đối với hết thầy pháp,
Chư Thiên đánh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.

691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.

692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ,
Đứng trên đỉnh núi cao,
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.

693. Rồi ta sẽ tán thán,
Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tôn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.

694. **Chánh niệm và tỉnh giác,**
Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là **tín,**
Ngà màu trắng là **xả.**

695. **Chánh niệm** là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái **vòi,**
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thở vô lạc,
Nội tâm, khéo định tỉnh,
Nàga **đi, định tỉnh,**
Nàga **đứng, định tỉnh.**

697. Nàga **nằm, định tỉnh,**
Nàga **ngồi, định tỉnh,**
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự,
Đây thành tích Nàga.

698. **Ăn đồ ăn không tội,**
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,

Từ bỏ, không tích trữ.

699. *Kiệt sử tế, hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.*

700. *Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

701. *Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

702. *Như đồng lửa cháy đỏ,
Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

703. *Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

704. **Vô tham** và **vô sân**,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

695 Kệ - Như thoát ngôi nhà cháy, Trong chết không sầu muộn - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

696 Kệ - Như thành trì biên địa, Phòng hộ cả trong ngoài - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.

654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

656. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

697 Kệ - Như tia lửa cháy sáng, Phát từ búa sắt đập - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi

kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú **không** biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh giải thoát**,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ không có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

698 Kệ - Nhận ít, không tham đắm, Luôn luôn giữ chánh niệm - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bà chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.

154. *Biết nguy hiểm như vậy,
Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
**Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.***

699 Kệ - Những ai khéo tinh cần, Thường tu tập niệm thân - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ấng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,

638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

700 Kệ - Những ai ở đời này, Đoạn tận khắp tất cả - Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794

Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda – *Tiểu I, 794*

Nanda:

1077. *Tôn giả Nan-da nói:*

Quần chúng có nói rằng:

Có ẩn sĩ ở đời,

Ngài nghĩ như thế nào?

Chúng gọi là ẩn sĩ,

Vị có đầy đủ trí?

Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. *Các bậc thiện nói rằng:*

Ở đời này Nan-da,

Không phải vì tri kiến,

Vì truyền thống, vì trí,

Được gọi là ẩn sĩ,

Ta chỉ gọi ẩn sĩ,

Những ai diệt quân lực,

Không phiền não, không cầu.

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:

Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe?

Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm?

Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp?

Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?

Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!

Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Vội sở hành như vậy,

*Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.*

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:

Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ân sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bực lưu,
Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa

Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Bị sanh già che lấp.

Những ai ở đời này,

*Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bậc lưu.*

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bậc lưu.

701 Kệ - Nay khi, hãy dừng lại! Chớ có chạy như vậy - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khi, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

702 Kệ - Nay tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyến ta như trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước **tâm** này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

703 Kệ - Nay tâm, hãy đẩy ta, Nhảy vào lời Phật dạy - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

1128. **Này tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.**

1129. **Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.**

1130. **Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,**

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

704 **Kệ - Đây tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186**

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi người,**
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

705 Kệ - Năm uẩn được liễu tri - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III*, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

706 Kệ - Năm uẩn được liễu tri, Đứng lại, gốc bị cắt - Kinh Sonà – Tiểu III, 591

Sonà – Tiểu III, 591 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được **sinh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi**. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được **muời** người con trai, con gái và được biệt danh là "người nhiều con".

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. **Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng**.

Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, **nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm**.

Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và **bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên**

phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là "Tỷ-kheo-ni **tinh tấn đệ nhất**".

Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

*102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.*

*103. Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **uẩn, xứ và giới**,
Nghe pháp nàng thuyết giảng.
Cắt tóc ta xuất gia.*

104. Ta học lời nàng dạy,

*Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.*

*105. Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.*

*106. Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn,
Vấn đề phải tái sanh.*

707 **Kệ - Năm uẩn được rõ biết, Tồn tại sẽ cắt đứt - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98**

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chúng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

708 Kệ - Năm uẩn được rõ biết, Đứng với rễ chặt đứt - Kinh Isidatta – Tiểu III, 125

Isidatta – *Tiểu III*, 125 (120)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong xứ Avanti, tại vườn Velugàma, làm con một người lữ hành trưởng, ngài trở thành bạn của **Citta**, một gia chủ ở Macchikasanda, bằng cách giao thiệp thư từ dầu cho hai người chưa gặp nhau.

Citta viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức giáo hội, ngài cảm thấy xúc động mạnh và xin xuất gia, với sự chỉ đạo của Mahà Kaccàna (Đại Ca-chiên-diên).

Cuối cùng ngài chứng được **sáu thắng trí**, ngài quyết định đi đến yết kiến đức Phật, từ biệt Trưởng lão, và đi đến xứ Trung biên (thung lũng sông Hằng) yết kiến đức Bôn Sư.

Bậc Đạo Sư hỏi ngài về sự tiến bộ trên đường tu hành, ngài trả lời: "**Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sầu khổ đều chấm dứt, và con sống không có sợ hãi**". Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

120. **Năm uân** được rõ biết,
Đứng với rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Lậu hoặc diệt, ta chứng.

709 Kệ - Nếu con không ưa khổ, Dầu bắt cứ chỗ nào - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 207

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 207 (Ud 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều thiếu niên giữa Sàvatthi và Jetavana, đang hành hạ các con cá.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy nhiều thiếu niên giữa Sàvatthi và Jetavana đang hành hạ các con cá, thấy vậy đi đến các thiếu niên ấy, sau khi đến nói với chúng:

*- Nay các Thiếu niên, các Em có sợ đau khổ không?
Các Em không ưa thích khổ phải không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn, chúng con sợ đau khổ. Chúng con không ưa thích khổ.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Nếu con không ưa khổ,
Dầu bắt cứ chỗ nào,*

*Chớ làm các nghiệp ác,
Trước mặt hay sau lưng.*

*Nếu Con làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,
Con không giải thoát khổ,
Dầu nhảy vọt và chạy.*

710 Kệ - Nếu có thể bước theo, Nhưng nhiều dục bực phiền - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 420 (Tik.
V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo **nắm lấy viên áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta**, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có **tham** ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, **thất niệm**, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, **vì ấy xa hẳn Ta và Ta xa vì ấy**. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

*Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều **dục bực phiền**.*

*Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái.*

*Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
**Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.***

*Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.*

711 **Kệ - Nếu có độc ác gì, Kẻ thù hại người thù - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184**

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 184 (Ud 38)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi một kẻ chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn, với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa đặc và bơ tươi và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy, với chúng Tỷ-kheo, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, với cơm sữa đặc và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi đức Phật đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp, ngồi xuống một bên, Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, người chăn bò đang ngồi một bên, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. **Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy** tại biên giới của làng.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa đặc và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

3. *Nếu có độc ác gì,
Kẻ thù hại người thù,
Tâm định hướng tà vạy,
Còn làm ác hơn nữa.*

712 Kệ - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiền - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư**.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

713 Kệ - Quá khứ ta không có, Tương lai, hiện tại không - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm** không khổ,
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

714 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

715 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – Tiểu III, 222 (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.

300. **Rồi ta tự tác ý,**
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

716 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta tự tác ý,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

717 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – *Tiểu III*, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Rājagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Rājadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp.

Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khổn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

316. Mau hơn cơm sôi trào,

*Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

718 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định**,
thiền quán và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

719 Kệ - Rồi ta tự tác ý, Như lý, khởi tư duy - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264

Sappadàsa – Tiểu III, 264 (215)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn tể lễ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm.

Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thành lành, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được hăm lăm năm,
Từ khi ta xuất gia,
Nhưng đến một búng tay,
Ta không đạt tâm tịnh.

406. **Nhứt tâm** không đạt được,
Bị dục tham chi phối,

*Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tịnh xá, ta đi.*

407. Ta sẽ đem **dao** lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.

408. Rồi ta cầm con dao,
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.

409. *Rồi ta **tự tác ý,**
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

410. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

720 Kệ - Sanh của ta đã tận, Chiến thắng dạy, làm xong - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135

Suràdha – Tiểu III, 135 (128)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

*135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên.*

*136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi **kiết sử**, diệt xong.*

721 Kệ - Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

*195. Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

722 Kệ - Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tủy, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **san**h **hữ**u,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự** **ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

723 Kệ - Ta không có sợ chết , Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – *Tiểu III*, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

724 Kệ - Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

*195. Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

725 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360

Anna Kondanna – *Tiểu III*, 360 (246)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là **Kondanna**.

Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến *đoán tướng*. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đũa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia.

Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc *hai mươi chín* tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong *sáu năm* sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đạo xứ).

Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết **kinh Chuyển Pháp Luân** cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn

Phạm Thiên chúng chứng được Sơ quả. Đến **ngày thứ năm**, nhờ bài **kinh "Vô Ngã Tướng"**, Kondanna chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là **bậc Đệ nhất** trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26).

Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về **Bốn sự thật**, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

*673. Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

*674. Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,*

Tướng tịnh rất hấp dẫn,
Liên hệ đến tham dục.

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trần áp xuống,
Các tư duy lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là vô thường,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

677. *Mọi hành là đau khổ,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

678. *Mọi pháp là vô ngã,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy,
và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. *Trưởng lão Kondanna,*

Giác ngộ bởi giác ngộ,
Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bộc lưu, bấy mỗi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bấy mỗi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiền, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. **Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.**

683. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu nã.

683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.

684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.

687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,

*Mục đích ấy, ta đạt,
Ta cần gì ở rừng.*

726 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mãn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.

654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

656. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

727 Kệ - Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong đời sống cuối cùng không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên bảy tuổi, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập *sớ Dhammapàla*.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,

Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.

599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.

600. **Người kẻ khác không hộ,**
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.

601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,

*Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tảng đá ấy ta thích.*

*602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tĩnh giác, giữa chánh niệm.*

728 Kệ - Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

729 Kệ - Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89

Mendasira – Tiểu III, 89 (78)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê).

Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasira khởi lên lòng tin, xuất gia tu **chỉ và quán**, chứng được **sáu thắng trí**, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

*78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.*

Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

730 Kệ - Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vất ném trong nghĩa địa,
Làm mối cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,*

*Khi đã được nhất tâm,
Chọn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

731 Kệ - Ta sẽ chế ngự người, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài** như sau:

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,

Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm, kẻ phù thủy,**
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực.***

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng **tinh tấn,**
Người được ta áp lực,*

*Do vậy, hồi này tâm,
Người sẽ không xa ta.*

732 Kệ - Ta sẽ không nằm xuống, Với đầu bị bẻ nát - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đây đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

733 Kệ - Ta sống không mong chờ, Đời này hay đời sau - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

734 Kệ - Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dẫu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?
Dẫu họ có tuyên bố:*

*"Các dục là vô thường!"
Họ **không** có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.*

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

735 Kệ - Tham sanh ra bất hạnh, Tham làm tâm dao động - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 410 (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

**Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ**

Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được sân,

Không sân việc đáng sân,
Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

736 Kệ - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.**

737 Kệ - Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu thịt - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584

Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 (41)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc **đồng họ Thích-ca. Được tên là Nandà.** Nàng có danh là Nandà hoa khôi.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: "Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia". Như vậy nàng **xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình.**

Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng **vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình** và **không** chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quả trách nàng.

Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX)

với sự sai khác nhau: khi nàng thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh, **bất tịnh**, hôi thúi,
**Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.***

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:
- *Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt, bị già, chết chi phối.* Như đã được nói trong tập Pháp cú:

**85. *Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.***
(Pháp Cú. 150)

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bốn Sư và nói thêm:

**86. *Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.***

738 Kệ - Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108

Devasabha – *Tiểu III*, 108 (100)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là *Devasabha*.

Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliya, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán.

Trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phấn khởi của ngài với bài kệ như sau:

*100. Thành tựu chánh tinh tấn,
Sở hành trên niệm xứ,
Tràn đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.*

739 Kệ - Thân bị hoại, tướng diệt, Mọi thọ được nguội lạnh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 288 (Ud 92)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabha Mallaputta bạch Thế Tôn:

- Nay đã đến thời, con nhập Niết Bàn, bạch Thiện Thệ.

- Nay Dabba, Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn.

Khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, thân của Tôn giả được

cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

**9. Thân bị hoại, tướng diệt,
Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,
Thức đạt được mục đích.**

740 Kệ - Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

741 Kệ - Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thối trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

742 Kệ - Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

**172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.**

743 Kệ - Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

170. *Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sinh.*

744 Kệ - Thấy nguy hại ở đời, Biết pháp không sanh y Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 219 (Ud 57)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàkaccàna trú ở giữa dân chúng Avanti, gần Kuraraghara, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ nam cư sĩ Sona Kotikanna là thị giả của Tôn giả Mahàkaccàna.

Rồi nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: "*Như Tôn giả Mahàkaccàna thuyết pháp, **thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuần tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.** Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đến đánh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Sona Kotikanna thưa Tôn giả Mahàakaccàna.

- Thừa Tôn giả, ở đây trong khi con độc cư thiền tịnh... sống không gia đình. *Thừa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia.*

Nghe nói vậy, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotikanna:

- Này Sona, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một bữa ăn, nằm một mình cho đến trọn đời. Này Sona, tại đây hãy sống trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình. Như vậy lòng ham muốn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kotikanna được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ hai, trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình. Lần thứ hai nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna..."... Hãy cho con xuất gia". Lần thứ hai, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotipanna:

- Này Sona, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt. Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình.

Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna và thưa "... Hãy cho con xuất gia".

Rồi Tôn giả Mahàkaccàna cho nam cư sĩ Sona Kotikanna xuất gia. Lúc bấy giờ, tại Avantisudakhhinàpatha, có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả

Mahàkaccàna, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc tu tập được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Sona.

Tôn giả Sona sau khi an cư mùa mưa cô độc thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "*Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nếu vị Giáo thọ sư của ta cho phép ta sẽ đi đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*".

Rồi Tôn giả Sona vào buổi chiều từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahàkaccàna rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Sona thưa với Tôn giả Mahàkaccàna:

- Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác".

*- Lành thay, lành thay Sona! Hãy đi này Sona, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác. Đây Sona, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khởi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được **an chỉ chế ngự tối thượng**, bậc long tượng được điều phục, hộ trì, các căn nhiếp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não nhẹ nhàng, khoẻ mạnh, an ổn không!*

- Thừa vâng, Tôn giả.

Tôn giả Sona hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahākaccāna, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Mahākaccāna, thân bên hữu hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng đến Sāvattthi, tiếp tục bộ hành đi đến Sāvattthi, Jetavana, khu vườn ông Anāthapindika, đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn:

- *Bạch giáo thọ sư của con, bạch Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, hỏi thăm... có an ổn không?*

- *Này Tỷ-kheo, Thầy có kham nhẫn được không? Thầy có sống dễ dàng không? Đi đường đến đây có mệt mỏi không? Khất thực có mệt mỏi không?*

- Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con có thể sống dễ dàng. Bạch Thế Tôn, con đi đường không có mệt nhọc! Khất thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này.

Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thế Tôn bảo ta: "Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này". Như vậy Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với

Tỷ-kheo ấy. Như vậy Thế Tôn muốn ở chung với Tôn giả Sona ấy". Nên chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy Tôn giả Ananda sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả Sona.

Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tịnh xá. Tôn giả Sona, sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào Tịnh xá. Rồi Thế Tôn, khi đêm đã gần sáng, thức dậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Sona:

- Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phần của phẩm tám một cách đầy đủ. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Sona chấm dứt tụng đọc của mình, Thế Tôn cảm ơn và nói:

- Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phần trong phẩm thứ tám. Người được đầy đủ thiện ngôn, minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Nay Tỷ-kheo, Thầy có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa?

- Bạch Thế Tôn, con có **một tuổi** an cư mùa mưa.

- Nay Tỷ-kheo, vì sao Thầy lại để chậm như thế?

- Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, sự bó buộc của đời sống gia đình, nhiều phận sự, nhiều công việc phải làm.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*6. Thấy nguy hại ở đời,
Biết pháp không sanh y,
Bậc Thánh không ưa ác,
Bậc tịnh không ưa ác!*

745 Kệ - Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

746 Kệ - Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyện ái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyện ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

747 Kệ - Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? Những pháp mà ông chưa bao giờ **thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?"*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. **Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

748 Kệ - Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thầy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

749 Kệ - Thầy hãy làm tự ngã, Được thấm nhuần hưởng thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

Hārīta – *Tiểu III, 38* (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài,** ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thấm nhuần hướng thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

750 Kệ - Trong ai không man trá, Không mạn, tham đoạn tận - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 165 (Ud 28)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha, thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ **bần tiện**.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn đi đến Tôn giả Pilindavaccha, sau khi đến nói với Pilindavaccha:

- Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này Vaccha. Thầy thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này, các Tỷ-kheo, chớ có bực phiền với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn. Danh từ bản tiện đã lâu nay được chứa chấp trong vì ấy. Do vậy, Vaccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bản tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. *Trong ai không man trá,
Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,
Phần nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh*

*Vị ấy là Phạm chí,
Là Sa môn Tỷ-kheo.*

751 Kệ - Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. *Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

126. *Này khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,*

*Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

752 **Kệ - Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39**

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

753 Kệ - Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi lăng đốt cắn - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lăng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lăng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

754 Kệ - Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,

Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

755 Kệ - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Cháp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

756 Kệ - Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 253 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakumthakabbaddiya. Do Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakumthakabbaddiya được giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabbaddiya, do Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Trên dưới khắp tất cả,
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán*

*"Cái này chính là tôi".
Giải thoát vậy vượt dòng,
Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt
Vào sanh hữu thọ sanh.*

757 Kệ - Trí tuệ lực, giới hạnh - Kinh Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22

Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22 (12)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của Sammiddhi, một Bà-la-môn ở làng Nàlaka, Magadha.

Ngài xuất gia vì Sàriputta đã xuất gia, và ngài biết Sàriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

**12. Trí tuệ lực, giới hạnh,
Định, thiền lạc, chánh niệm,
Chỉ ăn những món ăn,
Đem lại quả tốt đẹp,
Ở đây, tham viễn ly,
Chờ đợi giờ mạng chung.**

758 Kệ - Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137

Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,
Họ khéo giết tự ngã,
Như chim môi, môi chim.*

140. *Không phải Bà-la-môn,
Vớ dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Vớ ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.*

759 Kệ - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và **triển khai thiền quán** trên căn bản thiền tư về **giới luật**.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

760 Kệ - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. *Upàli* cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả *Upàli* tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đứa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

761 Kệ - Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

762 Kệ - Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu - Kinh Girimàna - Tiểu III, 234

Girimàna - Tiểu III, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ướm. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

763 Kệ - Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

764 Kệ - Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, **đang nhập định**. Có **hai Dạ-xoa** là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với

vị Sa-môn! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khữ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Đây Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở

đây, thừa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

765 Kệ - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hỡi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

766 Kệ - Tâm còn bị đắm say, Con cái và súc vật - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thân bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Nhưng ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm**,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

767 Kệ - Tâm ta đi cùng khắp, Tất cả mọi phương trời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 200 (Ud 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Này Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thừa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thừa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pesenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

768 Kệ - Tâm tăng thượng ẩn sĩ, Không phóng dật, tu tập - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 192 (Ud 43)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ **Tôn giả Sàriputta** ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, **ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.**

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

769 Kệ - Tâm định hướng tà vạy, Còn làm ác hơn nữa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 184 (Ud 38)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi một kẻ chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn, với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa đặc và bơ tươi và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy, với chúng Tỷ-kheo, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, với cơm sữa đặc và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi đức Phật đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp, ngồi xuống một bên, Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, người chăn bò đang ngồi một bên, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. **Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy** tại biên giới của làng.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa đặc và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

3. *Nếu có độc ác gì,
Kẻ thù hại người thù,
Tâm định hướng tà vạy,
Còn làm ác hơn nữa.*

770 Kệ - Tưởng ta bay tràn khắp, Tưởng dung hòa viễn ly - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,

Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.

599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.

600. **Người kẻ khác không hộ,**
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.

601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,

*Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tặng đá ấy ta thích.*

*602. Ta sống trong rùng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

771 Kệ - Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tình trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

772 Kệ - Tất cả hữu tình nào, Sẽ có mặt ở đời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu-suất".

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

2. *Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,
Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân.*

*Hiểu tất cả là vậy,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

773 Kệ - Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

774 Kệ - Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ một cục lửa - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 419 (Tik. V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là **nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực**. Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; **nhưng vì nghĩ rằng**: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, **tham** ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại.

Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lấm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, **Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.**

Tài sản ở gia đình,
Được đoạn tận từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,
Mục đích Sa-môn hạnh,
Tự đưa đến tổn hại,
Và đưa đến tán loạn,
Giống que lửa thiêu xác,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Chảy đỏ, một cục lửa,
Nếu kẻ hành ác giới,
Ăn đồ ăn quốc độ,
Không biết có chế ngự.

775 Kệ - Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

*Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.*

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

776 **Kệ - Từ bỏ sáu xúc xú, Căn môn khéo chế ngự - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121**

Pàràpariya – Tiểu III, 121 (116)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pàràpara, ngài được gọi là Pàràpariya và dạy các **bà chú**.

Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bốn Sư ở Pàràjagaha, xin xuất gia và **chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán**.

Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phấn khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

**116. Từ bỏ sáu xúc xú,
Căn môn khéo chế ngự,
Gốc tà ác, nhỏ sạch,
Ta đạt lậu hoặc tận.**

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

777 Kệ - Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59

Sanjaya – Tiểu III, 59 (48)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có.

Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasàti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả.

Về sau, ngài xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

*48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi Thánh,
Liên hệ đến sân hận.*

778 Kệ - Từ đâu phần nộ khởi, Với người không phần nộ - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *ngũ*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiecie mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.**

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

779 Kệ - Tỷ kheo nhiều hân hoan, Trong pháp Phật tuyên bố - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22

Cùla Gavaccha – *Tiểu* III, 22 (11)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia.

Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, **phát triển trí tuệ** và chứng quả A-la-hán.

Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được **đạo tịch tịnh**,
Hành dừng lại an lạc.*

780 Kệ - Tỷ-kheo tâm an tịnh, Chặt đứt dây sanh tử - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 199 (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Sàriputta** ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, **lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

11. *Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.*

781 Kệ - Việc làm lằng xằng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,*

*Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lãng xãng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

782 Kệ - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – Tiểu III, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Ngươi đã bị thấy rồi,
Từ nay, ngươi không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,*

*Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thối nát.*

783 Kệ - Vượt khỏi các bùn nhơ, Từ vực thăm trở về - Kinh Devasabha – Tiểu III, 97

Devasabha – Tiểu III, 97 (89)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi **vua** khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ, và nói lên bài kệ này:

89. *Vượt khỏi các bùn nhơ,
Từ vực thăm trở về,
Thoát bọc lưu trói buộc,
Mọi kiêu mạn tiêu trừ.*

784 Kệ - Vị trọc đầu, đắp y, Được nhiều kẻ thù oán - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

785 Kệ - Vị đã thấy, thấy được, Người thấy, người không thấy - Kinh Vappa – Tiểu III, 72

Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng *Thái tử Siddhatta* sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

*61. Vị đã thấy, thấy được,
Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,
Người không thấy, người thấy.*

786 Kệ - Với ai bị chửi mắng, Lên tiếng chửi mắng lại - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277 (221)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiecie mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

787 Kệ - Với ai các hý luận, Không còn có an trú - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 259 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tướng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Với ai các **hý luận**,
Không còn có an trú,
Thoát ly được liên hệ,
Thoát ly được **ảo tướng**,
Chư Thiên và thế giới,
Không thể nào rõ biết,
Sở hành vị ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi **tham ái**.*

788 Kệ - Với ai khéo tu tập, Niệm thờ vào thờ ra - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "**Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời**".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia

cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. **Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tôi thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt!** Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, **với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới** và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina

vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vì diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. *Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.*

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mất,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.

556. *Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

789 Kệ - Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ ăn - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.*

790 Kệ - Với ai những công việc, Cần phải làm từ trước - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một **con cá** nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống **không** bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là **Bàkula** (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, **xuất gia khi tám mươi tuổi**. Trong **bảy** ngày, ngài chưa được giác ngộ, nhưng ngày thứ **tám**, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức khỏe đệ nhất**. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

791 Kệ - Với ai, những công việc, Cần phải làm từ trước - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,*

*Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

792 Kệ - Với ai, trong nội tâm, Không có lòng phần nộ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 148

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 148 (Ud 18)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Anupiya tại rừng xoài. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha**, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, và thường hay nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Một số đông Tỷ-kheo nghe Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: " Ôi, an lạc thay! Ôi an lạc thay!". Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Không gì nghi ngờ chư Hiền, Tôn giả Bhaddiya con của Kàlighodha sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước khi còn ở gia đình được hưởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!" Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bhaddiya con của Kàligodha khi đi đến rừng... nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"... không có nghi ngờ gì nữa.. sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... " Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta nói với Bhaddiya, con của Kàligodha: "Thưa hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả! "

- Thưa vâng bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha:

- Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha, vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhaddiya, con của Kàligodha, đang ngồi một bên:

- Có thật chẳng, này Bhaddiya, Thầy đi đến khu rừng "... Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay!"

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Do thấy mục đích gì đi đến khu rừng "... an lạc?"

- Bạch Thế Tôn, thuở trước khi còn ở trong gia đình, được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành nội có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ. Trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rợn ràng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng "... an lạc thay!"

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng** này:

10. *Với ai, trong nội tâm,
Không có lòng phần nộ,
Vượt qua hữu, phi hữu,
Vị ấy thoát sợ hãi,
An lạc, không sầu muộn,
Chư Thiên không thấy được.*

793 Kệ - Với ai, tâm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 247 (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, **nhập định không tâm**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tâm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nổi lên ***lời cảm hứng***:

*7. Với ai, tâm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.*

794 **Kệ - Với tai nghe tất cả, Với mắt thấy tất cả - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295**

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

795 Kệ - Xuất gia mùa mưa qua, Thấy pháp tánh các pháp - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba mình chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

796 Kệ - Đây là voi với voi, Với voi có ngà lớn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 189

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 189 (Ud 41)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ Thế Tôn sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo quấy rầy, bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "*Nay Ta sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni... quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời đại chúng*".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, cầm y bát, không nói cho thi giả biết, không báo cho chúng Tỷ-kheo biết, một mình không có người thứ hai ra đi, bộ hành hướng đến Pàlileyyaka, tiếp tục bộ hành và đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn sống ở Pàlileyyaka, khóm rừng Rakkhita, dưới gốc cây Sàla Bhadda.

Rồi một con voi, bị các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú quấy rầy, ăn cỏ với đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gãy, uống nước bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước nó bị các con voi cái cọ xát thân hình, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: *"Ta bị các con voi, các con voi cái... Ta vì bị phiền quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi"*.

Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến Pàlileyaka, tại khóm rừng Rakkita, ở gốc cây sàla Bhadda. Tại đây, con voi ấy tại chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng.

Rồi Thế Tôn trong khi sống độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: *"Ta trước đây bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... quấy rầy không có thoải mái an ổn. Nay Ta sống không có bị các Tỷ-kheo... không có bị các ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo quấy rầy, vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc thoải mái"*.

Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: *"Trước đây ta sống bị các con voi.. quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Nay ta sống không bị các con voi... quấy rầy. Ta ăn cỏ với đầu ngọn không bị cắt đứt, ăn các cành cây không bị gãy, uống nước không bị vẩn đục, khi hụp lặn*

xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải mái an ổn".

Rồi Thê Tôn, sau khi biết hạnh viên ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ấy, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*5. Đây là voi với voi,
Voi voi có ngà lớn,
Voi voi điều phục tâm,
Một mình vui thích rừng.*

797 Kệ - Đêm ngày chạy, trôi qua, Mạng sống bị tổn giảm - Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141

Herannakàni – *Tiểu III*, 141 (133)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua *Kosala* và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy.

Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tìm cách khuyên em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. *Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm,
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.*

146. *Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,*

Khi ác nghiệp chín muồi.

Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua
nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

798 Kệ - Đạt tịch tịnh, chỉ tức, Đọc chú, không công cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rājagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,***

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uổng phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

799 Kệ - Đánh lễ bậc Thượng sanh, Đánh lễ bậc Thượng nhân - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

800 Kệ - Đất, nước mưa ướt thấm, Gió thổi mát không gian - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – Tiểu III, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

801 Kệ - Đầy nhiều loại uế vật, Chỗ chứa toàn phần uế - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bọc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,*

*Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

802 Kệ - Đòi bị chết áp đảo, Bị giải tỏa, bao vây - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkhà đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,
Đâu có phát lộ tội,*

Như vậy, mưa không nặng.

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

803 Kệ - Đời bị si trời buộc, Được thấy bị tái sinh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 263 (Ud 79)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, vua Udena đang đi ngoài vườn, thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàravati.

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàravati. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có nhất bậc Nhất lai, có bậc Bất Lai. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả**

các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời bị si trói buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trói bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mê,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.*

804 Kệ - Đối với ta, sợ hãi_ Không làm ta sợ hãi - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31

Nigrodha – Tiểu III, 31 (21)

Trong lời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi.

Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia.

Khi **phát triển thiền quán**, ngài có thể đạt được **sáu thắng trí**. Suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

*21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu **đạo bất tử**,
Bậc Đạo Sư chúng ta,
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sự sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo,
Dẫn bước trên đường ấy.*

805 Kệ - Ở đây chỉ cảm thọ, Thọ lãnh từ nghiệp ấy - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

806 Kịch sĩ - Chết sanh về đâu_ - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

807 **Kỹ nữ - Do nghiệp lực, sau làm kỹ nữ** **- Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655**

Ambapàli – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.**

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. **Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do *ng nghiệp lực* của nàng, nàng trở thành một *kỹ nữ*.**

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna thuyết pháp**, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,*
Tóc dài *ta khéo uốn,*
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,

Của *bạc* nói *sự thật*.

253. *Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

255. *Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự thật*.*

256. *Trước **lông mày** của ta,
Chói sáng khéo tô vẽ,*

*Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

257. **Mắt** ta xanh và dài,
*Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
*Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

259. Trước **tai** ta sáng chói,
*Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

260. Trước **răng** ta sáng chói,

*Như búp nụ chuỗi hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bẻ gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
*Như chim cu hót rìng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bẻ bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
*Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

263. Trước **cánh tay** của ta,
*Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cần,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,
Sáng chói như vôi vôi,

Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vội lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vội trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

808 **Kỹ nữ - Khẩu nghiệp đời trước, nay làm kỹ nữ - Kinh Addhakasi – Tiểu III, 557**

Addhakasi – Tiểu III, 557 (22)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Kàsi con của một công dân giàu có và có danh tiếng. Nhưng vì ảnh hưởng của **khẩu nghiệp** của đời trước nàng **trở thành một kỹ nữ**.

Về sau nàng xuất gia và được làm lễ xuất gia với một vị đại diện đặc biệt được ghi trong tập Cùla vagga (Tiểu phẩm).

Nàng muốn đi đến Sàvatthi để được xuất gia nhưng bị dân làng ăn chơi ở Benerès chặn đường không cho nàng đi. Nàng cho người đến hỏi ý kiến Thế Tôn và Thế Tôn cho phép nàng được xuất gia với một vị đại diện đặc biệt. Rồi nàng **nhứt tâm quán tưởng** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi nàng nói lên bài kệ như sau:

*25. Tiền lạc thú của ta,
Không thua thuế Kàsi,*

*Sau khi so sánh giá,
Thôn trưởng định giá vậy.*

*26. Nay ta lại nhàm chán,
Chính sắc đẹp của ta,
Ta chán ngấy sắc ấy,
Ta không còn luyến tiếc.
Ta chớ có liên tục,
Chạy theo vòng luân hồi,
Ba Minh ta chứng được,
Thành tựu lời Phật dạy.*

809 **Kỹ nữ - Kinh Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ – Tiểu III, 580**

Vimala Xưa Làm Một Kỹ Nữ – *Tiểu III*, 580 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Nàng được đặt tên là Vimalà.

Khi nàng lớn lên, và suy tư với những tư tưởng uế nhiễm, nàng thấy Tôn giả *Mahà Moggallàna* đang đi khát thực ở Vesàli, nàng cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cám dỗ. Có người nói nàng được các ngoại đạo xúi dục nên làm như vậy. Tôn giả chỉ trích hành động không tốt đẹp của nàng và thuyết pháp cho nàng, như đã được ghi trong Trưởng lão Tăng Kệ. (Therà. 1150-57), nàng cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ.

Về sau cùng nàng xuất gia, tinh tấn tu tập, và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến quả chứng của mình, nàng phân khởi nói lên bài kệ:

72. Say mê với giai cấp,
Với dung sắc tuổi xuân,
Với danh xưng, danh vọng,
Ta y lại tuổi trẻ,

Đối với những người khác,
Ta khinh bỉ khinh thường.

73. *Thân này ta trang điểm,*
Ta kêu gọi kẻ ngu,
Ta đứng trong khung cửa,
Tại cửa hàng buôn sắc,
Như thợ săn, ác độc,
Đang gieo đặt bẫy mồi.

74. *Ta khoa trương trang sức,*
Phô bày nhiều chỗ kín,
Để châm biếm nhiều người,
Ta làm nhiều ảo thuật,
Hôm nay ta khát thực,
Đầu trọc, đặc đại y,
Ta ngồi dưới gốc cây,
Ta chứng định không tầm.

75. *Mọi khổ ách đoạn tận,*
Cả cõi trời, cõi người,
Quảng bỏ mọi lậu hoặc,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

810 **Kỹ nữ - Đem hết tài sản cho một kỹ nữ** - **Kinh Gotama – Tiểu III, 136**

Gotama – Tiểu III, 136 (129)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Gotama. **Khi còn trẻ, ngài giao du với kẻ không tốt, bao nhiêu tài sản ngài cho một kỹ nữ.**

Hối hận nếp sống bất chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo Sư đang ngồi, với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo Sư biết được tiến bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu, nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi con dao đựng đến tóc ngài, khi ngài đang thọ hưởng lạc thiên định và quả giải thoát.

Một cư sĩ hỏi ngài về tài sản của ngài, ngài thú nhận ngài sống không được nghiêm túc, sống phi Phạm hạnh, và với sự trong sạch hiện tại không có dục vọng, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*137. Bậc ẩn sĩ nằm ngủ,
Sống an lạc hạnh phúc,
Họ không bị **nữ nhân**,*

*Trói buộc và chi phối.
Nữ nhân, phải luôn luôn,
Phòng hộ và chế ngự.
Sự thật về nữ nhân,
Thật khó được chấp nhận.*

*138. **Hỡi này các đức vọng,
Ta quyết giết các người,**
Nay chúng ta đối người,
Không còn gì nợ nần,
Chúng ta nay đi đến,
Cảnh giới gọi Niết bàn,
Đi đến tại chỗ ấy,
Không còn có sầu muộn.*

811 Kỹ nữ dụ dỗ - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc

lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay chắp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm động ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua, ngài cương quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định, thiền quán** và chúng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thề.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
N*hư* **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
N*hư* lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.